BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

PHẠM PHƯƠNG THẢO

ĐỀ TÀI
TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – NĂM 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TƯ PHÁP**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

PHẠM PHƯƠNG THẢO

ĐỀ TÀI
TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành : **Luật hình sự và tố tụng hình sự**

Mã số : **9.38.01.04**

Người hướng dẫn khoa học: **1. GS.TS Võ Khánh Vinh**

2. TS. Trần Thị Liên

Hà Nội – NĂM 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong luận án là trung thực và do tôi trực tiếp tổng hợp dựa trên số liệu chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Những kết luận khoa học chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Tác giả

Phạm Phương Thảo

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án này là một chặng đường nỗ lực không ngừng và tôi đã may mắn nhận được sự đồng hành, hỗ trợ từ nhiều cá nhân và tập thể.

Trước hết, với sự kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin chân thành cảm ơn GS.TS Võ Khánh Vinh và TS. Trần Thị Liên, hai thầy/cô hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu. Tôi xin cảm ơn quý Thầy, Cô Khoa Pháp luật hình sự, trường Đại học Luật Hà Nội đã nhiệt tình giảng dạy, cung cấp nhiều kiến thức chuyên ngành trong suốt thời gian tôi học và thực hiện nghiên cứu tại nhà trường. Tôi xin cảm ơn đến Phòng Đào tạo sau đại học, trường Đại học Luật Hà Nội đã tổ chức, quản lý lớp NCS28204 rất chu đáo, luôn tạo điều kiện tốt nhất để tôi có thể học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án; Thư viện trường Đại học Luật Hà Nội và Thư viện Quân đội đã cung cấp tài liệu, hỗ trợ tận tình trong quá trình tôi thực hiện nghiên cứu.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến gia đình, đồng nghiệp, bạn bè, những người đã động viên, hỗ trợ tôi suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song luận án không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý Thầy/Cô và các nhà khoa học.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
CYGTT	Cố ý gây thương tích
GTHCSKCNK	Gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác
HĐXX	Hội đồng xét xử
NCTN	Người chưa thành niên
NCS	Nghiên cứu sinh
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTCT	Tổn thương cơ thể

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu 2.1. Tỷ lệ xét xử sơ thẩm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so với tổng số phải xét xử 128
Biểu 2.2. Kết quả xét xử phúc thẩm các bị cáo về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác..... 128
Biểu 2.3. Tình hình áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác..... 129
Biểu 2.4. Tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bổ sung ở cấp sơ thẩm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác 130
Biểu 2.5. Tỷ lệ các bản án, quyết định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác bị huỷ, sửa do nguyên nhân chủ quan so với tỷ lệ tổng và chỉ tiêu Quốc hội giao 130
Biểu 2.6. Tình hình áp dụng hình phạt đối với các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác..... 141

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **1**
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu 5
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6
4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu 6
5. Phương pháp luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu 8
6. Những điểm mới của luận án 11
7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án 12
8. Kết cấu của luận án 13
PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU **14**
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án 14
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước 16
1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước 29
2. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 36
2.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu 36
2.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu 38
2.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án 40
KẾT LUẬN PHẦN TỔNG QUAN **42**
PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU **44**
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC **44**
1.1. Khái niệm, đặc điểm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 44
1.1.1. Khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 44
1.1.2. Các đặc điểm của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 54

1.2. Cơ sở quy định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong pháp luật hình sự 63
1.2.1. Cơ sở lý luận 64
1.2.2. Cơ sở pháp lý 71
1.2.3. Cơ sở thực tiễn 73
1.3. Pháp luật hình sự một số quốc gia về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và một số gợi mở cho Việt Nam 75
1.3.1. Pháp luật hình sự Trung Quốc về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 76
1.3.2. Pháp luật hình sự Liên Bang Nga về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 78
1.3.3. Pháp luật hình sự Thụy Điển về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 82
1.3.4. Pháp luật hình sự Liên Bang Đức về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 85
1.3.5. Pháp luật hình sự Hoa Kỳ về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 87
1.3.6. Một số gợi mở cho nhà lập pháp Việt Nam 90
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 ..... **93**
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG **95**
2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 95
2.1.1. Quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trước khi có Bộ luật Hình sự năm 2015 95
2.1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 98
2.1.3. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác 116

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 125
2.2.1. Những kết quả đạt được 125
2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc 129
2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc 143
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 ..... **148**
CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC **150**
3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 150
3.1.1. Yêu cầu bảo đảm quyền con người 150
3.1.2. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa 152
3.1.3. Yêu cầu phòng, chống tội phạm 155
3.1.4. Yêu cầu hội nhập quốc tế 156
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác 157
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật 157
3.2.2. Các giải pháp khác 170
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 ..... **177**
PHẦN KẾT LUẬN **179**
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... **- 1 -**
PHỤ LỤC ..... **- 13 -**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử phát triển xã hội loài người, các hành vi bạo lực, có tính hung hăng, gây hấn đã xuất hiện khi mâu thuẫn xảy ra, là cách thức để cá nhân, cộng đồng bảo vệ các quyền lợi bị xâm phạm. Tuy nhiên phương thức này lại gây ra bất ổn, leo thang bạo lực trong xã hội. Khi xã hội phát triển hơn, với sự hình thành của nhà nước, các cơ quan tiến hành tố tụng và hệ thống pháp luật, người dân đã trao cho nhà nước vai trò quan trọng trong việc xác định các hành vi bạo lực nói chung và hành vi cố ý gây thương tích (CYGTT) hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (GTHCSKCNK) là tội phạm, xây dựng các chế tài hình sự để trừng trị và giáo dục người phạm tội, giải quyết các mâu thuẫn, lập lại trật tự xã hội. Với xu hướng đề cao quyền con người, đề cao tính giáo dục hơn tính trừng trị trong luật hình sự đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nghiên cứu pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, các hành vi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK diễn biến phức tạp, xảy ra phổ biến trong phạm vi cả nước và gia tăng cả về tính chất nguy hiểm của hành vi lẫn hậu quả cho xã hội. Số vụ án cũng như số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong những năm gần đây có xu hướng tăng, cụ thể số vụ án xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK năm 2025 so với năm 2018 tăng 16,6%, số bị cáo bị xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK năm 2025 so với năm 2018 tăng 48,2%. Trong số các trường hợp bị đưa ra xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì tội phạm ít nghiêm trọng chiếm đến 77,1%, tội phạm nghiêm trọng chiếm 20,1%, tội phạm rất nghiêm trọng chiếm 2,74%, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chiếm 0,03%[1]. Các vụ án thường xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong đời sống, tranh chấp dân sự, bạo lực gia đình, bạo lực học đường hoặc do tác động của rượu bia, mạng xã hội nhưng dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng. Đặc biệt, nhiều trường hợp, người phạm tội sử dụng những công cụ, thủ đoạn nguy hiểm như dao, kiếm, mã tấu... là những vũ khí có tính sát thương cao, vật liệu nổ hay các loại axit, các loại hoá chất nguy hiểm khác. Nhiều trường hợp chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt như bức xúc do lời nói, thái độ của nạn nhân không tôn trọng mình

[1] Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025

mà người phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khoẻ của nạn nhân, thể hiện tính chất côn đồ. Tình trạng phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo nhóm gia tăng cũng gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và làm gia tăng tâm lý bất an trong cộng đồng. Cho thấy tính đa dạng và phức tạp của các hành vi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đòi hỏi phải có sự phân hoá trách nhiệm hình sự (TNHS) hợp lý để có những chế tài hình sự phù hợp, tránh bỏ lọt tội phạm, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ngay từ khi nhà nước Việt Nam non trẻ mới ra đời, Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh 03/SL ngày 10/10/1945; Thông tư 442-TTg ngày 19/01/1955 về việc trừng trị một số tội phạm, trong đó có quy định về xử lý những hành vi "đánh bị thương". Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân cũng được bảo đảm, phát triển qua các bản Hiến pháp từ năm 1946 đến năm 2013 và quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các Bộ luật Hình sự (BLHS). Qua thời gian, để đáp ứng với sự thay đổi, phát triển của các quan hệ xã hội, các quy định của BLHS về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có nhiều thay đổi tương ứng. BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992, 1997) lần đầu tiên quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, nhà làm luật đã đặt tên tội danh, phân loại tội phạm và có sự phân hoá TNHS, tuy còn đơn giản và mang tính khái quát cao nhưng đã bước đầu đáp ứng được yêu cầu xử lý hình sự các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK phạm tội và phòng, chống tội phạm giai đoạn này. BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã tách trường hợp phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do bị kích động mạnh vì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân và trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thành 02 điều luật độc lập; cụ thể hoá các tình tiết mang tính định tính, pháp điển hoá một số hướng dẫn thành luật. BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) đã có sự chuẩn xác hơn trong sử dụng thuật ngữ pháp lý, xây dựng các tình tiết định tội và định khung hình phạt khoa học hơn, bổ sung quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội. Như vậy sau hơn tám thập kỷ xây dựng và hoàn thiện quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, chúng ta đã tạo dựng được những cơ sở pháp lý quan trọng để xác định tội phạm, phân hoá TNHS, đáp ứng được công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong từng giai đoạn. Quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã ngày một đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ bảo vệ "*quyền con người, quyền công dân... tổ chức, bảo vệ trật tự pháp*

luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm"[2].

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã ghi nhận nhiều thành tựu xong cũng phát sinh những khó khăn, vướng mắc cho thấy quy định pháp luật vẫn cần được nghiên cứu hoàn thiện. Cụ thể, một số nội dung quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK chưa rõ ràng, chưa bao trùm được hết các tình huống trong thực tế cũng như mức hình phạt chưa đảm bảo tương ứng với mức nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trong cùng một tội và đối với các tội phạm khác. Một số nội dung mang tính khái quát cao chưa được hướng dẫn cụ thể, quy định có điểm còn chưa hợp lý dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều bản án bị cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm huỷ, sửa do nguyên nhân chủ quan, trong giai đoạn từ năm 2018 – 2025 tỷ lệ huỷ, sửa án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do lỗi chủ quan của Toà án là 2,03%, cao hơn chỉ tiêu huỷ sửa án do lỗi chủ quan mà Quốc hội giao cho toàn ngành Toà án (1,5%)[3]. Nhiều vụ án có tính chất, mức độ hành vi và hậu quả tương tự nhau nhưng ở các địa phương khác nhau lại có sự khác biệt trong định tội danh, đánh giá các tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, làm nảy sinh tâm lý thiếu tin tưởng vào tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật. Sự thiếu thống nhất trong áp dụng pháp luật không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm mà còn tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội cũng như bị hại. Bên cạnh đó, các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thường phải yêu cầu hoạt động giám định tư pháp về tỷ lệ tổn thương cơ thể (TTCT), nhưng chất lượng các kết luận giám định còn chưa thống nhất, có sự khác nhau giữa các lần giám định hoặc giữa các cơ quan giám định. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định chính xác hậu quả của hành vi phạm tội, một trong những căn cứ quan trọng để định tội và quyết định hình phạt. Việc trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại nhiều lần làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, trong khi qua thời gian hậu quả TTCT không còn như lúc hành vi phạm tội vừa xảy ra, ảnh hưởng đến chất lượng giám định tư pháp và hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự. Trong khi đó tình hình tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn diễn ra

[2] Điều 1 BLHS năm 2015.
[3] Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025.

phức tạp và có chiều hướng gia tăng.

Do đó, việc có một công trình nghiên cứu riêng về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo pháp luật hình sự Việt Nam ở cấp độ một luận án tiến sĩ là cần thiết vì các lý do: (i) Dưới góc độ lý luận, mặc dù Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng đa số các công trình chưa nghiên cứu sâu về nội hàm khái niệm, đặc điểm và cơ sở quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. (ii) Chưa có công trình nào nghiên cứu pháp luật hình sự các quốc gia về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đưa ra những gợi mở hoàn thiện quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phù hợp với quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. (iii) Các công trình nghiên cứu quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn chưa có sự hệ thống dưới góc độ kế thừa và phát triển cũng như những luận giải phù hợp. (iv) Việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng còn tản mát, chỉ thông qua một số vụ việc có vướng mắc, khoảng thời gian nghiên cứu ngắn không phản ánh đầy đủ những kết quả đạt được và những hạn chế vướng mắc trong áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. (v) Các đề xuất, kiến nghị mới chỉ nhằm giải quyết một số vướng mắc, bất cập nhất định trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK mà chưa trên cơ sở đánh giá toàn diện bức tranh lý luận và thực tiễn về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng như đáp ứng được các yêu cầu như yêu cầu bảo đảm quyền con người, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, yêu cầu phòng chống tội phạm và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Từ những lý do trên, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần phải được xem xét đánh giá toàn diện trên các mặt lý luận, quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng. Đồng thời có sự tham khảo, so sánh, chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tội phạm cũng như định hướng ứng xử cho bản thân người phạm tội và xã hội. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên cho thấy việc nghiên cứu đề tài "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam*" mang tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của luận án này sẽ góp phần tích cực vào quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc

GTHCSKCNK nói riêng cũng như vào hiệu quả của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là trên cơ sở nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm quốc tế, quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án phải giải quyết được những nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài để xác định những vấn đề tiếp thu, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, nghiên cứu những vấn đề lý luận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như khái niệm, đặc điểm; phân tích cơ sở việc quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn.

Thứ ba, nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở một số nước (gồm: Trung Quốc, Liên Bang Nga, Thuỵ Điển, Liên Bang Đức và Hoa Kỳ) tiêu biểu đại diện cho hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật Common law và Civil law để phân tích, đối chiếu và rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ tư, phân tích, làm rõ quy định của pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trên cả nước. Từ đó chỉ ra những điểm đã đạt được cũng như xác định những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc này.

Thứ năm, nhận diện các yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là yêu cầu bảo vệ quyền con người, yêu cầu xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, yêu cầu phòng chống tội phạm, yêu cầu hội nhập quốc tế; trên cơ sở các yêu cầu này đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và một số nước về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK; kết quả áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trên cả nước từ năm 2018 đến năm 2025.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu toàn diện những vấn đề trong phạm vi lý luận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK; quy định của pháp luật hình sự Việt nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK gồm nội dung định tội danh và quyết định hình phạt, cụ thể là Điều 134 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 và các văn bản hướng dẫn áp dụng như các Nghị định, Thông tư, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân (TAND) tối cao. Luận án cũng nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở một số quốc gia trên thế giới. Tuy không phải là so sánh luật nhưng kết quả nghiên cứu pháp luật một số quốc gia sẽ rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

Về không gian: Ở trong nước, luận án phân tích quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, kết quả áp dụng các quy định pháp luật trong quá trình giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trên cả nước. Ở ngoài nước, luận án tập trung nghiên cứu quy định của một quốc gia đại diện cho hệ thống xã hội chủ nghĩa là Trung Quốc; một quốc gia đại diện cho hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tan rã, có lãnh thổ trải dài ở hai châu là Liên Bang Nga; hai quốc gia ở Châu Âu lục địa là Thuỵ Điển và Liên Bang Đức; một quốc gia đại diện cho hệ thống luật Anh Mỹ là Hoa Kỳ.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ năm 1945 đến nay nhưng tập trung chủ yếu vào giai đoạn từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành. Đối với kết quả áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, luận án nghiên cứu trong giai đoạn tám (8) năm, từ năm 2018 đến năm 2025.

4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

1. Cần có những yếu tố nào để đảm bảo nhận thức rõ tội CYGTT hoặc

GTHCSKCNK về mặt lý luận? Pháp luật các quốc gia trên thế giới quy định như thế nào về loại tội phạm này?

2. Lịch sử pháp luật quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như thế nào? Những gì được kế thừa, những gì được phát triển, những vấn đề nào vẫn chưa được giải quyết? Các quy định này đã đảm bảo rõ ràng so với một số tội phạm khác có các dấu hiệu pháp lý tương đồng chưa?

3. Việc áp dụng các quy định của BLHS Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong thực tiễn giải quyết các vụ án đã đạt được những kết quả gì? Có những hạn chế, vướng mắc gì; nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc đó?

4. Cần hoàn thiện pháp luật như thế nào và giải pháp gì để bảo đảm hiệu quả áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu là những luận điểm mà luận án cần chứng minh và làm rõ. Trên cơ sở các câu hỏi nghiên cứu nêu trên, luận án xác định các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, hiện nay chưa có công trình riêng biệt nghiên cứu chuyên sâu về lý luận tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK; chưa có công trình nào nghiên cứu về pháp luật các quốc gia về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đề xuất một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ hai, chưa có công trình nào làm rõ quá trình hình thành, phát triển quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ năm 1945 đến nay, đặc biệt là so sánh toàn diện với các tội phạm có yếu tố tương đồng; làm rõ cấu trúc đặc biệt của quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015; chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của những quy định này.

Thứ ba, thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã đạt được một số kết quả nhất định song vẫn còn những hạn chế, bất cập cần nghiên cứu làm rõ những nguyên nhân của hạn chế, bất cập đó.

Thứ tư, hiện nay các đề xuất, giải pháp để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn tản mát, chưa toàn diện và chưa phù hợp với các yêu cầu của xã hội. Vì vậy cần nghiên cứu, đề xuất và hệ thống các giải pháp toàn diện và phù hợp để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

5. Phương pháp luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Toàn bộ luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay. Trong đó phương pháp luận duy vật biện chứng là phương pháp quan trọng nhất được nghiên cứu sinh (NCS) sử dụng trong nghiên cứu để đánh giá, nhận thức từng vấn đề mà luận án cần giải quyết từ đó rút ra kết luận, đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng đúng quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Bên cạnh đó, các luận điểm khoa học, kết luận khoa học là thành tựu của các ngành khoa học pháp lý mà đặc biệt là khoa học pháp lý hình sự được trình bày trong các công trình khoa học đã được công bố của các chuyên gia cũng được sử dụng làm cơ sở lý luận để NCS viết luận án.

5.2. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

Luận án tiếp cận tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trước hết từ góc độ khoa học luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đặc biệt là trong bối cảnh nền tư pháp hình sự đang có sự chuyển biến tích cực sang hướng hiện đại, nhân đạo hơn thì tội phạm xâm phạm đến các quyền con người như tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là đối tượng cần được quan tâm nghiên cứu theo hướng này. Trên cơ sở đó luận án phân tích quy định của pháp luật hình sự mà đặc biệt là Điều 134 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành đến năm 2025 trên cả nước. Luận án sẽ sử dụng những kết quả nghiên cứu thực tiễn để chứng minh những vấn đề lý luận và quy định pháp luật đã đạt được, những vấn đề còn vướng mắc cần phải sửa đổi để đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như bảo đảm áp dụng đúng quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

5.3. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành luận án, NCS sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học như:

Phương pháp phân tích, tổng hợp: được tác giả sử dụng trong tất cả các chương

của luận án để diễn giải, chứng minh, thuyết phục về các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn liên quan đến tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đây là phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học pháp lý, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, triển khai các luận điểm khoa học, các lập luận và chứng minh các giả thuyết nghiên cứu của luận án. Thông qua phương pháp phân tích, tổng hợp, NCS chia đối tượng nghiên cứu thành các nội dung, yếu tố và phương diện để xem xét một cách toàn diện và sâu sắc. Khái niệm, đặc điểm của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được phân tích từ ngữ nghĩa, các hành vi, các quan điểm đã có rồi tổng hợp lại thành kết luận riêng. Đối với các quy định của pháp luật được phân tích theo từng yếu tố cấu thành tội phạm, các khung hình phạt cơ bản, tăng nặng. Phương pháp này cũng được sử dụng để phân tích các quan điểm khoa học, các bản án và số liệu xét xử để làm rõ cho luận điểm và đúc rút ra những kết luận khoa học về thực trạng pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật, những bất cập, hạn chế còn tồn tại. Phương pháp phân tích, tổng hợp cũng bảo đảm tính liên kết của cả luận án, những kết quả nghiên cứu ở chương trước được phân tích và tổng hợp để làm cơ sở triển khai các nội dung nghiên cứu ở chương sau. Việc sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp giúp NCS đưa ra giả thuyết, diễn giải và lập luận chứng minh một cách khoa học, logic và thuyết phục đối với các nội dung nghiên cứu.

Phương pháp tiếp cận quy phạm: được sử dụng ở Chương 2 của luận án nhằm nghiên cứu, hệ thống hoá và giải thích các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đây là phương pháp đặc trưng của khoa học pháp lý, thông qua việc phân tích nội dung các quy phạm pháp luật xác định ý chí của nhà làm luật và làm rõ giá trị pháp lý của các quy định trong mối liên hệ với hệ thống pháp luật nói chung. Thông qua phương pháp này, NCS phân tích các quy định của BLHS, các văn bản hướng dẫn để làm rõ các nội dung pháp lý. Bên cạnh đó, phương pháp tiếp cận quy phạm còn được sử dụng để giải thích, đánh giá các thuật ngữ pháp lý đã phù hợp với lý luận chưa, việc giải thích các thuật ngữ này đã đảm bảo áp dụng thống nhất trong thực tế chưa. Việc vận dụng phương pháp này giúp luận án xây dựng được cơ sở pháp lý để nghiên cứu thực tiễn việc áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Phương pháp nghiên cứu lịch sử: được sử dụng trong Chương 2 và Chương 3 của luận án nhằm nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK qua từng

giai đoạn lịch sử. Phương pháp này giúp hình thành tư duy tổng quan về các bước chuyển trong nhận thức, sự gắn kết và tiếp nối về mặt thời gian của những quy định pháp luật. Thông qua việc nghiên cứu các quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được quy định trong các BLHS, các văn bản hướng dẫn, luận án làm rõ sự thay đổi trong nhận thức của nhà làm luật đối với hành vi xâm phạm sức khoẻ con người, sự thay đổi trong chính sách hình sự từ chủ yếu nhấn mạnh tính trừng trị sang kết hợp giữa trừng trị và giáo dục, phòng ngừa, bảo đảm quyền con người và đáp ứng các yêu cầu cải cách tư pháp trong bối cảnh mới. Phương pháp này còn làm rõ sự gắn kết và tính kế thừa giữa các quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK qua các thời kỳ, nhận diện những giá trị pháp lý, những kinh nghiệm lập pháp và áp dụng pháp luật có thể tiếp tục kế thừa, phát huy trong quá trình hoàn thiện pháp luật hiện nay. Phương pháp này còn đảm bảo cho những đề xuất, kiến nghị của luận án không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn phản ánh đúng trình độ phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người nói chung và bảo vệ sức khoẻ con người nói riêng.

Phương pháp so sánh: được sử dụng ở Chương 1 và Chương 2 của luận án. Ở Chương 1, luận án sẽ nghiên cứu quy định pháp luật hình sự của Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với pháp luật hình sự một số quốc gia như Trung Quốc; Liên Bang Nga; Thụy Điển; Liên Bang Đức; Hoa Kỳ về các nội dung: Tên gọi loại tội phạm, khi nào hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK được coi là tội phạm, các loại hình phạt được áp dụng. Phương pháp này giúp nghiên cứu các vấn đề xã hội xảy ra ở các quốc gia khác để tìm ra những điểm tương đồng và những giải pháp mà chúng ta có thể học tập. Ở Chương 2, phương pháp so sánh được NCS sử dụng để phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với một số tội phạm có điểm tương đồng, từ đó rút ra những điểm khác nhau.

Phương pháp khảo sát thực tiễn: được sử dụng ở Chương 3 của luận án nhằm mục đích thu thập, phân tích và đánh giá các dữ liệu thực tế liên quan đến việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Việc sử dụng phương pháp này làm rõ kết quả xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, từ đó nhận diện được những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Thông qua việc khảo sát các bản án, NCS rút ra một số đánh giá về tình hình áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như: nhận thức giữa các cơ quan tiến hành tố

tụng về việc áp dụng pháp luật; việc áp dụng các hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; nguyên nhân của việc huỷ, sửa các bản án. Xem xét, kiểm tra việc áp dụng pháp luật trong xét xử các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có những ưu điểm hạn chế gì, nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế đó. Từ đó có cơ sở để đặt ra các giả thuyết, chứng minh tính khả thi của giả thuyết cũng như đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Phương pháp nghiên cứu điển hình: được sử dụng ở Chương 1 và Chương 2 của luận án. NCS lựa chọn các tình huống, vụ án điển hình trong thực tiễn để làm rõ một số vấn đề lý luận cũng như những vấn đề áp dụng pháp luật còn sai sót, vướng mắc hay có nhiều quan điểm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc lựa chọn các vụ án này không chỉ dựa trên tính tiêu biểu mà còn căn cứ vào mức độ phức tạp của các tình tiết trong vụ án, khó khăn trong việc định tội danh, xác định lỗi, đánh giá hậu quả, áp dụng tình tiết định khung và phân hoá TNHS. Thông qua việc nghiên cứu từng vụ án cụ thể, luận án làm rõ một số nội dung lý luận, những bất cập của các quy định pháp luật hiện hành về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK khi áp dụng vào thực tiễn, đồng thời chỉ ra nguyên nhân dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật chưa thống nhất. Đây là phương pháp giúp kết nối giữa lý luận và thực tiễn, kiểm chứng tính phù hợp, khả thi của các quy định pháp luật hình sự hiện hành cũng như các quan điểm khoa học có liên quan. Trên cơ sở phân tích các tình huống thực tiễn điển hình này, NCS cũng đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện pháp luật và các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

6. Những điểm mới của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên tiếp cận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo pháp luật hình sự Việt Nam một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu dưới góc độ khoa học luật hình sự tính đến thời điểm hiện nay. Luận án có những điểm mới sau:

Thứ nhất, trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó, luận án đã làm rõ khái niệm về thương tích, tổn hại cho sức khoẻ và tổn thương. Các vấn đề lý luận, đặc điểm, bản chất của hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng như các vấn đề cơ sở lý luận, cơ sở pháp luật và cơ sở thực tiễn để quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã được luận án luận giải.

Thứ hai, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích quy định pháp luật hình sự của một

số quốc gia trên thế giới gồm: Liên Bang Nga, Trung Quốc, Thụy Điển, Liên Bang Đức, Hoa Kỳ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, luận án đã đưa ra một số gợi mở cho Việt Nam như: không nên quy định tội phạm ghép CYGTT hoặc GTHCSKCNK mà chỉ nên quy định là tội cố ý gây TTCT; giảm mức hình phạt tù, mở rộng áp dụng các hình phạt không tước tự do như phạt tiền, lao động, lao động cải tạo...; cân nhắc giữa việc xây dựng quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo hướng chi tiết, giảm bớt việc phụ thuộc vào văn bản hướng dẫn hay cô đọng, ngắn gọn với các quy phạm mang tính khái quát cao, không cần sửa đổi thường xuyên.

Thứ ba, trên cơ sở nhận diện được những điểm còn hạn chế trong quy định của pháp luật hiện hành cũng như những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, luận án đã xác định được những yêu cầu cần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam để từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Các giải pháp mà luận án đề xuất tập trung vào hai nhóm là nhóm hoàn thiện quy định pháp luật và nhóm giải pháp khác. Trong đó các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật là trọng tâm, bao gồm: (i) hoàn thiện quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 (gồm: sửa tên tội thành tội cố ý gây TTCT, bỏ tình tiết "dùng vũ khí, vật liệu nổ", bỏ thuật ngữ "axit nguy hiểm", bổ sung trường hợp chữa bệnh cho người thân của mình tại điểm d khoản 1, bỏ tình tiết "gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên, xem xét giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, các biện pháp chuyển hướng"; (ii) ban hành các văn bản hướng dẫn đối với các dấu hiệu "dùng hung khí nguy hiểm", "phạm tội 02 lần trở lên", "Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân", trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với nhiều người mà tỷ lệ TTCT của mỗi người ở một khung hình phạt khác thì việc quyết định hình phạt phải căn cứ vào hậu quả TTCT của cả hai người như đối với trường hợp có hai hành vi phạm tội, trường hợp phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

7.1. Về mặt khoa học

Luận án hình thành tư duy pháp lý về giới hạn hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK được xem là tội phạm ở Việt Nam hiện nay.

Luận án nghiên cứu trên cơ sở khoa học pháp lý hình sự quá trình hình thành,

phát triển các quy định về tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong các BLHS. Đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động xây dựng pháp luật để từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện.

7.2. Về mặt thực tiễn

Luận án đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Luận án có thể sử dụng làm nguồn tài liệu tham khảo cho các cán bộ cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án. Đồng thời, đây còn là tài liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy môn học Luật Hình sự ở các cơ sở đào tạo về Luật.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài Phần mở đầu, Phần tổng quan, Phần kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm ba (03) chương sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Chương 2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng

Chương 3. Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án

Đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở nhiều mức độ như: Sách chuyên khảo, luận án, các đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn, các bài báo khoa học… trong các lĩnh vực chuyên ngành luật học. Các công trình tập trung nghiên cứu về nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự con người; một số công trình tiếp cận từ góc độ bạo lực trên cơ sở giới hoặc bạo lực đối với nhân viên y tế.

Một số công trình ở trong nước nghiên cứu riêng về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tập trung vào góc độ tội phạm học và biện pháp phòng ngừa có thể kể đến như: Cuốn "*Đặc điểm, nguyên nhân của tội phạm cố ý gây thương tích - hoạt động phòng ngừa của lực lượng Cảnh sát nhân dân*" của tác giả Bùi Văn Thịnh, NXB Công an nhân dân, năm 2007; Luận án tiến sĩ "*Đấu tranh phòng, chống tội phạm có sử dụng bạo lực ở Việt Nam hiện nay*" của tác giả Nguyễn Ngọc Bình, Viện Nhà nước và Pháp luật, năm 2010; Luận án tiến sĩ "*Phòng, chống tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*" của tác giả Huỳnh Ngọc Ánh, Học viện Khoa học xã hội, năm 2015; Luận án tiến sĩ "*Phòng ngừa các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người từ thực tiễn tỉnh Bạc Liêu*" của tác giả Trần Hà Bảo Khuyên, Học viện Khoa học xã hội, năm 2020; Luận án tiến sĩ "*Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sức khoẻ của con người trên địa bàn các tỉnh Tây Nam Bộ*" của tác giả Tô Ngọc Đường, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2024... Các công trình trong nước nghiên cứu tiếp cận từ góc độ bạo lực như Hội thảo quốc tế "*Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới, kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam*", do Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Viện Friedrich-Ebert-Stiftung tổ chức năm 2024 bao gồm một số công trình nghiên cứu lý luận về hành vi bạo lực trên cơ sở giới như: Chuyên đề "Quan niệm về bạo lực trên cơ sở giới và một số vấn đề đặt ra đối với pháp luật xử lý bạo lực trên cơ sở giới tại Việt Nam" của tác giả Lê Lan Chi, Chuyên đề "Ranh giới giữa xử lý hình sự và xử lý hành chính các hành vi bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay" của các tác giả Trần Thu Hạnh, Lê Lan Chi, Cao Thị Hương Giang. Tuy không nghiên cứu trực tiếp về hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng các công trình này cung cấp cơ sở lý luận vững chắc về việc xử lý hình sự hành vi bạo lực nói

chung và hành vi bạo lực trên cơ sở giới nói riêng trong đó có bao gồm các hành vi bạo lực nhắm đến sức khoẻ con người, căn cứ để tội phạm hoá và phi tội phạm hoá cũng như ranh giới giữa tội phạm và vi phạm hành chính.

Các công trình ngoài nước nghiên cứu tiếp cận từ góc độ hành vi bạo lực có thể kể đến như:

Luận án tiến sĩ "*Enterprising extremists crime, religion, and the business of violence in Pakistan*" (tạm dịch: Tội phạm cực đoan manh động, tôn giáo và hoạt động kinh doanh bạo lực ở Pakistan) của tác giả Rabia Zafar, Trường Luật và Ngoại giao Fletcher, Đại học Tufts, năm 2019. Luận án đã bác bỏ quan niệm phổ biến cho rằng ý thức hệ tôn giáo là nguyên nhân chính và trực tiếp dẫn đến bạo lực cực đoan tại Pakistan, thay vào đó xây dựng quan điểm về cấu trúc lợi ích và động cơ của các chủ thể bạo lực. Tác giả cũng xây dựng khái niệm "enterprising extremists" để chỉ những chủ thể sẵn sàng sử dụng bạo lực chính trị, bạo lực sắc tộc, bạo lực cực đoan và tội phạm có tổ chức để tối đa hoá lợi ích. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, tác giả đã chỉ ra các yếu tố chính ảnh hưởng đến xu hướng bạo lực cực đoan gồm: sự hậu thuẫn của nhà nước, sự cạnh tranh giữa các nhóm gây bạo lực và sự suy yếu của truyền thông. Công trình đóng góp trong việc tiếp cận cấu trúc tội phạm từ góc độ chính sách luật, đưa ra các giải pháp nhắm vào cấu trúc kinh tế - xã hội của từng địa phương để triệt tiêu các động cơ lợi ích vật chất của các nhóm tội phạm có tổ chức.

Luận án "*Standing her ground: Legal Constraints on Women Who have been Victims of Violence*" (tạm dịch: Giữ vững lập trường: Những hạn chế pháp lý đối với phụ nữ là nạn nhân của hành vi bạo lực), của tác giả Janae E.Thomas, Trường Nghệ thuật và Khoa học, Đại học Nam Florida, năm 2023. Công trình đưa ra Học thuyết lâu đài (Castle doctrine) theo đó hệ thống pháp luật Mỹ được xây dựng trên nền tảng gia trưởng, phân biệt chủng tộc và giới tính, gây bất lợi lớn cho phụ nữ khi họ cần tự vệ trước bạo lực. Yếu tố "nguy cơ tức thời" (imminence) khiến cho phụ nữ không thể tự vệ để bảo vệ mình trong các tình huống bạo lực gia đình do bạn đời gây ra, nơi mà các mối đe doạ diễn ra mang tính lặp đi lặp lại và kéo dài. Công trình cũng đưa ra khái niệm "Hiệu ứng bẫy kép" khi phụ nữ không chỉ phải tự vệ trước kẻ bạo hành mà còn phải tự bảo vệ mình trước một hệ thống pháp luật hình sự thiếu lòng tin vào nạn nhân. Kết quả phân tích các vụ án từ năm 1855 đến năm 2020 khẳng định phụ nữ da đen gặp rất nhiều bất lợi khi yêu cầu pháp luật bảo vệ. Từ đó đề xuất các giải pháp

hoàn thiện pháp luật theo hướng dựa trên cơ sở giới và tổn thương tâm lý của nạn nhân.

Luận án "*The Culture – Responsibility Relationship in the Criminal Law of England and Wales*" (tạm dịch: Mối quan hệ giữa văn hoá và trách nhiệm trong luật hình sự của Anh và xứ Wales), của tác giả Janet Keliher, Đại học Exeter, năm 2018. Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành kết hợp luật học, xã hội học, nhân chủng học, triết học và tội phạm học để phân tích các cách thức hệ thống pháp luật hình sự tiếp cận các yếu tố văn hoá trong xác định TNHS. Đặc biệt, công trình phân tích các vụ án hình sự liên quan đến hành vi bạo lực gia đình, giết người vì danh dự (honour-based violence), cưỡng ép hôn nhân, cắt âm vật phụ nữ, cũng như các hành vi bạo lực xuất phát từ chuẩn mực văn hoá hoặc tôn giáo của một số cộng đồng nhập cư tại Anh. Tác giả nghiên cứu cách thức hệ thống tư pháp hình sự Anh và xứ Wales đánh giá TNHS của người phạm tội khi hành vi phạm tội chịu ảnh hưởng bởi yếu tố văn hoá, cho rằng pháp luật hiện hành thiếu sự thống nhất trong việc xem xét các yếu tố văn hoá khi đánh giá lỗi, động cơ, khả năng nhận thức và mức độ trách nhiệm của người thực hiện hành vi phạm tội. Công trình cũng nghiên cứu vấn đề đa văn hoá, việc các tập quán văn hoá dẫn đến hành vi bạo lực xâm hại phụ nữ hoặc trẻ em, đề xuất xây dựng mô hình tiếp cận "culture-responsibility relationship" (mối quan hệ giữa văn hoá và trách nhiệm) để giúp hệ thống tư pháp vừa tôn trọng đa dạng văn hoá vừa bảo đảm nguyên tắc bình đẳng và bảo vệ nạn nhân của các hành vi bạo lực.

Trong khi đó, các nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn hạn chế cả về số lượng lẫn nội dung. Với mục tiêu phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam*", NCS lựa chọn và tổng hợp các quan điểm nghiên cứu từ một số công trình tiêu biểu có liên quan trực tiếp đến đề tài mà NCS đã tiếp cận được đến nay. Các công trình nghiên cứu có thể được hệ thống như sau:

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Các tác giả khi nghiên cứu lý luận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn hạn chế về số lượng và nội dung, tập trung vào làm rõ một số vấn đề như: thế nào là hành vi gây thương tích, hành vi gây tổn hại cho sức khoẻ, thương tích là gì, tổn hại

cho sức khoẻ là gì, tổn thương là gì, sự khác nhau giữa thương tích và tổn hại cho sức khoẻ, kết hợp những quy định về tội phạm trong BLHS để đưa ra định nghĩa cho tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Cụ thể:

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường "*Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*" do PGS.TS Cao Thị Oanh (chủ nhiệm đề tài), năm 2017 có Chuyên đề "*Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" của tác giả Lê Thị Diễm Hằng. Tác giả Lê Thị Diễm Hằng đồng ý với tác giả Trần Minh Hưởng trong bài viết "*Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng Điều 104 Bộ luật Hình sự "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*"" Tạp chí Kiểm sát số 10/2011 về khái niệm hành vi gây thương tích cho người khác và hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Cụ thể, hai tác giả cho rằng gây thương tích cho người khác *là "Dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể con người làm cho con người có những thương tích nhất định (để lại dấu vết); việc dùng sức mạnh vật chất có thể dùng chân tay hoặc các công cụ phương tiện hỗ trợ như dao, súng, gậy... làm cho người bị hại mất đi một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể, hay những thương tích nhất định, để lại trạng thái bất thường*"[4]; còn gây tổn hại cho sức khỏe của người khác *"Là dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của con người làm cho sức khỏe của nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước mặc dù không để lại dấu vết trên thân thể họ, hoặc làm mất chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân, làm giảm chức năng hoạt động của bộ phận đó*"[5].

Sách tham khảo có: Cuốn "*Pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người từ thời phong kiến đến ngày Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực*" của TS. Đỗ Đức Hồng Hà, năm 2019. Trên cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý quy định tại Khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 21 và Điều 134 BLHS năm 2015, tác giả đưa ra khái niệm tội CYGTT

---

[4] Trần Minh Hưởng (2011), "Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng Điều 104 Bộ luật Hình sự "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác"", *Tạp chí Kiểm sát*, (5), tr25.
Lê Thị Diễm Hằng (2017), "Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác", *Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Cao Thị Oanh (chủ nhiệm), Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr93

[5] Trần Minh Hưởng (2011), tlđd, tr25.
Lê Thị Diễm Hằng (2017), tlđd, tr93

hoặc GTHCSKCNK là "*hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người; b) Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm; c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ; d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình; đ) Có tổ chức; e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; h) Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê; i) Có tính chất côn đồ; k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện, với lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp.*"[6]

Ngoài ra còn có nhiều luận văn thạc sĩ nghiên cứu cũng đưa ra khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như: Luận văn thạc sĩ "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Lưu Thanh Thảo, Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018; luận văn "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do người dưới 18 tuổi thực hiện từ thực tiễn TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai" của tác giả Lê Thị Thu Hằng, Học viện Khoa học xã hội, năm 2020; luận văn thạc sĩ "*Tội cố ý thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong Bộ luật Hình sự năm 2015*" của tác giả Đào Thị Minh Hải, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2021.

Các công trình nghiên cứu kể trên đã nghiên cứu khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ nhiều góc độ khác nhau. Có tác giả đi từ hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK, có tác giả đi từ hậu quả thương tích, thương tổn, từ phân tích ngữ nghĩa tiếng Việt, có tác giả đi từ những quy định của BLHS. Tuy nhiên, nếu xét về mặt lý

[6] Đỗ Đức Hồng Hà (2019), Pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người từ thời phong kiến đến ngày Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực, NXB Lao Động, Hà Nội, tr566.

luận thì định nghĩa khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần phải phản ánh đúng bản chất hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK được coi là tội phạm, cũng như phải thể hiện được tính khái quát của khái niệm.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực tiễn áp dụng

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Các công trình nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có sự đa dạng về hình thức nghiên cứu. Có thể chia làm hai nhóm gồm: nhóm các công trình nghiên cứu quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nói chung và nhóm các công trình nghiên cứu về phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm khác. Cụ thể:

Hội thảo quốc tế "*Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam*", do Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Viện Friedrich-Ebert-Stiftung tổ chức năm 2024 có Chuyên đề "*Biện pháp phòng chống bạo lực giới theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015*" của tác giả Nguyễn Mai Bộ và chuyên đề "*Xử lý hành vi bạo lực trên cơ sở giới bằng pháp luật hình sự - Thực trạng pháp luật và kiến nghị hoàn thiện*" của tác giả Nguyễn Kim Chi. Các tác giả có chỉ ra một số điểm bất cập trong quy định của Điều 134 BLHS năm 2015 về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và kiến nghị khắc phục.

Sách tham khảo có: Cuốn "*Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người*" của tác giả Trần Văn Luyện, năm 2000. Tác giả bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử pháp lý đã trình bày quá trình hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 1945 đến năm 2000. Tác giả cũng phân tích các dấu hiệu pháp lý của các tội này với các dẫn chứng, ví dụ minh hoạ. Cuốn "*Pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người từ thời phong kiến đến ngày Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực*" của TS. Đỗ Đức Hồng Hà, năm 2019. Cuốn sách là một công trình toàn diện, chuyên sâu về các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người trong các bộ luật thời phong kiến đến các quy định hiện hành. Đối với tội CYGTT hoặc

GTHCSKCNK tác giả so sánh quy định của BLHS năm 2015 với BLHS năm 1999 để tìm ra điểm mới, đưa ra khái niệm, phân tích các dấu hiệu pháp lý, tình tiết định khung tăng nặng, hình phạt và việc quyết định hình phạt. Ngoài phân tích quy định pháp luật thì cuốn sách còn đưa ra những vụ án cụ thể để minh hoạ.Cuốn "*Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần các tội phạm)*" của tác giả Nguyễn Ngọc Hoà, năm 2018. Tác giả bình luận về quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 về các dấu hiệu định tội, định khung hình phạt.

Luận án tiến sĩ "Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sức khoẻ của con người từ thực tiễn của tỉnh Hải Dương" của tác giả Nguyễn Huy Tài, Học viện Khoa học xã hội, năm 2019. Luận án phân tích, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của TNHS, các quy định của pháp luật về TNHS đối với các tội xâm phạm sức khoẻ của con người trong đó có tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Từ thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về TNHS đối với các tội xâm phạm sức khoẻ của tỉnh Hải Dương, tác giả đã chỉ ra một số vướng mắc đã được BLHS năm 2015 khắc phục; đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về TNHS đối với các tội xâm phạm sức khoẻ của con người và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

Luận văn có: luận văn "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong Bộ luật Hình sự năm 2015*" của tác giả Đào Thị Thúy Thành, Trường Đại học luật Hà Nội, năm 2018; luận văn "*Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Hồ Hoàng Huy Hùng, Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2022.

Bài báo có: Bài "*Các quan điểm chung quanh quy định về chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác*" của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 07/2017; bài "*Quy định về các tội xâm phạm sức khỏe người khác trong các giai đoạn của lịch sử pháp luật hình sự*" của tác giả Nguyễn Huy Tài, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 02/2018; bài "*Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*" của tác giả Nguyễn Văn Dũng, Tạp chí Toà án nhân dân, số 01/2018; bài "*Bàn về một số quy định mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm sức khỏe*" của tác giả Nguyễn Huy Tài, Tạp chí Kiểm sát, số 04/2018; bài "*Những điểm mới về bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của con người trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa*

đổi bổ sung năm 2017" của tác giả Trần Hà Bảo Khuyên, Tạp chí Nghề Luật, số 01/2019; bài "*Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác*" của tác giả Trương Quang Vinh, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 06/2023; bài "*Một số vấn đề về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*" của tác giả Nguyễn Thị Ánh Hồng, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 12/2023; bài "*Cần hoàn thiện pháp luật hình sự về chế định chuẩn bị phạm tội*" của tác giả Trần Ngọc Minh, Tạp chí Kiểm sát, số 09/2025.

Kết quả nghiên cứu của các công trình trên về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK chia làm 02 giai đoạn chính là giai đoạn trước khi BLHS năm 2015 được ban hành và giai đoạn sau khi BLHS năm 2015 được ban hành. Cụ thể:

Giai đoạn trước khi BLHS năm 2015 ra đời: Các tác giả đều có sự hệ thống những văn bản quy phạm pháp luật quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời qua từng thời kỳ, quá trình sửa đổi các BLHS. Ngoài ra tác giả Đỗ Đức Hồng Hà và tác giả Lưu Thanh Thảo còn nghiên cứu giai đoạn trước năm 1945, với hai bộ hình luật tiêu biểu của các nhà nước phong kiến là Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ, từ đó đưa ra nhận định là những quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong giai đoạn này còn bị ảnh hưởng nhiều bởi tư tưởng phong kiến về thân phận, địa vị xã hội, về quan hệ vợ chồng; hình phạt áp dụng chủ yếu mang tính trừng trị, nhục hình, chưa hướng tới giáo dục giúp người phạm tội nhận thức và sửa chữa sai lầm và về kỹ thuật lập pháp, hai bộ luật còn áp dụng phương pháp liệt kê. Trong bài viết của mình, tác giả Nguyễn Huy Tài chỉ ra rằng việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong lịch sử là nhằm giải quyết các trường hợp xảy ra trong thực tiễn làm chết nhiều người, làm bị thương nhiều người, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước do hành vi phạm tội gây ra. BLHS năm 1999 đã tách tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thành 03 tội, biểu hiện sự phân hóa TNHS trong luật, đồng thời tạo điều kiện về mặt kỹ thuật để có thể tiếp tục phân hóa TNHS qua việc quy định các khung hình phạt khác nhau[7].

Qua những kết quả nghiên cứu của các tác giả về pháp luật thời kỳ phong kiến

[7] Xem: Nguyễn Huy Tài (2018),"Quy định về các tội xâm phạm sức khỏe người khác trong các giai đoạn của lịch sử pháp luật hình sự", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (02), tr31-35.

về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể thấy những đặc trưng của xã hội phong kiến đã ảnh hưởng đến hình phạt cũng như việc phân hóa TNHS. Cụ thể việc chia các trường hợp phạm tội theo đối tượng, cấp bậc phụ thuộc trong gia đình, xã hội và chủ yếu là theo tôn ti trong gia đình. Đây là những vấn đề được xã hội phong kiến coi trọng nhưng không còn là yếu tố ảnh hưởng đến lập pháp cho xã hội hiện đại. Do đó luận án không tiếp tục nghiên cứu nội dung pháp luật phong kiến về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Giai đoạn sau khi BLHS năm 2015 được ban hành: Các tác giả thống nhất nhận thức tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 về các dấu hiệu pháp lý: khách thể, hành vi khách quan của tội phạm, hậu quả của tội phạm, mối quan hệ nhân quả, chủ thể, dấu hiệu lỗi. Bên cạnh đó các tác giả chỉ ra những điểm mới của BLHS năm 2015 về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK so với BLHS năm 1999, những hạn chế của BLHS năm 1999 đã được khắc phục. Các tác giả chỉ ra một số hạn chế của BLHS năm 2015 như: về việc không quy định định lượng số người bị thương, số người chết tại các điểm a, đ khoản 2; a, c khoản 3; b, d khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015. Tác giả Nguyễn Văn Dũng chỉ ra tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" và "tái phạm nguy hiểm" chỉ được quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 nhưng lại không được quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015; dấu hiệu "dùng vũ khí, vật liệu nổ' chưa hợp lý; dấu hiệu "dùng a-xít nguy hiểm hoặc hoá chất nguy hiểm" còn trùng lặp nội dung, mang tính định tính; tình tiết "có tổ chức" được quy định là dấu hiệu định tội không phù hợp với quy định về đồng phạm; quy định "đối với người dưới 16 tuổi" chưa phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và "đối với người già yếu, ốm đau" còn mang tính định tính, khó xác định.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội: Các bài nghiên cứu chia làm hai luồng quan điểm là ủng hộ việc quy định và xử lý tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và quan điểm cho rằng việc truy cứu TNHS tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội là chưa hợp lý. Cụ thể: tác giả Đỗ Đức Hồng Hà trong bài báo "*Các quan điểm chung quanh quy định về chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác*" ủng hộ quan điểm nên quy định và xử lý tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội vì: i) hành vi chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tuy chưa gây

ra hậu quả nhưng chứa đựng khả năng gây ra hậu quả, thậm chí có thể là hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời; ii) việc quy định này đáp ứng yêu cầu phòng ngừa các tội xâm phạm trật tự xã hội, ngăn chặn tình trạng bạo lực học đường có dấu hiệu gia tăng và sự nguy hiểm của nhóm tội phạm theo kiểu xã hội đen; iii) về nguyên tắc người chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phải chịu TNHS như trường hợp tội phạm hoàn thành. Tuy nhiên, tác giả Đỗ Đức Hồng Hà cũng đề xuất để phù hợp cần sửa đổi quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 theo hướng bổ sung thêm một số tình tiết đã được quy định trong cấu thành cơ bản thứ hai của tội phạm này.[8] Trong khi đó các tác giả Trần Ngọc Minh, Nguyễn Hoàng Thịnh và Nguyễn Thị Ánh Hồng cho rằng hành vi chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK chưa gây hậu quả nhưng lại bị xử lý hình sự mà không cần có yêu cầu của bị hại là không phù hợp, không đảm bảo tính công bằng. Việc quy định trong một điều luật cả cấu thành hình thức và cấu thành vật chất để định tội là chưa đảm bảo tính logic, khoa học, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án như xác định bị hại, chứng minh hành vi phạm tội. Trường hợp này có thể truy cứu TNHS về các tội độc lập khác.

Như vậy, nhóm công trình nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK rất đa dạng, các tác giả đều thể hiện sự công phu trong việc nghiên cứu của mình và có chung cách tiếp cận đó là đi theo dòng thời gian mà các văn bản pháp luật hình sự quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được ban hành. Những nghiên cứu của các tác giả ở giai đoạn trước năm 2015 chủ yếu thực hiện thông qua việc liệt kê quy định, chỉ ra sự khác nhau giữa quy định pháp luật cũ, mới mà không xác định tiêu chí đánh giá khi nghiên cứu bằng phương pháp lịch sử.

Bên cạnh đó, xuất phát từ thực tiễn xét xử tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có nhiều quan điểm về việc định tội danh, do đó có nhiều công trình nghiên cứu về phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm có một số dấu hiệu tương đồng như tội giết người, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội cũng rất sôi động,

[8] Đỗ Đức Hồng Hà (2017), "Các quan điểm chung quanh quy định về chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (07), tr35-42.

đặc biệt là ở hình thức các bài báo khoa học.

Các công trình phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội giết người có thể kể đến như:

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường "*Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*" do PGS.TS Cao Thị Oanh (chủ nhiệm đề tài), năm 2017 có Chuyên đề "*Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" của tác giả Lê Thị Diễm Hằng. Tác giả Lê Thị Diễm Hằng qua phân tích một số vụ án có sự bất đồng quan điểm giữa Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, đã rút ra kết luận rằng khi xác định ý thức chủ quan của bị cáo không thể chỉ dựa vào lời khai hoặc nhận định chủ quan của Hội đồng xét xử (HĐXX) mà phải dựa vào hành vi khách quan, thái độ của người phạm tội đối với hậu quả xảy ra. Tác giả cũng đề xuất cần có văn bản hướng dẫn để phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội giết người.

Luận văn có: "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật hình sự Việt Nam*" của tác giả Lưu Thanh Thảo, Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018; luận văn "P*hân biệt tội giết người với một số tội khác cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ trong Bộ luật Hình sự năm 2015*" của tác giả Vì Thị Phương Thảo, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2019.

Bài báo có: bài "*Phân biệt dấu hiệu cơ bản của tội giết người và tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người*" của tác giả Phạm Văn Cần, Tạp chí Kiểm sát, số 02/2010; bài "*Định tội danh về hành vi giết người và cố ý gây thương tích*" của các tác giả Trần Quang Minh và tác giả Nguyễn Thị Minh Nhật, Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 06/2021; các bài viết "*Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người trong Bộ luật Hình sự năm 2015*" và "*Phân biệt tội "giết người" với tội "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Kiểm sát, số 07/2018 và số 06/2021; bài viết "*Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích (trường hợp dẫn đến chết người)*" của tác giả Nguyễn Văn Trượng, Tạp chí Toà án nhân dân, số 13/2009. Cụ thể:

Trong trường hợp nạn nhân bị chết, hầu hết các tác giả đều cho rằng sự khác nhau nằm ở ý thức chủ quan của người phạm tội đối với hậu quả chết người. Dấu hiệu lỗi của chủ thể được quy định ở tội giết người là lỗi cố ý trực tiếp (mong muốn

hậu quả chết người) hoặc lỗi cố ý gián tiếp (không mong muốn mà chỉ chấp nhận hậu quả chết người); còn ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì dấu hiệu lỗi đối với hậu quả chết người là lỗi vô ý (chủ thể không mong muốn và cũng không chấp nhận hậu quả chết người). Bên cạnh đó có quan điểm cho rằng, đối với tội CYGTT dẫn đến chết người, người phạm tội không có lỗi vô ý đối với hậu quả chết người (vì như vậy là dấu hiệu lỗi của tội vô ý làm chết người), người phạm tội cũng không có lỗi cố ý đối với hậu quả chết người (vì như vậy sẽ phạm tội giết người), hậu quả chết người không phải dấu hiệu định tội mà chỉ là dấu hiệu định khung hình phạt, tình tiết dẫn đến chết người nằm ngoài ý thức chủ quan của người phạm tội nên nhà làm luật coi đó là một tình tiết định khung hình phạt. Tác giả Đinh Văn Quế và tác giả Phạm Văn Cần thì cho rằng để phân biệt tội giết người và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trường hợp dẫn đến hậu quả chết người cần căn cứ vào hành vi phạm tội và công cụ thực hiện tội phạm. Theo tác giả Đinh Văn Quế, hành vi tấn công của người phạm tội giết người bao giờ cũng quyết liệt hơn, cường độ tấn công mạnh hơn, nhằm vào những nơi xung yếu của cơ thể như: Vùng đầu (sọ não, gáy), ngực, ổ bụng… Còn đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, hành vi của người phạm tội không quyết liệt, vào những nơi khó gây ra cái chết cho nạn nhân như: chân, tay, mông, nếu có tấn công vào nơi xung yếu của cơ thể của nạn nhân thì cũng chỉ tấn công vào nơi đã định như mắt, mũi, tai, miệng[9]. Theo tác giả, trong các vụ án cần đánh giá các tình tiết cụ thể để đưa ra nhận định các bị cáo có ý định giết người hay không. Nhận định được chứng minh bằng lời khai của bị cáo, của nhân chứng và bằng hành động cụ thể của các bị cáo. Để xác định đúng lỗi của người phạm tội, tác giả Nguyễn Văn Trượng cho rằng cần làm rõ những vấn đề sau: người phạm tội có thấy trước hậu quả chết người hay không, nếu thấy trước hậu quả chết người xảy ra thì người phạm tội mong muốn hoặc phó mặc cho hậu quả xảy ra hay tự tin cho rằng hậu quả chết người sẽ không xảy ra[10]. Tác giả Phạm Văn Cần trong bài viết "*Phân biệt dấu hiệu cơ bản của tội giết người và tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người*" còn cho rằng hậu quả chết người ở trường hợp phạm tội giết người là do chính hành vi của người phạm tội trực tiếp gây nên, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác; hậu quả chết người ở trường hợp

[9] Xem: Đinh Văn Quế (2021), "Phân biệt tội "giết người" với tội "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác"", *Tạp chí Kiểm sát* (6), tr20.
[10] Xem: Nguyễn Văn Trượng (2009), "Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích (trường hợp dẫn đến chết người)", *Tạp chí Toà án nhân dân,* (13), tr20.

phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK dẫn đến chết người không chỉ do hành vi của người phạm tội gây nên mà còn do những nguyên nhân khác. Trong trường hợp chưa đủ cơ sở để kết luận người phạm tội có ý định giết người bị hại từ trước, thì về mặt pháp lý, hậu quả xảy ra đến đâu thì người phạm tội phải chịu TNHS đến đó.

Trong trường hợp nạn nhân không chết, tác giả Đinh Văn Quế trong bài nghiên cứu "*Phân biệt tội "giết người" với tội "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*"" cho rằng dấu hiệu phân biệt giữa tội giết người (không xảy ra hậu quả chết người) và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK chủ yếu căn cứ vào mục đích của người phạm tội. Đối với tội giết người, người phạm tội khi thực hiện hành vi của mình dứt khoát phải mong muốn hậu quả chết người xảy ra, trường hợp nạn nhân không chết là nằm ngoài ý muốn của người phạm tội, còn đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì người phạm tội chỉ có ý định gây TTCT cho nạn nhân chứ không mong muốn hoặc bỏ mặc cho nạn nhân chết. Các tác giả Trần Quang Minh và Nguyễn Thị Minh Nhật lại đánh giá sự khác nhau của tội giết người và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK dựa trên 04 tiêu chí: khách thể, hành vi khách quan, hậu quả, lỗi. Các tác giả cũng nhấn mạnh việc làm rõ ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi phạm tội và thể hiện sự không đồng tình với các hướng dẫn cho rằng dùng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng trọng yếu của cơ thể là dấu hiệu pháp lý bắt buộc để xử tội giết người là quan niệm hết sức cứng nhắc, đã bỏ qua nhiều tiêu chí khác có ý nghĩa trong việc định tội danh.

Như vậy, các công trình nghiên cứu phân biệt tội giết người với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đều cho rằng lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người ở tội giết người là lỗi cố ý, còn ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có nhiều quan điểm khác nhau. Các bài viết đều kiến nghị cần có văn bản hướng dẫn phân biệt giữa tội giết người và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân (TAND) tối cao cần xem xét lựa chọn thêm các án lệ nhấn mạnh trường hợp nào thì truy cứu TNHS về tội giết người, trường hợp nào truy cứu TNHS về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Các công trình phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh có thể kể đến như:

Luận văn có: *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong Luật hình sự Việt Nam*" của

tác giả Đặng Thị Hương Dung, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2015.

Bài báo có: bài "*Phân biệt các loại tội cố ý gây thương tích trong trường hợp nạn nhân là người có lỗi và cũng có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội*" của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí Toà án nhân dân, số 24/2005; bài "*Hành vi của Lê Văn D không cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích*" của tác giả Huỳnh Quốc Hùng, Tạp chí Kiểm sát, số 15/2010. Theo tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có những điểm khác nhau cơ bản là: Trạng thái tinh thần của người phạm tội khi CYGTT cho nạn nhân. Tác giả Đỗ Đức Hồng Hà cũng phân biệt giữa "kích động" với "kích động mạnh". Theo tác giả cần phải xem xét một cách khách quan, toàn diện các mặt: thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, diễn biến, nguyên nhân trực tiếp và sâu xa của sự việc; mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội; trình độ văn hóa, chính trị, tính tình, cá tính của mỗi bên; mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật mà nạn nhân đã thực hiện; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân với tình trạng tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội… Tác giả Huỳnh Quốc Hùng cho rằng hướng dẫn tại Nghị quyết 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chỉ mang tính gợi mở về phương pháp tiếp cận, các tiêu chí cần đánh giá, chứ không phải một hệ quy chuẩn pháp lý cụ thể để áp dụng cho mọi trường hợp trong thực tiễn. Mặc dù cũng đồng ý việc xem xét trạng thái tinh thần của người phạm tội có bị kích động mạnh hay không phụ thuộc vào việc đánh giá tổng quan các mặt, nhưng tác giả Huỳnh Quốc Hùng còn chia các tiêu chí đánh giá ra làm hai nhóm là nhóm tiêu chí khách quan và nhóm tiêu chí phản ánh yếu tố chủ quan của người phạm tội.

Như vậy, các công trình nghiên cứu so sánh tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với một số tội phạm khác đã thể hiện được sự đa dạng phương pháp nghiên cứu, những giá trị lý luận và thực tiễn tham khảo lớn. Tuy nhiên trong BLHS còn nhiều tội phạm khác cũng có những dấu hiệu tương đồng với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK mà trong thực tiễn còn nhiều quan điểm khác nhau khi định tội danh cần nghiên cứu.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Đề tài có: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường "*Áp dụng pháp luật hình sự*

trong xét xử một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người" do PGS.TS Cao Thị Oanh (chủ nhiệm đề tài), năm 2017 có Chuyên đề "*Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" của tác giả Lê Thị Diễm Hằng. Tác giả đã nghiên cứu 100 bản án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, từ đó chỉ ra những trường hợp do thiếu hướng dẫn về các tình tiết định tội và định khung hình phạt dẫn đến các quan điểm khác nhau về việc định tội và truy cứu TNHS; không thống nhất khi xác định tỷ lệ TTCT và các vấn đề khác khi áp dụng hình phạt.

Sách có: Cuốn "*Định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" của tác giả Hoàng Minh Đức, NXB Công an nhân dân, năm 2022. Cuốn sách nghiên cứu hoạt động định tội danh đối với nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người trong đó có tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự, từ khi khởi tố vụ án hình sự cho tới khi xét xử vụ án hình sự. Hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự được tác giả nghiên cứu ở cả 03 quá trình gồm: xác định tính đúng đắn, chính xác, khách quan các tình tiết thực tế của vụ án; nhận thức đúng nội dung của các quy định trong BLHS; nhận thức đầy đủ, đúng đắn về mối liên hệ giữa các tình tiết thực tế của vụ án với các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của cấu thành tội phạm cụ thể. Kết quả nghiên cứu, tác giả rút ra những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong việc định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người. Ở Chương 3, trên cơ sở các yêu cầu về định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người.

Luận văn có: Luận văn "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do người dưới 18 tuổi thực hiện từ thực tiễn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*" của tác giả Lê Thị Thu Hằng, Học viện Khoa học xã hội, năm 2020; luận văn "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo quy định của Bộ luật hình sự 2015 và thực tiễn xét xử tại tỉnh Thanh Hoá*" của tác giả Nguyễn Thị Thảo, năm 2023. Các luận văn nghiên cứu thực tiễn pháp luật trong khoảng thời gian 05 năm, trên địa bàn tại một tỉnh, thông qua một số vụ án cụ thể có nhiều quan điểm trong thực tế để chỉ ra những vướng mắc, bất cập.

Bài báo có: bài "*Bất cập về định khung hình phạt của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" của tác giả Nguyễn Hoàng Thịnh, Tạp chí Kiểm sát, số 13/2020; bài "*Bất cập từ thực tiễn giải quyết vụ án hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" của tác giả Nguyễn Văn Khánh, Tạp chí Kiểm sát, số 22/2019; bài "*Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*" của tác giả Nguyễn Văn Dũng, Tạp chí Toà án nhân dân, số 01/2018; bài "*Bàn về một số quy định mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm sức khỏe*" của tác giả Nguyễn Huy Tài, Tạp chí Kiểm sát, số 04/2018. Các bài viết chỉ ra một số bất cập như: Việc quy định tỉ lệ TTCT là dấu hiệu bắt buộc để truy cứu TNHS; trường hợp bị cáo gây thương tích cho 02 người trở lên nhưng lại ở hai khoản khác nhau của điều luật; tình tiết định khung "gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ TTCT từ 61% trở lên" chỉ quy định ở điểm b khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015; quy định về trường hợp gây hậu quả chết người chưa đầy đủ; phân hóa TNHS trong các vụ án đồng phạm; áp dụng án treo và áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên (NCTN) phạm tội; trường hợp chuẩn bị phạm tội.

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu thực trạng pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phong phú và có nhiều giá trị khoa học. Nhiều tác giả đã có phát hiện về bất cập của quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 so với lý luận cũng như khó khăn, vướng mắc khi áp dụng vào thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập khác nữa chưa được nghiên cứu, cũng như nhiều đề xuất cần phải xem xét lại về tính hợp lý và tính hợp pháp.

1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

1.2.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Các công trình nghiên cứu khái niệm, đặc điểm của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở ngoài nước có thể chia thành hai nhóm chính, đó là: nhóm các công trình nghiên cứu ở các nước theo hệ thống dân luật (civil law) và nhóm các công trình nghiên cứu ở các nước theo hệ thống thông luật (common law).

Nhóm các công trình thuộc các nước theo hệ thống dân luật có: Luận án tiến sĩ luật học "*Bảo vệ sức khỏe con người khỏi các hành vi phạm tội bằng pháp luật*

hình sự" của tác giả Rastoropov Sergey Vladimirovich, Học viện Quản lý của Bộ Nội vụ Nga, năm 2004. Phần lý luận của luận án ngoài trình bày định nghĩa các tội xâm hại sức khỏe theo luật hình sự Liên Bang Nga thì tập trung vào việc xây dựng và làm rõ cơ sở lý thuyết của TNHS đối với các hành vi xâm hại sức khỏe con người. Trong Chương I của luận án, tác giả S.V. Rastoropov đưa ra một cách tiếp cận có tính hệ thống đối với các tội xâm hại sức khỏe con người, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết phải xác lập rõ ranh giới khái niệm khi nghiên cứu nhóm tội này. Đáng chú ý, tác giả phân biệt ba cấp độ tiếp cận, trong đó cấp độ nghĩa hẹp (chuyên biệt) được xác định là các tội danh được quy định cụ thể tại Chương 16 BLHS Liên bang Nga, với cơ sở TNHS là hành vi cố ý gây ra một loại thiệt hại xác định đến sức khỏe con người. Theo cách hiểu này, các tội cố ý gây tổn thương được chia thành ba nhóm chính: gây tổn thương nghiêm trọng (Điều 111), gây tổn thương trung bình (Điều 112) và gây tổn thương nhẹ (Điều 115). Mỗi nhóm tội được cấu thành bởi mức độ thiệt hại về sức khỏe, mức độ lỗi và đặc điểm hành vi nguy hiểm cho xã hội. Theo tác giả, việc xác định rõ ba cấp độ này không chỉ tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc phân tích cấu thành tội phạm, mà còn góp phần hỗ trợ công tác định tội, lượng hình và phân biệt ranh giới giữa các mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. [11]

Bài báo "*Premeditated damage to health. Problems of quanlification*" (Tạm dịch "Tội cố ý gây thương tích nghiêm trọng đến sức khỏe. Vấn đề chuyên môn") của tác giả Dmitry Vladimirovich Nemtinov, Tạp chí Tambov University, số 01/2013; bài "*On the revision of the cognizance standard of intentional injury crime*" (Tạm dịch: Về việc sửa đổi tiêu chuẩn nhận thức tội phạm cố ý gây tổn thương) của tác giả Yuan Jiahui và Sun Chengchen, Tạp chí Advances in Social Sciences, số 11(9)/2022. Cụ thể: Tác giả Dmitry Vladimirovich Nemtinov đã bắt đầu nghiên cứu của mình từ việc đánh giá vai trò của những giá trị đạo đức, tinh thần, tôn giáo và các giá trị xã hội khác. Tác giả qua phân tích lịch sử cho rằng tội phạm gây tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe con người đã trải qua một chặng đường phát triển dài song cuộc thảo luận về chủ đề TTCT vẫn tiếp tục. Tác giả ủng hộ quan điểm của P.A. Dubovets

[11], Rastoropov Sergey Vladimirovich (2004), *Criminal legal protection of human health from criminal attacks*, Dissertations Doctor of Law, Academy of Management of The Ministry of Interal Affairs of Russia Manusscript rights, Moscow, (Bản tóm tắt) tại: https://viewer.rsl.ru/ru/rsl01003244576?page=_1&rotate=0&theme=black, truy cập ngày 10/8/2026.

về khái niệm tổn hại cho sức khỏe con người. Khái niệm này tuy không được định nghĩa trong luật nhưng theo nghiên cứu của tác giả thì được đông đảo các nhà nghiên cứu sử dụng trong lý thuyết về luật hình sự[12].

Các tác giả Yuan Jiahui và Sun Chengchen trong bài viết "Về việc sửa đổi tiêu chuẩn nhận thức tội phạm cố ý gây tổn thương" tập trung nghiên cứu khái niệm hành vi "gây tổn thương" được xem là căn cứ để định tội cố ý gây tổn thương ở Trung Quốc. Các tác giả cũng viết rằng nội dung khái niệm hiện nay đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là đối với việc đưa hành vi gây tổn thương về tinh thần trở thành một trong những đối tượng của tội cố ý gây tổn thương. Tác giả đưa ra một số quan điểm của giới học thuật Trung Quốc về hành vi "gây tổn thương". Tác giả cho rằng tổn thương phải bao gồm cả thiệt hại về tinh thần của nạn nhân. Quyền được bảo vệ đối với sức khỏe của người dân không chỉ là sức khỏe thể chất mà còn có cả sức khỏe tinh thần.[13]

Nhóm các công trình thuộc các nước theo hệ thống thông luật tập trung vào hành vi gây ra tổn thương khác với Việt Nam tập trung vào hậu quả của hành vi phạm tội (TTCT). Do đó, ở các quốc gia này các công trình không nghiên cứu về tội cố ý gây tổn thương (intentional injury crime) mà nghiên cứu về tội hành hung (assault crime) và tội tấn công (battery crime). Có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: Chương "*Assault*" (Tạm dịch: Hành hung) trong cuốn sách "*A Treatise on the Law of Evidence*" (Tạm dịch: Chuyên luận về luật chứng cứ) của tác giả Simon Greenleaf, năm 2012. Tác giả Simon Greenleaf viện dẫn định nghĩa khái niệm về tội hành hung, tội tấn công do những người viết luật hình sự đưa ra, là một hành vi cố ý bằng vũ lực, nhằm gây ra TTCT cho người khác.

Bài "*Defence to an Action for Assault and Battery*" (Tạm dịch: Phòng vệ đối với một hành vi tấn công và hành hung) của tác giả Pooja Suresh Jaiswal, International Journal of Law Management & Humanities, số 05(6)/2022; bài "*Assault and battery on property*" (Tạm dịch: Hành hung và tấn công vào tài sản) của tác giả Gowri Ramachandran, Loyola of Los Angeles Law Review, số 44(1)/2010; bài viết "*Psychological Assault: The Crime of Assault Revisited*" (Tạm dịch: Hành hung tâm

[12] Xem: Dmitry Vladimirovich Nemtinov (2013), "Premeditated damage to health. Problems of quanlification", *Tambov University review. Series: Humanities*, (1(117)), tr331-337, tại: https://cyberleninka.ru/article/n/umyshlennoe-prichinenie-tyazhkogo-vreda-zdorovyu-problemy-kvalifikatsii, truy cập ngày 10/8/2026, tr332.

[13] Xem: Yuan Jiahui và Sun Chengchen (2022), "On the Revision of the Cognizance Standard of Intentional Injury Crime", *Advances in Social Sciences*, Số (11(9)) tr3737 – 3741, tại: https://www.hanspub.org/journal/PaperInformation.aspx?paperID=55686, truy cập ngày 10/8/2026.

lý: Xem xét lại tội phạm hành hung) của tác giả Charnelle Van Der Bijl, South African Journal of Criminal Justice, số 25(01)/2012. Cụ thể:

Tác giả Pooja Suresh Jaiswal luận giải về hành vi tấn công như việc đánh hoặc chạm vào người khác một cách thô lỗ, tức giận, thuyết phục hay kiêu ngạo. Tác giả Ehsan Zarokh trong bài viết "Tội phạm chống lại con người" cũng cho rằng ở một số khu vực pháp lý thì tội hành hung (assault) được đề cập đến là một hành vi bạo lực thực sự, trong khi ở một số khu vực pháp lý khác (như Mỹ, Anh và Xứ Wales) tội hành hung (assault) chỉ đề cập đến nguy cơ bạo lực, trong khi bạo lực thực sự thì là tấn công (battery). Tác giả Gowri Ramachandran lại đưa ra những tranh luận về khái niệm "cơ thể", đối tượng chịu tổn thương từ hành vi hành hung và tấn công, giải thích các loại tổn thương mà có thể hiện tại chúng ta đang bỏ qua. Tác giả đưa ra những nghi vấn liệu rằng có hành vi hành hung và tấn công vào cơ thể vô cơ của con người, những bộ phận không phải cơ thể sinh học của con người, không liên tục như chân tay giả, tế bào điện tử, bộ nhớ ngoài... Tác giả Charnelle Van Der Bijl phân tích định nghĩa đã sửa đổi của Snyman về hành hung liên quan đến khái niệm "sự toàn vẹn cơ thể" để xác định xem liệu các trường hợp lạm dụng tình cảm nghiêm trọng, nơi mà không có sự dự đoán về một cuộc tấn công trong tương lai, có thể được đưa vào phạm vi tội hành hung hay không[14]. Tác giả cũng thực hiện một cuộc điều tra về bản chất cái gọi là "hành hung tâm lý" và ý nghĩa của "cơ thể" tổn hại với sự dẫn chiếu đến án lệ ở Vương quốc Anh. Theo tác giả, hành hung là tội phạm không ngừng phát triển, nó bắt đầu từ một tội phạm mà bắt buộc phải có sử dụng vũ lực trực tiếp thành một tội phạm mở rộng bao gồm việc sử dụng vũ lực gián tiếp, nghĩa là không có bộ phận cơ thể nào bị chạm vào. Một ví dụ về việc sử dụng vũ lực gián tiếp có thể là sử dụng rượu hoặc chất độc, thứ có thể gây tổn thương bên trong[15].

Ở các quốc gia theo hệ thống thông luật, tội hành hung và tội tấn công là hai loại tội phạm riêng biệt nhưng thường được truy tố và xét xử chung với nhau, đều để chỉ những hành vi dùng vũ lực nhằm mục đích gây thương tích cho người khác nhưng có sự khác nhau về bối cảnh và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội. Cách tiếp cận cũng như cách định nghĩa khái niệm tội phạm hành hung và tấn công ở các quốc gia

[14] Xem: Charnelle Van der Bijl (2012), "Psychological Assault: The Crime of Assault Revisited", *South African Journal of Criminal Justice*, (25(01)), tr1, 2.
[15] Xem: Charnelle Van der Bijl (2012), tlđd, tr19-23.

này là xuất phát từ thực tiễn, bằng biện pháp mô tả, liệt kê những hành vi phạm tội khách quan trong thực tế cần phải bị xử lý về tội "hành hung".

Như vậy, có sự khác nhau khi nghiên cứu lý luận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các quốc gia theo hệ thống dân luật và thông luật. Trong khi các quốc gia theo hệ thống dân luật tiếp cận và sử dụng khái niệm có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam thì ở một số quốc gia theo hệ thống thông luật lại có hướng nghiên cứu khác. Các công trình nghiên cứu ngoài nước đã thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, thể hiện được phương hướng nghiên cứu lý luận ở các quốc gia cũng như luận giải các vấn đề lý luận cần nghiên cứu ở các quốc gia này.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu thực trạng pháp luật hình sự một số quốc gia và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Các công trình nghiên cứu pháp luật hình sự trong các quốc gia theo hệ thống thông luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể kể đến:

Luận án có: luận án tiến sĩ luật học "*Bảo vệ pháp luật hình sự đối với sức khỏe con người khỏi các hành vi phạm tội*" của tác giả của S.V. Rastoropov, Học viện Quản lý của Bộ Nội vụ Nga, năm 2004. Trong luận án này, tác giả tập trung nghiên cứu tội cố ý gây tổn thương ở cả ba mức độ: nghiêm trọng, trung bình và nhẹ, được quy định tại các điều 111, 112 và 115 BLHS Liên Bang Nga. Tác giả đã nghiên cứu sâu về các yếu tố cấu thành tội phạm, đặc biệt làm rõ dấu hiệu "tổn thương sức khỏe nghiêm trọng" tại Điều 111 BLHS Liên Bang Nga, với các nội dung đáng chú ý như: đánh giá hậu quả y khoa, xác định tỷ lệ mất sức lao động, tổn thương chức năng cơ quan, hoặc sẹo vĩnh viễn làm biến dạng khuôn mặt. Ngoài ra, luận án cũng phân tích kỹ các tình tiết định khung như "gây tổn thương trong trạng thái bị kích động mạnh", "vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng", từ đó đề xuất hoàn thiện các quy định tương ứng trong luật thực định. Luận án của tác giả Rastoropov không chỉ cung cấp cơ sở lý luận rõ ràng để hiểu đúng bản chất pháp lý của tội cố ý gây tổn thương, mà còn nghiên cứu thực tiễn phân biệt giữa các mức độ lỗi, hậu quả và hình phạt.

Bài báo có: Bài "*Premeditated damage to health. Problems of quanlification*" (Tạm dịch "Tội cố ý gây tổn thương nghiêm trọng đến sức khỏe. Vấn đề chuyên môn") của tác giả Dmitry Vladimirovich Nemtinov, Tạp chí Tambov University, số 01/2013; bài "*Whether the People's Court should make substantive examination of*

the expert opinion – Taking an intentional injury case by Li and Wu as an example" (Tạm dịch: Liệu rằng Tòa án nhân dân có nên xem xét nội dung ý kiến chuyên gia hay không – Từ vụ án cố ý gây tổn thương của Li và Wu) của tác giả Zilu Xu, Open Journal of Legal Science, số 11(3)/2023; bài "*On the revision of the cognizance standard of intentional injury crime*" (Tạm dịch: Về việc sửa đổi tiêu chuẩn nhận thức tội phạm cố ý gây tổn thương) của tác giả Yuan Jiahui và Sun Chengchen, Tạp chí Advances in Social Sciences, số 11(9)/2022; bài viết "*Assault-related Conduct under the proposed California Criminal Code*" (Tạm dịch: Hành hung – Hành vi liên quan theo dự thảo Luật Hình sự California) của tác giả Gerald M.Hinkley, Tạp chí Hastings Law, số 25/1973; Bài viết "*California's Implausible Crime of Assault*" (Tạm dịch: Tội phạm tấn công đáng kinh ngạc của California) của tác giả Miguel A. Mendez, Tạp chí California Legal History, số 08/2013; bài viết "*Psychological assault: The crime of assault revisited*" (Tạm dịch: Hành hung tâm lý: xem xét lại tội phạm hành hung) của tác giả Charnelle Van Der Bijl, *South African Journal of Criminal Justice*, số 25(01)/2012; bài viết "*Crime against the person's*" (Tạm dịch: Tội phạm chống lại con người), của tác giả Ehsan Zarrokh, trang ssrn.com, năm 2007. Cụ thể:

Tác giả Dmitry Vladimirovich Nemtinov sau những nghiên cứu lý luận và quy định pháp luật hình sự Liên bang Nga tại Điều 111 về tội cố ý gây tổn thương nghiêm trọng đến sức khỏe đã tập trung nghiên cứu Phần 4 Điều 111 về trường hợp cố ý gây tổn thương nặng làm nạn nhân chết. Tác giả cũng kiến nghị bổ sung thêm trường hợp cố ý gây tổn thương nghiêm trọng đến sức khỏe đối với phụ nữ mà biết là có thai vào Phần 2 Điều 111 BLHS Liên bang Nga vì trong trường hợp này trách nhiệm tăng lên do tổn thương gây ra không chỉ đối với người phụ nữ[16].

Tác giả Zilu Xu phân tích chuyên sâu một vụ án cố ý gây tổn thương đã trải qua hai cấp xét xử là vụ Li và Wu ở Thành phố Cảnh Đức Trấn, tỉnh Giang Tây. Trong vụ án có hai ý kiến thẩm định với các kết luận khác nhau về tổn thương của nạn nhân. Tác giả cho rằng TAND cần có đủ trình độ để xem xét thực chất các ý kiến thẩm định cả về nội dung và hình thức. Các ý kiến thẩm định chỉ khi đáp ứng các yêu cầu quy chuẩn chuyên môn cả về nội dung và hình thức thì mới được chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án. Ngoài ra các thẩm phán còn cần kết hợp logic cơ bản và

[16] Xem: Dmitry Vladimirovich Nemtinov (2013), tlđd, tr336.

kinh nghiệm để đánh giá toàn diện các ý kiến thẩm định với các tình tiết trong vụ án cũng như tính xác thực, tính khoa học và tính đầy đủ. Nếu phát hiện các nội dung chính của ý kiến thẩm định có nghi vấn, tài liệu thẩm định không đầy đủ, phương pháp thẩm định có vấn đề thì TAND sẽ không chấp nhận ý kiến thẩm định ngay cả khi đây là ý kiến của cơ quan thẩm định có thẩm quyền và trình độ tương ứng[17].

Các tác giả Yuan Jiahui và Sun Chengchen nghiên cứu quy định của BLHS Trung Quốc về tội cố ý gây tổn thương. Theo tác giả, những quy định của pháp luật hình sự Trung Quốc về mức độ thương tích của tội cố ý gây tổn thương cũng cực kỳ bất lợi cho việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và lợi ích hợp pháp. Do đó, các tác giả đã đề nghị sửa đổi tiêu chí xác định tội cố ý gây tổn thương gồm hai nội dung: Thứ nhất là mở rộng nội hàm khái niệm "gây tổn thương" gồm cả những hành vi gây tổn thương về mặt tinh thần cho nạn nhân. Thứ hai, mở rộng tiêu chuẩn định tính về tội cố ý gây tổn thương[18].

Tác giả Miguel A. Mendez đã nghiên cứu về cách tiếp cận của California trong việc hình sự hóa tội hành hung, tội tấn công trong sự so sánh với BLHS mẫu[19]. Trong khi BLHS mẫu ban hành các đạo luật để xác định các loại tấn công mà các tiểu bang muốn trừng phạt và một đạo luật riêng để xác định một nỗ lực và hình sự hóa một nỗ lực để thực hiện các hành vi tấn công đó thì BLHS của California lại chia làm hai phần. Một phần là định nghĩa về tấn công và đưa ra các hình phạt khác nhau cho các hành vi tấn công; phần thứ hai sẽ định nghĩa về hành hung và cung cấp những hình phạt khác nhau cho các tội phạm hành hung khác nhau. Tác giả dẫn chứng quy định tại Điều 242 về định nghĩa "tấn công" là "bất kỳ việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực có chủ ý và bất hợp pháp đối với người khác"; Điều 243 là các quy định hình phạt gồm: phạt tiền hoặc phạt tù. Tiếp theo, tác giả phân tích một số án lệ và đối chiếu với BLHS bang California, chỉ ra một số lỗi của Tòa án. Theo tác giả, tấn công bằng vũ khí chết người là một nỗ lực bất hợp pháp, bất kỳ đồ vật, dụng cụ hoặc vũ khí nào khi được sử dụng theo cách có khả năng gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho cơ

[17] Xem: Zilu Xu (2023), "Whether the People's Court should make substantive examination of the expert opinion – Taking an intentional injury case by Li and Wu as an example", *Open Journal of Legal Science*, (11(3)), tr1013, 1014.
[18] Xem: Yuan Jiahui & Sun Chengchen (2022), tlđd, tr3738-3741.
[19] The Model penal Code (hay MPC): BLHS mẫu do Viện Pháp lý Hoa Kỳ biên soạn từ những năm 1950 và ban hành lần đầu tiên vào năm 1962, là cơ sở để các bang thuộc Mỹ ban hành BLHS của riêng mình. Bộ luật có nhiều đóng góp, nổi bật là: việc hệ thống hóa, học thuật và sự hiểu biết về yếu tố tinh thần của tội phạm. Xem: Sanford J. Kadish (1999), "Fifty years of criminal law: An opinionated review", *California Law Review*, (87), tr 948.

thể thì đều là vũ khí chết người, để cấu thành một tội tấn công bằng vũ khí chết người không nhất thiết phải gây ra thương tích thực sự[20].

Tác giả Charnelle Van Der Bijl trong bài viết "Hành hung tâm lý: Xem xét lại tội phạm hành hung" có nghiên cứu pháp luật hình sự Vương quốc Anh về tội hành hung và tấn công. Theo nghiên cứu của tác giả, ở Vương quốc Anh, tội hành hung (assault) và tội tấn công (battery) là riêng rẽ với nhau. Như tác giả tìm hiểu, tội hành hung theo luật pháp Vương quốc Anh được xây dựng trên cơ sở hành vi tấn công gây thiệt hại về cơ thể, được ban hành vào thời điểm mà bệnh tâm thần ít được thừa nhận. Song, liệu rằng chúng ta có nên giải thích tội hành hung theo các tình huống hiện tại và kết luận rằng việc giải thích này phải được thực hiện dựa trên ánh sáng khoa học tốt nhất hiện nay về mối liên hệ giữa cơ thể và tâm thần học. Nghi vấn đó đã dẫn tác giả tìm kiếm đến các án lệ và đã thành công khi dẫn ra một nội dung án lệ đã tuyên bố như sau: "*Hệ thống thần kinh trên thực tế là một phần của cơ thể vật lý và rằng một tổn thương tâm lý cũng được xem như là tổn thương thể chất*". Từ đó tác giả nhận định nếu nhà nước thấy rằng cách giải thích rộng rãi của Tòa án về tội phạm tấn công không nhất quán với mấu chốt của hành vi phạm tội, có thể luật sẽ được sửa đổi theo hướng bao gồm một hành vi phạm tội hành hung mới gây tổn thương cho cơ thể và một hành vi tổn thương tinh thần để tương quan với những thay đổi của môi trường xã hội[21].

Qua kết quả nghiên cứu của các tác giả ngoài nước có thể thấy, do những thay đổi của xã hội, hiện nay ở các quốc gia cũng đều gặp phải những vấn đề khó khăn, vướng mắc khi áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Tuy có sự khác nhau về lịch sử lập pháp, đặc trưng hệ thống pháp luật, xã hội song vẫn có những vấn đề chung. Do đó việc nghiên cứu pháp luật hình sự nước ngoài có thể giúp chúng ta có những kinh nghiệm để hoàn thiện quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phù hợp với tình hình Việt Nam.

2. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu

2.1.1. Về mặt lý luận

[20] Xem: Miguel A. Mendez (2013), "California's Implausible Crime of Assault", *California Legal History,* (8), tr396-404.
[21] Xem: Charnelle Van Der Bijl (2012), tlđd, tr20 - 23.

Các công trình nghiên cứu trong nước về lý luận tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hầu hết đồng tình về các nội dung của các khái niệm "gây thương tích", "gây tổn hại cho sức khoẻ" cũng như tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thỏa mãn các điều kiện về tội phạm được quy định tại Điều 8 BLHS năm 2015 nói chung.

Các công trình nghiên cứu ngoài nước về lý luận tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phân tích và đề xuất mở rộng phạm vi "cơ thể" bị tổn hại, đề xuất đưa hành vi gây tổn thương về tinh thần trở thành một trong những đối tượng của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, đề xuất "cơ thể" - đối tượng chịu tổn hại bởi tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK là cơ thể liên tục về mặt vật lý, gồm cả cơ thể được tạo nên từ phần vô cơ, hữu cơ và được gọi là cơ thể xã hội.

2.1.2. Về thực trạng pháp luật hình sự và áp dụng pháp luật hình sự

Các bài viết về lịch sử phát triển pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã liệt kê khá đầy đủ các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam từ sau năm 1945 về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, ngoài ra còn có sự so sánh, đánh giá điểm khác nhau giữa các quy định. Đối với quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại Điều 134 BLHS năm 2015 các tác giả đã phân tích dấu hiệu pháp lý mang tính chất đặc trưng, cho phép phân biệt với các tội phạm khác là: khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan.

Các công trình nghiên cứu phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội giết người đã đưa ra được những cơ sở quan trọng để xác định tội phạm như ý thức chủ quan của người phạm tội, phương thức để xác định ý thức chủ quan của người phạm tội như: dựa vào hành vi khách quan, thái độ đối với hậu quả xảy ra. Có tác giả còn đề xuất trường hợp chứng cứ không đủ cơ sở để kết luận về ý định của người phạm tội thì hậu quả đến đâu, xử lý TNHS đến đấy.

Các công trình nghiên cứu phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đã tìm ra các dấu hiệu pháp lý khác nhau giữa hai loại tội phạm và văn bản hướng dẫn về "trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" của TAND tối cao.

Các công trình nghiên cứu thông qua kết quả xét xử của các tòa án trong từng giai đoạn đều đã chỉ ra được một số hạn chế, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Các hạn chế nổi bật mà các tác giả

chỉ ra gồm: Mặc dù quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 xây dựng là tội ghép nhưng thực tế áp dụng hầu như chỉ xử lý về tội CYGTT. Quy định bắt buộc phải giám định pháp y để xác định tỷ lệ TTCT mới khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử làm hạn chế việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Các văn bản hướng dẫn còn mang tính tạm thời, nhiều văn bản hướng dẫn quy định của BLHS từ năm 1985 hiện vẫn còn được áp dụng; trong khi nhiều quy định mới của BLHS năm 2015 đòi hỏi phải có sự giải thích hướng dẫn nhưng vẫn chưa có văn bản hướng dẫn khiến cho việc áp dụng pháp luật gặp khó khăn.

Từ đó, các tác giả đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật, cụ thể: Tách khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 thành một tội danh riêng và có chế tài cụ thể; đồng thời có văn bản hướng dẫn chi tiết về giới hạn áp dụng. Ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Bổ sung tại khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015 tình tiết gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của 02 người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên. Kiến nghị hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK dẫn đến chết người.

2.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu

2.2.1. Về mặt lý luận

Các công trình nghiên cứu trong nước về các khái niệm của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn hạn chế về số lượng, định nghĩa mà các tác giả đưa ra chưa chỉ ra được điểm đặc trưng của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK so với các tội phạm khác. Việc nghiên cứu khái niệm hay đặc điểm mục đích cuối cùng là phải thể hiện được những đặc trưng riêng, những điểm có thể phân biệt được tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm khác. Các tài liệu nước ngoài cũng chưa đưa ra được khái niệm phù hợp với phạm vi, đối tượng của tội phạm.

Đối tượng chịu tác động của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng là vấn đề quan trọng nhưng lại chưa nhận được sự quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam, các quan điểm và đề xuất của các nhà khoa học nước ngoài còn tản mát và chưa toàn diện.

Các cơ sở là căn cứ tội phạm hoá hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK, các giới hạn để xác định một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần phải xử lý hình sự thay vì xử lý bằng các biện pháp khác như hành chính hay xử lý chuyển hướng.

2.2.2. Về thực trạng quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Các công trình nghiên cứu lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK chưa có sự gắn kết, tiếp nối và phát triển của pháp luật. Một số công trình mới chỉ ra những điểm hạn chế, vướng mắc mà chưa có sự phân tích, luận giải để làm rõ vấn đề làm căn cứ để đưa ra kiến nghị phù hợp.

Vấn đề quy định của pháp luật hình sự xử lý NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng cần được quan tâm nghiên cứu sâu hơn. Có tác giả qua nghiên cứu của mình đã phát hiện ra tình hình tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK do NCTN thực hiện ngày càng gia tăng. Song tác giả lại lý giải là do hình phạt chưa đủ nghiêm và kiến nghị về việc nâng hình phạt để tạo sự răn đe.[22] Lý giải của tác giả còn nhiều điều cần tiếp tục nghiên cứu. Bởi lẽ không có một bằng chứng xác thực nào chứng minh hình phạt thấp là lý do khiến cho tình hình tội phạm này ở NCTN gia tăng, trong khi xu thế chung của thế giới là ngày càng hạ thấp mức hình phạt nói chung, đặc biệt đối với đối tượng là NCTN phạm tội.

Các công trình nghiên cứu phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội giết người và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do tập trung vào các dấu hiệu pháp lý quy định trong luật mà chưa nghiên cứu về những đòi hỏi của thực tiễn, các yếu tố tác động đến tình tiết trong vụ án khiến cho việc xác định tội danh gặp khó. Ngoài ra còn một số tội phạm khác cũng có các dấu hiệu tương đồng như tội hành hung đồng đội, tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK, tội hành hạ người khác nhưng chưa được nghiên cứu để phân biệt với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Các công trình nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật hầu hết lựa chọn khoảng thời gian bắt đầu từ trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực. Nhiều công trình nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật từ trước năm 2015, tức là từ trước cả khi BLHS năm 2015 ra đời, nên những vấn đề thực tiễn áp dụng pháp luật là áp dụng BLHS năm 1999. Điều này cũng có nghĩa là những vướng mắc bất cập mà các công trình này chỉ ra về thực tiễn áp dụng pháp luật, có vấn đề đã được giải quyết khi BLHS năm 2015 có hiệu lực. Trong khi thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội

---

[22] Đào Thị Minh Hải (2021), *Tội cố ý thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong Bộ luật Hình sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr60.

CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực đến nay chưa được nghiên cứu. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực đến nay sẽ đánh giá được toàn bộ tác động của quy định pháp luật mới đối với thực tiễn áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

2.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Thứ nhất, hiện còn hạn chế các công trình đưa ra định nghĩa cho tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, các định nghĩa còn nhưng chưa phù hợp, chưa có tính khái quát. Do đó cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện định nghĩa khái niệm, đặc điểm của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để làm rõ điều gì khiến cho tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK khác với các loại tội phạm khác. Cũng như tiếp tục nghiên cứu để làm rõ giới hạn hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK phải chịu TNHS

Thứ hai, hiện chưa có công trình nào nghiên cứu pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với nhóm các quốc gia Trung Quốc, Liên Bang Nga, Thuỵ Điển, Liên Bang Đức, Hoa Kỳ. Do đó luận án sẽ tiếp tục nghiên pháp luật hình sự của các quốc gia này về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đưa ra một số gợi mở cho nhà lập pháp Việt Nam khi hình sự hóa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Nhóm quốc gia mà NCS thực hiện nghiên cứu cũng có sự cân nhắc và lựa chọn dựa trên truyền thống pháp luật, đặc điểm kinh tế, xã hội để đạt được cái nhìn tổng quát nhất trong việc đánh giá các yếu tố khác nhau đã tác động như thế nào đến việc hình sự hóa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu về thực trạng pháp luật quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo chiều dài lịch sử lập pháp về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK (từ sau năm 1945) trên cơ sở sự nhận thức toàn bộ quy định của pháp luật hình sự Việt Nam ở quá khứ đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK được coi là tội phạm trong sự gắn kết với bối cảnh pháp luật. Luận giải sự phù hợp cũng như những bất cập của quy định pháp luật so với lý luận và thực tế để từ đó làm nền móng cho những nhận thức mới, xây dựng những quy định phù hợp hơn. Đối với quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK luận án sẽ tập trung vào các vấn đề như: Sự phù hợp của quy định hiện hành đối với mức tối thiểu tỷ lệ TTCT bị coi là phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Quy định về hành vi chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Đặc biệt, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu về các loại hình phạt có

thể được áp dụng đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong sự phù hợp với xu thế chung của thế giới, đặc biệt là với đối tượng NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu quy định pháp luật về hình phạt đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đưa ra những kiến nghị phù hợp.

Các công trình phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK mới chỉ dừng lại ở việc phân biệt với các tội như tội giết người, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Luận án sẽ tiếp tục hoàn thiện việc phân biệt với các tội phạm trên và phân biệt với các tội phạm khác có các đặc điểm tương đồng như tội hành hung đồng đội, tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK, tội hành hạ người khác.

Thứ tư, về thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, luận án sẽ nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ năm 2018 đến năm 2025, tức là từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực trên phạm vi cả nước. Giai đoạn này cũng là giai đoạn từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành trong thực tiễn, sẽ đánh giá được tổng quan tình hình áp dụng quy định Điều 134 BLHS năm 2015 trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử. Ngoài ra, đối với tình hình tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do NCTN thực hiện gia tăng, ngoài việc tiếp tục nghiên cứu các quy định pháp luật còn nghiên cứu thực tiễn xét xử NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Từ đó phản biện lại quan điểm cho rằng hình phạt chưa đủ nghiêm là lý do khiến tình hình NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK gia tăng. Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thực hiện bởi NCTN mang những đặc trưng riêng về lứa tuổi. Do đó cách thức xử lý và hình thức xử lý NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK không thể giống như người thành niên. NCS cũng định hướng sẽ nghiên cứu, đề xuất xử lý tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK phù hợp với xu thế chung của thế giới đó là giảm hình phạt tù và gia tăng áp dụng các biện pháp chuyển hướng.

Thứ năm, về giải pháp, kiến nghị: trên cơ sở những đánh giá về mặt lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trên cả nước, luận án đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và các giải pháp khác nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

KẾT LUẬN PHẦN TỔNG QUAN

Qua nghiên cứu tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, NCS đã rút ra một số nhận xét như sau: Hiện nay chưa có một công trình khoa học nào triển khai nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở cấp độ luận án tiến sĩ. Một số công trình khoa học có liên quan đến tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng chỉ nghiên cứu ở phạm vi hẹp, chưa toàn diện, chưa đầy đủ, còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Một số công trình nghiên cứu về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK dưới góc độ khoa học pháp luật hình sự đã định nghĩa khái niệm qua việc bóc tách các bộ phận như gây thương tích, gây tổn hại cho sức khoẻ, tổn thương, cơ thể, hành hung và tấn công. Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ so sánh với các tội phạm khác có các dấu hiệu tương đồng như tội giết người, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Về thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật, các công trình đã có sự hệ thống các quy định pháp luật qua các BLHS, các sửa đổi, bổ sung và chỉ ra những hạn chế, bất cập còn tồn tại để từ đó đưa ra những kiến nghị khắc phục.

Trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được của các công trình khoa học được tổng quan, luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu một số nội dung sau: (i) Luận án nghiên cứu một số vấn đề lý luận như định nghĩa của khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, các đặc điểm của tội phạm này, các cơ sở quy định tội phạm này trong luật hình sự. Luận án cũng nghiên cứu pháp luật hình sự của một số quốc gia đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đưa ra một số gợi mở cho Việt Nam. (ii) Luận án nghiên cứu pháp luật hình sự một số quốc gia là Trung Quốc, Liên Bang Nga, Thuỵ Điển, Liên Bang Đức, Hoa Kỳ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đưa ra một số gợi mở cho nhà lập pháp Việt Nam. (iii) Luận án nghiên cứu về thực trạng pháp luật quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK từ sau năm 1945. Đặc biệt, luận án nghiên cứu quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 trong sự so sánh với các tội có các đặc điểm tương đồng như tội giết người, tội hành hung đồng đội, tội

CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK, tội hành hạ người khác. (iv) Luận án tiếp tục nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trên cả nước từ năm 2018 đến năm 2025, để đưa ra những đánh giá về tình hình áp dụng quy định Điều 134 BLHS năm 2015 trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử. (v) Trên cơ sở những đánh giá về mặt lý luận, kinh nghiệm của các quốc gia đã nghiên cứu, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trên cả nước, luận án đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và các giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Những kết quả đánh giá tổng quan các công trình đã nghiên cứu về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại phần này là cơ sở cho việc tiếp tục nghiên cứu tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các chương tiếp theo.

PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. Khái niệm, đặc điểm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.1.1. Khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, hành vi bạo lực và trả thù xuất hiện như một phương thức phản ứng tự nhiên đối với sự xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc lợi ích của cá nhân, nhóm người. Ph.Ăngghen khi nghiên cứu về nguồn gốc của nhà nước đã chỉ ra rằng: Ở giai đoạn xã hội nguyên thủy và tiền nhà nước, khi chưa tồn tại một thiết chế quyền lực công đủ mạnh để duy trì trật tự chung, việc giải quyết xung đột chủ yếu dựa trên nguyên tắc "báo thù" giữa cá nhân, gia đình hoặc thị tộc. Hành vi trả thù khi đó được xem như cách thức khôi phục danh dự, cân bằng thiệt hại và răn đe các hành vi xâm hại trong cộng đồng. Tuy nhiên, cơ chế này thường dẫn đến sự leo thang của bạo lực, tạo ra các vòng xoáy trả thù liên tiếp, gây mất ổn định đời sống xã hội và đe dọa sự tồn tại của cộng đồng. Chính từ nhu cầu kiểm soát bạo lực, hạn chế tình trạng tư thù và thiết lập một trật tự xã hội ổn định, nhà nước đã xuất hiện với tư cách là chủ thể nắm giữ quyền lực công và độc quyền cưỡng chế hợp pháp. Nhà nước từng bước thay thế cơ chế trả thù cá nhân bằng các quy phạm pháp luật và hoạt động xét xử, qua đó chuyển việc xử lý hành vi xâm hại từ phạm vi tư nhân sang phạm vi công quyền. Sự xuất hiện của nhà nước vì vậy không chỉ đánh dấu bước phát triển của tổ chức xã hội mà còn thể hiện quá trình văn minh hóa trong cách thức kiểm soát hành vi bạo lực, bảo đảm công lý và duy trì trật tự xã hội bằng pháp luật thay vì bằng sự trả đũa cá nhân.[23] Vấn đề này cũng đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu và đúc kết lại một số lý thuyết sau:

Triết lý bảo vệ quyền con người nhấn mạnh rằng quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ là quyền tự nhiên, cơ bản nhất của con người. Hiến pháp của các nước văn minh đều coi thân thể con người là bất khả xâm phạm. Quyền toàn vẹn thân thể là đối tượng bảo vệ của luật hình sự là quyền bảo vệ cơ thể khỏi sự can thiệp có

[23] Xem: Ph.Ăngghen (1972), *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, NXB Sự thật, Hà Nội.

chủ ý và loại trừ một số trường hợp đi ngược lại quyền toàn vẹn cơ thể nhưng không bị coi là tội phạm hình sự, ví dụ như trong y tế, thể thao[24]. Quyền toàn vẹn thân thể được nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận và được văn kiện pháp lý quốc tế là Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền[25] bảo vệ. Tội phạm hóa các hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác nhằm gây ra thiệt hại về sức khỏe cho nạn nhân là một trong những biện pháp thực hiện chính sách hình sự của nhà nước để bảo vệ sự toàn vẹn thân thể.

Thuyết phân loại tội phạm dựa trên sự tiến hóa về đạo đức đã xếp nhóm hành vi được coi là tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK vào nhóm tội phạm được nhà nước xây dựng dựa trên nền tảng lĩnh vực đạo đức là "chăm sóc/làm hại"[26]. Nhu cầu chăm sóc những đứa con phụ thuộc, những họ hàng gần gũi, thành viên trong nhóm là động cơ ban đầu để phát triển một trực giác mạnh mẽ rằng việc gây thương tích hay tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà không có lý do chính đáng là sai trái về mặt đạo đức và các chủ thể thực hiện các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK phải chịu các biện pháp trừng phạt theo cách tương xứng với mức độ nghiêm trọng hậu quả gây ra.[27]

Triết lý hợp đồng xã hội: người dân từ bỏ một phần quyền tự do cá nhân (quyền tự xử lý mâu thuẫn bằng bạo lực) và trao quyền đó cho nhà nước. Đổi lại, nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm an ninh, trật tự cho họ. Đây là một hành động cam đoan hai chiều, có tính tập thể và đạo đức.[28] Theo đó, khi một người xâm phạm vào cơ thể của một người khác, làm tổn hại đến sức khoẻ của người này cũng tức là đã xâm phạm đến thể chế mà người đó đã góp phần tạo ra – nhà nước. Và bởi vì mối quan hệ hai chiều giữa công dân và nhà nước nên nhà nước có nghĩa vụ và cần thiết phải có hành động đáp lại hành vi vi phạm này nhằm bảo vệ công dân cũng như bảo vệ tồn tại của thể chế.

Như vậy, các triết lý, học thuyết trên đã chỉ ra rằng khi một người thực hiện

---

[24] Xem: Sebastián González & Jean-Pol Beauthier (2020), "Injury crimes and the temporary incapacity for work: A critique", *Aggression and Violent Behavior*, (51), tr1-7.
[25] Xem: United Nations (1948), *Universal Declaration of Human Rights*, tại: https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights, truy cập ngày 10/8/2026.
[26] Xem: Jonathan Haidt (2012), *The righteous mind: Why good people are divided by politics and religion*, Pantheon Books, New York, tr102.
[27] Xem Rusil Durrant (2021), "Evolutionary theory and the classification of crime", *Aggression and Violent Behavior*, (59), tr3.
[28] Xem: Jean-Jacques Rousseau (2013), *Khế ước xã hội*, Dương Văn Hoá (dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, tr43-51.

một hành vi bạo lực với một người khác, họ không chỉ làm nạn nhân bị đau, bị TTCT mà còn đang phá vỡ sự bình yên của xã hội, đó là lý do họ phải chịu một biện pháp trừng trị hay một hình thức bất lợi tương ứng. Nếu nhà nước không can thiệp sẽ dẫn đến tình trạng bạo lực leo thang, đe doạ đến sự ổn định của quốc gia. Để nhà nước có thể thực hiện các biện pháp bảo vệ các quyền về sức khoẻ con người, người dân sẽ thực hiện hợp đồng xã hội theo đó từ bỏ một phần quyền tự do cá nhân (quyền tự xử lý mâu thuẫn bằng bạo lực) và trao quyền đó cho nhà nước. Đổi lại, nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm an ninh và trật tự cho họ. Câu hỏi đặt ra là mức độ can thiệp của nhà nước, các chính sách về quy định tội phạm (tội phạm hoá và phi tội phạm hóa) đối với các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở mức độ nào là hợp lý.

Các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK bắt nguồn từ những hành vi bạo lực sơ khai, qua thời gian mở rộng ra những hình thức mới có thể không trực tiếp tác động vào cơ thể người khác. Các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK thông thường có thể dùng công cụ hỗ trợ nhưng cũng có thể chỉ dùng tay, chân đấm đá. Một số hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK đặc biệt hơn có thể thông qua việc sử dụng động vật, hay người thứ ba mà người này không phải chịu TNHS… Hiện nay với sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, những hành vi này còn có thể được thực hiện qua con chip hay phần mềm gây hại cho con người. Nhìn chung, những hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK rất đa dạng, tuy thường thấy dưới các dạng hành vi có sử dụng vũ lực như hành hung hay tấn công nhưng không phải mọi trường hợp đều vậy. Các hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác thường để giải quyết các mâu thuẫn trong đời sống xã hội, nơi mà người thực hiện hành vi và nạn nhân có thể có mối quan hệ gần gũi như trong gia đình, trong trường học, cùng cộng đồng tôn giáo, cùng cộng đồng dân cư... hoặc cũng có thể không có mối quan hệ gì, chỉ là người qua đường. Khi thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK, người phạm tội nhằm mục đích gây ra thiệt hại về sức khỏe cho nạn nhân, xâm phạm đến quyền toàn vẹn thân thể của con người.

Việc đặt tên cho loại tội phạm này có thể dựa vào hai thuộc tính chính của tội phạm là hành vi và hậu quả. Trong trường hợp đặt tên dựa trên việc khái quát hóa dạng hành vi phạm tội, nhóm tội phạm này có thể được đặt tên là "tội hành hung hoặc tấn công". Tuy nhiên việc khái quát nhóm hành vi này dưới tên gọi "hành hung hoặc tấn công" hiện nay có hạn chế là không bao quát được những hành vi như đầu độc

hay lợi dụng việc điều trị bệnh cho bệnh nhân để phạm tội và những dạng hành vi có thể sẽ phát sinh trong tương lai. Trong trường hợp đặt tên dựa vào hậu quả của hành vi phạm tội là những thiệt hại cho sức khỏe con người thì có thể đặt tên là tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hay tội cố ý gây TTCT. Nếu đặt tên là tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có hạn chế là: khiến loại tội phạm này bị coi là tội phạm ghép, gồm hai loại hành vi phạm tội là tội CYGTT và tội cố ý GTHCSKCNK. Thực tế thì một hành vi phạm tội có thể gây ra cả thương tích và tổn hại nên việc đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi trong những trường hợp cụ thể phải dựa vào tổng hợp TTCT biểu hiện cả dưới hình thức thương tích và tổn hại sức khỏe. Do đó việc phân chia như vậy không có nhiều ý nghĩa trong đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác nhằm gây ra thiệt hại về sức khỏe cho nạn nhân ở các quốc gia có sự khác nhau về tên gọi. Các quốc gia như Trung Quốc, Liên Bang Nga sử dụng khái niệm "tội cố ý gây tổn thương" (intentional injury crime) trong khi các quốc gia như Anh, Mỹ tuy sử dụng khái niệm "tội hành hung và tội tấn công" (assault and battery crime) nhưng phần hậu quả của hành vi phạm tội hầu hết sử dụng thuật ngữ "bodily injury". Có một số tài liệu khi dịch thuật ngữ "intentional injury crime" sang tiếng Việt đã dịch là tội CYGTT. Từ "injury" trong tiếng Anh – Anh được định nghĩa là "actual harm caused to people or property"[29] (tạm dịch: thiệt hại thực tế gây ra cho người hoặc tài sản). Từ điển Black Law định nghĩa "injury" là "any harm or damage" (tạm dịch: bất kỳ tổn hại hay thiệt hại), "bodily injury" là "physical damage to a person's body"[30] (tạm dịch: thiệt hại vật chất cho cơ thể của một người). BLHS mẫu của Mỹ có sử dụng thuật ngữ "bodily injury" để chỉ hậu quả của tội hành hung và tội tấn công và được định nghĩa là "physical pain, illness or any impairment of physical condition" [31] (tạm dịch: đau đớn về thể xác, bệnh tật hoặc bất kỳ sự suy yếu nào về tình trạng thể chất). Như vậy việc một số tài liệu khi dịch thuật ngữ "intentional injury crime" sang tiếng Việt là tội CYGTT là chưa đầy đủ, ở đây từ "injury" tương đương với từ "tổn thương"[32] thì hợp lý hơn, về thuật ngữ pháp lý thì "intentional injury crime" cần dịch tương đương với

[29] Oxford (1994), *A Dictionary of law*, Oxford University Press, tr201.
[30] Bryan A.Garner (2010), *Black's law dictionary*, Ninth edition, St. Paul Publishing, tr673.
[31] Xem: The American Law Institute (1962), Model Penal Code, §210.0(2), tại https://www.law.upenn.edu/faculty/paul-robinson/clrgcodes/MPC.html, truy cập ngày 10/8/2026.
[32] Tra cứu tại từ điển Y khoa: http://medisoft.com.vn/medic.asp?Page=3&Size=4, truy cập ngày 10/8/2026.

"tội cố ý gây tổn thương".

Ở Việt Nam, thời điểm Thông tư 442-TTg ngày 19/01/1955 về việc trừng trị một số tội phạm được ban hành đã sử dụng khái niệm "đánh bị thương". Tuy nhiên đến khi BLHS đầu tiên[33] được ban hành, tội "đánh bị thương" đã được thay thế bằng tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và một số tội phạm khác. Mặc dù BLHS đã trải qua nhiều lần thay thế và sửa đổi, khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn được sử dụng thống nhất cả trong lập pháp và nghiên cứu khoa học đến bây giờ.

Về định nghĩa cho khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu. Các tác giả Yuan Jiahui và Sun Chengchen tổng hợp một số quan điểm của giới học thuật Trung Quốc về hành vi gây tổn thương như sau: Quan điểm thứ nhất, lý thuyết về tổn thương chức năng sinh lý: cho rằng gây tổn thương là làm hỏng hoặc làm xấu đi chức năng sinh lý của một người. Quan điểm thứ hai, lý thuyết về thiệt hại đến tính toàn vẹn thể chất: hiểu gây tổn thương là xâm phạm tính toàn vẹn cơ thể con người. Quan điểm thứ ba, lý thuyết về sự suy giảm sức khỏe thể chất: cho rằng gây tổn thương là khiến sức khỏe của cơ thể con người tiếp tục suy giảm. Quan điểm thứ tư là sự kết hợp giữa lý thuyết về tổn thương chức năng sinh lý với lý thuyết về tổn thương tính toàn vẹn của cơ thể: coi gây tổn thương là hành vi xâm phạm trái pháp luật gây tổn hại đến chức năng sinh lý và tính toàn vẹn của cơ thể con người. Các tác giả cho rằng nếu chỉ hiểu hành vi tổn thương là hành vi xâm phạm trái pháp luật của người phạm tội đối với sự toàn vẹn về thể chất của nạn nhân thì không thể bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân. Không thể loại trừ hoàn toàn nỗi đau khổ về tinh thần do hành vi cố ý gây tổn thương gây ra. Do đó, theo các tác giả tổn thương phải bao gồm cả tổn thương về tinh thần của nạn nhân.[34]

Tác giả Nemtinov Dmitry Vladimirovich ủng hộ quan điểm của P.A. Dublvets rằng những cú đánh, đòn roi và các hành động bạo lực khác liên quan đến việc gây đau đớn về thể xác cũng như mọi TTCT khác đều gây hại cho sức khỏe của một người. Nó phản ánh ở mức độ lớn hơn mong muốn bảo vệ sức khỏe con người, đảm bảo quyền toàn vẹn về thể chất (cơ thể) và cuối cùng là đảm bảo an toàn cho sức khỏe

[33] Bộ luật Hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VII, kỳ họp thứ 9, nhất trí thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1985 tại Hà Nội.
[34] Xem: Yuan Jiahui và Sun Chengchen (2022), tlđd, tr3737- 3741.

của công dân.[35] Khoản 1 điều 116 BLHS Liên bang Nga[36] định nghĩa hành vi khách quan của tội hành hung được mô tả như sau: "*Gây ra các vết bầm tím hoặc thực hiện các hành động hành hung khác gây đau đớn về thể chất nhưng không dẫn đến hậu quả được quy định tại điều 115 của Bộ luật này*". Định nghĩa này thừa nhận rằng hành hung thực chất là các hành động đánh đập. Tuy nhiên, các hành vi hành hung có thể được thực hiện không chỉ thông qua đánh đập, mà còn bằng các hành động như giật tóc, chèn ép các bộ phận cơ thể của nạn nhân, đốt cháy bằng lửa và các hành động tương tự. Tại Mục 9 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Toà án Tối cao Liên bang Nga ngày 04 tháng 5 năm 1990, số 3, về "Thực tiễn xét xử các vụ án về hành vi cưỡng đoạt" (đã được sửa đổi), có nêu rằng tấn công không nguy hiểm cho tính mạng và sức khỏe, được coi là dấu hiệu định tội danh của hành vi cưỡng đoạt (khoản 3 điều 148 BLHS Liên Bang Nga), bao gồm các hành vi như đánh đập, gây tổn thương nhẹ không dẫn đến rối loạn sức khỏe tạm thời hoặc mất khả năng lao động nhẹ kéo dài, cũng như các hành vi tấn công khác gây đau đớn về thể chất cho nạn nhân hoặc hạn chế tự do của họ, miễn là hành vi đó không gây nguy hiểm cho tính mạng và sức khỏe.[37] Từ kết luận này cho thấy rằng hành vi hành hung ở Liên Bang Nga được hiểu là hành vi không gây ra rối loạn sức khỏe tạm thời hoặc mất khả năng lao động nhẹ kéo dài mà chủ yếu được hiểu là bạo lực thể chất dưới hình thức thực hiện nhiều lần hành vi đánh đập. Việc giải thích khái niệm hành hung này khác hoàn toàn so với ở Hoa Kỳ.

Tác giả Simon Greenleaf đưa ra khái niệm về tội hành hung (an assault) như sau: "*Một hành vi hành hung được định nghĩa, bởi những người viết luật hình sự, là một hành vi cố ý bằng vũ lực, nhằm gây ra tổn thương cho người khác*"[38]. Về hành vi tấn công (a battery) tác giả viết: "*Một hành vi tấn công bị buộc tội bất cứ khi nào bạo lực bị đe dọa trong một cuộc tấn công đã được thực hiện, mặc dù ở mức độ rất*

---

[35] Xem: Dmitry Vladimirovich Nemtinov (2013), tlđd, tr331-337.

[36] Xem: BLHS Liên Bang Nga ban hành ngày 13/6/1996, lần sửa đổi gần nhất là ngày 23/7/2025, tại: http://www.kremlin.ru/acts/bank/9555, truy cập ngày 10/8/2026.

[37] Xem: Shagvaliev, R. M. (2010). "Some problems of criminal-legal regulation and qualification of beatings and torture", *Russian Journal of Economics and Law*, (3(15)), 183-188, tại: https://cyberleninka.ru/article/n/ nekotorye-problemy-ugolovno-pravovoy-reglamentatsii-i-kvalifikatsii-poboev-i-istyazaniya, truy cập ngày 10/8/2026.

[38] Nguyên văn "An assault is defined, by writers on criminal law, to be an intentional attempt, by force, to do an injury to the person of another." Simon Greenleaf (2012), Part V. Assault, *A Treatise on the Law of Evidence*, Charles C.Little and James Brown, Boston, tr57.

nhỏ, lên một người"[39]. Tác giả Pooja Suresh Jaiswal trong bài viết "Phòng vệ đối với hành vi hành hung và tấn công" đưa ra định nghĩa cho hành vi hành hung như sau: "*Một hành vi hành hung là hành vi cố gắng hoặc đe dọa gây tổn thương về thể xác cho người khác, cùng với khả năng rõ ràng và ý định gây thiệt hại*"[40]. Theo tác giả, hành vi hành hung được gây ra bao gồm: cố gắng gây tổn hại và việc tạo ra nỗi sợ hiện tại về bạo lực (yêu cầu tiếp xúc thực sự với cơ thể của người khác là không cần thiết). Về khái niệm tấn công tác giả viết: "*Tấn công là sự áp dụng có chủ đích và trực tiếp của bất kỳ lực vật lý nào lên người khác*"[41]. Tác giả luận giải về hành vi tấn công như việc đánh hoặc chạm vào người khác một cách thô lỗ, tức giận, thuyết phục hay kiêu ngạo. Tác giả Ehsan Zarokh trong bài viết "Tội phạm chống lại con người" cũng cho rằng ở một số khu vực pháp lý thì tội hành hung được đề cập đến là một hành vi bạo lực thực sự, trong khi ở một số khu vực pháp lý khác (như Mỹ, Anh và Xứ Wales) tội hành hung chỉ đề cập đến nguy cơ bạo lực, trong khi bạo lực thực sự thì là tấn công[42]. Như vậy, dù có sử dụng những thuật ngữ khác nhau để mô tả nhưng tựu lại các tác giả đều công nhận hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là hành vi có tính chất bạo lực, tác động lên cơ thể của người khác để lại đau đớn, những vết thương, tổn hại sức khoẻ của người này.

Ở Việt Nam, các tác giả theo quan điểm thứ nhất cho rằng "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác ở mức độ được luật quy định*"[43], nhóm tác giả này cũng cho rằng "*thương tích được hiểu là tổn hại cho sức khỏe thể hiện qua dấu vết để lại trên cơ thể con người; tổn thương khác được hiểu là tổn hại cho sức khỏe mà không thể hiện thành dấu vết trên cơ thể*"[44]. Tuy nhiên các tác giả không luận giải những dấu vết này chỉ là các dấu vết bề ngoài mà

---

[39] Nguyên văn: "A battery is committed whenever the violence menaced in an assault, is actually done, though in ever so small a degree, upon the person". Simon Greenleaf (2012), tlđd, tr59.

[40] Nguyên văn: "An assault is an attempt or a threat to do a corporal hurt to another, coupled with apparent present ability and intention to cause harm". Pooja Suresh Jaiswal (2022), Defence to an Action for Assault and Battery, *International Journal of Law Management & Humanities*, (05(6), tr1547.

[41] Nguyên văn: "Battery is the intentional and direct application of any physical force to the person (I.e. body) of another". Pooja Suresh Jaiswal (2022), tlđd, tr1547.

[42] Xem: Ehsan Zarrokh (2007), "Crimes against the person's", tại: http://ssrn.com/abstract=961355, truy cập ngày 10/8/2026.

[43] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Phần các tội phạm (Quyển 1), NXB CAND, Hà Nội, phần footnote tr99.

[44] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), tlđd, tr99.

mắt thường có thể trông thấy được hay bao gồm cả các dấu vết bên trong cơ thể mà phải thông qua công cụ hỗ trợ, tiến hành giám định pháp y mới xác định được. Còn "*cố ý gây thương tích là (hành vi) cố ý xâm phạm thân thể, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích cụ thể.*"[45] Như vậy, những tác giả theo quan điểm này đã lựa chọn sử dụng khái niệm "tổn hại cho sức khỏe" để chỉ chung tất cả những thiệt hại về sức khoẻ mà nạn nhân phải chịu do hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể do người khác thực hiện và tổn hại được thể hiện dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác.

Các tác giả theo quan điểm thứ hai cho rằng: "*Tội cố ý gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi tác động trái pháp luật đến thân thể của người khác gây thiệt hại về sức khỏe cho họ dưới dạng thương tích hoặc tổn hại về sức khỏe trong các trường hợp luật định*"[46], các tác giả cũng định nghĩa "*Thương tích là những vết thương để lại trên cơ thể của người bị hại vì thế mà làm suy giảm sức khỏe của họ như vết rách cơ, dập lá lách v.v… Tổn hại về sức khỏe là sự rối loạn chức năng hoạt động của cơ thể nạn nhân khiến sức khỏe của họ bị suy giảm như rối loạn hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ thần kinh…*"[47]. Các tác giả này có cùng quan điểm về tên gọi cho hành vi cố ý gây thiệt hại cho sức khỏe của người khác với nhà làm luật, tuy nhiên khái niệm lại bỏ qua đặc điểm quan trọng của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đó là lỗi cố ý của người phạm tội. Các tác giả đi sâu vào phân tích các hậu quả xảy ra do hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK gồm thương tích, tổn hại cho sức khoẻ để tìm cách lý giải cho việc phân tách hai hành vi phạm tội là hành vi CYGTT và hành vi cố ý GTHCSKCNK.

Để xây dựng khái niệm khoa học về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần xuất phát từ các khái niệm nền tảng của luật hình sự như tội phạm, tội phạm thực hiện do lỗi cố ý, hậu quả của hành vi và đối tượng bị tác động bởi hành vi phạm tội. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng giúp xác định đầy đủ bản chất pháp lý của tội phạm này cũng như làm rõ phạm vi điều chỉnh của pháp luật hình sự đối với các hành vi xâm phạm sức khoẻ con người.

Theo quy định của BLHS Việt Nam, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội

---

[45] Viện Khoa học Pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách Khoa, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr172.
[46] Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần các tội phạm – quyển 1), NXB Hồng Đức, tr86.
[47] Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2022), tlđd, tr87.

được quy định trong BLHS, do người có năng lực trác nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các khách thể được Nhà nước bảo vệ như độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của BLHS phải bị xử lý hình sự. Khái niệm này phản ánh những đặc điểm cơ bản của tội phạm, bao gồm tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự. Trong đó tính nguy hiểm cho xã hội được xem là dấu hiệu cơ bản nhất của tội phạm, thể hiện ở khả năng gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại cho các khách thể được Nhà nước bảo vệ. Đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi được thể hiện ở việc người phạm tội sử dụng các phương thức khác nhau để tác động trái pháp luật đến cơ thể con người, gây ra những thiệt hại nhất định đối với sức khoẻ của nạn nhân, qua đó xâm phạm quyền được bảo vệ về thân thể và sức khoẻ - một trong những quyền nhân thân cơ bản của con người được ghi nhận trong Hiến pháp và các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

Bên cạnh dấu hiệu về tính nguy hiểm cho xã hội, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được thực hiện do lỗi cố ý. Theo lý luận chung của luật hình sự, lỗi cố ý là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có tính chất nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.[48] Người phạm tội không chỉ nhận thức được hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại cho sức khoẻ của người khác mà còn có thái độ tâm lý tích cực hoặc ít nhất là "để mặc" đối với hậu quả đó. Đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, người phạm tội thường nhận thức rõ hành vi dùng vũ lực, sử dụng hung khí, hoá chất nguy hiểm... có thể gây ra thương tích hoặc suy giảm sức khoẻ của nạn nhân. Đây chính là cơ sở để phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK.

Một dấu hiệu quan trọng khác cần được làm rõ khi nghiên cứu khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là đối tượng chịu tác động của hành vi phạm tội. Sức khoẻ

[48] Xem: Nguyễn Ngọc Hoà (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr126.

bị xâm hại ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phải là của người khác chứ không phải của chính người thực hiện hành vi phạm tội. Khách thể trực tiếp bị xâm phạm bởi tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là quyền được bảo đảm về sức khoẻ của cá nhân trong các quan hệ xã hội. Do đó hành vi tác động đến chính cơ thể của người thực hiện hành vi phạm tội không làm phát sinh sự xâm phạm đến khách thể này. Cách tiếp cận này cũng thể hiện quan điểm tôn trọng quyền tự quyết của cá nhân đối với cơ thể của mình, tức là tách việc bảo vệ quyền quyết định đối với cơ thể (quyền tự chủ) ra khỏi việc bảo vệ quyền toàn vẹn thân thể (tách tính chủ quan của con người với phần còn lại của thế giới)[49]. Quyền toàn vẹn thân thể là đối tượng bảo vệ của luật hình sự là quyền bảo vệ cơ thể khỏi sự can thiệp có chủ ý nhưng được loại trừ một số trường hợp đi ngược lại quyền toàn vẹn cơ thể mà không bị coi là tội phạm hình sự, ví dụ như trong y tế, thể thao[50]. Một số trường hợp nếu người phạm tội tự làm TTCT của chính mình thì có thể là dấu hiệu của hành vi phạm các tội khác như tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự, tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, các thuật ngữ "thương tích", "tổn hại cho sức khoẻ" và "TTCT" đều phản ánh những dạng thiệt hại đối với tình trạng bình thường của cơ thể con người, tuy nhiên nội hàm của các khái niệm này không giống nhau. Theo ngữ nghĩa tiếng Việt, TTCT là hư hại, mất mát một phần, không còn được hoàn toàn nguyên vẹn như trước (thường nói về bộ phận của cơ thể hoặc về tình cảm con người).[51] Trong khi đó thương tích là chỉ những dấu vết để lại trên cơ thể do bị đánh đập[52] còn tổn hại cho sức khỏe là chỉ tình trạng suy giảm sức khỏe của nạn nhân[53]. Từ cách tiếp cận trên có thể thấy rằng hậu quả của nhóm hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác nhằm gây thiệt hại về sức khỏe cho nạn nhân không chỉ giới hạn ở những thương tích hữu hình mà còn bao gồm các dạng tổn hại sức khoẻ khác không dễ nhận biết thông qua quan sát thông thường. Chẳng hạn một người có thể bị chấn động não dẫn tới bị bệnh động kinh, hay các tổn thương nội tạng như suy giảm chức năng phổi, rối loạn chức năng tuyến yên, bệnh lý dạ dày, bệnh lý ruột non

[49] Xem: Herring & Wall (2017), "The nature and significance of the right to bodily integrity", *The Cambridge Law Journal*, (76(3)), tr566-588.
[50] Sebastián González & Jean-Pol Beauthier (2020), tlđd tr 1-7.
[51] Xem: Viện Ngôn ngữ học (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh, tr1240.
[52] Xem: Viện Ngôn ngữ học (2021), tlđd tr1236.
[53] Xem: Viện Ngôn ngữ học (2021), tlđd, tr1282.

làm ảnh hưởng đến các chức năng sinh lý của cơ thể mặc dù bên ngoài không xuất hiện hoặc xuất hiện rất ít thương tích. Do đó, việc đánh giá hậu quả của hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK không thể dựa quan sát bên ngoài mà phải bằng các phương pháp chuyên môn của y học và giám định pháp y. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cho thấy, kết luận giám định pháp y có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xác định thiệt hại về sức khoẻ, tỷ lệ TTCT là căn cứ cho việc định tội danh và quyết định hình phạt. Trong y khoa, khái niệm tổn thương (hay thương tổn) được dùng khi nói về những thiệt hại sức khỏe của con người bao gồm thương tích, bệnh, bệnh tật, di chứng rối loạn tâm thần và hành vi sau chấn thương, vết thương sọ não, bệnh rối loạn tâm thần và hành vi.[54] Như vậy, trong khoa học y khoa, khái niệm TTCT được sử dụng với phạm vi rộng hơn so với khái niệm thương tích và tổn hại cho sức khoẻ nói riêng, hay nói cách khác tỷ lệ TTCT được sử dụng để đánh giá toàn bộ các thiệt hại về sức khoẻ của con người trong giám định pháp y. Do đó, hậu quả của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nói chung chính là TTCT biểu hiện qua thương tích và tổn hại cho sức khoẻ.

Từ những phân tích về các khái niệm nội hàm, hành vi, hậu quả, đối tượng tác động có thể đưa ra khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như sau: *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác là hành vi gây thiệt hại nhất định cho sức khoẻ của người khác (gồm: thương tích, bệnh, tật, di chứng tâm thần) mà có tỷ lệ tổn thương cơ thể theo quy định của Bộ luật Hình sự, do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ của con người.*

1.1.2. Các đặc điểm của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội phạm nói chung và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nói riêng xảy ra trong thực tế vô cùng phong phú. Tuy nhiên, xét về cấu trúc nhóm hành vi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có những đặc trưng, những đặc trưng chung đó thể hiện qua các khía cạnh sau:

1.1.2.1. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác xâm phạm sức khỏe của người khác

[54] Xem: Điều 1 Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Trong hệ thống quyền con người, quyền toàn vẹn thân thể hay quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người là nhóm quyền quan trọng, không chỉ có ý nghĩa bảo vệ về mặt sinh học mà còn là cơ sở, là điều kiện tiên quyết để cá nhân thức hiện các quyền khác như quyền lao động, học tập, tự do, tham gia các hoạt động xã hội khác... Theo nghĩa truyền thống, quyền toàn vẹn thân thể được giải thích là quyền liên quan đến nguyên tắc tự chủ, bảo vệ cơ thể khỏi sự can thiệp có chủ ý hoặc một số hình thức can thiệp khác, tạo thành một quyền kiểm soát của chính người đó với cơ thể mình[55]. Một số khác lại tách việc bảo vệ quyền quyết định đối với cơ thể (quyền tự chủ) ra khỏi việc bảo vệ quyền toàn vẹn thân thể (tách tính chủ quan của con người với phần còn lại của thế giới)[56], quan điểm này là cơ sở để xây dựng các quy định về quyền được chết (quyền an tử) ở một số quốc gia. Đối với hệ thống pháp luật quốc gia, quyền bất khả xâm phạm về thân thể có thể bao gồm quyền được bảo vệ trước các hành vi tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm đến thân thể, sức khoẻ của con người. Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK xâm hại trực tiếp đến quyền được bảo vệ về thân thể, sức khoẻ con người. Trong đó "*sức khỏe của con người là tình trạng thoải mái của con người về các mặt thể lực, tinh thần và xã hội chứ không chỉ bao gồm tình trạng không có bệnh tật, thương tật (disease or infirmity).*"[57] Theo khái niệm sức khoẻ trên thì quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe bao gồm cả mặt thể lực và tinh thần.

Hiện nay, sự phát triển của khoa học hiện đại về các bộ phận hỗ trợ phục hồi sức khỏe của con người ngày càng giống với các bộ phận sinh học và có tính tương thích cao đã tác động đến nhận thức về khái niệm "cơ thể con người" và "sức khỏe của con người". Một số nhà nghiên cứu muốn mở rộng khái niệm "cơ thể", theo đó đưa ra giả thuyết về việc liệu rằng có hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể vô cơ của con người, những bộ phận không phải con người sinh học, không liên tục của cơ thể như một cánh tay giả, một chiếc xe lăn hay trên ốc tai điện tử của một người, thậm chí là bộ nhớ của điện thoại, máy tính, thứ mà một số người gọi là ngoại não - những

[55] Xem: Thomas Douglas (2014), "Criminal rehabilitation through medical intervention: Moral liability and the right to bodily integrity", *The Journal of Ethics*, (18), tr101 – 122.
[56] Xem: Herring & Wall (2017), tlđd, tr566-588.
[57] Xem: World Health Organization (1978), *Declaration of Alma-Ata* (Interational Conference on Primary Health Care), Alma-Ata.

bộ phận mà chúng ta thường cho rằng là tài sản[58]. Qua đó cho thấy các hình thức thiệt hại cho sức khỏe đã không còn rõ ràng như chúng ta thường thấy. Từ "cơ thể" không chỉ là cơ thể liên tục về mặt vật lý, được xác định về mặt sinh học và hữu cơ mà đã được mở rộng ra là cơ thể được tạo nên từ cả phần vô cơ và hữu cơ mà một số nhà nghiên cứu gọi là "cơ thể xã hội". Theo đó thì khái niệm về hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng sẽ thay đổi, người ta có thể thông qua phần mềm để khiến các bộ phận giả trên cơ thể một người ngưng hoạt động mà không cần dùng đến vũ lực. Trong tương lai, ngoài việc phát triển những bộ phận cơ học nhân tạo như cánh tay, chân giả, khoa học hiện đại còn hướng tới việc tạo ra các tế bào thần kinh điện tử, những bộ phận cơ thể vô cơ như tim, thận, ruột thay thế…. Việc các bộ phận nhân tạo này bị tác động và làm dừng hoạt động cũng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, sinh hoạt bình thường của con người. Điều này đòi hỏi phải có một sự quan tâm đầy đủ đến đối tượng tác động của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong tương lai.

1.1.2.2. Hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể dưới dạng hành động hoặc không hành động

Trên thực tế, người phạm tội có thể thực hiện những hành động cơ học để tác động lên thân thể người khác như dùng tay đấm, tát, bóp cổ hoặc dùng chân đạp, đá hoặc người phạm tội sử dụng công cụ để tác động vào thân thể nạn nhân; hoặc hành vi dùng tay, chân tác động còn có thể ở dạng người phạm tội xô, đẩy nạn nhân xuống những nơi nguy hiểm như ao, hồ, hố vôi đang tôi, những nơi có vật sắc, nhọn, cứng…; hành vi dùng súc vật để gây hại cho nạn nhân như thả chó, rắn để cho cắn, trâu bò dẫm, húc… Hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK do người phạm tội thông qua hành vi của người khác, người này trở thành một công cụ, phương tiện phạm tội bởi họ không phải chịu TNHS do không có năng lực TNHS hoặc không có lỗi. Hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng có thể không sử dụng sức mạnh vật chất, không dùng vũ lực như sử dụng những loại thuốc có thể gây nên tổn thương cho cơ thể, lợi dụng nghề nghiệp để phạm tội (trong quá trình điều trị cho bệnh nhân)… Hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng có thể dưới dạng không hành động như không cho ăn, không cho uống… có thể khiến người khác bị suy dinh dưỡng, mất nước, và dẫn đến các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng. Nạn nhân có thể không chỉ phải chịu đựng

[58] Xem: Gowri Ramachandran (2010), "Assault and battery on property", *Loyola of Los Angeles Law Review*, (44(1)), tr253-276, tại: https://digitalcommons.lmu.edu/llr/vol44/iss1/10/, truy cập ngày 10/8/2026.

về thể chất mà còn bị tổn thương tâm lý. Cảm giác bị bỏ rơi hoặc mất kiểm soát về tình hình của bản thân cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần của nạn nhân. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đã có những ảnh hưởng lớn đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, khiến hành vi phạm tội không còn chỉ giới hạn trong những hình thức truyền thống mà đã mở rộng sang các phương thức mới, như việc sử dụng phần mềm độc hại, robot tự động hoặc các thiết bị công nghệ cao để thực hiện hành vi gây hại. Có thể phân loại các hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác thành ba nhóm, gồm: (i) Tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác thông qua các tác động vật lý; (ii) Tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác thông qua các tác động hóa học; (iii) Tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác thông qua tác động tâm lý. Theo đó, ba nhóm tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác có thể thể hiện qua: (i) Tiếp xúc trực tiếp với cơ thể con người; (ii) Xâm nhập vào bên trong cơ thể; (iii) Tác động lên hệ thần kinh và một số cơ quan nội tạng.[59]

Không phải mọi hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK gây ra cùng một mức độ TTCT đều có tính chất nguy hiểm cho xã hội như nhau, cùng một hậu quả nhưng hoàn cảnh thực hiện hành vi khác nhau sẽ dẫn đến mức độ lỗi khác nhau. Ví dụ trong các trường hợp: *Trường hợp thứ nhất*, người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân khiến người phạm tội mất khả năng kiềm chế hành vi. Trường hợp này mặc dù người phạm tội vẫn còn năng lực TNHS và khả năng nhận thức được hành vi của mình song bị hạn chế đáng kể khả năng điều khiển hành vi do tác động tâm lý mạnh mẽ từ hành vi trái pháp luật của nạn nhân. Do đó mức độ lỗi và tính đáng trách của người phạm tội thấp hơn đáng kể so với trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK thông thường khác. *Trường hợp thứ hai*, người phạm tội đã vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Người phạm tội trước hết có mục đích bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, của người khác, của Nhà nước, tuy nhiên do chống trả quá mức cần thiết mà gây thương tích hoặc GTHCSKCNK quá giới hạn cho phép. Ý thức chống lại cái sai, bảo vệ lợi ích hợp pháp là yếu tố tích cực cần được ghi nhận nên mặc dù hành vi phạm tội vẫn phải chịu TNHS nhưng mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn nhiều so với các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK thông thường.

[59] Xem: Shagvaliev, R. M. (2010). tlđd.

Hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK không chỉ xâm phạm sức khoẻ con người mà hành vi này còn có thể xâm phạm các quan hệ xã hội khác như trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, an toàn công cộng, hoạt động tư pháp hoặc nghĩa vụ quân sự. Chính vì vậy, hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn được xây dựng thành tội phạm độc lập ở những nhóm tội khác để phản ánh đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Ví dụ hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người thi hành công vụ có thể được xem xét về tội chống người thi hành công vụ; hành vi dùng nhục hình, đối xử tàn bạo, gây thương tích hoặc GTHCSKCNK có thể được quy định trong nhóm tội xâm phạm hoạt động tư pháp; hành vi hành hung người khác nhằm gây rối trật tự công cộng có thể được quy định trong nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng; hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của đồng đội có thể quy định trong nhóm các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân. Việc đặt hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các nhóm tội phạm khác nhau thể hiện sự đánh giá của nhà nước về bản chất pháp lý của hành vi, cách tiếp cận lập pháp trong việc bảo vệ đa dạng các khách thể là các quan hệ xã hội, sự sắp xếp mức độ ưu tiên bảo vệ của nhà nước đối với các quan hệ xã hội này chứ không đơn giản chỉ là bảo vệ sức khoẻ con người. Việc đặt các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các loại tội phạm khác nhau sẽ giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, từ đó xác định tội danh và mức hình phạt phù hợp với từng trường hợp.

1.1.2.3. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác là tổn thương cơ thể

Việc xác định TTCT có thể được mô tả trực tiếp bằng các mô tả y tế chi tiết hoặc định lượng hóa. Đối với phương pháp xác định bằng mô tả y tế chi tiết có hạn chế bởi không phải ai cũng có đủ kiến thức chuyên sâu về y khoa để đánh giá hậu quả xảy ra có đúng với mô tả đó hay không; việc mô tả, liệt kê cũng có thể không bao hàm được hết các hậu quả xảy ra trong thực tế. Do đó, để đánh giá hiệu quả, thống nhất, chính xác những TTCT cần phải giao cho các cơ quan chuyên môn, sử dụng phương pháp định lượng hóa bằng tỷ lệ TTCT. Định lượng hóa tỷ lệ TTCT là việc xác định mức độ thiệt hại về sức khỏe của nạn nhân dựa trên hệ quy chiếu từ 0% đến 100%, trong đó mức thấp nhất là không có thiệt hại xảy ra được gán cho giá trị 0%, còn hậu quả TTCT cao nhất trên người sống là tổn thương não gây di chứng sống

kiểu thực vật được gán cho giá trị 99%. Theo đó các thiệt hại sức khỏe khác tùy theo nặng nhẹ mà được sắp xếp trong khoảng từ 0% đến 99%. Việc đánh giá và định lượng TTCT được thực hiện bởi các cán bộ pháp y đã được đào tạo chuyên sâu với các công cụ hỗ trợ, theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định để đảm bảo tính thống nhất, khách quan của kết luận giám định TTCT.

Mức độ TTCT là căn cứ để xác định tội phạm phụ thuộc vào đánh giá tác động xã hội của loại tội phạm này. Việc tội phạm hóa những hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK gây hậu quả nhỏ có thể làm gia tăng mâu thuẫn trong quần chúng nhân dân, đi ngược lại xu hướng giảm hình phạt, gia tăng các biện pháp phục hồi trong xã hội. Vậy nên cần thiết phải xác định một mức tỉ lệ TTCT nhất định bị truy cứu TNHS. Điều này phụ thuộc vào cơ cấu, biến động của tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK, chính sách của nhà nước trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK[60].

Hậu quả TTCT của nạn nhân phải nằm trong mối quan hệ nhân quả với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK và phù hợp với trạng thái tinh thần của người phạm tội. Mối quan hệ nhân quả giữa hậu quả và hành vi trái pháp luật là hành vi trái pháp luật phải xảy ra trước hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe về thời gian, chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe và hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe phải là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi trái pháp luật. Hậu quả của tội phạm phù hợp với trạng thái tinh thần của người phạm tội tức là hậu quả đã nằm trong dự liệu của người phạm tội, thông qua hành vi trái pháp luật của mình mà đạt được những gì mong muốn xảy ra. Một số trường hợp ngoài hậu quả đã dự liệu, hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn gây ra những hậu quả nằm ngoài khả năng thấy trước của người phạm tội thì không thể xác định TNHS cho người phạm tội.

Ví dụ: Vì mâu thuẫn mà H lao vào đánh Th, bị Th đạp một cái vào vùng đùi nhưng không ngã, H tiếp tục lao vào thì bị Th dùng tay phải đấm thẳng một cái vào mặt làm H ngã xuống đường. H đang chống tay xuống đất, mặt cúi song song, cách mặt đường khoảng 50-60 cm định đứng dậy, thì T đã dùng chân phải đá một cái vào mặt làm H bị ngã nằm xuống đường nôn ói. Thấy H nôn ói và người co giật mọi

[60] Xem: Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr123-135.

người đưa H đi cấp cứu tại bệnh viện nhưng 03 ngày sau thì H tử vong. Kết quả giám định pháp y kết luận nguyên nhân tử vong của H là "Chấn thương sọ não nặng xuất huyết dưới nhện, xuất huyết não thất, nứt vỡ thành trước xoang trái, nhồi máu cơ tim, phù phổi cấp. Cơ chế gây thương tích: nạn nhân bị tác động lực trực tiếp vào vùng đầu bởi vật tày không có cạnh dẫn tới nứt vỡ xoang trán bên trái, xuất huyết rải rác dưới màng não mềm, xuất huyết não thất. Nhồi máu cơ tim và phù phổi cấp tính là thứ phát sau chấn thương sọ não dẫn tới tử vong". [61] Trong trường hợp này Th chỉ có mục đích gây thương tích cho nạn nhân nhưng hậu quả xảy ra là nạn nhân bị nhồi máu cơ tim và phù phổi cấp tính dẫn tới tử vong là hậu quả thứ phát, nằm ngoài mong muốn, ý chí và khả năng thấy trước của Th. Do đó không thể xác định TNHS cho Th về hành vi giết người.

Để xác định có hay không mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần phải xác định được: *Về mặt thời gian,* hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể nạn nhân phải xảy ra trước hậu quả TTCT. *Về hành vi phạm tội*, hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể nạn nhân độc lập hoặc trong mối quan hệ tổng hợp với một hoặc những hiện tượng khác phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả TTCT. *Về hậu quả*, TTCT đã xảy ra phải đúng là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi tác động trái pháp luật vào cơ thể nạn nhân.

Điều kiện hậu quả TTCT đã xảy ra phải là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi phạm tội phải đặc biệt được chú ý trong thực tiễn áp dụng pháp luật, vì không phải bất cứ một hành vi trái pháp luật nào khi có chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả đều gây ra hậu quả và trong nhiều trường hợp hậu quả TTCT của nạn nhân lại là hậu quả của hành vi khác.

Ví dụ: Do ghen tuông H có mối quan hệ bất chính với vợ mình, T đã dùng tay tát nhiều cái vào mặt H, dùng chân đá vào phía ngực, bụng; bị đau H đưa tay lên ôm đầu thì T đá chân phải một cái trúng vào tay trái H; sau đó do H không thừa nhận quan hệ với vợ T, T tiếp tục dùng cả hai tay đấm, tát hai ba cái vào phần đầu, hai bên mặt ông H. Sau khi bị tát, H không nói nữa, thở hổn hển một lúc sau thì ngã sấp về phía trước nằm xuống đường. Tưởng H giả vờ nên T lật ngửa rồi dùng chân phải dẫm

[61] Nguồn: Vụ án Trần Huy Th, Trương Tuấn T phạm tội "Cố ý gây thương tích" do Toà án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân xét xử ngày 06/10/2020.

đè lên tay trái và lấy điện thoại soi vào mặt H, khi thấy mặt H bầm tím thì T cùng hai người nữa dìu H lên xe máy chở về nhà H. Hậu quả là H có các TTCT bên ngoài: mi mắt phải bầm tụ máu; xuất huyết khóe ngoài cùng mạc mắt phải; tụ máu vùng da khóe ngoài mắt phải và mi dưới mắt phải, mi trên mắt phải có vết cào; đuôi lông mày phải có vết sượt da; gò má cách điểm dưới dái tai phải có vết sượt da, tụ máu; phía trên điểm giữa cung mày trái có vết trượt da, tụ máu; bầm tím sưng nề khóe mắt và mi trên mắt trái trong; tụ máu khóe miệng bên trái; vùng ngực phải dưới xương đòn phải có vùng phù nề tụ máu, trong có các vết sượt da nhỏ. Vùng ngực trái có vết đổi màu sắc da, màu hồng; mu bàn tay phải, cánh tay trái có các vết sượt da; đầu dưới bánh chè bên trái có đám sượt da, đầu các ngón chân trái 1, 2, 3, 4 có vết xây xát mất da, tụ máu. Các thương tích trong: tụ máu dưới da vùng trái phải, tụ máu cơ thái dương, tụ máu dưới da thái dương, tụ máu dưới màng cứng dưới thái dương đỉnh chẩm trái, gẫy xương sườn số 5, 6 bên trái.[62]

Như vậy các hậu quả TTCT bên ngoài như mô tả trên (trừ hậu quả "gẫy xương sườn số 5,6 bên trái") phù hợp với các hành vi phạm tội của T, các tổn thương bên trong cũng là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của các hành vi tát, đấm, đá của T vào mặt, ngực, bụng của H, cú ngã của H sấp xuống đường. Đối với hậu quả TTCT "gẫy xương sườn số 5, 6 bên trái" xảy ra trong quá trình hồi sức cấp cứu, ép tim ngoài lồng ngực cho H, không phải do hành vi tác động trái pháp luật của T vào cơ thể H, xảy ra sau khi H đưa T về nhà, vị trí gãy ở gần tim, không phải vị trí mà T tác động vào, do đó hành vi đá vào ngực, bụng của T không có mối quan hệ nhân quả với hậu quả gãy xương sườn số 5, 6 của H.

1.1.2.4. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác được thực hiện do lỗi cố ý

Đặc điểm lỗi của người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có xu hướng thu hút nhiều sự chú ý hơn các đặc điểm còn lại và chính yếu tố lỗi đã khiến cho hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK trở thành tội phạm. "*Pháp luật hình sự xã hội chủ nghĩa phản đối quan điểm buộc tội khách quan, tức buộc tội không trên cơ sở lỗi của người phạm tội*"[63]. Điều này cũng dựa trên nguyên tắc "*Một hành vi không làm một*

[62] Xem: Bản án số 14/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 do Toà án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội xét xử Nguyễn Văn Th về tội "Cố ý gây thương tích".
[63] Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), tlđd, tr192.

người có tội về hành vi phạm tội của họ cho đến khi tâm trí của anh ta cũng có tội"[64]. Đây là cơ sở để xác định hai yếu tố bắt buộc phải chứng minh trước khi kết án một người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Yếu tố lỗi cần phải được làm rõ là người phạm tội có nhận thức được khả năng gây TTCT cho người khác của hành vi phạm tội không và người phạm tội có đủ điều kiện lựa chọn, thực hiện hành vi khác phù hợp với nhận thức không.

Có thể nói mong muốn gây TTCT cho người khác là nội dung còn lựa chọn hành vi gây TTCT của người khác là hình thức thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của ý thức người phạm tội. Việc đánh giá lỗi trước hết phải trên cơ sở tự do ý chí của người phạm tội trong lựa chọn hành vi. Trước khi lựa chọn hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK, thông thường chủ thể phải có sự suy nghĩ, cân nhắc. Việc đánh giá ý thức của người phạm tội cũng phải toàn diện mới có cơ sở để khẳng định, tức là ý thức của người phạm tội cả trước, trong và sau khi thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Có những trường hợp, quá trình phạm tội bao gồm lên kế hoạch, chuẩn bị công cụ phạm tội, tạo các điều kiện khách quan khác để thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK, thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK và những diễn biến sau khi hành vi phạm tội xảy ra, thái độ của người phạm tội đối với hậu quả. Đối với những trường hợp này, việc các chủ thể tiến hành tố tụng nhận thức ý thức của người phạm tội sẽ dễ dàng hơn vì nó được thể hiện rõ ra bên ngoài thế giới khách quan. Tuy nhiên, có những trường hợp mà hành vi phạm tội diễn ra rất nhanh, người thực hiện hành vi phạm tội phản ứng lại với tình huống nhất định, các giai đoạn như tính toán, chuẩn bị không được thể hiện rõ ràng, hành vi phạm tội xảy ra như một phản xạ tự nhiên mang tính bản năng khi có sự tác động của các điều kiện khách quan, ngay sau khi hành vi phạm tội xảy ra thì sự việc đã bị phát giác. Những trường hợp này cần nhận thức rằng các tình tiết dù có vẻ đơn giản, nhiều bước đã bị bỏ qua nhưng sự thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan ý thức của người phạm tội vẫn đầy đủ như: lựa chọn công cụ, phương tiện phạm tội, vị trí gây tổn thương trên cơ thể nạn nhân; mong muốn thực hiện tội phạm đến cùng; kinh nghiệm của người phạm tội đối với các hành

[64] Nguyên văn: [Latin: an act does not make a person guilty of his crime unless his mind be also guilty] The maxim that forms the basis for defining the two elements that must be proved before a person can be convicted of a crime. Xem: Oxford (1995), *Dictionary of Law*, Oxford University Press, tr9.

vi gây TTCT và tất cả những tình tiết này không thể đặt ngoài các yếu tố như địa điểm phạm tội, điều kiện môi trường xung quanh.

Ví dụ: A và B do có mâu thuẫn cá nhân, trong lúc kích động A đã dùng dao Thái Lan đâm B nhưng B né được. Sau đó B lấy kéo cắt ớt đang cầm trên tay liên tiếp đâm A 31 nhát, dù có nhiều người đến can ngăn và dùng ghế đẩy B ra nhưng B vẫn quyết tâm đâm A đến cùng. Khi C vào can ngăn, B tấn công C nhằm mục đích không để C ngăn cản mình đâm A. Hậu quả là A chết, nguyên nhân là sốc mất máu cấp do vết thương xuyên thủng tim, phổi trái; C bị TTCT 16,7% (đứt nhánh cảm giác thần kinh quay và vết thương phần mềm ở mặt trước và mặt trước ngoài cẳng tay phải).[65]

Trường hợp này người phạm tội không có sự chuẩn bị từ trước, không lên kế hoạch, chuẩn bị công cụ phạm tội, tạo các điều kiện khách quan khác để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá về ý thức của người phạm tội đối với hậu quả chết người của A và hậu quả TTCT của B cần chú ý: (i) B dùng kéo đâm A vào vùng ngực và vùng bụng, khi được C can ngăn thì B dùng kéo đang đâm A tấn công C, sau đó có người dùng ghế đẩy B ra nhưng B vẫn tiếp tục đâm A. Chỉ đến khi bị mọi người khống chế và tước cây kéo, dùng vải trói B thì hành vi của B mới dừng lại. A tử vong ngay sau đó. Sự quyết liệt trong hành vi của B đã trực tiếp dẫn đến cái chết cho A, thể hiện ý thức muốn thực hiện hành vi đến cùng của B, phản ánh mong muốn của B với hậu quả chết người của A. Dù không có sự chuẩn bị từ trước, không có lời nói nào trong suốt quá trình thực hiện hành vi đâm A nhưng các tình tiết của vụ việc đã phản ánh B có lỗi cố ý đối với hậu quả A chết. (ii) Hành vi dùng kéo đâm C của B không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng của C mà là đâm bừa để C không ngăn cản B đâm A, bản thân B cũng không nhớ là đâm vào đâu C. Do đó các tình tiết này phản ánh B có lỗi cố ý đối với hậu quả TTCT của C.

1.2. Cơ sở quy định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong pháp luật hình sự

Theo từ điển Tiếng Việt, từ "cơ sở" được hiểu là "*cái làm nền tảng trong quan hệ với những cái xây dựng trên nó hoặc dựa trên nó mà tồn tại, phát triển*".[66] Như vậy, nghiên cứu cơ sở của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì trước hết phải là hành

[65] Xem: Bản án số 02/2019/HSST ngày 02/10/2019 của Toà án quân sự Quân khu 9.
[66] Viện Ngôn ngữ học (2021), tlđd, tr271

vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Hành vi nguy hiểm cho xã hội là cơ sở đầu tiên để có tội phạm, là đòi hỏi tiên quyết để nhà nước xây dựng pháp luật như một phản ứng đối với những mối nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, việc sử dụng pháp luật hình sự để đấu tranh chống các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn dựa trên các cơ sở khác như cơ sở lý luận luật hình sự về tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK, chính sách bảo vệ sức khỏe cho người dân của mỗi nhà nước. Việc tội phạm hóa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng cần phải dựa trên cơ sở đánh giá hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong mối quan hệ với bối cảnh xã hội cụ thể để có những quy định phù hợp. Quá trình xây dựng pháp luật cần phải cân nhắc tất cả các nhân tố lý luận, pháp lý và thực tiễn có liên quan, sự biến đổi và các xu hướng biến đổi của các nhân tố đó thì mới đảm bảo được tính sáng suốt và khoa học, tôn trọng các giá trị xã hội chúng ta được kế thừa cũng như đang hướng đến.

1.2.1. Cơ sở lý luận

Việc quy định hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm không phải là sự phản ứng nhất thời của nhà nước đối với một hiện tượng xã hội mà là chính sách hình sự dựa trên khoa học về chính sách và pháp luật đã được rất nhiều học giả nghiên cứu và xây dựng nền móng như:

Học thuyết về luật tự nhiên (Natural law): Học thuyết này xuất phát từ tư tưởng của John Locke rằng con người sinh ra có quyền tự do thực hiện bất cứ điều gì mình nghĩ là thích hợp cho sự bảo toàn của bản thân và của người khác, trong vòng cho phép của luật tự nhiên và quyền để trừng phạt những tội lỗi đã phạm phải đối với luật tự nhiên.[67] Hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ là xâm phạm vào quyền tự nhiên này do đó nhà nước cần phải có các biện pháp để bảo toàn cho người bị hại. Bên cạnh đó, pháp luật hình sự hiện đại coi con người là trung tâm nên việc quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thể hiện sự cam kết của nhà nước trong việc bảo vệ các quyền được đảm bảo về sức khoẻ.

Triết lý lập pháp dựa trên nguyên tắc gây hại (The harm principle): Triết lý này giải thích tại sao nhà nước lại có quyền dùng hình phạt để can thiệp vào hành vi của cá nhân. Theo John Stuart Mill thì nếu bất cứ ai có hành động gây thương tổn cho người khác thì đó là trường hợp thoạt nhìn đã thấy (prima facie) phải trừng phạt bằng

[67] Xem: John Locke (2022), *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Lê Tuấn Huy (dịch), NXB Tri thức, thành phố Hồ Chí Minh.

pháp luật, hoặc nếu trừng phạt bằng pháp luật không thích đáng thì bằng sự chê trách chung. Triết lý này cũng giải thích rằng quyền tự do của một cá nhân kết thúc nơi quyền của người khác bắt đầu. Mục đích duy nhất mà quyền lực có thể được thực thi đối với bất kỳ thành viên nào của một cộng đồng văn minh, trái với ý chí của anh ta, là để ngăn chặn sự gây hại cho người khác. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp đặc biệt mà để cho cá nhân tự suy xét hành động thì tốt hơn là kiểm soát bằng quyền lực nhà nước, hoặc là nếu thực hiện sự kiểm soát thì sẽ gây ra những hậu quả còn nghiêm trọng hơn. Khi đó thì bản thân cá nhân phải tự xem xét thật cẩn trọng, nghiêm khắc để đưa ra hành vi phù hợp và không phải chịu sự phán xét của xã hội.[68]

Lý thuyết về khách thể của tội phạm (Object of Crime): Trong luật hình sự Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa, việc phân chia tội phạm thường đi từ "khách thể bị xâm phạm" mà sức khoẻ con người là khách thể quan trọng thứ hai chỉ sau tính mạng. Việc xâm phạm sức khoẻ không chỉ là xâm phạm lợi ích của cá nhân mà còn làm suy giảm nguồn lực lao động, gây bất ổn cho trật tự xã hội và tạo ra tâm lý sợ hãi trong xã hội.

Lý thuyết về tội phạm hoá và phi tội phạm hoá các hành vi bạo lực. Tội phạm hoá một hành vi bạo lực là xu hướng hiện nay. Đặc biệt đối với bạo lực gia đình trước đây từng được coi là "gia pháp", là chuyện đương nhiên giữa bố mẹ với con cái và là việc riêng của mỗi nhà mà người ngoài không nên xen vào nhưng hiện nay đang bị lên án mạnh mẽ và đòi hỏi tội phạm hoá. Bên cạnh đó là các hành vi bạo lực đối với các đối tượng yếu thế như trẻ em, người già, phụ nữ, những người có hạn chế về nhận thức, hành vi, đặc biệt trong các môi trường như: trường học, bệnh viện, viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc đặc biệt... Những hành vi này dù có thể để lại mức độ TTCT không cao nhưng tác động nặng nề đến tâm lý nạn nhân, để di chứng lâu dài, gieo nỗi sợ hãi, cực đoan vào những môi trường đòi hỏi tình yêu thương, quan tâm và sự chăm sóc đặc biệt. Bên cạnh đó là việc phi tội phạm hoá một số hành vi bạo lực để chuyển sang xử lý hành chính hoặc dân sự, xảy ra khi mức độ nguy hiểm của hành vi thấp, có các yếu tố đặc biệt làm giảm hoặc mất đi tính nguy hiểm của hành vi phạm tội hoặc so với một hậu quả khác có thể xảy ra lớn hơn thì hành vi phạm tội được xem là phù hợp. Việc phi tội phạm hoá hành vi bạo lực như vậy có thể dựa trên các căn

[68] Xem: John Stuart Mill (2021), *Bàn về tự do*, Nguyễn Văn Trọng (dịch), NXB Tri thức, Hà Nội, tr19-49.

cứ sau: (i) Mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp, trường hợp các vụ việc nhỏ, không gây TTCT hoặc gây TTCT không đáng kể, không ảnh hưởng đến cấu trúc, chức năng cơ thể của nạn nhân, không làm hạn chế hoạt động và sự tham gia của nạn nhân đối với các nhu cầu xã hội; không có tính chất côn đồ; không sử dụng các công cụ, phương tiện phạm tội nguy hiểm; nhân thân người phạm tội tốt; hành vi phạm tội không nhắm vào các đối tượng yếu thế; không vì lý do nạn nhân thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao; hoặc không nhằm mục đích kỳ thị nạn nhân. (ii) Có các yếu tố làm giảm đáng kể hoặc triệt tiêu tính nguy hiểm của hành vi phạm tội so với một hậu quả khác nếu không thực hiện hành vi phạm tội: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội.

Học thuyết tư pháp phục hồi là các nguyên tắc, triết lý được áp dụng trong quá trình giải quyết các vụ việc vi phạm pháp luật, theo đó các bên liên quan đến vụ việc sẽ cùng đến với nhau để giải quyết theo sự sắp xếp của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền. Khác với tư pháp truyền thống cho rằng hành vi phạm tội xâm phạm đến an toàn, trật tự xã hội thì tư pháp phục hồi để các bên cùng tìm cách hoà giải, phục hồi và sửa chữa các mối quan hệ, hoàn cảnh.[69] Các chương trình hoà giải được xây dựng theo yêu cầu của nạn nhân để người phạm tội cảm thấy có trách nhiệm vì đã gây thiệt hại cho nạn nhân và xã hội. Quá trình thực hiện chương trình tư pháp phục hồi sẽ hỗ trợ nạn nhân được kể câu chuyện của mình, được lắng nghe nhu cầu và mong muốn, cung cấp cho họ câu trả lời; khuyến khích người phạm tội và các bên liên quan cùng nhau chịu trách nhiệm, hướng tới tương lai; từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội tái hoà nhập cộng đồng và ngăn ngừa tái phạm.[70] Việc nạn nhân phải trải qua bạo lực, chịu đựng các tổn thương và cảm giác bị nguy hiểm, bất lực thúc đẩy sự tiết hormone gây căng thẳng, làm tàn phá hệ thống miễn dịch và các hoạt động của các cơ quan trong cơ thể, đây là hậu quả mà giám định pháp y không đánh giá nhưng không có nghĩa là nó không tồn tại. Quá trình tư pháp phục hồi sẽ giúp cho nạn nhân đối diện với tội phạm, nhận được câu trả lời và dần dần giải toả những thắc mắc, những căng thẳng và thực sự cảm thấy an toàn sau khi vụ việc được giải quyết.

Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam là hướng xã hội đến sự tôn trọng phát

[69] Xem: Cao Thị Oanh (2019), Chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm một số nước về tư pháp phục hồi, *Tạp chí Luật học*, (7), tr68-77.
[70] Xem: UNODC (2020), Handbook on Restorative Programes, *Criminal Justice handbook series*, United Nation, Vienna.

triển các quyền con người. Việc xây dựng luật nói chung và xây dựng quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nói riêng cũng cần đáp ứng được những định hướng này. Chỉ thị số 12/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 1992 về vấn đề quyền con người là mục tiêu, động lực của sự phát triển, là bản chất của chế độ ta. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ cần quan tâm hơn nữa đến việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII chỉ ra nhiệm vụ trọng tâm là "*Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ, năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh*." Đến Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng định hướng đất nước trong giai đoạn 2021 – 2030 lại đề ra phải xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Trong đó hoàn thiện hệ thống pháp luật đóng vai trò hàng đầu, cần quan tâm đến cấu trúc giá trị, cấu trúc chức năng, năng lực, khả năng phát huy nguồn lực, nội dung, các lĩnh vực thể hiện của pháp luật và những vấn đề quan trọng khác của pháp luật. Mục tiêu tổng quát là hướng đến phát triển con người, phát triển xã hội trong đó quyền con người, quyền công dân là một trong những trọng tâm. Cụ thể qua việc đẩy mạnh phát triển pháp luật để phát triển xã hội, bảo đảm an ninh con người, an sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của con người.[71] Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới đã đề ra 07 nhiệm vụ, trong đó đẩy mạnh công tác phòng ngừa tội phạm, phát hiện và giải quyết các xung đột xã hội, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; làm tốt công tác quản lý những đối tượng có nguy cơ phạm tội, vi phạm pháp luật ngay tại địa bàn cơ sở; tích cực tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là … tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người… Những quan điểm này là cơ sở để phát triển những

[71] Xem: Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2022), *Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr15-37.

chính sách hình sự tốt hơn cho con người, trong đó bao gồm cả người phạm tội và người bị hại. Theo đó, cần thu hẹp phạm vi hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK bị coi là tội phạm, để tránh làm gia tăng những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, cũng như gia tăng áp dụng những hình thức xử lý khác ngoài hình phạt đối với người phạm tội; hình phạt nói chung và hình phạt tù nói riêng không phải là biện pháp duy nhất cũng như hiệu quả nhất trong việc răn đe, giáo dục mọi người, đặc biệt là đối với những hành vi phạm tội có mức độ nguy hiểm nhỏ, tỷ lệ TTCT thấp.

Các cơ sở khoa học trên giải thích vì sao lại tội phạm hoá một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong khi lại phi tội phạm hoá một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng như các chế tài hình sự có thể áp dụng để đạt hiệu quả cao nhất trong phòng ngừa tội phạm. So với vi phạm hành chính thì tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK có tính nguy hiểm cho xã hội đáng kể hơn. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi được xác định trên cơ sở tính chất nguy hiểm và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Để phân định một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm hay chỉ là vi phạm hành chính trước hết cần xét đến tính chất nguy hiểm cho xã hội của các hành vi này: hành vi chỉ xâm phạm đến sức khoẻ con người hay còn xâm phạm tới các khách thể khác như chế độ hôn nhân và gia đình, quyền sở hữu, quyền tự do dân chủ của công dân, nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân... Ví dụ như một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con hoặc người có công nuôi dưỡng mình dẫn tới người này bị mất chức năng một bộ phận trên cơ thể thì hành vi này đã xâm phạm tới hai quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, là hành vi có tính chất nguy hiểm đáng kể. Trong khi một hành vi bạo lực được thực hiện để ngăn cản quyền giữa cha mẹ và con, giữa vợ và chồng; giữa anh, chị em với nhau thì chỉ thuần tuý xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, do đó tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể nên không bị coi là tội phạm mà chỉ có thể xem xét là vi phạm hành chính, bị xử lý hành chính hoặc bằng các biện pháp khác.[72] Tuy nhiên nếu hành vi bạo lực trong gia đình lặp đi lặp lại nhiều lần và làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, để lại di chứng về tinh thần hay nạn nhân là người khuyết tật nặng, mắc bệnh hiểm nghèo (những người không thể tự chủ động trong các sinh

[72] Xem: Trần Thu Hạnh, Lê Lan Chi, Cao Thị Hương Giang (2024), Ranh giới giữa xử lý hình sự và xử lý hành chính các hành vi bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay, *Hội thảo quốc tế Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam*, Friedrich Ebert Stiftung và Trường Đại học Luật Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, tr123-131.

hoạt cá nhân thường ngày, phải lệ thuộc) thì tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi lại tăng lên đáng kể. Sau tính chất nguy hiểm của hành vi thì mức độ nguy hiểm của hành vi là căn cứ để xác định ranh giới giữa tội phạm và vi phạm hành chính. Thực tiễn việc xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bạo lực thường căn cứ vào những yếu tố sau:

Tính chất của hành vi phạm tội: thủ đoạn, công cụ, phương tiện phạm tội, cách thức sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội; hình thức thực hiện tội phạm, có đồng phạm hay không, tự thực hiện hay thuê người khác thực hiện hay được người khác thuê thực hiện, có lôi kéo những người khác không (đặc biệt là lôi kéo NCTN)...

Mức độ thực hiện tội phạm: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hay đã hoàn thành. Đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK việc gây ra hậu quả có mức độ nguy hiểm cao hơn rất nhiều so với một hành vi chưa gây ra hậu quả hay một hành vi mới chỉ ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, chỉ mang tính nguy hiểm tiềm tàng, rất khó xác định và chứng minh được nếu không có hậu quả.

Tính chất và mức độ của hậu quả đã gây ra: thiệt hại về sức khỏe do những hành vi tác động trái pháp luật này được phản ánh qua TTCT của nạn nhân, tồn tại khách quan và không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người song có thể nhận biết được qua các dấu vết trên cơ thể, tình trạng suy giảm sức khỏe của nạn nhân. Hậu quả thương tích hay tổn hại cho sức khỏe là những dấu hiệu có thể dễ dàng được người khác quan sát, nạn nhân tự cảm nhận được nhưng chưa thể mô tả chính xác, thống nhất và có căn cứ khoa học những thiệt hại về sức khỏe. Do đó cần có những đánh giá về mặt y khoa đối với hậu quả của hành vi phạm tội, đảm bảo việc xác định tội phạm được chính xác, khách quan, công bằng. Hậu quả là căn cứ quan trọng để xác định mức độ nguy hiểm của hành vi mà nhà nước sẽ tội phạm hoá nên việc dùng con số định lượng thay vì dùng mô tả sẽ thể hiện được sự công bằng trong phân hoá tội phạm khi có thể chia các khung hình phạt dựa trên các bậc thang tỷ lệ TTCT: Bậc 1 là mức không đáng kể, bậc 2 là ít nghiêm trọng; bậc 3 là nghiêm trọng, bậc 4 là rất nghiêm trọng và bậc 5 là đặc biệt nghiêm trọng. Sự phân hoá này đảm bảo tỷ lệ TTCT càng cao thì TNHS càng cao. Việc xác định ngưỡng là căn cứ để xác định tội phạm dựa trên sự đánh giá TTCT, các TTCT dưới ngưỡng xác định là tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK thường là ít nghiêm trọng, ứng với các tổn thương phần mềm, sưng bầm, tổn thương không hoàn toàn một số bộ phận nhưng có thể điều trị phục

hồi hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn, không ảnh hưởng đến chức năng các bộ phận cơ thể, không ảnh hưởng đến việc tự phục vụ các nhu cầu của đời sống.

Trong một số trường hợp mặc dù hậu quả của hành vi chưa phải ở mức độ nguy hiểm nhưng bản thân hành vi đã có các yếu tố nguy hiểm tăng nặng khác như người thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK sử dụng các công cụ, phương tiện phạm tội nguy hiểm như dùng vũ khí, các loại dao sắc nhọn, hoá chất nguy hiểm hoặc với thủ đoạn có thể gây nguy hại cho nhiều người thì bản thân hành vi đã có mức nguy hiểm đáng kể cho xã hội; hoặc hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK được thực hiện trong hoàn cảnh, điều kiện là người thực hiện đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án, đang chấp hành các biện pháp tư pháp khác; người thực hiện có tính chất côn đồ, có nhân thân không tốt như tái phạm nguy hiểm làm tăng đáng kể mức nguy hiểm cho xã hội của hành vi thì cũng cần xác định là tội phạm.

Hoàn cảnh phạm tội: người có hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, hoàn cảnh phòng vệ, tình thế cấp thiết hay khi bắt giữ người phạm tội... có mức độ nguy hiểm thấp hơn so với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong hoàn cảnh bình thường.

Những tình tiết về nhân thân có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: người có hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK có tái phạm không, có tiền án, tiền sự không, có thể hiện tính côn đồ, hung hãn ở những lần phạm tội trước không.

Mức độ lỗi được đánh giá không chỉ là lỗi của người phạm tội mà còn cả trong trường hợp hỗn hợp, tức là cả hai bên đồng thời vừa là người thực hiện hành vi phạm tội, vừa là bị hại; và trường hợp mà bị hại thực hiện hành vi phạm tội trước nhưng hành vi này có hậu quả không đáng kể nhưng lại kích thích hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở người phạm tội.[73]

Việc xác định ranh giới giữa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là vi phạm hành chính hay phạm tội cũng là cơ sở quan trọng để nhà nước xác định các chế tài đối với người thực hiện hành vi vi phạm. Tuỳ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm mà chế tài áp dụng đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể chỉ là cảnh cáo, phạt tiền, lao động công tích, cải tạo không

[73] Xem: Trần Thu Hạnh, Lê Lan Chi, Cao Thị Hương Giang (2024), tlđd, tr123-131.

giam giữ, hoặc tước tự do một khoảng thời gian nhất định. Trong khi biện pháp áp dụng đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK vi phạm hành chính chỉ nhằm mục đích giáo dục là chính thì các chế tài hình sự áp dụng đối với người thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK phạm tội còn mang mục đích trừng trị và phòng ngừa. Đối với những hành vi phạm tội đơn giản, hậu quả TTCT không đáng kể, có khả năng phục hồi hoàn toàn và không ảnh hưởng tới khả năng tự phục vụ cuộc sống nên ưu tiên áp dụng các hình phạt không tước tự do như phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Hình phạt tiền đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK mang mục đích trừng trị, khác với phạt tiền trong vi phạm hành chính bởi lẽ người phạm tội bị áp dụng hình phạt tiền thông qua một quy trình tố tụng nhất định và phải chịu án tích.[74] Đối với những hành vi phạm tội có sử dụng công cụ phạm tội, vũ khí hoặc hoá chất nguy hiểm hay gây hậu quả nghiêm trọng, thời gian hồi phục lâu hoặc tuy không thể hồi phục hoàn toàn nhưng không ảnh hưởng tới khả năng tự phục vụ cuộc sống thì tuỳ vào khả năng tự cải tạo của người phạm tội có thể xem xét áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Đối với những hành vi phạm tội gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, không có khả năng phục hồi hoàn toàn, ảnh hưởng tới khả năng tự phục vụ cuộc sống của nạn nhân và nhân thân của người phạm tội có những tình tiết ảnh hưởng tới khả năng tự cải tạo của người phạm tội thì hình phạt tù là cần thiết.

1.2.2. Cơ sở pháp lý

Thực hiện đường lối phát triển đất nước của Đảng, đáp ứng yêu cầu tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người thông qua việc tham gia ký kết và phê chuẩn nhiều điều ước quốc tế quan trọng về nhân quyền. Điển hình là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước chống tra tấn, Công ước về quyền trẻ em, cũng như tuyên bố ủng hộ các nguyên tắc của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948. Việc tham gia các công ước quốc tế về quyền con người không chỉ mang ý nghĩa chính trị - pháp lý trong quan hệ đối ngoại mà còn đặt ra yêu cầu khách quan đối với hệ thống pháp luật quốc gia, đặc biệt là pháp luật hình sự, trong việc nội luật hoá các chuẩn mực quốc tế. Nội luật hoá ở đây không chỉ đơn thuần là sự "sao chép" các điều khoản của

[74] Ivo Coca Vila (2021), "What's Really Wrong with Fining Crimes? On the Hard Treatment of Criminal Monetary Fines", *Criminal Law and Philosophy,* (16(2)), tr395-415.

Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia, mà quan trọng hơn là việc bảo đảm tính tương thích về bản chất pháp lý, tinh thần và mục tiêu của các quy định trong công ước, nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi quyền con người một cách thực chất trong đời sống pháp lý quốc gia.

Đối với nội dung bảo vệ sức khoẻ con người, một quyền cơ bản và thiết yếu của mỗi cá nhân thì yêu cầu nội luật hoá càng trở nên cấp thiết và cụ thể hơn. Pháp luật hình sự, với vai trò là công cụ quan trọng nhằm phòng ngừa và đấu tranh với những hành vi xâm hại quyền con người một cách nghiêm trọng nhất, cần thể hiện rõ ràng sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, đặc biệt là trong quy định về các tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khoẻ con người như tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, tại Điều 3 khẳng định: *"Mọi người đều có quyền được sống, tự do và được bảo vệ an toàn về thân thể"*. Quy định này là nền tảng cơ bản khẳng định quyền bất khả xâm phạm về tính mạng và sức khoẻ con người như một quyền tự nhiên. Cùng với đó, Điều 5 của Tuyên ngôn nhấn mạnh: *"Không ai bị tra tấn hoặc bị đối xử hay trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hay hạ nhục"*, một nguyên tắc mang tính cấm tuyệt đối trong luật quốc tế về nhân quyền.

Tiếp nối Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, tại Điều 6 quy định về quyền được sống như một quyền tối cao, không thể bị tước đoạt một cách tuỳ tiện; và tại Điều 7 tiếp tục khẳng định nguyên tắc cấm tra tấn hoặc bất kỳ hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục nào. Những quy định này không chỉ nhằm bảo vệ cá nhân khỏi sự lạm quyền của nhà nước, mà còn bao hàm trách nhiệm của nhà nước trong việc tạo ra cơ chế pháp lý hữu hiệu để ngăn chặn, trừng trị các hành vi xâm hại sức khoẻ con người từ bất kỳ chủ thể nào.

Trong hệ thống chuẩn mực của Công ước chống tra tấn, định nghĩa về tra tấn không chỉ bao hàm yếu tố về hành vi cố ý gây đau đớn hoặc tổn thương nghiêm trọng về thể chất hoặc tinh thần, mà còn đòi hỏi quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ hình sự hoá các hành vi đó với hình phạt thích đáng. Bên cạnh đó, Công ước về quyền trẻ em tại Điều 19 cũng yêu cầu các quốc gia thành viên có nghĩa vụ bảo vệ trẻ em khỏi tất cả các hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bao gồm việc ban hành luật hình sự để xử lý các hành vi gây tổn thương đến sức khoẻ của trẻ em.

Từ các quy định nêu trên, có thể thấy rằng quyền được bảo vệ sức khoẻ không

chỉ là một quyền xã hội đơn thuần, mà còn là một quyền dân sự và chính trị được luật quốc tế thừa nhận và bảo vệ bằng các cơ chế pháp lý ràng buộc. Các hành vi xâm hại nghiêm trọng đến sức khoẻ con người như hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK về bản chất là hành vi vi phạm quyền con người và là tội phạm hình sự khi được quy định trong pháp luật hình sự quốc gia.

Điều 20 Hiến pháp 2013 quy định "*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm*."

Cùng với sự phát triển của xã hội, các hành vi xâm phạm đến sức khoẻ con người cũng có sự thay đổi về hình thức, tính chất, mức độ nguy hiểm và vẫn gây ra nỗi lo lắng trong toàn xã hội mà tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK lại là một trong những hình thức xâm phạm nghiêm trọng nhất. Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là hiện tượng tiêu cực, đã có quá trình hình thành, tồn tại và phát triển lâu dài cần phải bị kiềm chế và loại trừ ra khỏi đời sống xã hội. Đây không chỉ là nhiệm vụ của một quốc gia riêng lẻ mà là nhiệm vụ chung của cả cộng đồng quốc tế nhằm bảo vệ sức khoẻ con người. Tuy nhiên việc quy định tội phạm này trong pháp luật của mỗi quốc gia có sự khác nhau do những đặc điểm về lịch sử lập pháp và xã hội.

1.2.3. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm gần đây, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn diễn biến phức tạp với tính chất ngày càng nghiêm trọng, nhiều trường hợp manh động, sự trẻ hoá của người phạm tội. Mặc dù đã có nhiều biện pháp phòng, chống tội phạm song số lượng các vụ việc CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm trên cả nước. Các vụ án không chỉ gây hậu quả đối với sức khoẻ của nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, tạo tâm lý bất an trong cộng đồng. Việc nghiên cứu cơ sở thực tiễn quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần được xem xét trên hai phương diện chính đó là: thực tiễn thi hành pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

Về phương diện thực tiễn thi hành pháp luật. Phần lớn các vụ án CYGTT hoặc GTHCSKCNK xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống sinh hoạt hằng ngày nhưng do người phạm tội thiếu kiềm chế, do tác động của rượu bia kèm theo bản tính hung hăng, bạo lực sẵn có đã nhanh chóng chuyển hoá thành hành vi phạm tội. Các

mâu thuẫn này có thể phát sinh từ mâu thuẫn cá nhân, gia đình, ghen tuông trong tình cảm; tranh chấp trong các quan hệ dân sự, cộng đồng, va chạm giao thông. Bên cạnh đó, nhiều trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK có tổ chức như bảo kê, thanh toán giữa các nhóm đối tượng giang hồ, sử dụng bạo lực để giải quyết các tranh chấp kinh tế, khẳng định vị thế trong các băng nhóm xã hội, đòi nợ thuê... Điều này cho thấy sự đa dạng trong tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, có thể trải dài từ ít nguy hiểm đến đặc biệt nguy hiểm.

Bên cạnh đó là sự trẻ hoá của người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Thực tiễn xét xử cho thấy số người phạm tội là NCTN có xu hướng gia tăng, đặc biệt ở các khu vực đô thị và địa bàn có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, nhiều vụ việc nghiêm trọng xảy ra trong môi trường học đường, hoặc NCTN có mâu thuẫn nhỏ trên mạng xã hội sau đó tụ tập đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn gây thương tích nghiêm trọng. Điều này thể hiện sự thiếu quan tâm, giám sát của gia đình, bản thân NCTN thiếu các kỹ năng kiểm soát hành vi, sử dụng mạng xã hội, dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường bạo lực trên mạng xã hội, phim ảnh, lối sống thực dụng, sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn.

Trong khi đó ý thức pháp luật của một bộ phận người dân về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn hạn chế. Nhiều người chưa nhận thức rõ ranh giới giữa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK vi phạm hành chính và phạm tội. Nhiều người cho rằng nóng giận lên đánh vài cái, TTCT chưa đến 11% thì không bị truy cứu TNHS, trong khi pháp luật quy định nhiều trường hợp dù tỷ lệ TTCT dưới 11% nhưng nếu có các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm của hành vi như dùng hung khí nguy hiểm, có tính chất côn đồ, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu... thì vẫn bị xử lý hình sự. Sự thiếu hiểu biết này dẫn đến tâm lý xem nhẹ hậu quả pháp lý của hành vi bạo lực, làm tăng nguy cơ phát sinh tội phạm trong thực tế. Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về loại tội phạm này chưa được chú trọng, đặc biệt đối với đối tượng NCTN.

Về phương diện thực tiễn áp dụng pháp luật. Trong giai đoạn điều tra, việc thu thập các chứng cứ để chứng minh yếu tố lỗi và xác định hậu quả đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đòi hỏi các kỹ năng chuyên môn và sự phối hợp giữa điều tra viên và các chuyên gia giám định pháp y. Nhiều vụ án phức tạp, hậu quả thương tích, tổn hại cho sức khoẻ thay đổi theo thời gian khiến cho kết quả giám định tại các thời

điểm khác nhau, gây khó khăn cho việc xác định chính xác mức độ nghiêm trọng của hậu quả. Việc các bên tự hoà giải, thoả thuận bồi thường cũng ảnh hưởng đến việc quyết định có khởi tố vụ án hay không. Một vấn đề nữa là việc khởi tố theo yêu cầu của bị hại theo Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Thực tế nhiều vụ án sau khi khởi tố đã bị đình chỉ do người bị hại rút đơn yêu cầu. Việc rút đơn có thể xuất phát từ nguyên nhân các bên đã tự hoà giải, được bồi thường thoả đáng; song không ít trường hợp người bị hại bị đe doạ, ép buộc hoặc do áp lực từ phía gia đình, xã hội nên buộc phải rút đơn.

Trong giai đoạn truy tố, việc xác định tội danh và khung hình phạt có nhiều quan điểm do trong đánh giá các chứng cứ có sự khác biệt hay chứng cứ không đầy đủ có thể dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung làm kéo dài quá trình tố tụng.

Trong giai đoạn xét xử, nhiều trường hợp các Toà án áp dụng pháp luật không thống nhất, đặc biệt trong các vụ án có các tình tiết còn có nhiều quan điểm khác nhau về định tội danh giữa tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm khác, các vụ án có nhiều tình tiết định khung ở các khung khác nhau. Thực tiễn này đòi hỏi pháp luật cần quy định chi tiết, kịp thời hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất nhằm đảm bảo công bằng, thống nhất cũng như tăng tác động vào chất lượng thi hành pháp luật.

Các quy định hiện hành về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã tạo được cơ sở pháp lý cho việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, thể chế hoá được chính sách hình sự của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo vệ sức khoẻ của con người. Việc quy định nhiều khung hình phạt khác nhau, trường hợp miễn TNHS cũng như trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại tương ứng với những mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi phạm tội đã tạo điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng cá thể hoá TNHS, bảo đảm tính công bằng và hiệu quả của hình phạt trong xử lý người phạm tội. Song thực tiễn thi hành và áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng cho thấy còn nhiều những vướng mắc, bất cập cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để hoàn thiện các quy định hiện hành về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

1.3. Pháp luật hình sự một số quốc gia về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và một số gợi mở cho Việt Nam

Nhóm quốc gia được NCS lựa chọn nghiên cứu đã được sự cân nhắc kỹ lưỡng và lựa chọn dựa trên cơ sở truyền thống pháp luật, đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội

nhằm bảo đảm tính toàn diện trong việc đánh giá các yếu tố tác động đến quá trình hình sự hoá hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Cụ thể, Trung Quốc được lựa chọn do có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về văn hóa, xã hội và định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Liên Bang Nga là quốc gia có ảnh hưởng lớn đến khoa học luật hình sự Việt Nam và đã được nghiên cứu chuyên sâu trong nhiều công trình. Thụy Điển là quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới[75], duy trì hệ thống an sinh xã hội và chăm sóc y tế phổ quát cùng chính sách giáo dục miễn phí đến bậc đại học. Liên Bang Đức được biết đến là quốc gia có nền khoa học luật hình sự phát triển với nhiều học thuyết hiện đại về xử lý người phạm tội. Trong khi đó, Hoa Kỳ là quốc gia tiêu biểu cho hệ thống pháp luật ưu tiên việc xây dựng và áp dụng án lệ. Việc nghiên cứu pháp luật hình sự của các quốc gia này tập trung vào các nội dung như: tên gọi loại tội phạm, căn cứ xác định hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK được coi là tội phạm, các loại hình phạt được áp dụng.

1.3.1. Pháp luật hình sự Trung Quốc về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội cố ý gây tổn thương được quy định tại Điều 234 BLHS Trung Quốc[76] và khoản 2 Điều 1 "Quyết định trừng phạt nghiêm khắc những tội phạm gây nguy hiểm nghiêm trọng đến an sinh xã hội" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo quy định của BLHS Trung Quốc, tội cố ý gây tổn thương được chia làm ba loại dựa trên mức độ nghiêm trọng của hậu quả: tội cố ý gây tổn thương nói chung, tội cố ý gây tổn thương nghiêm trọng và tội cố ý gây tổn thương dẫn đến tử vong. Cụ thể, Điều 234 BLHS Trung Quốc quy định như sau:

"*Điều 234 Người nào cố ý gây tổn thương cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt tù có thời hạn đến 03 năm, cải tạo lao động hoặc quản chế.*

Người nào phạm tội theo quy định tại khoản trước, gây tổn thương nghiêm trọng cho người khác, thì bị phạt tù có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm. Nếu người phạm tội gây ra cái chết cho người khác hoặc bằng cách dùng thủ đoạn đặc biệt tàn

---

[75] World Economic Forum (2019), *The Global Competitiveness Report 2019*, tại: https://www3.weforum.org/docs/WEFTheGlobalCompetitivenessReport2019.pdf, truy cập ngày 10/8/2026.

[76] BLHS Trung Quốc ra đời năm 1979 Thông qua tại Kỳ họp thứ hai Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ năm ngày 01 tháng 7 năm 1979 và đã trải qua 12 lần sửa đổi. Dù đã trải qua nhiều lần sửa đổi nhưng Trung Quốc vẫn chưa xem xét ban hành một BLHS mới, quy định về tội cố ý gây tổn thương được giữ nguyên, không có sửa đổi, bổ sung, tại: http://en.npc.gov.cn.cdurl.cn/2020-12/26/c_921604.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

ác, gây tổn thương nghiêm trọng cho người khác đến mức làm người đó bị tàn tật nghiêm trọng, thì bị phạt tù có thời hạn từ 10 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình. Trường hợp các điều luật khác của Luật này có quy định khác thì áp dụng các điều luật đó."

Nhà làm luật Trung Quốc xây dựng quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với kết cấu cơ bản, ngắn gọn, chỉ mang tính quy định chung, về hậu quả thiệt hại cho sức khoẻ nhà làm luật quy định định tính (gồm tổn thương, tổn thương nghiêm trọng, bị tàn tật nghiêm trọng hay chết người) chứ không định lượng và không đặt tên cho điều luật. Cũng không có văn bản dưới luật giải thích về các hậu quả như thế nào là tổn thương nghiêm trọng, tàn tật nghiêm trọng nên việc đánh giá các tính tiết này hoàn toàn phụ thuộc vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động giám định pháp y. Thực tế các kết luận giám định pháp y đối với hậu quả của bị hại cũng không được tính bằng tỷ lệ TTCT mà được đánh giá và kết luận là: vết thương nhẹ, vết thương nghiêm trọng.[77] Trong thực tế áp dụng pháp luật hình sự để định tội và định khung hình phạt tùy thuộc vào tình tiết của từng vụ án cụ thể.

Ví dụ: Bản án hình sự sơ thẩm số 06 ngày 08/7/2016 của TAND trung cấp thành phố Tonghua, tỉnh Cát Lâm tuyên bị cáo An Xiang về tội cố ý gây tổn thương nhưng bị kháng nghị áp dụng tội giết người; Bản án phúc thẩm của TAND cấp cao tỉnh Cát Lâm ngày 23/4/2018 ở phần nhận định có đoạn tạm dịch như sau: "*Làm thế nào để phân biệt cố ý giết người với cố ý gây tổn thương dẫn đến chết người đòi hỏi phải phân tích và phán đoán toàn diện dựa trên các công cụ mà bị cáo sử dụng, vị trí, tần suất, cường độ và hậu quả của những cú đánh hoặc đâm, v.v. và ý định chủ quan của bị cáo được suy luận dựa trên bản chất hành vi của bị cáo*."[78] Đối với trường hợp này, HĐXX không chỉ áp dụng pháp luật mà còn giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật dựa trên các tình tiết cụ thể của vụ án. Việc xác định phạm vi tổn thương cho sức khoẻ của người khác ở Trung Quốc cũng có nhiều ý kiến khác nhau của các nhà khoa học về việc có hay không xem xét các tổn thương về tinh thần cũng là những tổn

[77] Xem: Mục 5.1, 5.2 Bản án sơ thẩm số 52 năm 2022 của TAND quận Hải Nam, thành phố Vũ Hải, Khu tự trị Nội Mông tại: https://wenshu.court.gov.cn/website/wenshu/181107ANFZ0BXSK4/index.html?docId=OUD3Tm7EvEQdhkgWglcR2pT+bLtvyx0f3i916gg2dkDQyy6Ug7fliocvdYeNY3vovh/ulw34q5bbb9tKSNRzGUc7zKJwsejRc6W0oaWqJzYbiAb1o6b3PnFJEPg61nWr, truy cập ngày 10/8/2026.

[78] Nguồn:https://wenshu.court.gov.cn/website/wenshu/181107ANFZ0BXSK4/index.html?docId=JseWE2JcpacmHhhstxXKkFwJOsM6E6hPu3odeN5utsPmHRHFSc+A74cvdYeNY3vovh/ulw34q5bbb9tKSNRzGUc7zKJwsejRc6W0oaWqJzY2YggRuFxhmVMa91ZhoFrH, truy cập ngày 10/8/2026.

thương về sức khoẻ do tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK gây ra.[79]

Hình phạt được áp dụng đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở Trung Quốc có thể là hình phạt quản chế, cải tạo lao động hoặc hình phạt tù và hình phạt tử hình. Hình phạt tù được chia làm hai loại là tù có thời hạn từ 03 năm đến 10 năm và tù chung thân. Trong các quốc gia được nghiên cứu thì Trung Quốc là quốc gia duy nhất áp dụng hình phạt tử hình đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thể hiện tư duy lập pháp còn nặng về trừng trị hơn là giáo dục, cải tạo người phạm tội.

1.3.2. Pháp luật hình sự Liên Bang Nga về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

BLHS Liên Bang Nga[80] chia tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thành 3 mức theo hậu quả của hành vi phạm tội. Cụ thể Điều 111 quy định về tội cố ý gây tổn thương nặng cho sức khỏe là các trường hợp hành vi cố ý gây tổn thương nghiêm trọng đến sức khỏe; tổn thương được xem là nghiêm trọng đến sức khỏe khi: nguy hiểm đến tính mạng con người hoặc dẫn đến mất thị lực, lời nói, thính giác hoặc bất kỳ cơ quan nào hoặc mất chức năng của các cơ quan, chấm dứt thai kỳ, rối loạn tâm thần, nghiện ma túy hoặc lạm dụng chất gây nghiện hoặc dẫn đến hậu quả là nạn nhân thay đổi khác với lối sống thường ngày hoặc làm cho người bị hại mất ít nhất một phần ba khả năng lao động hoặc cố ý làm mất hoàn toàn khả năng lao động chuyên môn; mức hình phạt đối với những hành vi phạm tội gây hậu quả trên là tới 08 năm. Khoản 2 Điều 111 BLHS Liên Bang Nga quy định các tình tiết làm tăng nặng TNHS so với quy định tại khoản 1, với mức hình phạt tù đến 10 năm, có hoặc không hạn chế tự do đến hai năm, tước quyền đảm nhiệm chức vụ hoặc tham gia các hoạt động nhất định với thời hạn lên đến 03 năm. Các trường hợp quy định tại khoản 2 gồm: đối với người thân của một người khi người đó đang thi hành công vụ hoặc thực hiện trách nhiệm xã hội; đối với NCTN hoặc với người khác mà người phạm tội biết là họ ở trong tình trạng không được bảo vệ để có thể chống lại những hành vi tàn bạo, nhạo báng, hành hạ; bằng cách gây nguy hiểm cho xã hội; theo yêu cầu thuê mướn; có tính chất côn đồ; với động cơ hận thù về chính trị, tư tưởng, sắc tộc, hoặc vì động cơ thù hằn đối với một nhóm xã hội nào đó; nhằm mục đích sử dụng các bộ phận cơ thể hoặc

[79] Yuan Jiahui và Sun Chengchen (2022), tlđd, tr3737- 3741.
[80] BLHS Liên Bang Nga được thông qua ngày 13/6/1996, sửa đổi, bổ sung lần cuối ngày 17/11/2025, tại: http://www.kremlin.ru/acts/bank/9555/page/9, truy cập ngày 10/8/2026.

mô của nạn nhân; sử dụng vũ khí hoặc đồ vật làm vũ khí; với sự biểu tình công khai, kể cả trên các phương tiện truyền thông hoặc mạng thông tin và viễn thông. Khoản 3 điều 111 BLHS Liên Bang Nga xử phạt tù đến 12 năm, có hoặc không bị hạn chế tự do đến 02 năm trong trường hợp các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 nhưng được thực hiện: bởi một nhóm người hoặc một nhóm người có bàn bạc từ trước, hay một nhóm có tổ chức; đối với hai người trở lên. Khoản 4 điều 111 BLHS Liên Bang Nga quy định về trường hợp các hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 điều này mà làm cho nạn nhân chết do sơ suất thì bị phạt tù đến 15 năm.

Điều 112 BLHS Liên Bang Nga quy định về tội cố ý gây tổn thương ở mức độ vừa phải, gồm hai khoản. Khoản 1 Điều 112 với khung hình phạt hạn chế tự do đến 03 năm, hoặc lao động cưỡng bức đến 03 năm, hoặc giam giữ đến 06 tháng, hoặc phạt tù đến 03 năm quy định những hành vi cố ý gây tổn thương ở mức độ vừa phải cho sức khỏe, không nguy hiểm đến tính mạng con người và không gây hậu quả quy định tại Điều 111 BLHS Liên Bang Nga nhưng gây rối loạn sức khỏe lâu dài hoặc làm mất vĩnh viễn đáng kể khả năng lao động. Khoản 2 Điều 112 BLHS Liên Bang Nga quy định đối với những hành vi gây tổn thương giống khoản 1 nhưng có những tình tiết làm tăng tính nguy hiểm gồm: đối với 02 người trở lên; đối với NCTN hoặc người khác mà người phạm tội biết là đang trong tình trạng không được bảo vệ để chống lại sự tàn bạo, lăng nhục hay hành hạ của người phạm tội; bởi một nhóm người hoặc một nhóm người có sự bàn bạc từ trước, hay một nhóm có tổ chức; có tính chất côn đồ; với động cơ hận thù về chính trị, tư tưởng, sắc tộc, hoặc vì động cơ hận thù đối với một nhóm xã hội nào đó; sử dụng vũ khí hoặc đồ vật dùng làm vũ khí; với sự biểu tình công khai, kể cả trên các phương tiện truyền thông hoặc mạng thông tin và viễn thông. Do đó khung hình phạt cho những hành vi quy định tại khoản 2 cao hơn khoản 1, cụ thể là bị phạt tù đến 05 năm, có hoặc không bị tước quyền đảm nhiệm chức vụ nhất định hoặc tham gia vào các hoạt động nhất định với thời hạn đến 03 năm.

Điều 115 BLHS Liên Bang Nga quy định về tội cố ý gây tổn thương ít nghiêm trọng đến sức khỏe với hai khoản. Khoản 1 quy định hậu quả là tổn thương nhẹ đến sức khỏe trong thời gian ngắn hoặc mất khả năng lao động không đáng kể với khung hình phạt là phạt tiền đến 40 nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án trong ba tháng, hoặc lao động bắt buộc từ 180 giờ đến 240 giờ, hoặc lao động cải tạo đến một năm hoặc bị giam giữ từ 02 tháng đến 04 tháng. Khoản 2

quy định những hành vi như khoản 1 nhưng có thêm các tình tiết như: có tính chất côn đồ; với động cơ hận thù về chính trị, tư tưởng, sắc tộc, hoặc vì động cơ hận thù đối với một nhóm xã hội nào đó thì bị phạt lao động bắt buộc từ 120 giờ đến 180 giờ hoặc lao động cải tạo từ 06 tháng đến 01 năm, hoặc hạn chế tự do đến 02 năm, hoặc bị giam giữ từ 04 tháng đến 06 tháng, hoặc phạt tù đến 02 năm.

Quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo BLHS Liên Bang Nga có sự phân hoá TNHS tương đối chi tiết. Nhưng việc quy định hậu quả của hành vi phạm tội theo hướng mô tả thay vì định lượng dẫn đến hạn chế là việc đánh giá tuỳ nghi ở các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như phụ thuộc vào khả năng nhận định của người tiến hành tố tụng. Đây là lý do mà dù quy định của BLHS đã mô tả rất rõ hậu quả nhưng việc xác định hậu quả TTCT vẫn phải do các chuyên gia pháp y của cơ sở y tế hoặc đơn vị kinh doanh có kiến thức chuyên môn và có giấy phép thực hiện hoạt động y tế, bao gồm cả giám định pháp y mới có thẩm quyền xem xét, xác định mức độ TTCT.[81] Điều này khiến cho quy phạm pháp luật mặc dù rất dài nhưng vẫn không thể áp dụng ngay.

Bên cạnh đó, BLHS Liên Bang Nga còn có hai quy định đó là Điều 116 tội hành hung và Điều 116.1 tội hành hung được thực hiện bởi người đã bị xử phạt hành chính hoặc có tiền án. Hành vi quy định tại Điều 116 là những hành vi không gây ra TTCT, tức là loại trừ các hậu quả được quy định tại Điều 115, nhưng nó gây ra nỗi đau đớn đặc biệt cho nạn nhân, bao gồm cả nỗi đau về tinh thần lẫn thể chất. Trong khi đó Điều 116.1 quy định mức phạt tối thiểu đối với hành vi hành hung không có dấu hiệu cấu thành tội phạm theo Điều 115 và 116 của BLHS Liên Bang Nga, được thực hiện bởi người có tiền án hoặc đã bị xử phạt hành chính vì hành vi tương tự. Hai quy định này thể hiện mong muốn của nhà làm luật trong việc tăng cường bảo vệ sức khỏe con người, đảm bảo quyền toàn vẹn về thể chất (cơ thể) và đảm bảo an toàn cho sức khỏe của công dân[82]. Tuy nhiên có nhiều quan điểm bày tỏ sự phản đối, gọi nó là mang tính phân biệt đối xử. Trong khi hiện nay xu thế chung là nhân đạo hoá luật hình sự thì quy định này lại đi theo hướng ngược lại. Việc công nhận một hành vi trở thành tội phạm do tính tái phạm cũng đi ngược lại nguyên tắc của luật hình sự, theo

[81] Mục 6 Quy tắc xác định mức độ gây hại cho sức khoẻ của con người ban hành kèm Nghị định số 522 ngày 17/8/2007 của Chính phủ Liên Bang Nga tại: https://base.garant.ru/12162210/10ed0f917186039eb157d3ba4f962ee5/, rruy cập ngày 05/6/2026.
[82] Xem: Dmitry Vladimirovich Nemtinov (2013), tlđd, 331-337.

đó tội phạm chỉ được coi là những hành vi nguy hiểm cho xã hội khi tự bản thân nó chứa đựng đủ các yếu tố cấu thành, không phụ thuộc vào các hoàn cảnh khác, đặc biệt là việc nhân thân người vi phạm đã bị áp dụng biện pháp hành chính trước đó hay chưa.[83] Mặc dù quy định tại Điều 116 và 116.1 có ưu điểm là những trường hợp mà không thể giám định được hậu quả TTCT do vết thương đã lành, sức khỏe đã hồi phục hoàn toàn hay hoàn cảnh khách quan khác cũng không cản trở việc người phạm tội bị truy cứu TNHS.

Tuy nhiên quy định tại điều 116.1 quy định đối với người đã bị xử phạt hành chính vì hành vi tương tự là không phù hợp. Bởi lẽ việc công nhận một hành vi vi phạm trở thành tội phạm do tính tái phạm vốn đã đi ngược lại nguyên tắc của luật hình sự, theo đó tội phạm chỉ được coi là những hành vi nguy hiểm cho xã hội khi tự thân chứa đựng đầy đủ các yếu tố cấu thành, không phụ thuộc vào các hoàn cảnh khác, đặc biệt là việc cá nhân đã bị áp dụng biện pháp hành chính vì hành vi vi phạm trước đó hay chưa. Hơn nữa nó thể hiện sự không rõ ràng giữa tội phạm và vi phạm hành chính.

Hình phạt chính có thể được áp dụng đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo BLHS Liên Bang Nga rất đa dạng, có thể là phạt tiền, lao động, lao động cải tạo, giam giữ và phạt tù. Mức phạt tù tối đa là 15 năm đối với trường hợp làm nạn nhân bị chết và có các tình tiết làm tăng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Ngoài ra người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền đảm nhiệm chức vụ hoặc tham gia các hoạt động nhất định với thời hạn lên đến 03 năm. Sự đa dạng về hình phạt cho thấy nhà làm luật Liên Bang Nga không xây dựng theo hướng tập trung vào hình phạt tù mà chú trọng yêu cầu cá thể hoá TNHS. Việc trao cho Toà án nhiều lựa chọn về loại và mức hình phạt giúp bảo đảm sự tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội với hậu quả pháp lý mà người phạm tội phải gánh chịu. Việc dành nhiều không gian cho các hình phạt không tước tự do như phạt tiền, lao động, lao động cải tạo phản ánh xu hướng hiện đại hoá chính sách hình sự, hạn chế áp dụng hình phạt tù đối với những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội có khả năng tự cải tạo trong cộng đồng, tạo điều kiện để người phạm

[83] Xem: Shulga Andrey Vladimirovich & Kashapova Yuliya Denisovna (2017), About criminal liability for physical assault, *Tạp chí khoa học KubSAU*, (128(04)), tại: https://cyberleninka.ru/article/n/k-voprosu-ob-ugolovnoy-otvetstvennosti-za-poboi, truy cập ngày 10/8/2026.

tội duy trì được các mối quan hệ xã hội, lao động và chăm sóc gia đình, từ đó nâng cao khả năng tái hoà nhập cộng đồng. Đồng thời cũng giảm áp lực cho nhà nước nói chung và các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ nói riêng. Ngoài ra, việc quy định hình phạt bổ sung là tước quyền đảm nhiệm chức vụ hoặc thực hiện một số hoạt động nhất định cũng thể hiện sự quan tâm của nhà làm luật với yêu cầu phòng ngừa tái phạm. Trong những trường hợp hành vi phạm tội có liên quan đến việc lợi dụng chức vụ, nghề nghiệp như thầy cô giáo đối với học sinh; huấn luyện viên đối với vận động viên; người chăm sóc, chữa trị đối với bệnh nhân... thì hình phạt bổ sung này góp phần loại bỏ các điều kiện có thể tạo cơ hội cho người phạm tội tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm trong một khoảng thời gian nhất định, giúp nhiệm vụ bảo vệ xã hội được hiệu quả hơn.

1.3.3. Pháp luật hình sự Thụy Điển về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

BLHS Thụy Điển[84] không đặt tên tội danh, nhóm hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm được quy định tại các Điều 5, 6 và 11 Chương 3 Phần 2. Điều 5 quy định trường hợp phạm tội nhẹ hoặc cơ bản, theo đó người nào gây TTCT, bệnh tật hoặc đau đớn cho người khác hoặc làm cho họ tàn phế hoặc trong tình trạng tương tự khác thì phạm tội tấn công và bị phạt tù tối đa hai năm hoặc, nếu vi phạm là nhẹ thì bị phạt tiền hoặc phạt tù tối đa 6 tháng.” Điều 6 Chương 3 Phần 2 BLHS Thụy Điển quy định về trường hợp tăng nặng so với Điều 5. Điều 6 quy định hai trường hợp là phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Theo đó nếu một hành vi phạm tội quy định tại điều 5 mà nghiêm trọng thì mức hình phạt ít nhất là 01 năm 06 tháng và cao nhất là 06 năm; được coi là hành vi phạm tội nghiêm trọng khi hành vi đó có đe dọa đến tính mạng, gây ra TTCT nghiêm trọng hoặc thể hiện sự tàn nhẫn, hung bạo đặc biệt. Đối với trường hợp phạm tội tấn công đặc biệt nghiêm trọng có thể bị phạt tù ít nhất là 05 năm và nhiều nhất là 10 năm; được coi là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng khi xem xét TTCT có phải là vĩnh viễn hay không, hành vi đó có gây ra đau khổ đặc biệt hay không hoặc thủ đoạn thực hiện tội phạm đặc biệt tàn nhẫn.

Hình phạt có thể áp dụng đối với người phạm tội theo BLHS Thuỵ Điển là

[84] BLHS Thuỵ Điển được thông qua vào năm 1962, có hiệu lực vào ngày 01/01/1965 đã trải qua nhiều lần sửa đổi, lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 31/5/2023, tại: https://www.government.se/government-policy/judicial-system/the-swedish-criminal-code/, truy cập ngày 10/8/2026).

hình phạt tiền và phạt tù có thời hạn. Mức hình phạt tù đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở Thụy Điển cao nhất là 10 năm tù giam, thấp hơn so với nhiều quốc gia khác. Điều này phản ánh quan điểm nhân đạo trong hệ thống pháp luật của Thụy Điển, nơi mà việc phục hồi và tái hòa nhập xã hội của người phạm tội được đặt lên hàng đầu. Hệ thống pháp luật ở đây không chỉ tập trung vào việc trừng phạt mà còn chú trọng đến việc hiểu rõ nguyên nhân và hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội. Việc sử dụng hình phạt tiền trong chế định hình phạt đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng thể hiện tư duy coi trọng tính hiệu quả của hình phạt khi phải lựa chọn giữa hình phạt tiền và hình phạt tù ngắn hạn tương ứng với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của nhà làm luật Thuỵ Điển.

Điều 11 Chương 3 Phần 2 BLHS Thụy Điển quy định về trường hợp người nào cố gắng hoặc chuẩn bị thực hiện một hành vi tấn công nghiêm trọng hoặc không tiết lộ hoặc ngăn chặn một hành vi như vậy thì phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Chương 23. Quy định này thể hiện sự đề cao chức năng phòng ngừa của luật hình sự. Nhà làm luật Thuỵ Điển không đợi hậu quả TTCT xảy ra mới xử lý mà cho phép can thiệp từ sớm khi hành vi đã bộc lộ nguy cơ rõ ràng đối với khách thể cần được bảo vệ. Đáng chú ý hơn, quy định này còn đặt ra trách nhiệm đối với hành vi không tiết lộ hoặc không ngăn chặn tội phạm. Điều đó cho thấy pháp luật hình sự Thuỵ Điển không chỉ coi việc trực tiếp thực hiện hành vi nguy hiểm là đáng lên án mà còn đánh giá trách nhiệm của những người biết rõ nguy cơ phạm tội nhưng thờ ơ hoặc không thực hiện các biện pháp để ngăn chặn tội phạm. Cách tiếp cận này cũng thể hiện xu hướng tăng cường nghĩa vụ bảo vệ lợi ích xã hội và đề cao tinh thần, trách nhiệm của công dân trong phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên quy định này cũng có một số hạn chế như: *Trước hết là hình sự hoá sớm hành vi vi phạm*, khi TNHS được đặt ra ngay từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội thì ranh giới giữa ý định phạm tội và hành vi phạm tội trở nên mờ nhạt. Trong khi không phải mọi hành vi chuẩn bị đều sẽ dẫn đến việc thực hiện tội phạm. Người có ý định phạm tội hoàn toàn có thể tự nguyện từ bỏ trước khi gây ra bất kỳ thiệt hại nào. Nếu pháp luật can thiệp quá sớm có thể dẫn đến việc truy cứu TNHS những người chưa thực sự tạo ra nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Trong khi đó nguyên tắc cơ bản của luật hình sự hiện đại là chỉ sử dụng hình phạt như biện pháp cuối cùng. *Tiếp đó là phát sinh khó khăn trong việc chứng minh tội phạm*. Trường hợp chuẩn bị phạm tội, các cơ quan phải chứng minh được mục đích của

người phạm tội. Đây là vấn đề phức tạp và có nguy cơ suy diễn chủ quan, và việc truy cứu TNHS cả người không tiết lộ hoặc ngăn chặn một hành vi như vậy càng khó để xác định. Do không phải mọi người đều có đủ khả năng nhận biết chính xác mức độ nguy hiểm cho xã hội của một hành vi còn chưa xảy ra hay đủ điều kiện để ngăn chặn tội phạm.

BLHS Thụy Điển không quy định tình tiết "làm chết người" là tình tiết định khung tăng nặng TNHS đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, mà chỉ có quy định về tội vô ý làm chết người tại Điều 7 Chương 3, ngay sau hai quy định về tội hành hung gây TTCT. Trong thực tế khi xét xử một hành vi hành hung nghiêm trọng dẫn đến chết người, Tòa án ở Thụy Điển không phải tuyên tội danh, hành vi phạm tội được xác định là hành vi hành hung đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại đoạn 2 Điều 6 BLHS Thụy Điển và hành vi vô ý làm chết người theo quy định tại đoạn 2 Điều 7 BLHS Thụy Điển.

Ví dụ: TP và KS đã hẹn gặp nhau vào ngày 18/3/2020, đi chơi và uống rượu. Sau đó họ đi mua thêm rượu, quay về nhà và tiếp tục uống rượu. TP có những kí ức mơ hồ và rời rạc về những gì đã xảy ra sau khi trở về nhà, nhưng theo những gì TP mô tả thì anh ta và KS bắt đầu tranh cãi và anh ta đã đâm vào chân KS một lần, sau đó thêm một lần nữa, giữa hai lần đâm có một khoảng thời gian nhất định. Khi đó KS đang ngồi trên ghế bành, trong tình trạng đã say rượu và không có khả năng tự vệ. Hậu quả là KS đứt một phần động mạch đầu gối, tổn thương cơ đùi, chảy máu trong, vết đâm có chiều dài 5cm, sâu 13 cm. KS đã chết sau đó vì vết cắt gây chảy máu nặng. Tòa án cấp quận đồng tình với cáo trạng và đã kết luận rằng TP đã gây TTCT nghiêm trọng cho KS, hành vi này đã dẫn đến tử vong. Tòa án cấp quận tuyên phạt TP tội hành hung nghiêm trọng theo đoạn 1 Điều 6 và gây ra cái chết của người khác theo đoạn 2 Điều 7, phạt tù 03 năm 06 tháng. Công tố viên đã kháng cáo lên Tòa Phúc thẩm yêu cầu tăng hình phạt, Tòa Phúc thẩm đồng tình về áp dụng pháp luật nhưng tăng mức hình phạt lên 4 năm tù. TP tiếp tục kháng cáo lên Tòa Tối cao, Tòa Tối cao khẳng định bản án của Tòa Phúc thẩm đã áp dụng pháp luật đúng và hình phạt là phù hợp[85]. Trong vụ án này, Tòa Phúc thẩm nhận định rằng ý thức của người phạm tội tại

[85] Xem: Phán quyết số NJA 2021 tr. 139 (NJA 2021:12) ngày 19/3/2021 của Tòa án Tối cao Thụy Điển tuyên án về tội hành hung nghiêm trọng và làm chết người khác, tội phạm nghiêm trọng, tại: https://rattspraxis.etjanst.domstol.se/sok/publicering/63233162-1e09-4e61-803f-86c989bc04db, truy cập ngày 10/8/2026.

thời điểm thực hiện hành vi phạm tội rất mơ hồ, lời khai của TP đã cho thấy điều đó, do đó không có đủ căn cứ để chứng minh TP có ý định giết KS.

Qua vụ án thực tế, có thể thấy trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tố tụng có xu hướng áp dụng quan điểm có lợi cho bị cáo. Như trong ví dụ được nêu ở trên, nếu không thể chứng minh được ý định giết người của bị cáo, thì việc tuyên về tội giết người sẽ không được thực hiện. Dù bị cáo có thể đã có lỗi khi tự đưa mình vào trạng thái mất khả năng nhận thức do sử dụng rượu, nhưng nếu không có bằng chứng rõ ràng về ý định giết người, tòa án sẽ không thể kết tội. Điều này cho thấy sự tôn trọng đối với quyền lợi của bị cáo và nguyên tắc suy đoán vô tội, một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự ở Thụy Điển. Hệ thống pháp luật ở đây không chỉ đơn thuần là một công cụ trừng phạt mà còn là một phương tiện để bảo vệ quyền con người và đảm bảo công bằng trong xét xử.

1.3.4. Pháp luật hình sự Liên Bang Đức về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

BLHS Liên Bang Đức[86] quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại 6 điều luật, dựa trên mức độ nghiêm trọng của hậu quả thiệt hại cho sức khỏe của hành vi phạm tội, ngoài ra có một số trường hợp mà đối tượng của tội phạm có tính chất đặc biệt. Cụ thể:

Điều 223 Tổn thương cơ thể

Điều 224 Tổn thương cơ thể nghiêm trọng

Điều 226 Tổn thương cơ thể đặc biệt nghiêm trọng

Điều 226a Cắt xẻo bộ phận sinh dục ngoài của phụ nữ

Điều 227 Tổn thương cơ thể dẫn đến chết người

Điều 231 Tham gia đánh nhau

Trong đó, Điều 223 quy định mức hình phạt không quá 05 năm hoặc phạt tiền đối với trường hợp người phạm tội hành hung vật lý hay là tổn hại sức khỏe của người khác, điều luật không mô tả rõ hành vi cũng như hậu quả cụ thể đối với sức khỏe. Nhưng tại khoản 1 Điều 224 BLHS Liên Bang Đức lại liệt kê một loạt các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK gồm: đưa chất độc hoặc chất khác có hại cho sức khỏe, sử dụng vũ khí hoặc công cụ nguy hiểm khác, bằng cách tấn công nguy hiểm, thực

[86] BLHS Đức được công bố ngày 13 tháng 11 năm 1998, sửa đổi lần cuối bởi Điều 2 của Đạo luật ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại: https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_stgb/englisch_stgb.html#p2131, truy cập ngày 10/8/2026.

hiện tội phạm với một người khác hoặc sử dụng phương pháp nguy hiểm đến tính mạng; những hành vi này có thể bị phạt tù từ 06 tháng đến 10 năm, trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 05 năm. Như vậy, đối với quy định trên nhà làm luật đã sử dụng kết hợp phương pháp liệt kê các trường hợp cụ thể, và phương pháp khái quát hoá hành vi. Nhưng đến Điều 226 BLHS Liên Bang Đức quy định về gây TTCT đặc biệt nghiêm trọng lại không quy định về hành vi mà mô tả hậu quả, điều luật này quy định những trường hợp gây TTCT dẫn đến: nạn nhân mất thị lực ở một mắt hoặc cả hai mắt, mất thính lực, mất khả năng nói hoặc mất khả năng sinh sản; mất hoặc mất vĩnh viễn khả năng sử dụng một bộ phận cơ thể quan trọng của nạn nhân; nạn nhân bị biến dạng vĩnh viễn và nghiêm trọng hoặc mắc bệnh dai dẳng, bị liệt, bị bệnh tâm thần hoặc tàn tật thì hình phạt tù từ một năm đến 10 năm; trường hợp cố ý gây ra các hậu quả này thì bị xử phạt nặng hơn là từ 03 năm trở lên; trường hợp hậu quả ít nghiêm trọng mà vô ý thì phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm, trường hợp hậu quả ít nghiêm trọng mà cố ý thì phạt tù từ một năm đến 10 năm. Trường hợp gây TTCT dẫn đến tử vong được quy định tại Điều 227 với hình phạt tù tối thiểu là 03 năm, trường hợp ít nghiêm trọng thì hình phạt là từ 01 năm đến 10 năm. Ngoài ra, điều 226a có đối tượng bị xâm phạm đặc biệt là bộ phận sinh dục ngoài của phụ nữ.

Hình phạt có thể được áp dụng đối với người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo BLHS Liên Bang Đức có thể là hình phạt tiền hoặc hình phạt tù, với mức phạt tù tối thiểu là 03 tháng và tối đa là 10 năm. Việc áp dụng hình phạt tiền đối với những hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ít nguy hiểm thể hiện tư duy lập pháp hình sự đề cao tính hiệu quả của hình phạt đối với người phạm tội và xã hội, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước nhưng vẫn đạt được mục đích là tước một khoản tiền của người phạm tội tương ứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội.

Trong thực tế xét xử, việc áp dụng pháp luật cũng gặp những khó khăn khi xác định tội danh do có những tình tiết trong vụ án có dấu hiệu của cả tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội giết người. Ví dụ một vụ án mà bị cáo ném chai bia vào đầu của bị hại ở khoảng cách 02 đến 03 mét, sau đó rời khỏi hiện trường, Tòa án cấp sơ thẩm lần đầu đã xử bị cáo 02 năm 10 tháng tù về tội cố ý gây TTCT nghiêm trọng, công tố viên của văn phòng công tố đã kháng cáo yêu cầu xem xét lại các tình tiết liên quan đến vụ án. Tòa Thượng thẩm có đưa ra lưu ý rằng: Tòa án cấp sơ thẩm mới

sẽ phải xem xét kỹ hơn so với trước đây về kinh nghiệm của bị cáo về hành vi bạo lực và kỹ năng cũng như kiến thức chuyên môn của bị cáo. [87] Qua đó có thể thấy việc đánh giá lỗi của người phạm tội là rất quan trọng, việc đánh giá lỗi không chỉ từ các đòi hỏi của nhà nước, từ nhận thức pháp luật của người tiến hành tố tụng mà còn phải từ nền tảng nhận thức của người phạm tội đối với hành vi của mình, việc người phạm tội có nhận thức được hay không hành vi của mình nguy hiểm cho nạn nhân và mức độ nguy hiểm của hành vi đó đối với nạn nhân. Phản ánh mức độ bảo vệ quyền con người cao trong tư duy lập pháp hình sự, không chỉ là bảo vệ đối với nạn nhân mà với cả người phạm tội.

1.3.5. Pháp luật hình sự Hoa Kỳ về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Hoa Kỳ là một quốc gia tiêu biểu của hệ thống pháp luật Common law, với đặc trưng nguồn luật chủ yếu là án lệ, các tòa án có vai trò quan trọng trong việc phát triển pháp luật. Do đó Bộ tổng luật Hoa Kỳ[88] quy định những vấn đề cơ bản, tập trung vào định nghĩa các khái niệm, hành vi chứ không tập trung vào các tình tiết. Bởi lẽ theo quan điểm lập pháp của Hoa Kỳ, thực tiễn xét xử vô cùng đa dạng mà pháp luật không thể lường trước được, do đó cần không gian để các thẩm phán có khả năng đánh giá thực tiễn. Tội hành hung (assault) được quy định tại Chương 7, Phần 1, Quyển 18 gồm 09 điều:

Điều 111. Hành hung, chống cự hoặc cản trở những cán bộ hoặc viên chức đã được xác định

Điều 112. Bảo vệ viên chức nước ngoài, khách chính thức và những cá nhân được bảo vệ quốc tế

Điều 113. Hành hung trong phạm vi quyền tài phán hàng hải và lãnh thổ

Điều 114. Làm tàn tật trong phạm vi quyền tài phán hàng hải và lãnh thổ

Điều 115. Ảnh hưởng, cản trở hoặc trả thù cán bộ liên bang bằng việc đe dọa hoặc gây tổn thương một thành viên gia đình

Điều 116. Cắt xẻo bộ phận sinh dục nữ

Điều 117. Hành hung gia đình do người phạm tội thường xuyên thực hiện

---

[87] Xem Phán quyết số 6 StR 225/22 ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án liên bang Đức, tại: https://juris.bundesgerichtshof.de/cgi-bin/rechtsprechung/document.py?Gericht=bgh&Art=en&Datum=2022-9-7&nr=131338&anz=12&pos=6, truy cập ngày 10/8/2026.

[88] Bộ tổng luật Hoa kỳ, tại: https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/part-I/chapter-7, truy cập ngày 10/8/2026.

Điều 118. Cản trở một số chức năng bảo vệ

Điều 119. Bảo vệ những cá nhân đang thực hiện một số nhiệm vụ chính thức

Trong đó Điều 113 và 114 là quy định chung về tội phạm hành hung, các điều luật còn lại là các trường hợp đặc biệt của hành hung, được phân loại theo đối tượng bị tác động như cán bộ, viên chức, người nhà cán bộ, viên chức, khách ngoại giao, đối tượng được bảo vệ, phụ nữ… Hành vi hành hung phạm tội theo Bộ tổng luật Hoa Kỳ có thể là: đánh, đánh đập hoặc làm bị thương; bóp cổ, ngạt thở; cắt, cắn hoặc rạch mũi, tai hoặc môi hoặc cắt hoặc vô hiệu hóa lưỡi, hoặc đâm hoặc phá hủy một mắt hoặc cắt hoặc vô hiệu hóa một chi; ném hoặc đổ lên người khác nước nóng bỏng, axit ăn mòn hoặc chất ăn da… [89] Về hậu quả, BLHS mẫu Hoa Kỳ có sử dụng thuật ngữ "TTCT đáng kể", "TTCT nghiêm trọng" và định nghĩa như sau:

"*Tổn thương cơ thể đáng kể là tổn thương cơ thể liên quan đến:*

(A) biến dạng tạm thời nhưng đáng kể; hoặc

(B) mất hoặc suy giảm chức năng tạm thời nhưng đáng kể.

Còn tổn thương cơ thể nghiêm trọng được định nghĩa là:

(A) nguy cơ tử vong đáng kể;

(B) đau đớn thể xác tột độ;

(C) biến dạng kéo dài và rõ ràng; hoặc

(D) *mất hoặc suy giảm chức năng của một bộ phận cơ thể, cơ quan hoặc khả năng tâm thần kéo dài.*"[90]

Bộ tổng luật Hoa Kỳ cũng không đưa hậu quả chết người là tình tiết định khung tăng nặng của tội hành hung, hậu quả của tội hành hung chỉ có thể là TTCT. Nhưng quy định tại mục a Điều 1113 Tội ngộ sát đối với các trường hợp: do cãi vã đột ngột hoặc nóng giận mà có hành vi giết người trái pháp luật, không có ác ý; hành vi trái pháp luật không cấu thành trọng tội, hoặc khi thực hiện hành vi hợp pháp theo cách bất hợp pháp hoặc không có sự thận trọng và cân nhắc hợp lý có thể dẫn đến tử vong. Như vậy, trường hợp người phạm tội chỉ có ý định hành hung gây tổn thương cho nạn nhân nhưng hậu quả xảy ra lại là tử vong sẽ bị xử phạt theo quy định về tội ngộ sát. Quy định về tội ngộ sát của Bộ tổng luật Hoa Kỳ về hành vi rộng hơn tội vô ý

[89] Xem Điều 113, 114 Chương 7, Phần 1, Quyển 18 Bộ tổng luật Hoa Kỳ, tại: https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/part-I/chapter-7, truy cập ngày 10/8/2026.

[90] Xem Điều 1365, Chương 65, Phần I, Quyển 18 Bộ tổng luật Hoa Kỳ tại: https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/part-I/chapter-7, truy cập ngày 10/8/2026.

làm chết người ở Việt Nam. Hình phạt đối với tội ngộ sát cao nhất không quá 15 năm tù, thấp hơn quy định về hình phạt đối với tội hành hung.

Về hình phạt, mức hình phạt cao nhất đối với tội hành hung là 30 năm tù, chỉ áp dụng trong trường hợp người phạm tội hành hung một thành viên trong gia đình trực hệ của một quan chức Hoa Kỳ, một thẩm phán Hoa Kỳ, một nhân viên thực thi pháp luật Liên bang hoặc một quan chức với ý định cản trở, đe dọa hoặc can thiệp vào việc quan chức, thẩm phán hoặc nhân viên thực thi pháp luật đó thực hiện nhiệm vụ hoặc với ý định trả đũa vì việc họ thực hiện nhiệm vụ mà hành vi hành hung dẫn đến thương tích cơ thể nghiêm trọng.[91] Các trường hợp hành hung khác, mức phạt tù cao nhất là không quá hai mươi năm; trường hợp hành hung đơn giản có thể áp dụng hình phạt tiền, phạt tù dưới 01 năm hoặc cả hai. Việc sử dụng hình phạt tiền trong chế định hình phạt đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng thể hiện tư duy lập pháp đề cao hiệu quả của hình phạt khi cân nhắc việc sử dụng hình phạt tiền với phạt tù ngắn hạn mà mức độ tác động của hình phạt đối với người phạm tội là như nhau thì hình phạt tiền luôn có hiệu quả về kinh tế cao hơn, lại thể hiện tính nhân đạo của pháp luật khi không tước tự do của người phạm tội, tránh được những ảnh hưởng từ môi trường nhà tù, trại giam, giúp người phạm tội có điều kiện duy trì các mối quan hệ xã hội, dễ hoà nhập cộng đồng hơn.

Như vậy, Bộ tổng luật Hoa Kỳ quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK không quy định hậu quả chết người trong điều luật song mức hình phạt cao nhất về hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK dẫn đến chết người thấp hơn đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là chưa tương xứng về mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Thêm vào đó, Bộ tổng luật Hoa Kỳ phân loại tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo nhiều tiêu chí như đối tượng tác động, đặc điểm của nạn nhân; liệt kê hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK dẫn đến không liệt kê hết các hành vi trong thực tiễn, các mô tả về hậu quả cũng rất chung chung, được dẫn ở nhiều điều luật. Bộ tổng luật Hoa Kỳ thể hiện một cấu trúc lập pháp rất phức tạp, bên cạnh đó còn có BLHS của các bang, đòi hỏi các Thẩm phán khi xét xử không chỉ nghiên cứu kỹ quy định, mà còn phải có kiến thức khoa học pháp lý chuyên sâu để có thể đưa ra những lập luận sát với vụ án.

---

[91] Xem Điều 115 Chương 7, Phần 1, Quyển 18 Bộ tổng luật Hoa Kỳ tại: https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/part-I/chapter-7, truy cập ngày 10/8/2026.

1.3.6. Một số gợi mở cho nhà lập pháp Việt Nam

Có thể thấy không có một mô hình mẫu nào cho việc quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong luật hình sự, mỗi quốc gia tùy vào lịch sử lập pháp, đòi hỏi của xã hội mà có những cách quy định khác nhau, các quy định cũng được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn. Bên cạnh những quy định phù hợp thì các quốc gia cũng đều gặp những vấn đề có bất đồng quan điểm, đòi hỏi nhà làm luật cần phải cân nhắc, lựa chọn giải pháp quy định phù hợp với định hướng phát triển xã hội nói chung và nhà nước nói riêng. Qua kết quả nghiên cứu pháp luật hình sự Việt Nam và một số nước, có thể nhận thấy một số gợi mở cho nhà lập pháp Việt Nam khi xây dựng quy phạm về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như sau:

Thứ nhất, không nên quy định tội phạm ghép CYGTT hoặc GTHCSKCNK mà chỉ nên quy định là tội cố ý gây TTCT. Bởi lẽ việc sử dụng tên tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK gây nhiều khó khăn khi xác định tội danh. Thực tế, không phải trường hợp nào cũng có thể dễ dàng xác định hậu quả nào là thương tích, hậu quả nào là tổn hại cho sức khoẻ, nhiều trường hợp hậu quả còn bao gồm cả thương tích và tổn hại cho sức khoẻ. Việc xác định hậu quả của hành vi phạm tội hoàn toàn phụ thuộc vào nghiệp vụ giám định pháp y của các cơ quan, chuyên gia y tế. Việc phân định ra hai loại tội phạm CYGTT và cố ý GTHCSKCNK cũng không có ý nghĩa trong phòng ngừa tội phạm do hành vi giống nhau, hậu quả thương tích và tổn hại cho sức khoẻ cũng chỉ là sự thể hiện khác nhau của thiệt hại cho sức khoẻ con người mà hoàn toàn có thể đánh giá qua một thuật ngữ là TTCT. Trong khi đó khái niệm "tội cố ý gây TTCT" cũng phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành quốc tế, thống nhất với thuật ngữ chuyên ngành y khoa.

Thứ hai, chế định hình phạt không tước tự do của một số quốc gia áp dụng đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK rất đa dạng, bao gồm phạt tiền, lao động, lao động cải tạo, ... tạo điều kiện cho việc cá thể hoá hình phạt trong thực tiễn. Nhất là đối với những hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, việc áp dụng hình phạt tù trong thời gian ngắn vừa không hiệu quả về giáo dục người phạm tội vừa không hiệu quả cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên việc áp dụng hình phạt tiền đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm ở Việt Nam còn cần nghiên cứu nhiều hơn, xây dựng lộ trình rõ ràng, phù hợp với tư duy chung của xã hội và tính minh bạch trong xác định của thu nhập, tài sản của cá nhân. Mức hình phạt tù cao nhất đối với

tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo pháp luật hình sự Việt Nam là tù chung thân trong khi mức hình phạt cao nhất đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở một số quốc gia là tù có thời hạn, cụ thể Liên Bang Nga là 15 năm (trường hợp gây ra cái chết cho bị hại)[92], ở Thuỵ Điển là 10 năm (trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng), ở Đức là 10 năm tù (trường hợp dẫn đến chết người, TTCT nghiêm trọng)[93], ở Hoa Kỳ là 30 năm (trường hợp hành hung quan chức Liên bang hoặc thành viên trong gia đình họ mà dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc sử dụng vũ khí nguy hiểm)[94]. Như vậy, so với các quốc gia được nghiên cứu mức hình phạt đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở Việt Nam đang cao hơn rất nhiều, thể hiện sự khắt khe của xã hội, còn mang nặng tính trừng phạt nhiều hơn là răn đe, giáo dục. Trong khi đó, xu thế phát triển pháp luật thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng là đề cao tính nhân đạo của BLHS, gia tăng các biện pháp xử lý chuyển hướng, áp dụng tư pháp phục hồi trong quá trình giải quyết vụ án. Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm nếu được áp dụng biện pháp chuyển hướng tích cực, đúng nghĩa sẽ mang lại nhiều giá trị nhân văn cho cộng đồng, hàn gắn và chữa lành không chỉ tổn thương thấy được mà cả tổn thương về tâm lý cho người bị hại, giảm gánh nặng cho xã hội.

Thứ ba, về kỹ thuật lập pháp, các quốc gia được nghiên cứu đều có một số điểm mạnh trong kỹ thuật lập pháp về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đối với BLHS Trung Quốc đó là sự súc tích, đơn giản trong một điều luật, việc cá thể hoá TNHS phụ thuộc vào giải thích của toà án, các tiêu chuẩn giám định tư pháp tạo nên tính ổn định cho quy định này dù BLHS đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Đối với BLHS Liên Bang Nga có sự tương đồng lớn trong việc quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với BLHS Việt Nam khi phân chia các điều luật dựa trên mức độ TTCT. Song BLHS Liên Bang Nga lại mô tả chi tiết về hậu quả mặc dù việc mô tả hậu quả này không có nhiều ý nghĩa đối với chủ thể định tội danh do việc xác định hậu quả TTCT không do các chủ thể này thực hiện mà do các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền kết luận. Việc xây dựng thêm hai quy định về tội hành hung giúp xử lý những hành vi phạm tội từ sớm nhưng lại đi ngược lại các nguyên tắc của luật hình

[92] Xem Điều 115 BLHS Liên Bang Nga tại:http://www.kremlin.ru/acts/bank/9555, truy cập ngày 10/8/2026.
[93] Xem: Điều 226, 227 BLHS Đức tại:https://www.gesetze-im-internet.de/englischstgb/englischstgb.html #p2131, truy cập ngày 10/8/2026.
[94] Xem Điều 115 Bộ tổng luật Hoa Kỳ tại: https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/part-I/chapter-7, truy cập ngày 10/8/2026.

sự. Đối với BLHS Thuỵ Điển, kỹ thuật lập pháp hướng tới sự tối giản dẫn đến có nhiều tình tiết định tính phụ thuộc vào sự đánh giá của từng cơ quan tiến hành tố tụng, dễ dẫn đến áp dụng pháp luật không thống nhất. Đối với BLHS Đức, quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được tách biệt rất rõ ràng giữa cấu thành cơ bản và cấu thành tăng nặng, bên cạnh các quy định khái quát thì có những điều khoản tăng nặng cụ thể giúp dễ dàng định tội danh trực tiếp mà không cần dựa quá nhiều vào văn bản hướng dẫn dưới luật. Qua kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia, nhà làm luật cần cân nhắc giữa việc xây dựng quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo hướng chi tiết, giảm bớt việc phụ thuộc vào văn bản hướng dẫn hay cô đọng, ngắn gọn với các quy phạm mang tính khái quát cao, không phải thường xuyên sửa đổi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Với mục tiêu nghiên cứu những vấn đề chung về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, NCS đã nghiên cứu những vấn đề lý luận như phân tích khái niệm, các đặc điểm của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, cơ sở quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Bên cạnh đó, NCS cũng nghiên cứu quy định pháp luật của một số quốc gia về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

Đối với khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, trước hết từ các triết lý khoa học như triết lý bảo vệ quyền con người, triết lý hợp đồng xã hội và học thuyết phân loại tội phạm dựa trên sự tiến hóa về đạo đức đã cho thấy cần thiết phải có sự can thiệp của nhà nước khi hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK xảy ra. Từ đó phân định phạm vi can thiệp của nhà nước, khi nào thì áp dụng các biện pháp xử lý như hành chính hay hình sự. Tên gọi của loại tội phạm này cũng là vấn đề quan trọng cần nghiên cứu bởi việc đặt tên sẽ ảnh hưởng đến việc định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Nếu đặt tên dựa vào hành vi phạm tội có thể đặt tên là tội hành hung hoặc tội tấn công, nếu đặt tên dựa vào hậu quả của tội phạm có thể đặt tên là tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội cố ý gây TTCT. Qua phân tích thì tên gọi tội cố ý gây TTCT là hợp lý hơn cả.

Về đặc điểm, ngoài các đặc điểm chung của tội phạm, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn mang một số đặc điểm riêng như: Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của con người; hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể dưới dạng hành động hoặc không hành động; hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là TTCT; người phạm tội có lỗi cố ý đối với hậu quả TTCT cho người khác.

Về các cơ sở quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK gồm cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn. Cơ sở lý luận của việc quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK dựa trên các học thuyết, triết lý như học thuyết về luật tự nhiên, triết lý lập pháp dựa trên nguyên tắc gây hại, lý thuyết về khách thể của tội phạm, lý thuyết về tội phạm hoá và phi tội phạm hoá các hành vi bạo lực, học thuyết tư pháp phục hồi. Đây là các cơ sở khoa học giải thích vì sao lại tội phạm hoá một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong khi lại phi tội phạm hoá một hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Cơ sở pháp lý bao gồm các đường lối, chính sách của Đảng, văn kiện quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, cùng với quy định của Hiến pháp về việc bảo hộ

sức khoẻ cho công dân. Cơ sở thực tiễn bao gồm thực tiễn thi hành pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật. Các cơ sở này là căn cứ quan trọng để nhà làm luật quyết định có tội phạm hóa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK hay không và nếu tội phạm hóa thì ở mức độ như thế nào là phù hợp để đạt hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

NCS cũng tiếp cận nghiên cứu pháp luật hình sự của một số quốc gia gồm: Trung Quốc, Liên Bang Nga, Thụy Điển, Liên Bang Đức và Hoa Kỳ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đây là các quốc gia tiêu biểu cho các hệ thống pháp luật trên thế giới, có sự phát triển nhất định về đời sống xã hội cũng như những thành tựu về tư duy lập pháp hình sự. Kết quả nghiên cứu có sự đánh giá, so sánh về cách xây dựng quy phạm, việc phân hoá tội phạm trong các điều luật, các loại hình phạt được áp dụng, mức hình phạt để từ đó đưa ra một số gợi mở đối với nhà làm luật khi hình sự hóa hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở Việt Nam như việc đặt tên tội danh, xây dựng cấu thành cơ bản, các cấu thành tăng nặng, quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội, chế định hình phạt.

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1. Quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trước khi có Bộ luật Hình sự năm 2015

Ngay từ khi nhà nước Việt Nam non trẻ mới ra đời, Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh 03/SL ngày 10/10/1945, theo đó cho đến khi những bộ luật duy nhất cho cả nước được ban hành, các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam bộ vẫn tạm thời được giữ nguyên như cũ, nếu những luật lệ ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong sắc lệnh này. Thời gian này về hình sự, ở Bắc bộ áp dụng Bộ "Luật hình An-nam", tại Trung bộ áp dụng Bộ "Hoàng Việt Hình luật", ở Nam bộ áp dụng Bộ "Hình luật pháp tu chính". Sau đó, ngày 19/01/1955, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư 442-TTg về việc trừng trị một số tội phạm, áp dụng thống nhất, trong đó có quy định về tội đánh bị thương là tiền thân của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hiện nay. Năm 1970, TAND tối cao có ban hành Công văn số 452-HS2 ngày 10/8/1970 về thực tiễn xét xử tội giết người có kèm theo Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người đã rút ra một số kinh nghiệm trong việc phân biệt giữa tội giết người với CYGTT nhân thương làm chết người, phân biệt giữa giết người chưa đạt với CYGTT. Bản chuyên đề không chỉ tổng kết thực tiễn xét xử mà còn đưa ra những lý thuyết phù hợp để giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn. Năm 1976, Chính phủ ban hành Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 quy định tội phạm và hình phạt đối với hành vi xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khoẻ của nhân dân, tại Điều 5 Sắc luật quy định tội CYGTT bị phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm, trường hợp nghiêm trọng bị phạt tù đến 20 năm.

Như vậy, giai đoạn này pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được quy định ở các văn bản dưới luật, vẫn còn hết sức giản đơn, chung chung, hình phạt áp dụng chỉ có hình phạt tù. Điều này khiến cho việc áp dụng pháp luật không thống nhất, thực tiễn xét xử gặp nhiều khó khăn.

2.1.1.1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985

Thể chế hóa đường lối chính sách của Đảng trong giai đoạn mới của cách

mạng, vị trí quan trọng của luật hình sự trong công cuộc quản lý xã hội theo pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, ngày 27/6/1985, BLHS đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa VII kỳ họp thứ 9 nhất trí thông qua. BLHS năm 1985 trải qua 04 lần sửa đổi vào các năm 1989, năm 1991, năm 1992, năm 1997 là bước tiến lớn về lập pháp hình sự của nước ta. Bộ luật lần đầu tiên quy định chính thức, hệ thống về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại Điều 109, đã xác định tên tội danh, phân loại tội phạm và có sự phân hóa TNHS rõ ràng hơn, là cơ sở để xử lý tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong thực tế. Tuy nhiên BLHS năm 1985 vẫn còn một số điểm quy định chưa rõ ràng dẫn đến việc hiểu và áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, không thống nhất. Để hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS năm 1985, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã ban hành Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986, trong đó có hướng dẫn về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Thực tiễn áp dụng đã chỉ ra một số bất cập của BLHS năm 1985 như: Các dấu hiệu định tội và định khung tăng nặng còn mang tính định tính như: gây hậu quả ít nghiêm trọng, hậu quả nghiêm trọng, hậu quả rất nghiêm trọng, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Đây là những dấu hiệu cần được quy định cụ thể hoặc phải có giải thích của cơ quan có thẩm quyền thì mới áp dụng trong thực tiễn xét xử được. Điều này làm hạn chế việc thực thi BLHS, phải ban hành nhiều văn bản dưới luật, hướng dẫn, giải thích dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất khi xét xử.[95] Tình tiết "Phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác" được Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 6 ngày 28/12/1989 thông qua sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu đấu tranh đối với tội phạm. Tuy nhiên, không có văn bản chính thức nào hướng dẫn tình tiết phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác mà chỉ có một vụ án thực tế để tham khảo được viện dẫn ở tờ trình đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 109 BLHS năm 1985.[96]

2.1.1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999

BLHS năm 1999 quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại Điều 104 đã

[95] Hoàng Thế Liên (2019), "Bộ luật Hình sự năm 2015 với việc bảo đảm thực hiện quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam", *Quyền con người qua 5 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, tr44-56.

[96] Xem: Đinh Văn Quế (2010), "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (17), tr34-35.

khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1985 cũng như pháp điển hoá một số quy định như: Sử dụng khái niệm "tỷ lệ thương tật" để làm căn cứ xác định TNHS và các khung hình phạt. Các khung hình phạt được quy định chi tiết hơn, một số quy định trong các văn bản hướng dẫn BLHS năm 1985 đã được pháp điển hóa thành luật, bổ sung trường hợp thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê. Đặc biệt, tình tiết phạm tội do bị kích động mạnh vì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân và trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng quy định tại khoản 4 Điều 109 BLHS năm 1985 đã được quy định thành 02 điều luật độc lập là Điều 105 tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và Điều 106 tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Các tình tiết này làm giảm đi đáng kể tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, do đó hình phạt được áp dụng đối với các trường hợp này nhẹ hơn rất nhiều so với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thông thường. Nếu chỉ coi đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS trong cùng một cấu thành tội phạm có thể dẫn đến sự tuỳ nghi trong đánh giá của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong khi xây dựng thành cấu thành tội phạm độc lập tạo thành cơ sở pháp lý rõ ràng hơn để phân biệt giữa các trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK thông thường với các trường hợp có điều kiện tâm lý hoặc hoàn cảnh đặc biệt làm giảm đáng kể tính nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự gia tăng phân hoá TNHS đối với tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 thông qua thì các quy định tại Điều 104 vẫn giữ nguyên. Một số hạn chế của BLHS năm 1985 chưa được khắc phục như tình tiết phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác được quy định tại khoản 4 Điều 104 BLHS năm 1999 nhưng vẫn không có hướng dẫn chính thức[97].

Quá trình áp dụng BLHS năm 1999 quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã phát sinh thêm một số bất cập nữa là: Không có sự thống nhất trong sử dụng thuật ngữ pháp lý. Trong khi BLHS năm 1999 sử dụng khái niệm "thương tật" thì Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định tỷ lệ TTCT sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần sử dụng khái niệm tỷ lệ TTCT để chỉ chung cho những suy giảm về sức khỏe. Khái niệm "thương tật" có nghĩa là vết thương đã thành tật trên cơ thể[98], chỉ là một bộ phận của "thương tích". Ngoài ra, tên điều luật là tội

[97] Xem: Đinh Văn Quế (2010), tlđd, tr34-39.
[98] Viện Ngôn ngữ học (2021), tlđd, tr1236.

CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng trong nội dung điều luật tại điểm h khoản 1 lại sử dụng "thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê" mà không đề cập đến gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tình tiết tái phạm nguy hiểm được xếp ngang với các tình tiết định tội khác tại khoản 1 điều 104 BLHS năm 1999 là chưa phù hợp. Tình tiết "phụ nữ đang có thai" có quan điểm không thống nhất khi xét xử, nhiều trường hợp người phụ nữ đang có thai ở những tháng đầu không biểu hiện rõ ra bên ngoài nên người phạm tội không nhận thức được là bị hại đang có thai nhưng vẫn bị áp dụng tình tiết này. Vướng mắc trong việc xác định thế nào là "cố tật nhẹ" vì Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định về tỷ lệ TTCT sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần ban hành Bảng tỷ lệ TTCT không quy định về trường hợp "gây cố tật nhẹ", thực tiễn giám định TTCT, các cơ quan giám định cũng gặp khó khăn. Tình tiết "dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người" vướng mắc trong thực tiễn là tội phạm hoàn thành nhưng hậu quả gây nguy hại cho nhiều người chưa xảy ra, dẫn đến lúng túng trong áp dụng pháp luật và hoạt động tố tụng. Trường hợp gây thương tật từ 61% trở lên thì bị xét xử tại khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 mà không có quy định đối với trường hợp gây thương tật từ 61% và có một trong các tình tiết quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999[99].

2.1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại Điều 134 gồm 06 khoản. Với mục tiêu giúp cho việc hiểu và áp dụng các quy định của BLHS được thống nhất trên thực tế, quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được quy định theo hướng cụ thể hóa hơn nữa so với quy định của các BLHS cũ về các dấu hiệu định tội, định khung hình phạt. So với BLHS năm 1999, quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 đã khắc phục được một số bất cập như: Sửa đổi cụm từ "tỷ lệ thương tật" thành cụm từ "tỷ lệ TTCT". Đây là sự thay đổi có ý nghĩa khoa học, tăng tính chuẩn xác trong sử dụng thuật ngữ pháp lý, thuật ngữ chuyên ngành, giải quyết được vướng mắc trong thực tiễn. Chuyển tình tiết "tái phạm nguy hiểm" ở khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 sang khoản 2 Điều 134

[99] Xem: Mai Bộ (2001), "Có cần hướng dẫn cụ thể về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", *Tạp chí Kiểm sát,* (11), tr21-22.

BLHS năm 2015. Sửa đổi tình tiết "phụ nữ đang có thai" thành "phụ nữ mà biết là có thai". Bổ sung trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 tại điểm d khoản 4 Điều 134 để bảo đảm chính sách hình sự xử lý công bằng, bỏ quy định "gây cố tật nhẹ cho nạn nhân".[100] Bổ sung cụm từ "có khả năng" vào tình tiết "dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người", quy định mới xác định rõ không cần chờ đến hậu quả "gây nguy hại cho nhiều người" xảy ra mà chỉ cần chứng minh được thủ đoạn đó đã được thực hiện và có khả năng gây nguy hiểm cho nhiều người. [101] Làm rõ quy định "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" ở khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 bằng quy định "phạm tội 02 lần trở lên" chuyển sang quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015. Sửa đổi tình tiết "đối với trẻ em" thành "đối với người dưới 16 tuổi", sửa đổi tình tiết "để cản trở người thi hành công vụ" thành "đối với người thi hành công vụ". Tách quy định ghép "có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm" thành hai điểm: "i) Có tính chất côn đồ" quy định tại khoản 1 và ; "d) Tái phạm nguy hiểm" quy định tại khoản 2. Ngoài ra, Điều 134 BLHS năm 2015 còn bổ sung một số tình tiết mới thể hiện chính sách hình sự đối với tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong giai đoạn mới.

2.1.2.1. Các dấu hiệu định tội của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Khung hình phạt cơ bản (khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015) có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm được áp dụng đối với các trường hợp phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có các dấu hiệu sau:

Về khách thể, BLHS năm 2015 phân loại tội phạm theo khách thể bị tội phạm gây thiệt hại. Quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nằm ở Chương XIV các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Khách thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe, nhưng không phải là sức khỏe của người phạm tội. Trường hợp người phạm tội tự

[100] Trương Quang Vinh (2023), "Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (6), tr12-16.
[101] Xem: Tòa án nhân dân tối cao (2017), *So sánh Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, tr196-201.

gây thiệt hại cho sức khỏe của chính mình, thì có thể cấu thành các tội phạm khác như tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự (Điều 332 BLHS năm 2015), tội trốn tránh nhiệm vụ (Điều 403 BLHS năm 2015). Việc xác định khách thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định tội danh. Xác định đúng khách thể, cho phép người định tội danh xác định đúng các hậu quả do hành vi phạm tội gây ra có thuộc cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hay không, đặc biệt với những tổn thương mà không thể hiện thành dấu vết trên cơ thể. Tuy nhiên, trên thực tế một hành vi phạm tội thường xâm phạm nhiều khách thể loại khác nhau, ví dụ hành vi cướp cùng một lúc có thể xâm phạm cả khách thể là sức khoẻ con người và quan hệ sở hữu. Vì vậy việc xác định khách thể nào là khách thể quan trọng, thứ yếu là căn cứ để xác định nhóm tội phạm mà hành vi phạm vào. Mặc dù có thể có cùng hành vi khách quan CYGTT hoặc GTHCSKCNK giống nhau nhưng tuỳ thuộc vào khách thể được bảo vệ mà nhà làm luật xây dựng các cấu thành tội phạm tương ứng. Hành vi phạm tội có thể là dấu hiệu cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng cũng có thể là dấu hiệu cấu thành tội phạm khác có khách thể bị xâm phạm quan trọng hơn hoặc bị thu hút vào chỉ là tình tiết định khung tăng nặng ở một tội phạm khác. Trong trường hợp các khách thể bị xâm phạm là quan trọng tương đương nhau thì hành vi phạm tội có thể cấu thành cùng lúc nhiều tội phạm. Điều này phản ánh kỹ thuật lập pháp của BLHS Việt Nam là phân loại tội phạm theo khách thể chứ không phải hành vi, đặt lợi ích chung, lợi ích của xã hội vào trung tâm, bảo vệ nhiều quan hệ xã hội khác nhau.

Đối tượng tác động của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong pháp luật hình sự Việt Nam là cơ thể của con người đang sống. Điều này có nghĩa là pháp luật chỉ xem xét và bảo vệ sự toàn vẹn của cơ thể sinh học tự nhiên, tức là những phần cơ thể mà con người được sinh ra và phát triển một cách tự nhiên. Hiện tại, pháp luật không công nhận các bộ phận cơ thể vô cơ thay thế, như chân tay giả hay các thiết bị hỗ trợ khác, là đối tượng tác động của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Về dấu hiệu hành vi khách quan, quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 được xây dựng theo hướng gộp hai hành vi là hành vi CYGTT và hành vi cố ý GTHCSKCNK vào chung một điều luật. Nhà lập pháp đưa hai hành vi giống nhau về hình thức nhưng gây ra hậu quả khác nhau vào chung một điều luật để phản ánh thực tế có những hành vi tác động trái pháp luật lên cơ thể của người khác không để

lại dấu vết nhưng gây tổn hại cho sức khoẻ và mối quan hệ gắn kết giữa hậu quả thương tích và tổn hại cho sức khoẻ của con người trên thực tế như một số thương tích cũng đi kèm với tổn hại cho sức khoẻ của con người. Tuy nhiên, trong thực tế chỉ có một nhóm hành vi gây thiệt hại cho sức khỏe và thiệt hại đó có thể được mô tả qua các khái niệm như: thương tích, thương tật, tổn hại, tổn thương. Việc xác định đâu là thương tích, đâu là tổn hại cho sức khỏe phụ thuộc vào kết luận giám định pháp y của các cơ quan chuyên môn y khoa, các cơ quan tiến hành tố tụng không có thẩm quyền tự xác định và việc phân định thiệt hại cho sức khỏe thuộc loại nào cũng không mang nhiều ý nghĩa pháp lý do hành vi phạm tội thuộc cùng một loại. Hơn nữa trong thực tiễn các khái niệm thương tích, tổn hại, tổn thương cũng được dùng thay thế nhau trong nhiều trường hợp. Hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK phạm tội rất đa dạng, do đó việc nhà làm luật mô tả khái quát hoá thay vì liệt kê hành vi phạm tội như pháp luật một số nước đã đảm bảo không bỏ sót hành vi phạm tội cũng như không đòi hỏi phải bổ sung khi xuất hiện hành vi phạm tội mới trong tương lai. Điều này tạo sự linh hoạt trong việc áp dụng pháp luật, cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng có thể xem xét và đánh giá các tình huống cụ thể một cách toàn diện hơn. Song việc gọi tên hành vi thông qua hậu quả nhưng lại chia nhỏ hậu quả một cách không cần thiết đã gây bất cập khi định tội danh.

Như đã bình luận ở trên, hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể xâm phạm đến nhiều khách thể cùng một lúc, đó là lý do nhà làm luật đã đặt hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở chương XIV nhưng hành vi này vẫn hiện diện ở các tội danh khác trong các chương khác của BLHS như: Hành vi đánh đập, gây đau đớn cho người khác còn xuất hiện ở tội hành hạ người khác, hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng là hành vi trong cấu thành tội phạm tội hành hung đồng đội... Trong những trường hợp này, hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK không chỉ xâm phạm đến sức khoẻ con người mà còn xâm phạm đến các khách thể khác như danh dự, nhân phẩm con người, tình đồng chí đồng đội... Do đó nếu chỉ xem xét hành vi phạm tội dưới góc đội tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK sẽ không phản ánh đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Vậy nên dù nhà làm luật đã xây dựng tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như một tội độc lập nhưng vẫn tiếp tục sử dụng hành vi này như dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm khác. Với cách phản ánh hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK khác nhau trong các điều luật có thể thấy

đây là hành vi phạm tội có tính chất phổ biến, đa dạng, có thể dùng là phương thức để thực hiện nhiều loại tội phạm khác nhau xâm hại đến nhiều khách thể được luật hình sự bảo vệ.

So với quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999, nhà làm luật đã bổ sung một số tình tiết là dấu hiệu định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 như: dùng vũ khí, vật liệu nổ; dùng axit hoặc hóa chất nguy hiểm; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; đối với người chữa bệnh cho mình; trong thời gian đang bị giữ, đang chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là tình tiết định tội quy định khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Nhà làm luật cũng đã pháp điển hoá hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, sửa đổi tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người" tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 thành "dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người". Nhưng việc bổ sung tình tiết "dùng vũ khí, vật liệu nổ" là chưa hợp lý, gây bất lợi cho người phạm tội khi bị truy cứu TNHS. Theo khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ năm 2024 thì vũ khí bao gồm vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn. Các hành vi sử dụng những loại vũ khí kể trên và vật liệu nổ thực hiện tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì bị truy cứu TNHS theo quy định tại các Điều 304, 305, 306, 309, 310 và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Như vậy, nếu tiếp tục sử dụng dấu hiệu "dùng vũ khí, vật liệu nổ" làm dấu hiệu định tội, định khung hình phạt tăng nặng một lần nữa ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK sẽ gây bất lợi cho người phạm tội. Ngày 05/01/2026 TAND tối cao đã có hướng dẫn tại Công văn số 01/TANDTC-PC là người thực hiện hành vi sử dụng dao có tính sát thương cao gây thương tích hoặc GTHCSKCNK dưới 11% và không có tình tiết định tội khác quy định tại khoản 1 Điều 134 của BLHS thì bị truy cứu TNHS về tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự quy định tại Điều 304 BLHS năm 2015, nếu có đủ yếu tố cấu thành tội phạm mà không bị truy cứu TNHS về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 (do không có yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can của người bị gây thương tích hoặc bị gây tổn hại cho sức khoẻ). Trường hợp tỷ lệ TTCT từ 11% trở lên thì bị truy cứu TNHS về 02 tội là

tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nếu có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cũng theo hướng dẫn trên, dao có tính sát thương cao không được xác định là tình tiết dùng vũ khí để định khung hình phạt đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2, điểm c và d khoản 3, điểm d và đ khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015. Cách xây dựng quy phạm và áp dụng quy phạm pháp luật như vậy thể hiện tư duy của nhà làm luật muốn tăng cường xử lý các hành vi dùng vũ khí, vật liệu nổ xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người trái pháp luật. Tuy nhiên, để tránh việc áp dụng một tình tiết hai lần để truy cứu TNHS cho người phạm tội, nhà làm luật không nên quy định dấu hiệu sử dụng vũ khí, vật liệu nổ là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt cho tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.[102]

Về dấu hiệu hậu quả, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm có cấu thành vật chất, điều này có nghĩa là để cấu thành tội phạm, hành vi của người phạm tội phải dẫn đến một hậu quả cụ thể, đó là thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của nạn nhân. Theo quy định của pháp luật, nếu không có hậu quả xảy ra, tức là bị hại không có thương tích hoặc tổn hại sức khỏe, thì hành vi của người phạm tội sẽ không đủ yếu tố để cấu thành tội phạm. Theo quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015, hậu quả của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK phải được biểu hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất, mang tính định lượng, nghĩa là, phải được xác định bằng tỷ lệ TTCT, theo quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 là 11% trở lên. Việc định lượng hoá thiệt hại thay vì mô tả y tế chi tiết đảm bảo việc xác định hậu quả TTCT được thực hiện bởi các cán bộ pháp y đã được đào tạo chuyên sâu với các công cụ hỗ trợ, theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định để đảm bảo tính thống nhất, khách quan, phải chịu trách nhiệm về kết luận của mình. Còn các chủ thể tiến hành tố tụng tập trung vào chuyên môn của mình là việc đánh giá các tình tiết của vụ án mà không phải đánh giá xem hậu quả xảy ra có đúng với các mô tả, liệt kê y tế về hậu quả TTCT hay không. Mức độ TTCT được nhà làm luật xác định là khởi điểm để truy cứu TNHS trong trường hợp không có các tình tiết quy định từ điểm a đến điểm k là 11% là hợp lý bởi lẽ: Các TTCT do thương tích; do bệnh, tật; do di chứng rối loạn tâm thần và hành vi sau chấn thương, vết thương sọ não; do bệnh rối loạn tâm thần và hành vi theo quy định tại Thông tư

[102] Xem: Nguyễn Thị Ánh Hồng (2023), "Một số vấn đề về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, (12), tr73-84.

số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm TTCT sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần dưới 11% (*Phụ lục 1*) thường là các tổn thương có thể hồi phục hoàn toàn, không ảnh hưởng đến sức khoẻ của bị hại, không ảnh hưởng đến các chức năng tự phục vụ các nhu cầu sinh hoạt. Tuy nhiên Điều 134 BLHS năm 2015 lại quy định hậu quả chia làm 02 loại là thương tích và tổn hại cho sức khoẻ. Trong khi Điều 1 Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tỷ lệ phần trăm TTCT đã gọi chung tỷ lệ phần trăm TTCT hay tổn hại sức khỏe là tỷ lệ phần trăm TTCT bao gồm 04 loại là: Tỷ lệ % TTCT do thương tích sử dụng trong giám định pháp y; Tỷ lệ % TTCT do bệnh, tật sử dụng trong giám định pháp y; Tỷ lệ % TTCT do di chứng rối loạn tâm thần và hành vi sau chấn thương, vết thương sọ não sử dụng trong giám định pháp y tâm thần; Tỷ lệ % TTCT do bệnh rối loạn tâm thần và hành vi sử dụng trong giám định pháp y. Như vậy, Thông tư 22/2019/TT-BYT đã gọi chung tỷ lệ phần trăm TTCT hay tổn hại sức khỏe là tỷ lệ phần trăm TTCT. Việc xác định tỷ lệ TTCT làm cơ sở để xác định tội phạm phải cộng tổng tất cả thiệt hại lại. Thể hiện sự không thống nhất giữa các văn bản luật, giữa quy phạm pháp luật hình sự và quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Mặc dù tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm có cấu thành vật chất, nhưng nhà làm luật đã không chỉ căn cứ vào hậu quả TTCT để xây dựng cấu thành tội phạm mà còn kết hợp với việc xem xét tính chất, phương thức thực hiện hành vi, công cụ phạm tội, động cơ và các tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm khác nhau cho xã hội của hành vi. Điều này thể hiện qua việc kết hợp quy định về tỷ lệ TTCT dưới 11% được thực hiện có một trong các dấu hiệu quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 gồm: (i) Sử dụng công cụ phạm tội, thủ đoạn phạm tội, phương tiện phạm tội có tính nguy hiểm cao cho xã hội; (ii) trường hợp nạn nhân của hành vi phạm tội là các đối tượng yếu thế cần được ưu tiên bảo vệ, hay những người có quan hệ đặc biệt với chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, trong mối quan hệ đặc biệt này người phạm tội phải biết ơn và kính trọng nạn nhân; (iii) trường hợp thực hiện dưới hình thức đồng phạm mà trong đó có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm hay có người thuê và người được thuê; (iv) trường hợp được thực hiện bởi những người có chức vụ, quyền hạn, người phạm tội có nhân thân xấu; (v) trường hợp nạn nhân là người đang thi hành công vụ hay động cơ của hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác gắn liền với việc thi hành

công vụ của nạn nhân; (vi) trường hợp các tình tiết của vụ án thể hiện người phạm tội có tính hung hãn cao độ, coi thường sức khỏe của người khác, sẵn sàng phạm tội vì những nguyên cớ nhỏ nhặt. Đây là những trường hợp mà bản thân hành vi phạm tội có những đặc điểm làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội hơn so với những hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thông thường như đấm, đá, xô đẩy, nên dù không gây ra hậu quả thiệt hại cho sức khỏe từ 11% trở lên vẫn có thể truy cứu TNHS người phạm tội. Kỹ thuật lập pháp này giúp cá thể hoá TNHS bởi trong nhiều trường hợp phạm tội, tính nguy hiểm cho xã hội không chỉ thể hiện ở tỷ lệ TTCT mà còn ở phương thức, điều kiện, đối tượng tác động và khả năng gây thiệt hại của hành vi.

Điều 134 BLHS năm 2015 quy định tỷ lệ TTCT đối với từng bị hại, các khung tăng nặng tại điều luật này cũng quy định gây TTCT đối với 02 người trở lên nhưng xác định tỷ lệ TTCT đối với mỗi người. Trong khi đó việc xác định tỷ lệ TTCT trong trường hợp có nhiều nạn nhân được quy định tại các Điều 192, 193, 194, 199, 227, 237, 238, 242, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 295, 296, 297, 298, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 360 BLHS năm 2015 lại là tổng tỷ lệ TTCT của những người bị gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe. Việc quy định tổng tỷ lệ TTCT của các bị hại sẽ cho thấy rõ quy mô của hành vi phạm tội, trong khi việc quy định xác định tỷ lệ TTCT đối với từng bị hại lại cho thấy mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội đối với từng bị hại. Nhà làm luật đã đưa ra lựa chọn lập pháp để hướng đến những mục tiêu khác nhau khi xây dựng cấu thành tội phạm của các tội phạm này song cần cân nhắc đến sự bất hợp lý trong phân hóa tội phạm. Ví dụ trong trường hợp sau: Người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với 02 người nhưng mỗi người có tỷ lệ TTCT 11% (không có tình tiết từ điểm a đến điểm k khoản 1) thì bị xử lý theo điểm b khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm; nhưng trường hợp phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với 02 người trở lên, trong đó một người có tỷ lệ TTCT là 30% còn một người có tỷ lệ TTCT là 10% (không có các tình tiết từ điểm a đến điểm k khoản 1) thì chỉ bị xử lý theo khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 với khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Về dấu hiệu chủ thể, Điều 134 BLHS năm 2015 không quy định chủ thể tội

CYGTT hoặc GTHCSKCNK có dấu hiệu đặc biệt, do đó chủ thể của tội này là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định. Chủ thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trước hết phải là người có năng lực TNHS. Người có năng lực TNHS là người khi thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi ấy. Người có năng lực TNHS để có thể trở thành chủ thể của tội phạm nói chung và tội phạm được quy định ở Điều 134 BLHS năm 2015 nói riêng còn phải đạt đến một độ tuổi nhất định. Quy định về độ tuổi chịu TNHS thể hiện chính sách hình sự của nhà nước dựa trên cơ sở đánh giá khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và đánh giá hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội, phụ thuộc vào mức độ phát triển về thể chất, tâm lý và trí tuệ của con người. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 và Điều 12 BLHS năm 2015 thì chủ thể của tội phạm này được chia thành hai nhóm: (i) Người từ 16 tuổi trở lên có thể là chủ thể của tội phạm được quy định ở Điều 134 BLHS năm 2015. Điều này có nghĩa là người từ đủ 16 tuổi trở lên có thể là chủ thể của khung cơ bản và tất cả các khung tăng nặng của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, từ trường hợp ít nghiêm trọng đến trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. (ii) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể trở thành chủ thể của tội phạm khi hành vi phạm tội thuộc khoản 3, khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015. Nhóm chủ thể này chỉ phải chịu TNHS đối với tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Đây đều là các trường hợp có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao, gây ra hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc/và được thực hiện bởi hành vi phạm tội có các tình tiết định khung tăng nặng đáng kể. Mặc dù vậy, việc xử lý các chủ thể là NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn phải tuân theo các nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội quy định tại Luật Tư pháp Người chưa thành niên năm 2024. Theo đó, việc xử lý NCTN phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ, đặt mục tiêu giáo dục, giúp đỡ sửa chữa sai lầm và phát triển lành mạnh lên hàng đầu. Chỉ trong những trường hợp mà NCTN thực hiện các hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng mới bị xem xét TNHS, việc áp dụng hình phạt cũng chỉ được áp dụng khi xét thấy việc áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

Về dấu hiệu lỗi, lỗi của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được quy định rõ trong điều luật là cố ý. Người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể ở trong

các trường hợp: (i) người phạm tội nhận thức được hành vi của mình có tính chất nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó sẽ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, mong muốn hậu quả đó xảy ra. Trường hợp này hậu quả thương tích hay gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là mục đích của người phạm tội. (ii) Người phạm tội nhận thức rõ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình gây ra, thấy trước hậu quả của hành vi đó, tuy không mong muốn, nhưng có ý thức bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Trong trường hợp này, hậu quả của tội phạm không phải là mục đích của người phạm tội, nhưng hậu quả này đáp ứng được mục đích của họ.

Cần phân biệt sự "thấy trước" hậu quả của người phạm tội trong hai trường hợp cụ thể: trường hợp có lỗi cố ý trực tiếp và trường hợp có lỗi cố ý gián tiếp. Trong trường hợp lỗi cố ý trực tiếp, sự thấy trước hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác là điều tất nhiên xảy ra hoặc có thể xảy ra trong khi ở trường hợp lỗi cố ý gián tiếp, sự thấy trước hậu quả chỉ là có thể xảy ra. Thái độ bỏ mặc cho hậu quả xảy ra chỉ có thể xảy ra trong trường hợp thấy trước hai khả năng: khả năng hậu quả xảy ra và khả năng hậu quả không xảy ra.

Tuy nhiên, nhà làm luật đã không tính đến trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK có hậu quả làm chết người mà người phạm tội có lỗi cố ý không xác định. Lỗi cố ý không xác định là trường hợp mà mức độ hậu quả chưa được xác định cụ thể trong ý thức của người phạm tội. Khi hành vi phạm tội diễn ra rất nhanh, không có các giai đoạn chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, người phạm tội do nhất thời bị kích động hay thực hiện hành vi phạm tội để ngăn chặn một hành vi khác mà không kịp suy xét đến khả năng, mức độ của hậu quả như trường hợp Lại Huy H1 để ngăn cản Đ đạp chân vào cánh cửa xe ô tô đòi xuống xe khi xe đang chạy đã đánh 03 cái vào vùng trán, mặt của Đ khiến cho Đ bị chấn thương sọ não, tử vong (*xem Hộp 1, Phụ lục 2*). Hành vi của người phạm tội không thể hiện sự côn đồ, hung hãn, quyết liệt, coi thường tính mạng người khác. Trường hợp này nếu sử dụng lập luận người phạm tội phải thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra để áp dụng lỗi cố ý gián tiếp cho người phạm tội đối với hậu quả chết người sẽ đánh giá sai về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội. Theo quan điểm của NCS, trường hợp lỗi cố ý không xác định nếu không làm rõ được các tình tiết chứng minh người phạm tội có mục đích tước đoạt tính mạng của bị hại thì chỉ có thể xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK

với tình tiết định khung tăng nặng làm chết người.

Về trường hợp chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Khoản 6 của điều luật quy định về hành vi chuẩn bị phạm tội này là điểm mới của BLHS năm 2015 so với các BLHS trước đây, thể hiện rõ sự phân hóa TNHS giữa trường hợp chuẩn bị phạm tội và trường hợp tội phạm hoàn thành. Tuy nhiên, chỉ những trường hợp chuẩn bị phạm tội như: Chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hoá chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì mới phải chịu TNHS. Giới hạn này hiện đang mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 Điều 14 BLHS năm 2015 (vì khoản 2 Điều 14 không có nội dung giới hạn như vậy). Trong thực tiễn xét xử, các Tòa án đều áp dụng quy định ở khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 do quy định này theo hướng thu hẹp phạm vi chịu TNHS so với Điều 14, có lợi hơn cho bị cáo. Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK quy định ở khoản 1 là tội ít nghiêm trọng, chỉ khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại. Trong khi đó, hành vi chuẩn bị phạm tội quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 chỉ là hành vi tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 nhằm gây thương tích hoặc GTHCSKCNK, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi này chưa đáng kể, chưa nên bị coi là tội phạm[103]. Hơn nữa, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đòi hỏi phải có hậu quả TTCT nhất định mới truy cứu TNHS, trong khi đó hành vi chuẩn bị phạm tội chưa gây ra hậu quả nên thực tế rất khó chứng minh được mục đích gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Thêm vào đó, khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 quy định phải có TTCT nhất định cho nạn nhân thì mới phạm tội, còn chưa gây ra tỷ lệ TTCT thì không phạm tội và không phải chịu TNHS. Song hành vi chuẩn bị phạm tội quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 dù chưa gây ra hậu quả nhưng vẫn phải chịu TNHS đã xung đột với quy định tại khoản 1 của điều luật.[104] Hành vi chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK tại Điều 134 BLHS năm 2015 được nhà làm luật quy định theo cách mô tả hành vi, cũng

[103] Xem: Đỗ Đức Hồng Hà (2017), tlđd, tr35-37.
[104] Xem: Nguyễn Thị Ánh Hồng (2023), tlđd, tr73-84.

không thống nhất với cách quy định hành vi chuẩn bị phạm tội của các tội khác như tội bạo loạn (Điều 112), tội giết người (Điều 123), tội cướp tài sản (Điều 168)…; ở các tội khác hành vi chuẩn bị phạm tội chỉ được quy định một cách khái quát là: "*Người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt…*".

2.1.2.2. Các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

Khác với các quy định tương ứng trong các BLHS trước đây, cấu trúc pháp lý của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 có điểm đặc biệt là các tình tiết được coi là dấu hiệu định tội từ điểm a đến điểm k khoản 1 đồng thời được sử dụng làm tình tiết định khung tăng nặng tại các khoản 2, 3, 4 và 5 của điều luật. Điều này thể hiện sự thay đổi trong cách tiếp cận của nhà làm luật khi phân hoá TNHS đối với loại tội phạm này. Các tình tiết này được coi là dấu hiệu bắt buộc để xác định hành vi có cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hay không trong những trường hợp mà tỷ lệ TTCT dưới 11%. Tuy nhiên, khi hậu quả của hành vi phạm tội nghiêm trọng hơn (tỷ lệ TTCT trên 11%) thì chính các tình tiết này lại tiếp tục được sử dụng làm căn cứ để xác định khung hình phạt tăng nặng. Như vậy, tuỳ vào mức độ của hậu quả mà các tình tiết này có thể là dấu hiệu định tội, hay dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng. Cách quy định này hạn chế việc phải tách thành nhiều điều luật khác nhau như ở BLHS Liên Bang Nga; giúp tăng cường phân hoá TNHS và cá thể hoá hình phạt khi thực tế mức độ nguy hiểm của hậu quả xảy ra có thể từ thấp đến đặc biệt nghiêm trọng, thậm chí xâm phạm tính mạng con người; tạo cơ sở pháp lý để xử lý nghiêm khắc hơn những trường hợp có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội cao. Có quan điểm cho rằng liệu cách quy định như vậy có vi phạm nguyên tắc không được tính một tình tiết hai lần trong quá trình xác định TNHS. Tuy nhiên, cần hiểu rằng đối với các tình tiết khi được quy định lặp lại ở các khoản 2, 3, 4 và 5 thì tình tiết được tính để xác định tội danh là tỷ lệ TTCT đã trên mức mà BLHS quy định còn các tình tiết quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 là tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Vì vậy, để phân hoá tội phạm và đảm bảo áp dụng mức hình phạt phù hợp với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà nhà làm luật quy định các tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng. Như vậy, mặc dù các quy định này được lặp lại ở các khoản sau nhưng vai trò và mục đích là khác nhau.

Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất (Khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015) có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm được áp dụng cho các trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng sau:

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ TTCT từ 31% đến 60%: Đây là trường hợp chỉ có 01 nạn nhân và không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Nhà làm luật không quy định rõ là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của 01 người trong khi tại điểm b trong cùng khoản 2 lại quy định "của 02 người", điều này thể hiện sự không thống nhất trong kỹ thuật lập pháp.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người từ 11% đến 30%: Đây là trường hợp có 02 nạn nhân trở lên và không thuộc một trong các trường hợp được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Phạm tội 02 lần trở lên: Đây là trường hợp có ít nhất hai lần thực hiện hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà mỗi lần đều đủ dấu hiệu của tội phạm, chưa bị xét xử và chưa hết thời hiệu.

Tái phạm nguy hiểm: Đây là trường hợp phạm tội thỏa mãn các điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ TTCT từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015: Đây là trường hợp hành vi cấu thành tội phạm tại khoản 2, mà hậu quả không cần tỷ lệ TTCT là từ 31% đến 60% do có các tình tiết được quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Tình tiết này cũng tương tự như quy định tại điểm a, nhà làm luật đã không quy định rõ số lượng người bị TTCT là 01 người.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai (khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015) có mức phạt tù từ 05 năm đến 10 năm được áp dụng cho trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau:

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên; nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4: Đây là trường hợp có 01 nạn nhân và tỷ lệ TTCT 61% trở lên nhưng không phải trường hợp làm biến dạng vùng mặt của nạn nhân. Tuy nhiên trường hợp này nhà làm luật cũng không

xây dựng theo hướng ghi rõ là "của 01 người" mà ghi "của người khác".

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người từ 31% đến 60%: Đây là trường hợp có 02 nạn nhân trở lên, tỷ lệ TTCT của mỗi nạn nhân là từ 31% đến 60% và không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ TTCT từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1: Đây là trường hợp có 01 nạn nhân, hành vi cấu thành tội phạm tại khoản 3 mà hậu quả không cần tỷ lệ TTCT 61% trở lên do có các tình tiết được quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Đây cũng là trường hợp nhà làm luật không xây dựng theo hướng ghi rõ là "của 01 người" mà ghi "của người khác".

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015: Đây là trường hợp có nhiều nạn nhân và tỷ lệ TTCT của mỗi nạn nhân là từ 11% đến 30% nhưng có thêm các tình tiết từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi so với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015.

Khung hình phạt tăng nặng thứ ba (khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015) có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 14 năm được áp dụng đối với những trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng sau:

Làm chết người: Khác với hành vi giết người quy định tại Điều 123 BLHS năm 2015, chủ thể tội phạm chỉ cố ý đối với việc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân, còn đối với hậu quả chết người là hậu quả gián tiếp do hành vi phạm tội của họ gây ra. Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao trước đây đã có hướng dẫn đối với trường hợp thương tích dẫn đến chết người là thương tích nặng làm cho nạn nhân chết vì thương tích nặng này; nghĩa là giữa thương tích và cái chết của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả. Ngoài ra cũng được xem là CYGTT dẫn đến chết người trường hợp gây thương tích không phải là thương tích nặng, nhưng do nạn nhân là người quá già yếu, có bệnh nặng, việc gây thương tích khiến họ bị chết sớm

hơn, nếu không bị gây thương tích thì nạn nhân chưa chết[105]. Về kỹ thuật lập pháp, nhà làm luật không quy định "làm chết 01 người" mà quy định "làm chết người" thể hiện sự không thống nhất về kỹ thuật với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015 "làm chết 02 người trở lên".

Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên: Đây là trường hợp mà tổn thương làm biến dạng vùng mặt, gây tác động tâm lý xấu cho nạn nhân, nên hậu quả thương tích có đặc điểm làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội. Đối chiếu với bảng tỷ lệ phần trăm TTCT do tổn thương bỏng trong giám định pháp y thì các tổn thương ở vùng mặt được đánh giá tỷ lệ TTCT cao hơn ở các vùng khác trên cơ thể, ví dụ: sẹo bỏng không ảnh hưởng đến thẩm mỹ diện tích từ 1% trở xuống tính tỷ lệ TTCT là 1%, trong khi sẹo bỏng vùng mặt, cổ gây rối loại sắc tố ảnh hưởng thẩm mỹ diện tích dưới 1% diện tích cơ thể tính tỷ lệ TTCT từ 6-10%, diện tích từ 1% đến dưới 3% tính tỷ lệ TTCT là 11-15%, diện tích từ 3% diện tích cơ thể tính 21% (*Phụ lục I*) tức là đã cao hơn gấp 6-10 lần các vị trí khác trên cơ thể. Như vậy việc xác định hậu quả TTCT của hành vi phạm tội đối với những trường hợp gây thương tích đối với vùng mặt đã có sự cân nhắc phù hợp. Việc nhà làm luật đưa tình tiết định khung tăng nặng "gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên" chỉ được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 là tình tiết mới so với BLHS năm 1999, xuất phát từ một số vụ án mà nạn nhân bị tạt axit khiến khuôn mặt bị biến dạng, phải trải qua nhiều ca phẫu thuật gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý và cuộc sống của nạn nhân. Quy định này thể hiện sự nhấn mạnh mục đích đấu tranh phòng ngừa những hành vi phạm tội manh động như vậy nhưng lại thể hiện sự chưa hợp lý về kỹ thuật lập pháp vì những lẽ sau: (i) Những trường hợp gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác thường rơi vào các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015, kết hợp với tỷ lệ TTCT đã được xác định ở mức cao hơn các vị trí khác trên cơ thể đã đủ để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hậu quả và hành vi. (ii) Tình tiết "gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác" chỉ được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 mà không được quy định tại khoản 5. Trong khi

[105] Phần IV Nghị quyết 01-HĐTP/NQ ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của BLHS

xét về tính chất nguy hiểm của hành vi và mức độ nghiêm trọng của hậu quả thì rõ ràng trường hợp gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của 02 người mà tỷ lệ TTCT của mỗi người là 61% có tính nguy hiểm cao hơn trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015[106]. Do đó nhà làm luật cần cân nhắc về việc có cần thiết quy định tình tiết này là tình tiết định khung tăng nặng đặc biệt trong điều luật hay không.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người 61% trở lên: Đây là trường hợp có nhiều nạn nhân và tỷ lệ TTCT của mỗi nạn nhân là từ 61% trở lên.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ TTCT 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015: Đây là trường hợp có 01 nạn nhân mà hậu quả không cần phải chết người do hành vi phạm tội có tình tiết được quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên nhà làm luật cũng xây dựng quy định theo hướng không nêu rõ số bị hại là 01 người mà chỉ quy định là "của người khác".

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015: Đây là trường hợp có nhiều nạn nhân mà tỷ lệ TTCT của mỗi nạn nhân không cần 61% trở lên do có các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Khung hình phạt tăng nặng thứ tư (khoản 5 Điều 134 BLHS năm 2015) có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân sẽ được áp dụng cho những trường hợp phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có một trong các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là:

Làm chết 02 người trở lên: Đây là trường hợp đã gây ra hậu quả chết nhiều người nhưng người phạm tội chỉ có lỗi cố ý đối với hậu quả TTCT của bị hại. Hậu quả chết người là hậu quả gián tiếp, xảy ra do thương tích hay tổn hại sức khoẻ nặng,

[106] Xem Nguyễn Văn Dũng (2018), "Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017", *Tạp chí Toà án nhân dân*, (01), tr25.

không được cứu chữa kịp thời; hoặc bị hại là người già yếu, có bệnh nên dù tổn thương không nặng nhưng bị hại vẫn chết.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015: Đây là trường hợp có nhiều nạn nhân mà tỷ lệ TTCT của mỗi người là từ 61% trở lên và hành vi phạm tội có các đặc điểm làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội.

2.1.2.3. Hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Điều 134 BLHS năm 2015 chỉ quy định hình phạt chính mà không có thêm hình phạt bổ sung đối với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK phạm tội, hình phạt chính có thể áp dụng là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, chia thành 05 khung hình phạt khác nhau.

Mức hình phạt tù có thời hạn cao nhất là 20 năm tù. Nhà làm luật đã hạ mức cao nhất của khung hình phạt tại khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 xuống còn 14 năm, thấp hơn mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội giết người tại khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015 (cùng hậu quả có 01 người chết), trước đây hai trường hợp này cùng có mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù. Sửa đổi này phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra do tội phạm.

Hiện nay pháp luật hình sự không quy định hình phạt tiền và hình phạt tử hình đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đối với việc không quy định hình phạt tử hình thể hiện tư duy lập pháp nhân đạo và khách quan do khách thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là sức khoẻ của con người chứ không phải tính mạng con người. Kể cả trong trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK dẫn đến hậu quả chết người thì lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người là gián tiếp, họ chỉ ý thức mong muốn hoặc bỏ mặc cho hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khoẻ của người khác xảy ra, còn hậu quả chết người là hậu quả gián tiếp do thương tích hay tổn hại cho sức khoẻ nặng, không được cứu chữa kịp thời, hoặc bị hại già yếu, có bệnh nền mà ra. Trong khi đó, hình phạt tử hình là chế tài hình sự nặng nhất, chỉ mang mục đích trừng trị mà không giáo dục người phạm tội, chỉ phòng ngừa chung mà không phòng ngừa riêng. Xu hướng của thế giới cũng là loại bỏ hình phạt tử hình trong luật

hình sự, Việt Nam là một trong số những quốc gia còn duy trì án tử hình nhưng chỉ xem xét áp dụng đối với các tội đặc biệt nghiêm trọng và cũng đang xem xét bãi bỏ án tử hình.[107]

Về việc không quy định hình phạt tiền, thể hiện quan điểm của nhà lập pháp rằng tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội xâm phạm trực tiếp đến sức khoẻ con người, có tính bạo lực trong khi hình phạt tiền thường chỉ được áp dụng là hình phạt chính đối với các tội ít nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu, môi trường. Việc không quy định hình phạt tiền thể hiện sự đồng thuận giữa các nhà lập pháp và xã hội rằng hình phạt tiền không đủ để lên án đối với các tội xâm phạm đến con người, làm giảm giá trị của bị hại. Tuy nhiên cần nhận thức rằng bản chất của hình phạt tiền không chỉ nằm ở việc tước đoạt một khoản tiền nhất định mà còn ở việc buộc người phạm tội phải giảm khả năng chi tiêu và mức sống xuống mức tối thiểu trong một khoảng thời gian. Đây cũng là một sự tước đoạt tự do và có tác động không kém gì hình phạt tù.[108]

Điều 12 Luật Tư pháp người chưa thành niên 2024 quy định về việc áp dụng hình phạt đối với NCTN, theo đó đối với NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK các hình phạt được ưu tiên áp dụng là các hình phạt không giam giữ gồm cải tạo không giam giữ, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Việc truy cứu TNHS đối với NCTN chỉ trong trường hợp cần thiết, khi phải truy cứu TNHS và áp dụng hình phạt chủ yếu nhằm giáo dục họ ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, lối sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới, có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Điều này thể hiện nhà lập pháp không muốn tách NCTN ra khỏi cộng đồng, các quan hệ xã hội, môi trường thân thuộc để đảm bảo sự ổn định về tâm lý cho lứa tuổi này trong khi vẫn đạt được mục đích giáo dục NCTN sửa chữa sai lầm, có ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, lối sống; giúp đỡ họ hoà nhập cộng đồng, phòng ngừa họ phạm tội mới. Các quy định mới đã hạn chế các trường hợp áp dụng hình phạt, mở ra cơ hội được miễn TNHS và áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với NCTN phạm tội, thể hiện các chính sách hình sự với NCTN cập nhật với xu thế chung của thế giới.

---

[107] Xem: Vũ Công Giao, Nguyễn Quang Đức (2021), "Những thuận lợi và thách thức với việc xoá bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, tại: https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210796, truy cập ngày 10/8/2026.

[108] Ivo Coca Vila (2021), tlđd, tr397.

2.1.3. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác

Trong BLHS năm 2015 có nhiều tội phạm có một hoặc vài dấu hiệu giống với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như tội giết người, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội hành hung đồng đội, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hành hạ người khác... Việc phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm này là cơ sở để xác định đúng tội danh trong thực tiễn. Việc so sánh các tội phạm này dựa vào cấu trúc tội phạm, gồm các yếu tố: chủ thể, khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan.

2.1.3.1. Phân biệt với tội giết người

Có quan điểm cho rằng hành vi của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK "*về hình thức cũng giống như hành vi của tội giết người nhưng tính chất và mức độ nguy hiểm thấp hơn, nó chỉ nhằm làm cho nạn nhân bị thương tích chứ không nhằm tước đoạt tính mạng nạn nhân*"[109]. Hành vi của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội giết người giống nhau về hình thức, song thực tế có những trường hợp hành vi còn giống cả về tính chất và mức độ. Như vậy trong những trường hợp này, cái "*nhằm làm cho nạn nhân bị thương tích hoặc bị tổn hại đến sức khỏe chứ không nhằm tước đoạt tính mạng nạn nhân*" là cái thuộc về thái độ tâm lý của người phạm tội, là biểu hiện của mặt chủ quan, không phải mặt khách quan của tội phạm mới là căn cứ quan trọng để phân biệt. Trong thực tế, nếu phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội giết người mà chỉ qua tính chất và mức độ của hành vi sẽ gặp khó khăn, cần dựa vào một số dấu hiệu khác như:

Về khách thể của tội giết người là tính mạng của con người, quyền được sống; còn khách thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là sức khỏe của con người, quyền toàn vẹn thân thể.

Về hậu quả trong trường hợp đều xảy ra hậu quả chết người: Đối với tội giết người, hành vi của người phạm tội là nguyên nhân trực tiếp duy nhất dẫn đến cái chết của nạn nhân, không còn nguyên nhân nào khác và như vậy hậu quả chết người là

[109] Trần Minh Hưởng (2011), tlđd, tr25.

dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm. Còn đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì hậu quả trực tiếp của hành vi của người phạm tội là TTCT còn chết người là hậu quả thứ cấp, do đó TTCT mới là dấu hiệu thuộc mặt khách quan để định tội còn hậu quả chết người là tình tiết định khung tăng nặng của tội phạm; hành vi của người phạm tội không phải nguyên nhân trực tiếp và duy nhất dẫn đến cái chết của nạn nhân mà còn do những nguyên nhân khác nữa.

Về lỗi, lỗi của người phạm tội đối với hậu quả xảy ra khi thực hiện hành vi giết người luôn luôn khác với hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Hành vi gây thiệt hại ở tội giết người đi kèm với ý định tước đoạt tính mạng của người khác, tức là người phạm tội đã lựa chọn hành vi và cả hậu quả chết người. Có quan điểm cho rằng: "*Đối với tội "giết người", người phạm tội cố ý tước đoạt tính mạng của nạn nhân. Nếu không phải là do cố ý trực tiếp (cố ý có dự mưu, cố ý xác định) thì cũng là cố ý gián tiếp (cố ý đột xuất, hoặc cố ý không xác định), tức là không quan tâm đến hậu quả.*"[110] Như vậy, theo tác giả trong trường hợp người phạm tội không quan tâm đến hậu quả thì đây cũng là một dạng lựa chọn, lựa chọn này vẫn bao gồm cả khả năng xảy ra hậu quả chết người. Tuy nhiên, quan điểm này cũng mang tính áp đặt trong trường hợp người phạm tội có lỗi cố ý không xác định, tức là ý thức người phạm tội không rõ ràng, bản thân người phạm tội cũng không nghĩ đến hậu quả chết người và thực tế là hậu quả chết người đã không xảy ra, thì những người tiến hành tố tụng không thể qua đánh giá hành vi khách quan mà áp đặt ý thức chủ quan lên người phạm tội. Trong khi đó ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, người phạm tội cũng lựa chọn những hành vi cụ thể tương tự nhưng trong ý thức của họ, hành vi đó chỉ dẫn đến hậu quả TTCT mà không dẫn đến hậu quả chết người. Do đó, trong trường hợp không có hậu quả chết người phải chứng minh được người phạm tội có ý định cố ý tước đoạt tính mạng của nạn nhân thì mới xác định là tội giết người; còn không chứng minh được ý thức của người phạm tội là tước đoạt tính mạng của nạn nhân thì theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội và trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cần xác định là tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

2.1.3.2. Phân biệt với tội hành hung đồng đội

Điều 134 và 398 BLHS năm 2015 quy định hành vi phạm tội, lỗi, hậu quả của

[110] Đinh Văn Quế (2021), tlđd, tr20.

tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội hành hung đồng đội giống nhau, nhưng hai tội phạm này khác nhau về các dấu hiệu là:

Về khách thể, khách thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là sức khỏe của con người, quyền tự do thân thể của công dân còn khách thể của tội hành hung đồng đội ngoài sức khỏe của con người, quyền tự do thân thể còn có mối quan hệ giữa đồng chí, đồng đội. Tình cảm đồng chí, đồng đội là thuộc tính bản chất của một quân đội cách mạng, là cơ sở để tạo nên giá trị văn hóa quân sự tốt đẹp trong đời sống tinh thần của bộ đội, là phẩm chất đặc biệt trong nhân cách người quân nhân cách mạng – "Bộ đội Cụ Hồ". Do đó yêu cầu người quân nhân phải nhận thức được rằng đồng chí, đồng đội như người thân của mình, trong giải quyết các quan hệ công tác cần quan tâm động viên, chia sẻ, giúp đỡ nhau; tuyệt đối không cho phép những hành vi xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của đồng chí, đồng đội.

Về chủ thể, chủ thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK không phải là chủ thể đặc biệt của tội phạm mà chỉ là chủ thể thường, với đặc điểm là có năng lực TNHS. Trong khi đó chủ thể của tội hành hung đồng đội ngoài đặc điểm là có năng lực TNHS còn phải là quân nhân, người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, gồm: (i) quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng; (ii) quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện; (iii) dân quân, tự vệ trong thời gian phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; (iv) công dân được trưng tập vào phục vụ trong quân đội.

Về hậu quả của hành vi phạm tội, mặc dù có điểm giống nhau về hình thức hậu quả nhưng tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội hành hung đồng đội khác nhau về mức định lượng hậu quả tổn thương do tội phạm gây ra. Cụ thể, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK yêu cầu định lượng tỷ lệ TTCT ở mức độ nhất định hoặc dưới mức đó nhưng có các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Còn tội hành hung đồng đội không có yêu cầu hậu quả phải đạt đến tỷ lệ tổn thương nhất định, hay các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng chỉ áp dụng đối với những hành vi gây hậu quả TTCT ở mức nhỏ. Bởi lẽ tội hành hung đồng đội tập trung vào hành vi phạm tội, do đó chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi hành hung đồng đội và xác định có hậu quả TTCT cho đồng đội là đã đủ yếu tố về mặt

khách quan của tội hành hung đồng đội.[111]

2.1.3.3. Phân biệt với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp đặc biệt của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS đặc biệt làm giảm tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đó là người phạm tội ở trong "trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Do đó hai tội phạm này có một số điểm khác nhau để phân biệt là:

Về chủ thể, đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì trạng thái tinh thần của người phạm tội đang bị kích động mạnh là dấu hiệu bắt buộc để định tội còn tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì không. Tại điểm b Mục 1 Chương 2 Nghị quyết 04/HĐTP/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS có hướng dẫn về việc áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ đối với tội giết người, trong đó hướng dẫn tình trạng tinh thần bị kích động là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Sự kích động đó phải là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng tức thời của người phạm tội, dẫn đến hành vi giết người. Nhưng có trường hợp mà do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được. Mặc dù đây là văn bản hướng dẫn BLHS năm 1985 nhưng nội dung được hướng dẫn không thay đổi so với quy định hiện hành nên trong thực tiễn xét xử, các Toà án vẫn vận dụng hướng dẫn này để giải quyết. Ngày 25/11/2025 Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã ban hành Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 51 và Điều 52 của BLHS, tại Khoản 6 Điều 2 hướng dẫn áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 về "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra". Tuy nhiên quy định mới dù kế thừa nội dung từ

[111] Xem: Phạm Phương Thảo (2025), "So sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác với tội hành hung đồng đội", *Tạp chí Kiểm sát*, (09), tr23-30.

Nghị quyết 04/HĐTP/NQ ngày 29/11/1986 nhưng vẫn có một số điểm chưa rõ ràng. Đặc biệt vấn đề xác định như thế nào là kích động mạnh còn mang tính định tính. Khi một người ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thường có ba đặc điểm sau: (i) Họ bị kích động mạnh do nguyên nhân khách quan xuất phát từ bị hại, việc họ mất khả năng tự chủ và điều khiển hành vi là nguyên nhân ngoài ý muốn của họ. (ii) Mặc dù bị tác động mạnh mẽ nhưng họ vẫn có khả năng nhận thức, khả năng kiềm chế và điều khiển được hành vi của mình, song không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như tình trạng bình thường. (iii) Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn, sau đó tinh thần của họ sẽ trở lại bình thường.

Về bị hại, bị hại trong tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể là bất kỳ người nào còn bị hại trong tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phải là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc người thân tích của người phạm tội.

Về hậu quả, quy định về mức tỷ lệ TTCT của bị hại để định tội là khác nhau. Cụ thể đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, mức độ TTCT của người khác là từ 11% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015, còn đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì mức độ TTCT phải từ 31% trở lên.

2.1.3.4. Phân biệt với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội

So với BLHS năm 1999, Điều 136 BLHS năm 2015 bổ sung thêm trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội. Đây là sự hợp pháp hoá hành vi "gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội". Giống như tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội cũng là trường hợp đặc biệt của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, có những dấu hiệu khác so với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là:

Về chủ thể, theo Điều 12 BLHS năm 2015, tuổi chịu TNHS của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là người từ đủ 14 tuổi trở lên, trong khi đó tuổi chịu TNHS của

tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là người từ đủ 16 tuổi trở lên. Ngoài ra, điểm đặc biệt khác ở chủ thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là họ là người thực hiện quyền phòng vệ chính đáng hoặc quyền bắt giữ người phạm tội khi thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Tuy nhiên, họ đã vượt quá giới hạn cho phép khi thực hiện các quyền này.

Về hành vi khách quan, mặc dù cả ba tội đều là hành vi tác động trái pháp luật lên cơ thể của người khác, nhưng điểm khác biệt giữa tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội xuất phát từ quyền phòng vệ hoặc quyền bắt giữ người phạm tội. Tuy nhiên, hành vi này đã vượt quá sự cho phép của quy định pháp luật. Trong đó vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được định nghĩa tại khoản 2 Điều 22 BLHS năm 2015 là "*hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại*"; còn vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội được định nghĩa tại khoản 2 Điều 24 BLHS năm 2015 là "*trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết*". Theo quy định tại Điều 111, 112 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đối với người phạm tội trong trường hợp phạm tội quả tang và trường hợp đang bị truy nã, bất kì ai cũng có quyền bắt giữ những người này. Trong những trường hợp này, người thực hiện quyền bắt giữ được phép sử dụng vũ lực để bắt người phạm tội nhưng sự cho phép này có giới hạn, cụ thể: Việc sử dụng vũ lực là biện pháp duy nhất có thể bắt giữ được người thực hiện hành vi phạm tội và việc sử dụng vũ lực phải trong mức độ cần thiết cho việc bắt giữ người thực hiện tội phạm đó.[112]

Về bị hại, bị hại của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là người có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội. Cụ thể: (i) Bị hại là người có hành vi xâm phạm quyền hoặc lợi ích chính đáng của người phạm tội, của người khác hoặc

[112] Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình luật hình sự* (Phần chung), NXB Tư pháp, Hà Nội, tr238.

lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức và hành vi này là cơ sở để người phạm tội thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK để phòng vệ. (ii) Bị hại là người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã. Việc bị hại thực hiện hành vi phạm tội là cơ sở để người phạm tội thực hiện việc bắt giữ và trong khi thực hiện việc bắt giữ đã vượt quá giới hạn cho phép.

Về động cơ phạm tội, nếu như ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK người phạm tội có thể có nhiều động cơ khác nhau thì động cơ của người thực hiện tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là muốn ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội hoặc hành vi trốn tránh pháp luật của bị hại.

Về hậu quả, quy định về mức tỷ lệ TTCT của bị hại để định tội là khác nhau. Cụ thể đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, mức độ TTCT của người khác là từ 11% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015; còn đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội thì phải từ 31% trở lên.

2.1.3.5. Phân biệt với tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Sự khác biệt giữa hai tội danh này nằm ở độ tuổi của người phạm tội, mức tỷ lệ TTCT của bị hại để xác định là tội phạm, lỗi, mục đích của người phạm tội những điểm khác nhau này quyết định tính nguy hiểm cho xã hội khác nhau và do đó đặt ra yêu cầu xử lý khác nhau. Cụ thể:

Về chủ thể, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK khác nhau về độ tuổi của người phạm tội. Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 2015, người từ đủ 14 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 còn đối với tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK thì chủ thể của tội phạm phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Về hậu quả, quy định về mức tỷ lệ TTCT của bị hại để định tội là khác nhau. Cụ thể đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, mức độ TTCT của người khác là từ 11% hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k

khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015; còn đối với tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK thì phải từ 31% trở lên.

Về lỗi, với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây tổn hại đến sức khỏe của người khác, thấy trước hậu quả và mong muốn hoặc chấp nhận hậu quả xảy ra. Đây có thể là lỗi cố ý trực tiếp (mong muốn hậu quả xảy ra) hoặc lỗi cố ý gián tiếp (chấp nhận hậu quả xảy ra). Đối với tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, lỗi của người phạm tội là lỗi vô ý. Người phạm tội không mong muốn gây tổn hại sức khỏe nhưng đã vi phạm quy tắc nghề nghiệp, quy tắc an toàn hoặc không chú ý, cẩu thả trong hành vi. Có thể là lỗi vô ý vì quá tự tin (nghĩ rằng hậu quả không xảy ra) hoặc lỗi vô ý do cẩu thả (không thấy trước hậu quả nhưng buộc phải thấy trước và có thể thấy trước được).

Về mục đích của người phạm tội, ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hậu quả TTCT xảy ra chính là sự hiện thực hoá mục đích phạm tội, là kết quả thực tế mà người phạm tội gây ra khi thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK để đạt mục đích gây TTCT cho bị hại. Trong khi đó ở tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK, người phạm tội không có mục đích phạm tội mà chỉ có mục đích của hành vi vì người phạm tội hoàn toàn không mong muốn hậu quả xảy ra.

Ví dụ: Sáng ngày 26/9/2021, trong lúc bị cáo Ngô Văn T đang nghiền ngô cho bà Trần Thị Kim S thì phát hiện các thanh búa trong cối nghiền bị hỏng nên T đóng cầu dao tổng, ngắt hệ thống điện để sửa chữa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo T sửa chữa xong máy nghiền nhưng chưa kịp lắp tấm sàn phía dưới cối nghiền và nắp cối nghiền vào máy thì bà S đến để lấy bột ngô, gạo; bà S thấy dưới đáy cối nghiền còn bột ngô nên xin T 01 bịch ni lông rồi đến chỗ cối nghiền lấy bột ngô ra. Lúc này, bị cáo T đang ở bên trong nhà máy, không thấy bà S đang đưa tay vào lồng cối máy nghiền nên vô ý mở cầu dao tổng để xay xát lúa cho bà S, do cầu dao lắp riêng của máy nghiền ngô chưa tắt nên máy nghiền khởi động, các thanh búa trong máy nghiền quay làm dập nát, gãy toàn bộ xương cẳng tay phải của bà S. Nghe bà S la lớn tiếng, bị cáo T tắt cầu dao tổng, đi ra bên ngoài kiểm tra thì phát hiện bà S bị thương. Tại bản kết luận giám định số 37/KLTTCT - PYPY ngày 01/02/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Bà Trần Thị Kim S bị TTCT, tỷ lệ 64%, do vật có cạnh tác

động.[113]

Ở tình huống này, hành vi mở cầu dao tổng của bị cáo T chỉ có mục đích là để xay lúa cho bà S, không có mục đích gây TTCT cho bà S, không phải mục đích phạm tội. T đã vi phạm quy tắc an toàn trong vận hành máy, không chú ý kiểm tra trước khi vận hành nên đã không biết được là bà S đang đưa tay vào lồng cối máy nghiền. Bị cáo T có lỗi vô ý đối với hậu quả TTCT của bà S. Do đó, hành vi của T đã cấu thành tội "Vô ý gây thương tích" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 BLHS năm 2015. Trường hợp này, nếu bị cáo T trước khi đóng cầu dao vận hành máy mà quan sát và thấy bà S đang đưa tay vào lồng cối máy nghiền thì mục đích, lỗi của bị cáo sẽ thay đổi; sẽ xác định mục đích phạm tội và lỗi là lỗi cố ý; từ đó tội danh sẽ thay đổi thành tội CYGTT theo điểm a khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015.

2.1.3.6. Phân biệt với tội hành hạ người khác

Theo quy định tại Điều 140 BLHS năm 2015, hành vi hành hạ người khác gồm hành vi đối xử tàn ác và hành vi làm nhục. Tuy nhiên, hiện nay không có văn bản hướng dẫn quy định tại Điều 140 BLHS năm 2015 thế nào là hành vi đối xử tàn ác. Hội đồng thẩm phán TAND tối cao khi hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS năm 1985 trước đây có hướng dẫn về tội ngược đãi nghiêm trọng hoặc hành hạ cha mẹ, vợ chồng, con cái đã giải thích như sau: "*Hành hạ thường được biểu hiện bằng việc đối xử tàn ác như đánh đập, bắt làm việc nặng nhọc quá sức, gây đau khổ về thể chất, nhưng chưa đến mức gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe.*"[114] Phần hướng dẫn về mặt khách quan của tội bức tử cũng có hướng dẫn: "*đối xử tàn ác (tức là đối xử có tính độc ác, tàn bạo, như: đánh đập gây đau khổ về thể chất, nhưng chưa đến mức gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người bị lệ thuộc)*". Hành vi làm nhục mới được bổ sung ở BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1999, cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về nội dung này. Song Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao tại mục 4 Chương 2 hướng dẫn về tội bức tử có chú thích về làm nhục là "*xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự...*". Nhưng trong thực tiễn xét xử để xác định như thế nào là xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người

[113] Xem: Bản án số 14/2024/HSST ngày 31/7/2024 của TAND huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên.
[114] Mục 2 Chương 4 Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

khác lại phụ thuộc vào đánh giá của từng HĐXX. Như vậy, hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK và hành vi hành hạ người khác giống nhau về hình thức. Về lỗi, cả hai tội đều được thực hiện với lỗi cố ý nhưng có sự khác nhau trong mục đích phạm tội và một số dấu hiệu sau:

Về khách thể, tuy đều xâm phạm đến khách thể là sức khoẻ của người khác nhưng ở tội hành hạ người khác, tội phạm còn xâm phạm đến nhân phẩm của con người.

Về chủ thể, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK không yêu cầu đặc biệt về chủ thể tội phạm nhưng đối với tội hành hạ người khác, chủ thể tội phạm là người mà bị hại bị lệ thuộc. Mối quan hệ lệ thuộc này xuất phát từ nhiều mối quan hệ như quan hệ công tác, quan hệ kinh tế, quan hệ tín ngưỡng, quan hệ chăm sóc, quan hệ giáo dục… trừ các mối quan hệ lệ thuộc về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 185 BLHS năm 2015.

Về mục đích của người phạm tội, ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK quy định điều luật thể hiện rõ mục đích của người phạm tội là gây TTCT cho bị hại. Trong khi ở tội hành hạ người khác, mục đích chính trực tiếp mà người phạm tội hướng tới là thể hiện sự kiểm soát, trừng phạt đối với bị hại, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội để đạt được mục đích đó thì người phạm tội chấp nhận cả hậu quả làm thiệt hại đến sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của bị hại.

Về hậu quả TTCT, cấu thành tội hành hạ người khác không quy định hậu quả cụ thể. Trong khi ở tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK yếu tố hậu quả TTCT là dấu hiệu đặc trưng khi định tội. Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là tội phạm có cấu thành vật chất, do đó yêu cầu phải có hậu quả TTCT mới cấu thành tội phạm. Cụ thể, Điều 134 BLHS năm 2015 quy định hậu quả TTCT từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Trong khi đó tội hành hạ người khác là tội phạm hình thức nên quy định tại Điều 140 BLHS năm 2015 chỉ yêu cầu có hành vi hành hạ xảy ra mà không yêu cầu chứng minh có hậu quả.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.2.1. Những kết quả đạt được

Qua nghiên cứu kết quả công tác áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc

GTHCSKCNK trong những năm qua cho thấy, hoạt động áp dụng pháp luật đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù tình hình tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK có xu hướng diễn biến phức tạp, số vụ án bị xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn ở mức cao (*xem Biểu 2.1*), nhiều vụ án có các tình tiết phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau về định tội danh. Song các cơ quan tiến hành tố tụng đã tiếp tục duy trì và triển khai hiệu quả các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giải quyết và xét xử các vụ án. Trên cơ sở đó, công tác áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã đạt được một số kết quả, cụ thể:

Thứ nhất, cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã kịp thời xác định các dấu hiệu định tội để khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Trong thực tiễn giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, các cơ quan tiến hành tố tụng đã phối hợp kịp thời để phát hiện, xử lý tin báo tố giác tội phạm, xác định các dấu hiệu của tội phạm để khởi tố vụ án, khởi tố bị can góp phần bảo đảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sức khoẻ con người. Một trong những vụ việc điển hình cho thấy cơ quan điều tra đã chủ động xác minh vụ việc từ các thông tin lan truyền trên mạng xã hội là vụ nam thanh niên hành hung bạn gái tại thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái năm 2020. Theo đó sau khi một đoạn clip ghi lại cảnh Vũ Viết T liên tục đánh đập dã man cô gái trẻ được đăng tải và lan truyền trên mạng xã hội gây bức xúc dư luận, Công an thị xã Nghĩa Lộ đã nhanh chóng vào cuộc xác minh, triệu tập đối tượng đến làm việc. Kết quả điều tra cho thấy mặc dù tỷ lệ TTCT của nạn nhân chỉ ở mức 2% nhưng hành vi của T có tính chất côn đồ nên vẫn đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và được viện kiểm sát phê chuẩn theo đúng quy định của pháp luật. Vụ việc cho thấy sự chủ động, kịp thời của các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.[115]

Thứ hai, chất lượng điều tra, truy tố, xét xử cơ bản bảo đảm nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2018 đến năm 2025, số vụ án mà cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định của cấp sơ thẩm

[115] Mai Hà (2020), Từ clip trên mạng, tìm ra kẻ xăm trổ đánh đập bạn gái dã man, *Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh*, tại: https://congan.com.vn/vu-an/tu-doan-clip-tim-ra-doi-tuong-danh-dap-ban-gai-tren-mang_95078.html (truy cập này 10/8/2026).

luôn chiếm tỉ lệ cao (*xem Biểu 2.2*). Qua khảo sát ngẫu nhiên 150 bản án phúc thẩm về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2025 cho thấy 54% (81/150 vụ) cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, 28% (42/150 vụ) cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm là do có tình tiết mới, 3,32% (05/150 vụ) cấp phúc thẩm huỷ bản án hình sự sơ thẩm do bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố (*Xem Phụ lục 3*). Số vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK bị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm năm 2018 là 30 vụ chiếm 0,7% nhưng đến năm 2025 chỉ có 17 vụ chiếm tỷ lệ 0,2%.

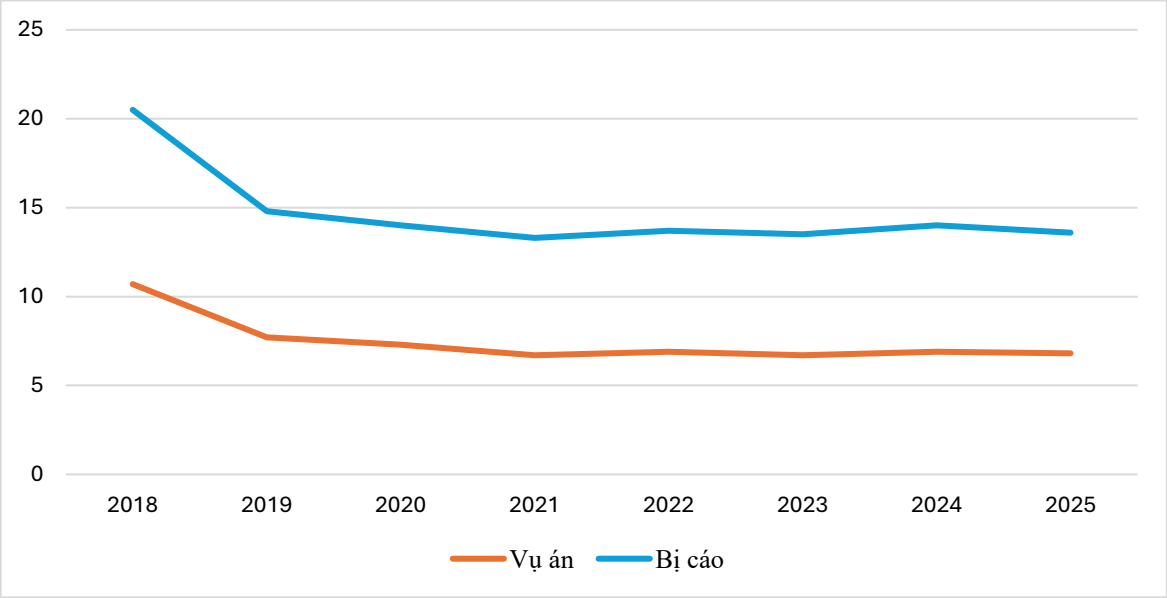
Thứ ba, tòa án có cùng quan điểm với viện kiểm sát về việc định tội danh và xác định mức hình phạt trong phần lớn các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Qua khảo sát ngẫu nhiên 150 bản án sơ thẩm về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 cho thấy 99,33% (149/150) số vụ án HĐXX cấp sơ thẩm tuyên có cùng quan điểm về tội danh và khung hình phạt với viện kiểm sát, chỉ có 0,67% (01/150) số vụ mà HĐXX tuyên bị cáo phạm tội theo khoản nhẹ hơn khoản mà viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật, không có vụ án nào mà HĐXX tuyên khác với tội danh, loại hình phạt mà viện kiểm sát đã truy tố (*xem Phụ lục 4*).

Thứ tư, việc quyết định hình phạt được cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm đúng pháp luật, phát huy ý nghĩa nhân văn. Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo cơ bản tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án, phát huy được ý nghĩa của hình phạt, mục đích giáo dục và phòng ngừa chung. Các trường hợp cho hưởng án treo cơ bản đã đảm bảo đúng quy định tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Số lượng các vụ án có bị cáo là NCTN bị truy tố, xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK năm 2025 giảm đáng kể (*xem Biểu 2.3*). Ngày 30/11/2024 Quốc hội đã thông qua Luật Tư pháp người chưa thành niên, theo đó tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã được đưa ra khỏi danh mục các tội phạm không được áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng. Số lượng vụ án có NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK giảm mạnh đã đánh dấu tác động rõ rệt của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 đối với việc áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Biểu 2.1. Tỷ lệ xét xử sơ thẩm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so với tổng số phải xét xử

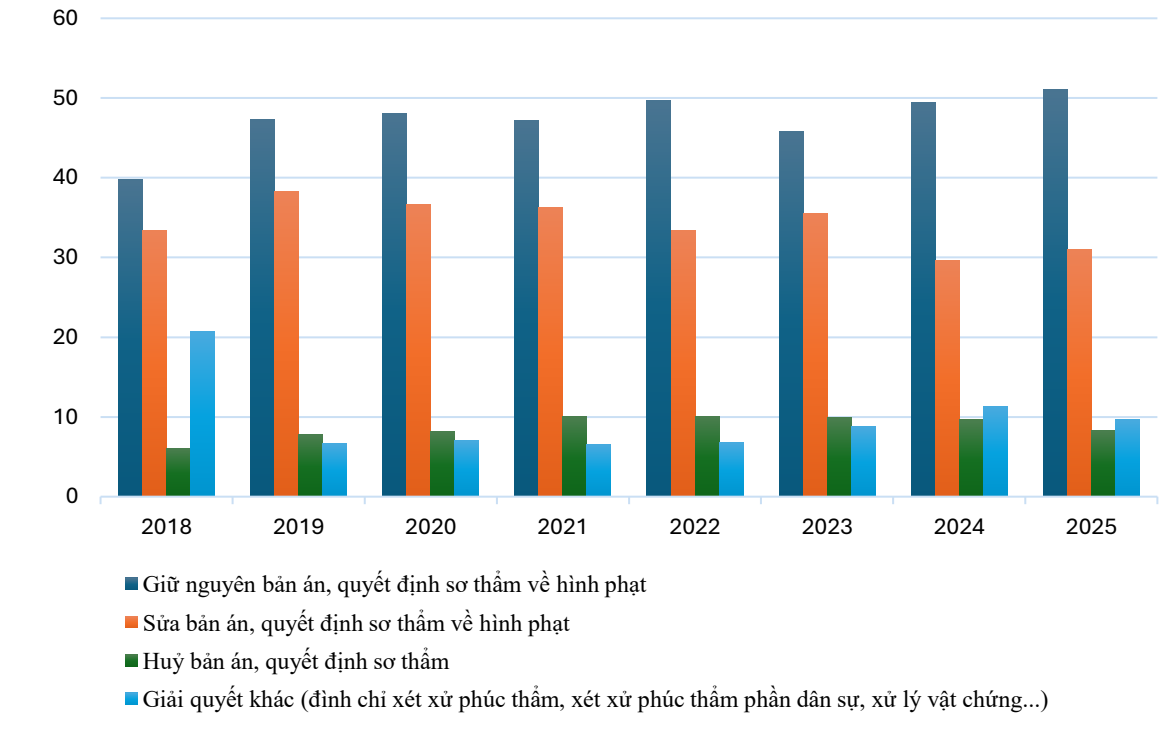
(Đơn vị: %)



(Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025)

Biểu 2.2. Kết quả xét xử phúc thẩm các bị cáo về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

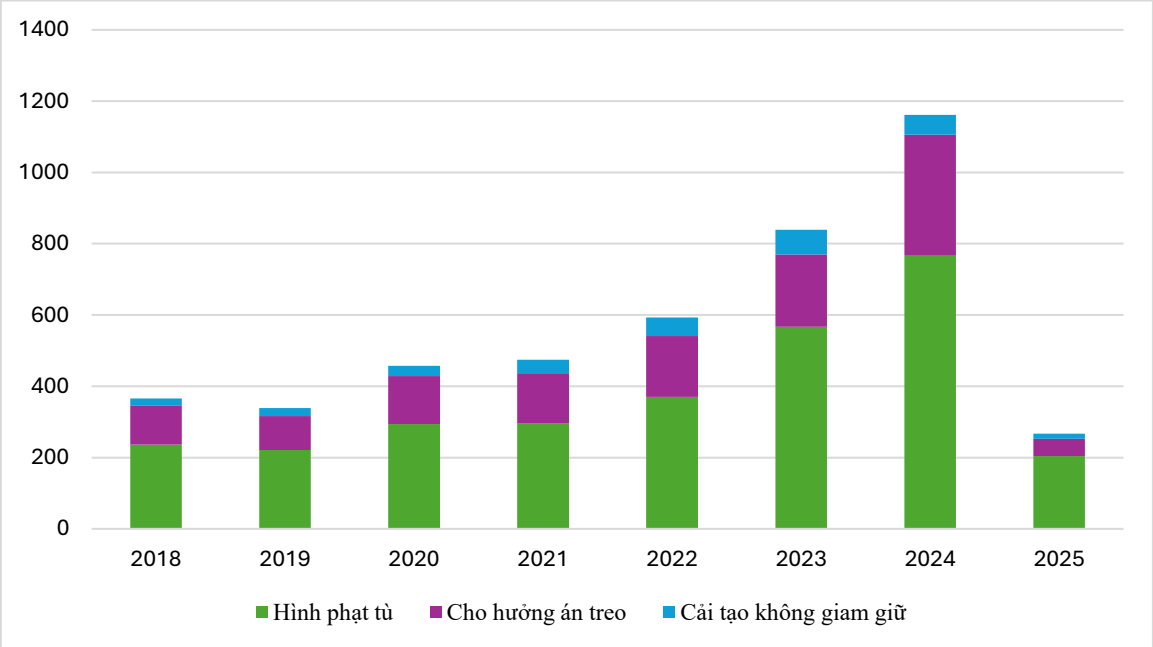
(Đơn vị: %)



(Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025)

Biểu 2.3. Tình hình áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

(Đơn vị: người)



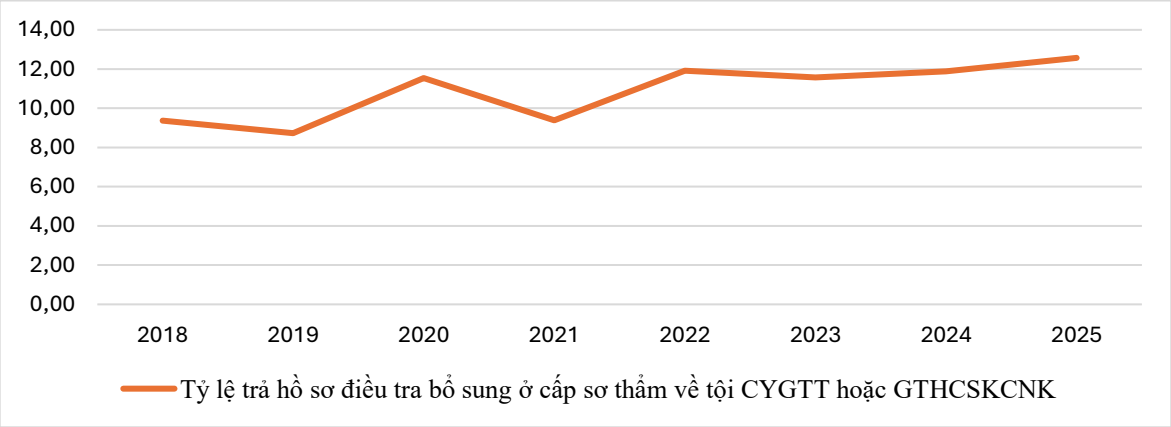
(Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025)

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc

Mặc dù chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK những năm gần đây tăng lên song kết quả áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế, vi phạm, sai lầm. Nhiều vụ án việc khởi tố, điều tra, truy tố còn chưa đầy đủ, còn thiếu các chứng cứ để chứng minh những vấn đề của vụ án dẫn đến toà án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Số lượng vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung biến động qua các năm và có xu hướng tăng (*Xem Biểu 2.4*). Tỷ lệ huỷ, sửa các bản án, quyết định do sai lầm của toà án vẫn ở mức cao so với chỉ tiêu Quốc hội giao tại Nghị quyết 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của TAND và công tác thi hành án. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025 tỉ lệ huỷ, sửa bản án, quyết định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có sự biến động nhưng theo xu hướng giảm. Năm 2025 là 1,37%, là năm duy nhất trong giai đoạn nghiên cứu thấp hơn chỉ tiêu về tổng số bản án, quyết định bị huỷ, sửa do nguyên nhân chủ quan nhưng vẫn cao gấp 02 lần tỷ lệ các bản án, quyết định bị huỷ, sửa do nguyên nhân chủ quan nói chung (0,69%) (*xem Biểu 2.5*).

Biểu 2.4. Tỷ lệ trả hồ sơ điều tra bổ sung ở cấp sơ thẩm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

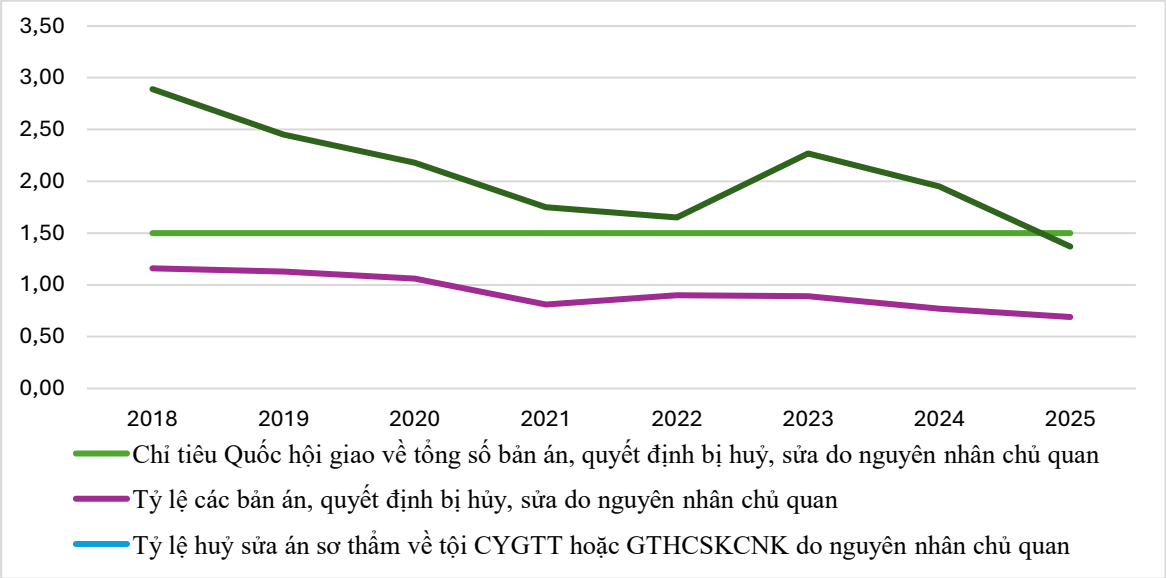
(Đơn vị: %)



(Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025)

Biểu 2.5. Tỷ lệ các bản án, quyết định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác bị huỷ, sửa do nguyên nhân chủ quan so với tỷ lệ tổng và chỉ tiêu Quốc hội giao

(Đơn vị: %)



(Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025)

Các hạn chế tập trung vào một số nội dung sau:

2.2.2.1. Một số trường hợp chưa kịp thời tiến hành trưng cầu giám định pháp y, dẫn đến không đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và hiệu quả bảo đảm quyền con người, quyền công dân

Trong thực tiễn giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, hoạt động trưng cầu giám định pháp y có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi kết luận giám

định không chỉ là nguồn chứng cứ để xác định tỷ lệ TTCT mà còn là căn cứ để định tội danh, xác định khung hình phạt và quyết định việc có khởi tố vụ án hình sự hay không. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tồn tại nhiều trường hợp mà cơ quan tiến hành tố tụng chưa kịp thời tiến hành trưng cầu giám định hoặc việc giám định được thực hiện chậm trễ dẫn đến khó khăn trong việc xác định các dấu hiệu của tội phạm, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết các vụ án. Đối với các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK các hậu quả TTCT có thể nhanh chóng phục hồi theo thời gian. Do đó nếu không được xem xét, đánh giá, giám định kịp thời thì việc đánh giá tỷ lệ TTCT sẽ không còn phản ánh đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội tại thời điểm xảy ra vụ việc. Nhiều trường hợp người phạm tội có tâm lý coi thường pháp luật, tiếp tục đe doạ gây áp lực với bị hại nhằm ngăn cản việc tố giác tội phạm hoặc yêu cầu giám định pháp y. Hoặc có những trường hợp hai bên tự thoả thuận với nhau và không đi giám định TTCT. Cơ quan điều tra đã thu thập hồ sơ bệnh án của các bên và đề nghị giám định pháp y qua hồ sơ bệnh án nhưng có trường hợp cơ quan giám định từ chối giám định qua hồ sơ với lý do bị hại còn sống mà không đến trung tâm giám định nên không đủ điều kiện.[116] Nếu các cơ quan có thẩm quyền không nhanh chóng áp dụng các biện pháp tố tụng cần thiết để thu thập chứng cứ trong đó có giám định pháp y thì nguy cơ bỏ lọt tội phạm là rất lớn. Trong khi đó một số trường hợp bị hại phải tiến hành điều trị, thực hiện phẫu thuật... nên thời điểm sau khi hành vi phạm tội xảy ra cơ quan giám định pháp y chưa đánh giá được các di chứng để lại mà cần thời gian 30 – 45 ngày để giám định bổ sung đánh giá lại di chứng. Những trường hợp này có nhiều quan điểm về việc Kết luận giám định nào sẽ là căn cứ để truy cứu TNHS.[117]

2.2.2.2. Việc định tội danh trong nhiều trường hợp còn chưa chính xác

Việc định tội danh sai có thể do sai lầm trong đánh giá các tình tiết của vụ án. Đặc biệt việc khoa học kỹ thuật chưa thể đáp ứng được yêu cầu xác định ý chí chủ quan của bị cáo một cách rõ ràng, người tiến hành tố tụng phải nhận định thông qua lời khai, hành vi… Nhiều trường hợp có nhiều quan điểm giải quyết giữa các cơ quan

[116] Xem: Nguyễn Quang Huy (2025), "Bàn về giám định thương tích qua hồ sơ vụ án hình sự", *Trang tin Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*, tại: https://vkshanoi.gov.vn/Chi-tiết/b224n-về-gi225m-đinh-thương-t237ch-qua-hồ-sơ-vu-225n-h236nh-sự, truy cập ngày 10/8/2026.

[117] Xem: Võ Văn Thế, Nguyễn Thị Xuân (2024), "Vướng mắc trong thực tiễn áp dụng kết luận giám định thương tích và kiến nghị", *Tạp chí Toà án điện tử*, tại: https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-thuc-tien-ap-dung-ket-luan-giam-dinh-thuong-tich-va-kien-nghi11141.html, truy cập ngày 10/8/2026.

tiến hành tố tụng dẫn đến vụ án bị huỷ, sửa nhiều lần.

Ví dụ: Trong vụ án Dương Bá C, Nguyễn Thanh T, Bùi Anh T1, Nguyễn Trí Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạm tội CYGTT theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị TAND thành phố C xét xử phúc thẩm theo hướng huỷ toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Giết người" theo Điều 123 BLHS năm 2015. Tuy nhiên TAND thành phố C đã không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. (*xem Hộp 2, Phụ lục 2*). Trong vụ án này, giữa các bị cáo và bị hại Nguyễn Quang L không có mâu thuẫn với nhau nhưng vì nhìn nhầm mà các bị cáo có hành vi dùng vỏ chai bia và dao tự chế là những hung khí nguy hiểm đánh, chém liên tiếp vào vùng đầu của bị hại là vùng trọng yếu trên cơ thể con người cho đến khi anh L quỵ xuống đường thì các bị cáo mới dừng lại. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức về tính nguy hiểm của hành vi của mình, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại nhưng vẫn thực hiện hành vi một cách quyết liệt, bất chấp hậu quả xảy ra. Thời điểm xảy ra vụ án là 01 giờ sáng ngày 26/11/2022, địa điểm là quốc lộ I (đường T), cả thời gian và địa điểm đều cho thấy bối cảnh xảy ra vụ việc sẽ có ít người qua lại và việc các bị cáo sau khi thấy đầu của L chảy máu thì lên xe chạy về nhà, bỏ mặc bị hại đang bị thương nặng, nằm ở hiện trường xảy ra vụ việc mà không có hành vi cứu giúp bị hại dù không có gì ngăn cản các bị cáo, đã thể hiện rằng các bị cáo chấp nhận cả hậu quả bị hại L bị thương không được cấp cứu mà chết. Tuy nhiên cả bản án sơ thẩm và phúc thẩm đều đánh giá sai vấn đề thứ nhất và không làm rõ tình tiết trong vấn đề thứ hai dẫn đến định sai tội danh cho các bị cáo. Quyết định giám đốc thẩm đã đánh giá lại mức độ và tính chất nguy hiểm của hành vi và ý thức bỏ mặc, bỏ đi của các bị cáo để huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm và phúc thẩm về vụ án này để giao cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại vụ án nhưng Quyết định giám đốc thẩm cũng không đưa ra nhận định về ý thức của các bị cáo khi bỏ mặc bị hại trong bối cảnh là 01 giờ sáng và trên đường quốc lộ I. Do đó, việc điều tra lại cần làm rõ bối cảnh các bị cáo bỏ đi, bỏ mặc bị hại để làm rõ các nội dung: Thời điểm đó có phương tiện di chuyển trên đường không? Các bị cáo có nhìn thấy T2 quay trở lại đưa L đi bệnh viện không?

Việc định tội danh sai còn do quy định pháp luật chưa rõ ràng, chưa có hướng

dẫn áp dụng thống nhất, dẫn đến còn nhiều quan điểm khác nhau. Như vụ án Trần Đức M, Nguyễn Mạnh H1 và Đàm Văn N bị xét xử về tội "Hành hung đồng đội" có nhiều quan điểm về việc định tội danh (*xem Hộp 3, Phụ lục 2*). Tuy nhiên, quy định tại khoản 1 Điều 398 BLHS năm 2015 về trường hợp người nào trong quan hệ công tác mà CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của đồng đội mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 không bao gồm trường hợp mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Còn về tình tiết định khung tăng nặng "gây hậu quả nghiêm trọng" hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn. Nếu dẫn chiếu quy định tại Mục 6 Thông tư liên tịch số 01/2003/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BCA-BTP-BQP ngày 11/8/2003 và Điểm a tiểu mục 3.4 mục 3, phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 là không phù hợp. Việc áp dụng tình tiết "làm chết một người" phải được hiểu là nạn nhân chết vì thương tích hoặc tổn hại sức khỏe do người phạm tội gây ra. Tức là giữa thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe và cái chết của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả.[118] Còn trường hợp nạn nhân tự sát không phải là "làm chết một người". Như vậy trong tình huống đã nêu M, H1, N đã thực hiện hành vi có đủ dấu hiệu cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng do đại diện của bị hại không có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên không thể khởi tố vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK; M, N cũng không phạm tội hành hung đồng đội do hành vi đã đủ dấu hiệu cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Thực tiễn cũng ghi nhận nhiều trường hợp người nhà bệnh nhân hành hung y bác sĩ, nhân viên y tế nhưng chỉ bị xét xử về tội gây rối trật tự công cộng do tỷ lệ TTCT chưa đến 11%, không có các dấu hiệu từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Như vụ con trai bệnh nhân chửi mắng, đánh vào đầu vào mặt nam điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định[119]; vụ Trần Tuấn Anh là con trai bệnh nhân dùng tay tát nhiều cái vào vùng mặt của nhân viên y tế tại Bệnh viên Hữu nghị đa khoa Nghệ An[120]... Mặc dù Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013

[118] Xem: Mục VI Nghị quyết 01-HĐTP/NQ ngày 19/04/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thương tích dẫn đến chết người.
[119] Xem: Nguyễn Tiến (2025), "Để không xảy ra những vụ hành hung nhân viên y tế", *Tuổi trẻ online*, tại: https://tuoitre.vn/de-khong-xay-ra-nhung-vu-hanh-hung-nhan-vien-y-te-20250509073729852.htm, truy cập ngày 10/8/2026.
[120] Xem: Đức Ngọc (2025), "Công an thông tin gì về vụ nữ nhân viên y tế bị đánh tại bệnh viện", *Tuổi trẻ online*, tại: https://nld.com.vn/cong-an-thong-tin-gi-ve-vu-nu-nhan-vien-y-te-bi-danh-tai-benh-vien-196250603144601798.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

của Chính phủ đã quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, theo đó lực lượng bảo vệ chuyên trách ở các cơ sở y tế đã tăng cả về số lượng và chất lượng, các tổ công tác đảm bảo an ninh trật tự tại các bệnh viện được duy trì. [121] Tiếp đó, ngày 26/9/2013, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký Quy chế phối hợp số 03/QC-BCA-BYT về công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong lĩnh vực y tế. Song thực tiễn vẫn ghi nhận những diễn biến phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra tại các cơ sở y tế; vấn đề hành hung các y bác sĩ, nhân viên y tế mà đặc biệt là tình trạng người nhà bệnh nhân hành hung các y bác sĩ, nhân viên y tế. Tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XV, Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan cho biết tình trạng bạo hành nhân viên y tế không giảm mà ngày càng gia tăng, tính chất nghiêm trọng hơn[122]. Mặc dù điểm d khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 đã quy định thêm trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK mà tỷ lệ TTCT dưới 11% nhưng có thêm dấu hiệu đối với người chữa bệnh cho mình thì vẫn phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng thực tế cho thấy các trường hợp người bệnh trực tiếp CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhân viên y tế không phổ biến, trong khi thường xuyên xảy ra việc người nhà bệnh nhân hành hung y bác sĩ, nhân viên y tế. Việc chưa có hướng dẫn về các trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với cán bộ, nhân viên y tế đang thực hiện nhiệm vụ là trường hợp "đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" đã làm hạn chế công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này. Trong khi khoản 1 Điều 5 Luật Cán bộ, công chức quy định "*công vụ là hoạt động do cán bộ, công chức thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền và của pháp luật nhằm thực hiện quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu chung của xã hội*". Như vậy việc giải thích trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với cán bộ, nhân viên y tế đang thực hiện nhiệm vụ là "đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" là phù hợp. Việc xử lý những hành vi vi phạm pháp luật này không đúng tính chất và mức độ nguy hiểm sẽ không bảo đảm việc giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

---

[121] Lê Oanh (2019), Thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Y tế: Gắn kết đảm bảo an ninh trật tự trong lĩnh vực y tế, *Báo Sức khoẻ và đời sống điện tử*, tại: https://suckhoedoisong.vn/thuc-hien-quy-che-phoi-hop-giua-bo-cong-an-va-bo-y-te-gan-ket-dam-bao-an-ninh-trat-tu-trong-linh-vuc-y-te-169158866.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

[122] Quỳnh Nga (2025), Bộ trưởng Đào Hồng Lan nói về tình trạng bạo hành nhân viên y tế, Báo Công Thương, tại: https://congthuong.vn/bo-truong-dao-hong-lan-noi-ve-tinh-trang-hanh-hung-nhan-vien-y-te-428072.html, truy cập ngày 10/8/2026.

Nhiều trường hợp tuy thoả mãn quy định về chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng lại xét xử về tội phạm khác. Như đã được phân tích ở trên, quy định về chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK mâu thuẫn với ngay khoản 1 trong cùng một điều luật. Bên cạnh đó, việc mô tả hành vi giống với hành vi của một số tội như: tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318); tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 304); tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ (Điều 305); tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ (Điều 306) dẫn đến trong thực tiễn nhiều vụ án dù có các dấu hiệu chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhưng vẫn bị điều tra, truy tố và xét xử về các tội danh khác. Như vụ án Lê Thế L và các đồng phạm bị TAND khu vực X tỉnh B xét xử sơ thẩm, TAND tỉnh B xét xử phúc thẩm về tội "Gây rối trật tự công cộng" (*Hộp 4, Phụ lục 2*). Các bị cáo có hành vi chuẩn bị thanh kim loại vuông có chiều dài 1,33m; vỏ chai bia (mỗi đối tượng cầm khoảng 02 đến 03 vỏ chai bia) để đánh nhau. Như vậy các bị cáo đã chuẩn bị hung khí nguy hiểm với mục đích gây thương tích hoặc GTHCSKCNK, thoả mãn các dấu hiệu quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 về trường hợp chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Tuy nhiên cũng trong vụ án này, bị cáo L có hành vi dùng tay đấm 02 phát vào mặt H2 nhưng do tỷ lệ TTCT chưa đến 11% nên hành vi không cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Như vậy, mặc dù vai trò của bị cáo cũng như tính nguy hiểm của hành vi của bị cáo L trong vụ án cao hơn so với các bị cáo còn lại nhưng do hậu quả TTCT chưa đạt mức do BLHS quy định nên không có căn cứ để khởi tố theo khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015, còn những bị cáo khác dù chưa có hành vi tác động gây thiệt hại cho sức khoẻ của người khác nhưng có căn cứ để khởi tố theo khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015. Do đó, thực tế quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng đã thu hút các hành vi về tội "Gây rối trật tự công cộng". Cơ quan điều tra đã khởi tố, viện kiểm sát đã truy tố về tội "Gây rối trật tự công cộng". Toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm căn cứ tình tiết "quá trình đuổi đánh nhau các đối tượng đi xe với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, rú ga truy đuổi nhau trên đường" và "hành vi của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến

an ninh trật tự, an toàn xã hội" để xét xử các bị cáo về tội "Gây rối trật tự công cộng". Như vậy tuy việc định tội danh không đúng với quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 nhưng lại hợp lý, bảo đảm sự công bằng của pháp luật.

Ngoài ra việc định tội danh sai còn do các thuật ngữ pháp lý không thống nhất, chưa chính xác trong các văn bản tố tụng. Trong số 23279 bản án xét xử theo Điều 134 BLHS năm 2015 được công bố trên trang congbobanan.toaan.gov.vn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2025 chỉ có 02 bản án tuyên về tội cố ý gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác, tuy nhiên hai bản án này phần nội dung vụ án trích dẫn các kết luận giám định đều sử dụng thuật ngữ thương tích[123]. Ngoài 02 bản án này, trong thực tế nhiều vụ án các kết luận giám định pháp y được trích dẫn trong các bản án đều quy về thương tích để tính tỷ lệ TTCT mặc dù có những trường hợp hậu quả xảy ra không chỉ có thương tích mà còn có cả tổn hại cho sức khoẻ.

Ví dụ: tại Bản án số 70/2018/HSST ngày 16/5/2018 của TAND huyện Củ Chi, phần "Nội dung vụ án" có nêu Kết luận giám định pháp y về thương tích số 679/TgT.16 ngày 21/10/2016 của Trung tâm Pháp y Sở y tế thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có vết thương lưng trái, thấu ngực gây tràn máu màng phổi trái, đã được điều trị phẫu thuật nội soi lấy máu, dẫn lưu màng phổi, hiện còn: 01 sẹo đâm kích thước 2 x 0,2 cm; 04 sẹo mổ nội soi, 02 sẹo dẫn lưu tại vùng mạn sườn trái; còn dịch khoang màng phổi, xẹp phổi vùng đáy phổi trái; có hạn chế chức năng hô hấp một phần; kết luận thương tích do vật sắc nhọn gây ra, có tỷ lệ 35%. Theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế thì các hậu quả "01 sẹo đâm kích thước 2 x 0,2 cm; 04 sẹo mổ nội soi, 02 sẹo dẫn lưu tại vùng mạn sườn trái" được xác định là TTCT do thương tích[124], còn hậu quả "còn dịch khoan màng phổi, xẹp phổi vùng đáy phổi trái; có hạn chế chức năng hô hấp" là TTCT do bệnh, tật hệ hô hấp[125], là tổn hại cho sức khoẻ. Như vậy, hậu quả xảy ra bao gồm cả thương tích và tổn hại sức khoẻ nhưng Kết luận giám định pháp y chỉ sử dụng khái niệm "thương tích" để đánh

[123] Bản án số 92/2022/HS-PT ngày 07/12/2022 của TAND tỉnh Phú Thọ và Bản án số 103/2020/HS-PT ngày 23/9/2020 của TAND tỉnh Phú Thọ.
[124] Chương 8 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm, Bảng 1 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích, Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.
[125] Chương 3 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bệnh, tật hệ hô hấp, Bảng 2 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bệnh, tật, Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

giá tất cả những hậu quả do hành vi phạm tội gây ra cho bị hại dẫn đến Cáo trạng của viện kiểm sát truy tố về tội CYGTT và Bản án quyết định về tội CYGTT.

Một ví dụ khác là Bản án số 01/2026/HS-ST ngày 16/01/2026 của Toà án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 có trích dẫn Biên bản giám định pháp y số 100/PY ngày 10/4/1992[126] của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đối với bị hại Trần Nhân Y thể hiện: Nguyên nhân chết của Trần Nhân Y là do gãy xương, thủng vỡ dạ dày gây nên tụ máu, xuất huyết hoại tử dẫn đến suy hô hấp, suy tuần hoàn, nhiễm độc do nhiều chấn thương ở ngực, lưng, bụng. Trong đó, chấn thương vùng ngực, lưng, bụng dẫn đến tụ máu, gãy xương, thủng dạ dày là chấn thương quyết định. Đối chiếu với Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế thì các vết thương gãy xương, thủng dạ dày được quy định là TTCT do thương tích.[127] Như vậy hậu quả trực tiếp của hành vi phạm tội là thương tích gãy xương, thủng vỡ dạ dày, đây là nguyên nhân gây nên tụ máu, xuất huyết hoại tử dẫn đến suy hô hấp, suy tuần hoàn, nhiễm độc làm cho bị hại chết. Do đó trường hợp này phải xác định là tội CYGTT nhưng Cáo trạng của viện kiểm sát và Bản án của toà án đều xác định là tội cố ý GTHCSKCNK là chưa đúng.

2.2.2.3. Việc quyết định hình phạt trong nhiều trường hợp chưa tương xứng với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội

Việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội là quá trình cân nhắc nhiều yếu tố nhằm bảo đảm tính công bằng, nghiêm minh và nhân đạo của pháp luật hình sự để xác định một mức hình phạt tương ứng nằm trong khung hình phạt luật định. Đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, các tình tiết vụ án thường rất đa dạng: từ các vụ bạo lực bộc phát vì mâu thuẫn cá nhân cho đến những hành vi có tổ chức, mang tính chất côn đồ hoặc trả thù. Dù áp dụng cùng một khung hình phạt luật định nhưng đòi hỏi phải cá thể hóa hình phạt trong từng vụ án cụ thể. Tuy nhiên nhiều trường hợp tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội lại chưa

[126] Vụ án xảy ra vào ngày 15/3/1992 nhưng sau khi nghe tin nạn nhân chết các bị cáo đã bỏ trốn cho đến khi bị bắt giữ theo Lệnh truy nã ngày 29/7/2025. Trường hợp này theo điểm b khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, áp dụng BLHS năm 2015 đối với bị cáo.

[127] tại Chương 3 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương hệ hô hấp, Chương 4 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương hệ tiêu hoá, Bảng 1 Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích, Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

tương xứng với mức hình phạt. Có thể kể đến một số trường hợp như sau:

Trước hết, việc đánh giá vai trò của người phạm tội trong một số vụ án còn chưa tương xứng dẫn đến chưa cá thể hoá được hình phạt. Như vụ án Trần Đình H1, Phạm Kiên Q và Giàng Văn T bị xét xử về tội CYGTT (*xem Hộp 5, Phụ lục 2*). Toà án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo hưởng hai tình tiết giảm nhẹ TNHS "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại", "Người phạm tội thành khẩn khai báo" cũng như các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, đối với bị cáo H1 là người tổ chức, có vai trò chính lôi kéo các bị cáo khác tham gia, trực tiếp chuẩn bị chỗ ăn, địa điểm bàn bạc, công cụ, phương tiện, phân công các bị cáo khác chuẩn bị thêm hung khí, phân công người đi thám thính và chuẩn bị trước việc che giấu tội phạm. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bị cáo H1 nhiều lần gọi điện nhờ người đánh nhóm của H2 bị từ chối nhưng bị cáo vẫn không dừng lại mà tiếp tục gọi điện trao đổi với Q cho thấy tính chất quyết liệt thực hiện tội phạm đến cùng của bị cáo. Còn T và Q là người giúp sức, thực hành tích cực nên các bị cáo phải chịu TNHS sau bị cáo H1. Mặc dù Toà án cấp sơ thẩm cho các bị cáo 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 nhưng mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là chưa tương xứng với vai trò của các bị cáo trong vụ án, tính chất vụ án và hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

Tiếp đó, có trường hợp đánh giá sai các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 dẫn đến xác định khung hình phạt chưa đúng. Như vụ án Trần V bị toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết "Có tính chất côn đồ" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 (*xem Hộp 6, Phụ lục 2*). Tuy nhiên, trong vụ án này bị hại cũng có lỗi bởi với cương vị là cấp trên, trong xử sự với chiến sĩ vi phạm đã thiếu kiềm chế, tát vào má trái của V trước. Ngày 30/01/2022 anh Q cũng đã bị xử lý kỷ luật với hình thức "Cảnh cáo". Do đó việc Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết "Có tính chất côn đồ" đối với bị cáo V là không đúng.

Bên cạnh đó, một số vụ án còn có nhận định sai lầm trong việc đánh giá tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS năm 2015, dẫn đến việc quyết định hình

phạt không phù hợp với hành vi phạm tội. Như vụ án Đoàn Mạnh C phạm tội CYGTT (*xem Hộp 7, Phụ lục 2*). Trong vụ án này, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ "*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại gây ra*" đối với bị cáo C. Tuy nhiên, hành vi của bị hại N đuổi theo, dùng gậy rút kim loại vụt bị cáo C là do trước đó bị cáo C đã có hành vi dùng gậy rút kim loại vụt vào người bị hại N khi hai bên đang giải quyết mâu thuẫn bằng lời nói. Mặt khác, tuy bị hại N có hành vi vụt bị cáo C nhưng không trúng, cùng lúc đó, bị cáo C đã dùng gậy vụt trúng gò má bị hại N làm N ngã xuống đường, sau đó bị cáo C tiếp tục vụt một cái vào trán N. Do đó, trường hợp này, C chưa thể coi là bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại mà chỉ có thể được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người bị hại cũng có lỗi" theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Trong trường hợp hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK gây TTCT cho nhiều người ở các mức khác nhau, tại các khung hình phạt khác nhau thì thực tiễn xét xử có nhiều vướng mắc trong việc cá thể hóa hình phạt và đảm bảo tính công bằng do quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 không quy định trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ TTCT của mỗi người ở một khoảng khác nhau (người thứ nhất: dưới 11%, người thứ hai: từ 11% đến 30%, người thứ ba: từ 31% đến 60%, người thứ tư: trên 61%). Như vụ án Đặng Hoàng S và Đặng Phước Q phạm tội CYGTT (*xem Hộp 8, Phụ lục 2*). S đã gây TTCT cho 02 người, hành vi thứ nhất là gây TTCT cho anh C, tỷ lệ tổn thương là 09%, với tình tiết tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm" phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 với khung hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi thứ hai là gây TTCT cho ông S1, tỷ lệ tổn thương là 12%, với tình tiết tăng nặng "dùng hung khí nguy hiểm", như vậy S phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2025 với khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù. Tuy nhiên, với lập luận rằng do giới hạn của việc xét xử, Bản án số 26/2024/HS-ST ngày 17/6/2024 của TAND tỉnh ĐT đã quyết định về hình phạt với Đặng Hoàng S về tội CYGTT, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt S 01 năm 09 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

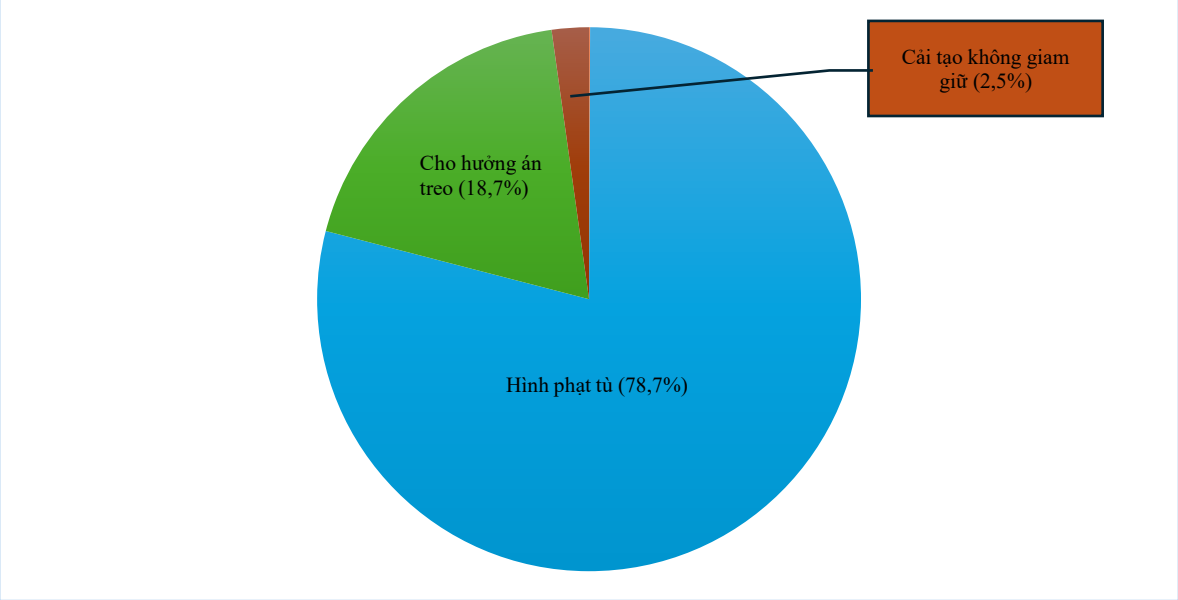
Trong một vụ án khác Ninh Văn N phạm tội CYGTT, viện kiểm sát đưa ra quan điểm truy tố áp dụng thêm tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" đối với bị cáo nhưng HĐXX bác quan điểm này với lập luận do hành vi phạm tội của bị cáo đối với các bị hại là liên tục và trong cùng một thời gian, không gian và địa điểm nên việc áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2025 là không thỏa đáng (*xem Hộp 9, Phụ lục 2*). Các hành vi của N đã gây TTCT cho 02 người, trong đó: Hành vi thứ nhất gây TTCT cho ông T với tỷ lệ 01%, hành vi thứ hai gây TTCT cho ông M với tỷ lệ TTCT là 13%; hành vi của bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm và thể hiện tính chất côn đồ. Tuy nhiên, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố Ninh Văn M về tội CYGTT theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, đề xuất xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Còn Quyết định của HĐXX xác định hành vi của Ninh Văn M phạm tội đối với các bị hại là liên tục và trong cùng một thời gian, không gian và địa điểm nên hành vi của bị cáo chỉ thoả mãn tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS HĐXX đã xử phạt Ninh Văn T 24 tháng tù.

Qua hai ví dụ trên có thể thấy quan điểm giải quyết vụ án của viện kiểm sát và các tòa án trong trường hợp bị cáo gây TTCT cho nhiều người còn có sự khác nhau.

Cuối cùng, việc áp dụng các hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, không cách ly người phạm tội khỏi xã hội như cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng cho hưởng án treo, còn hạn chế (*xem Biểu 2.6*). Có quan điểm cho rằng tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK thể hiện tính côn đồ, hung hãn của người phạm tội, nếu để bị cáo tự cải tạo ở ngoài xã hội sẽ gây nguy hiểm cho cộng đồng. Do đó, nhiều vụ án tòa án đã đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của người phạm tội nên không cho bị cáo được hưởng án treo hay các hình phạt khác nhẹ hơn. Bên cạnh đó, hạn chế về nguồn chi phí tổ chức thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và tâm lý e ngại việc áp dụng hình phạt này không đủ sức răn đe, giáo dục người phạm tội cũng là những lý do làm giảm tỷ lệ áp dụng các hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Biểu 2.6. Tình hình áp dụng hình phạt đối với các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

(Đơn vị: %)



(Nguồn: Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao, số liệu từ năm 2018 – 2025)

Đặc biệt việc áp dụng hình phạt tù đối với NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn phổ biến. Trong giai đoạn được nghiên cứu, không có trường hợp nào NCTN được miễn TNHS và chuyển sang các biện pháp giám sát, giáo dục khác quy định tại Mục 2 Chương IX BLHS năm 2015. Điều này có thể xuất phát từ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 91 theo đó người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng và người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK rất nghiêm trọng thì không được xem xét miễn TNHS đã gây tâm lý e ngại cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết các vụ án có NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK (*xem Biểu 2.3*).

2.2.2.4. Việc áp dụng án lệ còn hạn chế, còn thiếu án lệ về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

Theo khảo sát trên trang congbobanan.toaan.gov.vn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2025 chỉ có 08 bản án xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có áp dụng án lệ được công bố. Trong đó có 02 bản án áp dụng án lệ số 17/2018/AL, 01 bản án áp dụng án lệ số 01/2016/AL, 04 bản án áp dụng án lệ số 47/2021/AL, 01 bản án áp dụng án lệ số 59/2023/AL (*xem Phụ lục 5*). Các bản án áp dụng án lệ chủ yếu

liên quan đến tình tiết định khung tăng nặng "Có tính chất côn đồ", và các trường hợp mà cấp phúc thẩm cho rằng cấp sơ thẩm đã sai lầm khi xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, cần xác định tội danh là tội giết người. Trong số 17 án lệ hình sự đã được công bố cũng không có án lệ nào về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Hiện có nhiều quan điểm khác nhau liên quan đến Án lệ số 47/2021/AL. Thực tế, quá trình điều tra, truy tố, xét xử có những vụ án bị cáo dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại nhưng bị hại không chết mà chỉ bị thương tích. Những vụ án như thế trước khi có Án lệ số 47/2021/AL đã tồn tại những quan điểm khác nhau, song Án lệ số 47/2021/AL chưa thể giải quyết được hết những vướng mắc về xác định tội danh trong thực tiễn, một số trường hợp áp dụng Án lệ số 47/2021/AL chưa đúng.

Ví dụ: Bùi Thị Hải Y và Bùi Văn N là bác cháu, do Y có xích mích mâu thuẫn với hàng xóm nên ông N có đến nhà Y gặp để nói chuyện khuyên ngăn Y không được hỗn láo với gia đình và người khác. Khi ông N đến trước cửa nhà Y thì Y đóng cửa và tắt điện, ông N gọi Y mở cửa ra để nói chuyện, Y sợ ông N phá cửa nên mở cửa và bật điện trong nhà đi ra ngoài hiên thì ông N dùng đèn của điện thoại soi vào mặt của Y. Y có nói ông N đừng soi nhưng ông N vẫn tiếp tục soi vào mặt Y sau đó có lời nói thách thức Y. Do quá bực tức nên Y đã dùng tay phải lấy 01 con dao bầu dài 31cm ngay gần chỗ Y đứng, đâm một nhát vào phần bụng phía trước bên trái của ông N. Sau đó ông N dùng tay trái của mình túm vào cổ tay của Y đang cầm dao và giằng co một lúc thì con dao trên tay Y văng ra, ông N kéo Y ngã xuống đất và dùng chân đá 03 phát vào đầu của Y khiến Y nằm xuống đất. Lúc này có anh M đến can ngăn và đưa ông N đi cấp cứu. Bản án phúc thẩm số 53/2022/HS-PT của TAND tỉnh Hòa Bình đã nhận định rằng: bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng bụng của bị hại là vùng trọng yếu trên cơ thể con người. Bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Trường hợp này, Tòa án sơ thẩm phải xác định bị cáo chịu TNHS về tội "Giết người", tình huống pháp lý tại vụ án tương tự với tình huống pháp lý của vụ án trong Án lệ số 47/2021/AL. Do đó cấp phúc thẩm đã hủy bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 30/8/2022 của TAND huyện Yên Thủy để điều tra lại.

Tuy nhiên, trường hợp này, bị cáo Y bị bị hại dùng lời nói thách thức, bị cáo không thể hiện sự côn đồ, hung hãn quyết liệt, khác hoàn toàn với hành vi trong Án lệ số 47/2021/AL. Nên việc Toà án cấp phúc thẩm áp dụng Án lệ số 47/2021/AL để huỷ

bản án hình sự sơ thẩm là không phù hợp.

Để việc áp dụng Án lệ số 47 được thống nhất và đúng pháp luật trong hệ thống Tòa án thì TAND tối cao đã ban hành Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 gửi các Tòa án để quán triệt việc áp dụng án lệ số 47/2021/AL trong đó nhấn mạnh rằng không phải trường hợp nào bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại cũng áp dụng Án lệ số 47/2021/AL, mà chỉ xem xét áp dụng án lệ này khi có đủ các yếu tố như hành vi của bị cáo thể hiện sự côn đồ, hung hãn, quyết liệt, coi thường tính mạng người khác; bị hại không chết là ngoài ý thức, mong muốn chủ quan của bị cáo.

Những hạn chế, bất cập trên không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo và bị hại, mà còn làm giảm niềm tin của xã hội vào sự nghiêm minh và công bằng của pháp luật hình sự.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Việc giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là một quá trình phức tạp, đòi hỏi áp dụng đúng các quy định của pháp luật và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tố tụng. Quá trình này diễn ra ở các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, mỗi giai đoạn đều đóng vai trò quan trọng để xác định đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, từ đó định tội danh và quyết định hình phạt phù hợp. Đồng thời việc giải quyết vụ án cũng phải bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, đúng người đúng tội và cá thể hóa TNHS. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn xét xử tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cho thấy, việc áp dụng pháp luật còn nhiều bất cập. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, cụ thể:

2.2.3.1. Nguyên nhân về quy định pháp luật

Trước hết là nguyên nhân do quy định của Điều 134 BLHS năm 2015 còn nhiều điểm hạn chế cả về nội dung và hình thức. Cụ thể, một số tình tiết định tội và tình tiết định khung tăng nặng được quy định chưa thật sự rõ ràng, thiếu tính hệ thống, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Bên cạnh đó các quy định về chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn chưa phù hợp với tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, có nhiều quan điểm không đồng tình trong áp dụng pháp luật. Ngoài ra, tên gọi của tội phạm cũng như kết cấu, cách diễn đạt của điều luật chưa đảm bảo tính khoa học và thống nhất trong kỹ thuật lập pháp, chưa phản ánh được chính xác, đầy đủ phạm vi hành vi CYGTT hoặc

GTHCSKCNK được điều chỉnh. Những hạn chế này gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình định tội danh, xác định khung hình phạt và cá thể hoá TNHS đối với người phạm tội, làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Tiếp đó là việc hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa rõ ràng, đầy đủ. Quy định của BLHS năm 2015 về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hiện có nhiều nội dung chưa được giải thích rõ ràng, cụ thể, còn có những cách hiểu khác nhau dẫn đến quan điểm áp dụng pháp luật cũng khác nhau. Như các nội dung về xác định tội danh, phân biệt giữa tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm khác. Hay như tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 có quy định các tình tiết như: dùng vũ khí, dùng hung khí nguy hiểm, có tính chất côn đồ... Các tình tiết này không được định nghĩa rõ ràng, nên việc diễn giải tuỳ theo kinh nghiệm hoặc quan điểm cá nhân của người tiến hành tố tụng. TAND tối cao có giải thích tại Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 và tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1995, về "Côn đồ". Tuy nhiên, "Côn đồ" là nói đến một con người cụ thể còn "Có tính chất côn đồ" là chỉ tính chất của hành vi tại thời điểm xảy ra nên hai thuật ngữ này là khác nhau. Một người côn đồ chưa chắc hành động có tính chất côn đồ. Án lệ số 17/2018/AL có hướng dẫn tình tiết này nhưng theo hướng loại trừ, không mang tính khái quát.[128] Ngày 30/9/2025 Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã thông qua Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 51 và Điều 52 của BLHS, trong đó có hướng dẫn về "Phạm tội có tính chất côn đồ" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của BLHS là trường hợp người phạm tội có thái độ coi thường pháp luật, thường xuyên gây rối an ninh trật tự, sẵn sàng dùng vũ lực, có hành vi hung hãn coi thường tính mạng, sức khoẻ của người khác một cách vô cớ hoặc do bộc phát hoặc vì lý do nhỏ nhặt sẵn sàng dùng vũ lực hoặc thường xuyên thực hiện hành vi uy hiếp người khác phải khuất phục mình.

Việc thiếu các án lệ để làm rõ các quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng chưa đáp ứng được sự thay đổi đa dạng của thực tiễn. Một số án lệ được ban hành chưa đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ.

---

[128] Xem: Nguyễn Huy Hoàng (2022), "Một số vấn đề vướng mắc khi xét xử tội cố ý gây thương tích", *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, tại: https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-vuong-mac-khi-xet-xu-toi-co-y-gay-thuong-tich7421.html, truy cập ngày 10/8/2026.

Thực tiễn cho thấy cơ sở quy định pháp luật để phân biệt giữa tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và các tội phạm khác mà điển hình như tội giết người vẫn mờ nhạt. Trong thực tiễn xét xử, nhiều vụ án được tòa cấp sơ thẩm xác định là tội "Giết người" nhưng sau đó cấp phúc thẩm huỷ bản án để điều tra hoặc xét xử lại về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK dẫn đến chết người hoặc ngược lại do không thống nhất trong đánh giá các tình tiết vụ án, mà đặc biệt là nhận định về ý thức của người phạm tội không thống nhất. Thực tiễn xét xử đã cho thấy các vụ án như vậy rất đa dạng về các tình tiết phạm tội, trong khi quy định pháp luật không quy định chi tiết hết được do phải đảm bảo tính khái quát của luật. Khi mà hướng dẫn áp dụng pháp luật còn chưa đầy đủ, chưa rõ ràng thì vai trò của án lệ là rất lớn. Tuy nhiên số án lệ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK còn hạn chế, nhất là đối với các trường hợp lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý không xác định.

2.2.3.2. Các nguyên nhân khác

Ngoài ra còn có nhiều nguyên nhân khác có thể kể đến như năng lực của đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Hiện nay, trình độ, năng lực của một số cán bộ chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Khi nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án còn chưa đầy đủ, chưa toàn diện, chưa xác định được đúng vấn đề của vụ án. Nhiều trường hợp người tiến hành tố tụng bỏ qua những bước được pháp luật quy định dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" đã nêu ra một số nguyên nhân chủ quan làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước trong đó có chỉ rõ ba hạn chế, yếu kém của đội ngũ những người tiến hành tố tụng, ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, truy tố, xét xử.

Mối quan hệ xã hội của các bên (ví dụ bị cáo và bị hại là hàng xóm, bạn bè…) cũng ảnh hưởng đến quyết định tố tụng. Nếu những người tiến hành tố tụng không có bản lĩnh chính trị vững vàng, khách quan, công tâm thì có thể bị ảnh hưởng bởi dư luận xã hội đến quan điểm giải quyết, việc áp dụng các tình tiết định khung tăng nặng. Ngoài ra, thực tế là các mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư, nhất là tại vùng nông thôn, nhiều vụ án nhỏ thường được các bên tự hoà giải mà không qua tố tụng. Các vụ án chỉ được trình báo cơ quan tố tụng khi xảy ra hậu quả nghiêm trọng. Trong khi đó ở

các đô thị lớn, sự lan truyền thông tin một cách nhanh chóng lại tạo áp lực lên các cơ quan tiến hành tố tụng.

Ví dụ: Vụ án Trương Văn M bị TAND quận L xét xử sơ thẩm, TAND Thành phố H xét xử phúc thẩm về tội CYGTT (*Xem Hộp 10, Phụ lục 2*). Quá trình xét xử vụ án, nhiều người thân, quen của bị hại tập trung đến toà án rất đông, mặc dù an ninh phiên tòa đã được thắt chặt, các con đường vào tòa án từ xa đã được dựng rào chắn, ai ra vào phải có giấy triệu tập của tòa, giấy giới thiệu của cơ quan nhưng rất nhiều người vẫn đứng trên vỉa hè cách Tòa án vài chục mét, trên tay họ là di ảnh của người đã khuất.[129] Sự việc chỉ xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ khi chơi thể thao của các cháu bé nhưng để lại hậu quả đáng tiếc. Nỗi đau của gia đình bị hại cùng với làn sóng dư luận đã yêu cầu phải xem xét cả vai trò đồng phạm của người bố, cho rằng mức hình phạt 04 năm 09 tháng tù với bị cáo M là không đủ tính răn đe[130]. Hành vi bồng bột, nông nổi của bị cáo M là NCTN bị nhiều người đánh giá là máu lạnh, cần phải phạt thật nặng, nhất là người dưới 18 tuổi thì mới răn đe được. Những quan điểm này mang nặng tính hận thù, trừng trị, trong khi hậu quả nằm ngoài dự liệu của bị cáo, bị cáo có lỗi cố ý với hậu quả TTCT nhưng việc bị hại chết do TTCT là nằm ngoài nhận thức của bị cáo. Bị cáo còn trẻ, dù bề ngoài có thể như người trưởng thành nhưng nhận thức còn hạn chế, tâm sinh lý còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, cần có người lớn hướng dẫn, kèm cặp.

Sau phiên toà phúc thẩm, nhiều người đã đồng cảm chia sẻ với nỗi đau mất con của mẹ bị hại. Tuy nhiên, việc chia sẻ thông tin nhanh chóng trên mạng xã hội đã tạo ra một làn sóng mạnh mẽ đòi công bằng cho bị hại trên các trang mạng xã hội. Những trang này thường xuyên đăng ảnh, chia sẻ bài viết về bị hại[131]. Những ngọn lửa này tuy nhỏ nhưng âm ỉ, nếu không có sự định hướng, quan tâm của các cơ quan, đoàn hội có thể bùng lên thành làn sóng phẫn nộ bất cứ lúc nào nhắm vào những người tiến hành tố tụng. Do đó đặt ra những vấn đề như an toàn của cá nhân và gia

---

[129] Xem: Vân Thanh (2024), Vụ nam sinh lớp 8 bị đánh chết não ở Hà Nội: Tòa yêu cầu bị cáo diễn lại hành vi phạm tội, *Báo Pháp luật online*, tại: https://baophapluat.vn/vu-nam-sinh-lop-8-bi-danh-chet-nao-o-ha-noi-toa-yeu-cau-bi-cao-dien-lai-hanh-vi-pham-toi-post535113.html, truy cập ngày 10/8/2026.

[130] Xem: Thân Hoàng (2024), "Vụ nam sinh lớp 8 bị đánh tử vong: Trả giá đắt vì hành vi bồng bột", *Tuổi trẻ online* tại: https://tuoitre.vn/vu-nam-sinh-lop-8-bi-danh-tu-vong-tra-gia-dat-vi-hanh-vi-bong-bot-20241218100325865.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

[131] Nhóm Công bằng cho N.H.Đ tính đến ngày 30/6/2025 có hơn 161000 người theo dõi, thường xuyên đăng các bài viết liên quan, do cá nhân quản lý nhận được lượt tương tác lớn, tại: https://web.facebook.com/groups/445700988465134, truy cập ngày 10/8/2026.

đình những người tiến hành tố tụng, làm lung lay ý chí cống hiến, quyết tâm bảo vệ công lý của họ. Hiện TAND tối cao đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ bảo vệ thẩm phán gồm 04 chương và 24 điều quy định về nguyên tắc, nội dung, biện pháp, trình tự thủ tục bảo vệ thẩm phán trong khi thi hành công vụ, vì lý do công vụ hoặc trong trường hợp cần thiết; quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ thẩm phán. Dự thảo đã được tổ chức lấy ý kiến của tất cả các thẩm phán để hoàn thiện trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Yếu tố kỹ thuật cũng ảnh hưởng đến việc áp dụng pháp luật đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK như: chất lượng công tác giám định và thu thập chứng cứ. Nhiều vụ án được phát hiện muộn, bị hại từ chối giám định, thương tích đã lành hoặc bị làm sai lệch, dẫn đến kết luận giám định không phản ánh đúng mức độ tổn thương. Ngoài ra, thực tế vẫn có những trường hợp có sự chênh lệch giữa các kết quả giám định, đặc biệt khi giám định lại hoặc khi có khiếu nại từ bị cáo hoặc bị hại. Điều này làm phát sinh nhiều quan điểm trong quá trình xác định tỷ lệ TTCT, yếu tố quyết định việc định tội và định khung hình phạt. Để giải quyết một vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng cần thu thập đầy đủ chứng cứ theo trình tự, thủ tục đã được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, trên thực tế có những vụ án xảy ra mà việc thu thập chứng cứ gặp nhiều khó khăn. Nhất là những trường hợp mà cơ quan tiến hành tố tụng không thu được hung khí gây án, lời khai của các đối tượng mâu thuẫn, dấu hiệu TTCT có nhưng không xác định được do vật gì gây nên và ai là người thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa, việc thiếu các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ điều tra như camera an ninh, thiết bị ghi âm, ghi hình, đặc biệt ở khu vực nông thôn, khiến việc chứng minh tội phạm gặp nhiều khó khăn.

Từ các phân tích trên có thể thấy, việc áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK bị tác động bởi nhiều yếu tố như pháp luật, con người, xã hội và điều kiện kỹ thuật. Chính sự đan xen phức tạp của các yếu tố khách quan và chủ quan đã dẫn đến những hạn chế, bất cập trong áp dụng pháp luật, làm giảm hiệu quả của chính sách hình sự và có thể ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào công lý. Do đó, để nâng cao chất lượng và hiệu quả áp dụng pháp luật đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, cần có các giải pháp toàn diện, hiệu quả và phù hợp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong Chương 2, NCS thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu hai nội dung là pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và thực tiễn xét xử tội phạm này. Những nghiên cứu này được đặt trong sự đối chiếu với các kết quả nghiên cứu tại Chương 1 để đánh giá những điểm hợp lý và chưa hợp lý.

Đối với quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, luận án đã hệ thống các quy định từ khi thành lập nước Việt Nam độc lập năm 1945, qua các BLHS đến nay. Quá trình hệ thống hóa lại, NCS có sự so sánh từ đó làm nổi bật quá trình hình thành, phát triển, hoàn thiện của các quy định này phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước qua từng thời kỳ. Trong đó, NCS tập trung phân tích quy định của BLHS năm 2015 về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK về các dấu hiệu định tội, trường hợp chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, các dấu hiệu định khung tăng nặng, các hình phạt áp dụng đối với loại tội phạm này. Đặc biệt có sự phân tích, luận giải riêng cho đối tượng NCTN phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Về nhiệm vụ phân biệt tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm có một số điểm giống trong cấu thành tội phạm, NCS rút ra được một số điểm khác nhau cơ bản khi xác định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với các tội phạm khác như sau: (i) Điểm khác biệt quan trọng giữa tội giết người và tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là hậu quả và lỗi của người phạm tội đối với hậu quả xảy ra. (ii) Những điểm khác biệt quan trọng giữa tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK với tội hành hung đồng đội là mức định lượng hậu quả TTCT do hành vi phạm tội gây ra và mối quan hệ giữa chủ thể thực hiện tội phạm và nạn nhân. (iii) Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp đặc biệt của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, điểm khác biệt quan trọng là người phạm tội ở trong "trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". (iv) Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội cũng là trường hợp đặc biệt của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Điểm khác biệt là chủ thể của tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là người thực hiện quyền phòng vệ chính đáng hoặc quyền bắt giữ người phạm tội khi thực hiện hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK. (v) Đối với tội vô ý gây thương tích hoặc GTHCSKCNK,

điểm khác biệt chủ yếu nằm ở lỗi của người phạm tội với hậu quả TTCT. (vi) Đối với tội hành hạ người khác, sự khác nhau quan trọng nằm ở mục đích của người phạm tội. Mục đích của người phạm tội ở tội hành hạ người khác là thể hiện sự kiểm soát, trừng phạt đối với bị hại.

Về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, NCS nghiên cứu kết quả áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng trên cả nước từ năm 2018 đến năm 2025. Qua phân tích số liệu, kết quả giải quyết một số vụ án cụ thể đã cho thấy một số kết quả đạt được như: Cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã kịp thời xác định các dấu hiệu định tội để khởi tố vụ án, khởi tố bị can; tòa án có cùng quan điểm với viện kiểm sát về việc định tội danh và xác định mức hình phạt trong phần lớn các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK; việc quyết định hình phạt được cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm đúng pháp luật, phát huy ý nghĩa nhân văn. Cũng như một số hạn chế, vướng mắc như: (i) Một số trường hợp chưa kịp thời tiến hành trưng cầu giám định pháp y, dẫn đến không đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và hiệu quả bảo đảm quyền con người, quyền công dân. (ii) Việc định tội danh trong nhiều trường hợp còn chưa chính xác. (iii) Việc quyết định hình phạt trong nhiều trường hợp còn chưa tương xứng với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội. (v) Việc áp dụng án lệ còn hạn chế, còn thiếu án lệ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Việc tồn tại những hạn chế, vướng mắc này nguyên nhân chính là do quy định pháp luật có điểm không phù hợp, bên cạnh đó còn có các nguyên nhân khác như con người, xã hội và sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Đây là những cơ sở quan trọng, định hướng cho NCS đưa ra những kiến nghị ở Chương sau.

CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.1. Yêu cầu bảo đảm quyền con người

"*Quyền con người (nhân quyền) cần được bảo vệ và thúc đẩy bằng pháp luật. Luật pháp về quyền con người (luật nhân quyền) gồm hai thành phần chính là luật quốc gia về quyền con người (luật quốc nội) và luật quốc tế về quyền con người*"[132]. Trên thế giới, sau khi Liên Hợp quốc ra đời, quyền con người được ghi nhận và bảo vệ bởi hệ thống văn bản pháp lý quốc tế về quyền con người như: Tuyên ngôn Toàn thế giới về Quyền con người (1948); Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (1966). Ở hầu hết các nước, nội dung các công ước về quyền con người đã dần được nội luật hóa và từng bước tổ chức thực hiện trên thực tế. Chương trình hành động (năm 1993) và Tuyên bố Viên đã thừa nhận: "*Trong khi phải luôn ghi nhớ ý nghĩa của tính đặc thù dân tộc, khu vực và bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, các quốc gia không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa có nghĩa vụ thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người*".

Dựa trên quan điểm Mác - Lênin, đồng thời tiếp thu và kế thừa nhận thức chung của cộng đồng quốc tế, cũng như căn cứ vào thực tiễn Việt Nam, Đảng ta đã xác định hệ thống các quan điểm về vấn đề quyền con người. Trong đó, quyền con người được xem như một giá trị phổ quát của nhân loại, đồng thời mang bản chất giai cấp sâu sắc, gắn liền với độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia cũng như gắn với lịch sử, truyền thống và mức độ phát triển kinh tế của quốc gia. Ngoài ra, ở Việt Nam quyền con người đồng thời mang bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta khẳng định: "*Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người,*

[132] Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội, tr15.

quyền công dân"[133].

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các diễn đàn và các tổ chức khu vực cũng như quốc tế liên quan đến vấn đề quyền con người. Đảng ta luôn nhấn mạnh rằng Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; trong đó việc bảo đảm quyền con người là một mục tiêu và động lực của cách mạng, đồng thời là trách nhiệm lớn của Đảng và Nhà nước.[134] Trước năm 1945, trong bối cảnh một nước thuộc địa, nửa phong kiến, người dân Việt Nam không được hưởng các quyền con người và quyền công dân cơ bản. Chỉ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam, thì địa vị của người dân Việt Nam mới được chuyển đổi từ thân phận nô lệ trở thành chủ nhân của một quốc gia độc lập, các quyền công dân của người Việt Nam lần đầu tiên được quy định trong Hiến pháp cũng như các văn bản pháp luật. Như vậy, quyền con người của người dân Việt Nam gắn liền với các quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam. Cho đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập 7 trong tổng số 9 công ước cơ bản của Liên Hợp quốc về quyền con người[135]. So với nhiều quốc gia trong khu vực và các nước phát triển, Việt Nam không hề thua kém về số lượng là thành viên các công ước quốc tế về quyền con người.

Cụ thể hoá quan điểm của Đảng, ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, quyền con người đã được nhà nước ta ghi nhận và tiếp tục được quy định tại các bản Hiến pháp tiếp theo vào năm 1959, 1980, 1992 và 2013. Hiến pháp năm 2013 dành Chương II "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân" gồm 36 điều về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trong đó, khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định cụ thể về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; quyền không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình

---

[133] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr 175.

[134] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), tlđd, tr.162.

[135] Gồm: Công ước về Các quyền dân sự và chính trị (ICCPR); Công ước về Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR); Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW); Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD); Công ước về Quyền trẻ em; Công ước về Quyền của người khuyết tật; Công ước về Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, xem: Sabina Stein (2024), On Human Rights Day, UNDP Welcomes Viet Nam's Commitment to International Cooperation, tại: https://www.undp.org/vietnam/blog/human-rights-day-undp-welcomes-viet-nams-commitment-international-cooperation, truy cập ngày 10/8/2026.

hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm đến thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân.

Cụ thể hoá quy định của Hiến pháp, các BLHS từ năm 1985 đến nay đều có quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhằm bảo vệ quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người tại Điều 109 BLHS năm 1985, Điều 104 BLHS năm 1999, Điều 134 BLHS năm 2015. Hiện nay quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 với kết cấu gồm 6 khoản, với nhiều các tình tiết định tội, định khung tăng nặng đã được sửa đổi, bổ sung so với các BLHS trước đây, phần nào cụ thể hoá được nội dung các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia cũng như đường lối của Đảng, Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong BLHS năm 2015 vẫn có một số nội dung cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện để phù hợp hơn với các chuẩn mực quốc tế và định hướng của Đảng.

3.1.2. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Từ năm 1945 đến nay, chính sách pháp luật hình sự nói chung và chính sách đối với các tội xâm phạm sức khoẻ con người nói riêng đã có sự thay đổi về cả tư duy lập pháp lẫn kỹ thuật xây dựng pháp luật, đặc biệt là từ khi Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (năm 1994), Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định chủ trương xây dựng Nhà nước Việt Nam thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân[136]. Từ chủ yếu tập trung vào trừng trị, răn đe, chính sách hình sự hiện đại đã từng bước chuyển sang bảo vệ quyền con người, bảo đảm công bằng, đề cao tính nhân đạo và hiệu quả trong phòng, chống tội phạm. Sự thay đổi này chịu tác động chủ yếu từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, định hướng cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chính sách pháp luật hình sự đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần đáp ứng được các yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và cải cách tư pháp nói riêng để làm rõ mức độ đáp ứng của pháp luật hình sự hiện hành cũng như những vấn đề đặt ra trong quá

[136] Xem: Hoàng Thế Liên (2022), "Pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr174, 175.

trình hoàn thiện pháp luật và áp dụng pháp luật hiện nay.

Một yêu cầu quan trọng của Nhà nước pháp quyền là pháp luật phải đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, tương thích, minh bạch và có thể tiên liệu trước được.[137] Do đó, quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 đã cụ thể hoá tất cả các quy định mang tính định tính như "gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng", "gây cố tật nặng", "trẻ em"... Tuy nhiên với cấu trúc phức hợp, có nhiều tình tiết vừa là tình tiết định tội, vừa là tình tiết định khung hình phạt, nhiều tình tiết mang tính định tính, có thể dẫn đến áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý và quyền con người. Đặc biệt đối với quyền con người phải bảo đảm sự cân bằng giữa quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại với quyền của người bị buộc tội. Đặc biệt chú trọng đến các quan hệ xã hội bị xâm hại, bồi thường thiệt hại và hoà giải giữa các bên, phù hợp với xu hướng của thế giới là chuyển từ tư pháp truyền thống sang tư pháp phục hồi. Một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp là phân hóa TNHS và đa dạng hóa các biện pháp xử lý. Điều này được thể hiện khá rõ trong Điều 134 BLHS năm 2015 thông qua việc thiết kế nhiều khung hình phạt với mức độ nghiêm khắc khác nhau, tạo điều kiện cho việc cá thể hóa hình phạt. Bên cạnh đó là chính sách giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm; giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Tuy nhiên mức hình phạt tù có thời hạn tối đa là 20 năm và tù chung thân đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là quá cao. Thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn tâm lý e ngại khi áp dụng các hình phạt khác ngoài hình phạt tù đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng xác định: "*Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*" là một bước tiến mới trong cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước. Án lệ thiết lập một tiền lệ xét xử, khắc phục những lỗ hổng

[137] Xem: Hoàng Thế Liên (2022), tlđd, tr190.

trong hệ thống pháp luật, khắc phục tình trạng quá tải và chậm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, góp phần thực hiện nguyên tắc thống nhất trong áp dụng pháp luật, tăng tính ổn định và minh bạch. Luật hoá định hướng của Đảng, điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 2014 quy định nhiệm vụ của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về việc lựa chọn các quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật để phát triển thành án lệ. Ngày 18/6/2019, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ban hành Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Kế thừa các quy định trên, Điều 32 Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 2024 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định việc lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có bước chuyển mình đáng kể trong việc luật hóa vị trí của án lệ như một nguồn quan trọng trong hoạt động áp dụng pháp luật.

Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới có đề ra các nhiệm vụ, trong đó ở nhiệm vụ đầu tiên là yêu cầu cần thống nhất nhận thức về các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Một trong các nguyên tắc đặc trưng của nhà nước pháp quyền là thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Trong lĩnh vực hình sự, các nguyên tắc này đòi hỏi việc hình sự hoá các hành vi phải được thực hiện một cách thận trọng, có căn cứ khoa học và xã hội rõ ràng, tránh hình sự hoá tràn lan hoặc sử dụng công cụ pháp luật hình sự như biện pháp quản lý xã hội đơn thuần. Trong Nhà nước pháp quyền, pháp luật hình sự chỉ nên can thiệp khi các biện pháp pháp lý khác không còn hiệu quả, và mức độ can thiệp phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi cho xã hội. Đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK yêu cầu này được thể hiện ở việc xác định ranh giới rõ ràng giữa: Hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần xử lý hình sự và hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK có thể giải quyết bằng các biện pháp dân sự, hành chính. BLHS năm 2015 đã sử dụng tỷ lệ TTCT kết hợp với các tình tiết từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 để làm ranh giới xác định hành vi vi phạm pháp luật hình sự thể hiện nỗ lực của nhà làm luật trong việc chuẩn hoá phạm vi truy cứu TNHS phù hợp với yêu cầu kiểm soát quyền lực hình sự trong xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên

mới đã chỉ ra rằng tư duy, nhận thức lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang không ngừng được hoàn thiện. Tuy nhiên, công tác xây dựng và thi hành pháp luật còn nhiều hạn chế, bất cập, chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Trong bối cảnh đất nước đang vươn mình phát triển, bước vào kỷ nguyên mới thì công tác xây dựng pháp luật phải được đổi mới căn bản, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Việc xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống. Mục tiêu là đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế; tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước; được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân.

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền, yêu cầu đẩy mạnh cải cách tư pháp, các chính sách pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã có những bước phát triển theo hướng đề cao bảo vệ quyền con người, phân hoá TNHS. Tuy nhiên vẫn có những hạn chế về kỹ thuật lập pháp, sự thiếu rõ ràng của các dấu hiệu định tội, chưa có các án lệ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, thực tiễn áp dụng pháp luật chưa thống nhất đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong thời gian tới.

3.1.3. Yêu cầu phòng, chống tội phạm

Thực tiễn xét xử đã cho thấy, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là một trong những tội phạm phổ biến hiện nay, không chỉ xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khoẻ của con người mà còn gia tăng tâm lý bất an trong cộng đồng dân cư. Số vụ án cũng như số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong những năm gần đây có xu hướng tăng. Trong số các trường hợp bị đưa ra xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì tội phạm ít nghiêm trọng chiếm đến 78.07%, tội phạm nghiêm trọng chiếm 19.35%, tội phạm rất nghiêm trọng chiếm 2.54%, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chiếm 0.04%. Theo số liệu năm 2025 các Toà án đã xét xử 6538 vụ án với 12403 bị cáo về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, tức là trung bình một ngày có khoảng 18 vụ án được đưa ra xét xử, có khoảng 34 người bị kết án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.[138]

[138] Số liệu của Phòng Tham mưu Tổng hợp, Văn phòng TAND tối cao.

Số lượng vụ việc và bị cáo chưa thành niên phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây. Từ năm 2018 đến năm 2025, hệ thống TAND đã xét xử sơ thẩm khoảng 1830 vụ án CYGTT hoặc GTHCSKCNK có NCTN phạm tội, trong đó số bị cáo là NCTN phạm tội là 4496 bị cáo.[139] Những vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK có tính chất đồng phạm trong lứa tuổi học sinh đang tăng lên nhanh chóng, phản ánh thực trạng gia tăng bạo lực trong giới trẻ. Những vụ án như vụ Trần Văn M (Hà Nội) 16 tuổi CYGTT dẫn đến tử vong nam sinh lớp 8[140]; vụ ba thanh niên đánh một shipper ở Đà Nẵng tử vong[141]… đã để lại những hậu quả mất mát lớn không chỉ đối với cả gia đình nạn nhân mà với cả người phạm tội. Những hậu quả đáng tiếc này một phần xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan như thiếu kỹ năng kiểm soát cảm xúc, nhưng cũng do các nguyên nhân khách quan như tác động của game bạo lực, môi trường giáo dục còn hạn chế.

Từ những số liệu, thực tế trên đã cho thấy rằng việc hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao nhận thức pháp luật trong cộng đồng, đặc biệt với NCTN về hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK là hết sức cần thiết.

3.1.4. Yêu cầu hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK là rất quan trọng mà điều kiện tiên quyết để đạt hiệu quả trong hợp tác quốc tế là sự tương tích của pháp luật. Hiện nay, nhân đạo hóa đã trở thành xu hướng chung của luật hình sự thế giới và Việt Nam cũng không thể nằm ngoài xu hướng đó. Xu hướng này đề cao việc tìm hiểu nguyên nhân của hành vi phạm tội, cách khắc phục hậu quả, hàn gắn tổn thương, cải tạo người phạm tội để họ tái hòa nhập với cộng đồng. Theo đó, hạn chế áp dụng các hình phạt có tính hà khắc, thay vào đó là các biện pháp xử lý chuyển hướng. Khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới, việc hoàn thiện pháp luật đáp ứng với những yêu cầu cơ bản của thế giới là tất yếu. Các quốc gia đề cao xu hướng nhân đạo như Thụy Điển, Liên Bang Đức chỉ quy định mức hình phạt cao nhất cho tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là 10 năm tù[142].

---

[139] nt.
[140] Xem Thân Hoàng (2024), "tlđd.
[141] Thái Bá Dũng (2025), "3 người đánh shipper ở Đà Nẵng tử vong bị khởi tố tội "cố ý gây thương tích", *Tuổi trẻ online*, tại: https://tuoitre.vn/3-nguoi-danh-shipper-o-da-nang-tu-vong-bi-khoi-to-toi-co-y-gay-thuong-tich-20250123143931636.htm, truy cập ngày 10/8/2026.
[142] Xem: Điều 6 Chương 3 Phần 2 BLHS Thuỵ Điển.
Xem: Điều 224, 226, 227 BLHS Liên Bang Đức.

Ngoài hình phạt tù, cải tạo không giam giữ thì quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các quốc gia như Thuỵ Điển, Liên Bang Nga, Liên Bang Đức còn áp dụng hình phạt khác như phạt tiền, lao động bắt buộc, lao động cải tạo. Ở Thuỵ Điển, nếu hành vi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là nhỏ thì mức hình phạt quy định tại Điều 5 Chương 3 Phần 2 BLHS Thuỵ Điển là phạt tiền hoặc phạt tù đối đa 06 tháng; trường hợp vô ý dẫn đến cái chết của một người thì Điều 7 chương này cũng quy định mức thấp nhất là bị phạt tiền và cao nhất là 6 năm tù. BLHS Liên Bang Nga quy định tại Điều 115 trường hợp cố ý gây tổn thương nhẹ cho cơ thể thì có thể bị phạt tiền đến bốn mươi ngàn rúp hoặc số tiền bằng tiền lương hoặc thu nhập khác của người bị kết án trong thời hạn đến ba tháng hoặc lao động bắt buộc trong thời hạn lên đến bốn trăm tám mươi giờ, hoặc lao động cải tạo trong thời hạn lên đến một năm hoặc bị giam giữ trong thời hạn lên đến bốn tháng. Điều 223 BLHS Liên Bang Đức quy định mức hình phạt không quá 05 năm hoặc phạt tiền đối với trường hợp người phạm tội hành hung vật lý hay là tổn hại sức khỏe của người khác.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

3.2.1.1. Hoàn thiện quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015

Thứ nhất, sửa tên tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thành "tội cố ý gây TTCT", thống nhất thuật ngữ trong các văn bản có liên quan. Khái niệm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã cho thấy nhiều bất cập, chưa phù hợp với ngữ nghĩa tiếng Việt, chưa phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành y khoa, chưa phù hợp với khái niệm quốc tế cũng như gây khó khăn cho việc định tội danh. Hiện nay khoa học về giám định pháp y đã rất phát triển, việc xác định tỷ lệ TTCT toàn diện hơn, không chỉ đối với thương tích bên ngoài mà cả với tổn thương bên trong, tổn thương tinh thần. Do đó việc xác định mức độ TTCT cần toàn diện. Việc sửa tên tội danh sẽ khắc phục được trường hợp hành vi gây thiệt hại cả thương tích cơ thể và tổn hại cho sức khỏe nhưng khi xác định tội danh do tên tội chỉ có chữ "hoặc" ở giữa nên cơ quan có thẩm quyền không thể xác định là tội CYGTT và GTHCSKCNK. Nếu chỉ xác định là tội CYGTT hoặc tội cố ý GTHCSKCNK thì lại không khách quan, đầy đủ. Hơn nữa khái niệm tội cố ý gây TTCT còn phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành quốc tế, cũng như thống nhất

với thuật ngữ chuyên ngành y khoa và phần mô tả hậu quả trong nội dung điều luật.

Thứ hai, sửa một số tình tiết định tội và định khung tăng nặng hình phạt, cụ thể: Đề nghị bỏ tình tiết "dùng vũ khí, vật liệu nổ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Do những hành vi dùng vũ khí, vật liệu nổ này đã cấu thành một tội phạm khác theo BLHS. Việc quy định một tình tiết đã bị xét xử về một tội độc lập là tình tiết định tội, định khung tăng nặng đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là gây bất lợi cho người phạm tội. Đề nghị bỏ thuật ngữ axit nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 do: axit nguy hiểm là loại hoá chất có đặc tính ăn mòn cao, là một trong những loại hoá chất nguy hiểm theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Hoá chất 2007, thuộc Danh mục hoá chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất. Do đó việc điểm b khoản 1 và khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 sử dụng đồng thời hai thuật ngữ "a-xit nguy hiểm" và "hoá chất nguy hiểm" là không cần thiết.

Sửa các tình tiết định lượng được quy định tại các điểm a, đ khoản 2; a, c khoản 3; b, d khoản 4 và "làm chết người" tại điểm a khoản 4 thành gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người hay làm chết 01 người đảm bảo sự rõ ràng về số người bị CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe, số người chết. Điều này còn thể hiện sự thống nhất về kỹ thuật lập pháp với các quy định khác trong BLHS.

Sửa quy định về cách tính tỷ lệ TTCT đối với nhiều người bằng cách cộng tổng tỷ lệ TTCT của các nạn nhân. Điều này làm rõ hơn mức độ nguy hiểm, quy mô của hành vi phạm tội; đơn giản hóa việc xem xét hậu quả nhất là đối với vụ án có nhiều nạn nhân (sử dụng vật liệu nổ, bom, mìn) hay vụ án đánh nhau theo nhóm.

Đề nghị bỏ tình tiết "Gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên". Trong thực tiễn các trường hợp gây thương tích dẫn đến biến dạng vùng mặt thường là các trường hợp sử dụng phương tiện, thủ đoạn nguy hiểm hoặc có thêm các tình tiết định khung khác được quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Bên cạnh đó tỷ lệ TTCT từ 61% trở lên đã phản ánh mức độ thiệt hại về sức khoẻ đặc biệt nghiêm trọng mà bị hại phải gánh chịu so với các TTCT ở vị trí khác trên cơ thể. Do đó, việc kết hợp giữa tỷ lệ TTCT

ở mức rất cao với các tình tiết định tội ở khoản 1 đã đủ cơ sở để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi này gây ra. Việc tiếp tục coi yếu tố "biến dạng vùng mặt" là một tình tiết định khung tăng nặng có thể xem là sự đánh giá trùng lặp trong hậu quả của tội phạm. Mặt khác, xét về tính thống nhất trong kỹ thuật lập pháp, tình tiết "gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của người khác" chỉ được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 mà không được tiếp tục ghi nhận tại khoản 5 của điều luật này đối với những trường hợp gây thương tích làm biến dạng vùng mặt của 02 người mà tỷ lệ TTCT mỗi người từ 61% trở lên. Vì vậy cần cân nhắc bỏ tình tiết này và để hậu quả biến dạng vùng mặt được xem xét như một yếu tố đánh giá mức độ TTCT của bị hại và là tình tiết được cân nhắc khi quyết định hình phạt trong từng trường hợp cụ thể theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Thứ ba, xem xét giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, các biện pháp chuyển hướng. Trong thực tiễn, phần lớn các vụ việc phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ít nguy hiểm, nguy hiểm xuất phát từ mâu thuẫn xã hội có thể hòa giải, nhưng vẫn bị xử lý hình sự theo tư duy hình sự truyền thống. Trong nhiều trường hợp, hành vi phạm tội xảy ra do bộc phát cảm xúc, mâu thuẫn dân sự, trước đó người phạm tội có nhân thân tốt, có mong muốn bồi thường và nạn nhân cũng có mong muốn hòa giải. Việc áp dụng hình phạt tù trong những trường hợp này vừa không cần thiết, vừa gây tốn kém về mặt xã hội. Hệ thống hình sự hiện đại cần hướng tới giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội thay vì chỉ tập trung vào trừng phạt.[143] Xu thế chung của thế giới là giảm nhẹ hình phạt đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, nhất là giảm việc áp dụng hình phạt tù, và xem xét chuyển sang các chế tài khác như hòa giải, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc án treo. Đặc biệt đối với NCTN là chủ thể có tâm sinh lý thay đổi rất nhanh, nếu như giam giữ quá lâu thì có thể phản tác dụng.[144]

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra cần "*coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao*

[143] Xem: David Garland (2001), *The Culture of Control: Crime and Social Order in Contemporary Society,* Oxford University Press, Oxford.
[144] Xem: Dương Thị Cẩm Nhung, Phạm Phương Thảo (2026), Quy định về hình phạt và biện pháp phi hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Thuỵ Điển và một số kinh nghiệm cho Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (02), tr79-84.

hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm." Như vậy, Việt Nam đã có định hướng rõ ràng, phù hợp với quốc tế về việc xây dựng các biện pháp hình sự khác có hiệu quả phòng ngừa hơn là chỉ tập trung vào việc xây dựng các hình phạt có mục đích trừng trị. Việc xây dựng hình phạt tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi cũng nên được đánh giá trên nhiều yếu tố, không chỉ đối với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà cả bối cảnh phạm tội của người phạm tội.[145]

Hình phạt tiền được xem là hiệu quả hơn hình phạt tù về một số khía cạnh như tối ưu chi phí hơn do không làm tiêu tốn ngân sách nhà nước trong khi vẫn trừng phạt được tội phạm, thu hồi được chi phí để bù đắp cho nạn nhân, sung vào công quỹ để chi trả cho những hoạt động phòng ngừa và phát hiện những hành vi phạm tội như vậy trong tương lai, giảm áp lực cho các cơ sở giam giữ. Hình phạt tiền tính theo thu nhập ngày (day – fine) còn giúp hình phạt tiền trở nên công bằng và khả thi hơn giữa người giàu và người nghèo. Việc tước của người phạm tội một khoản tiền tương xứng với hậu quả mà hành vi phạm tội gây ra (trong phạm vi tài sản cá nhân của họ) có giá trị răn đe tương ứng với các hình phạt tù ở mức nhỏ thì hiệu quả hơn nhiều việc giam giữ người phạm tội khoảng thời gian ngắn. Do đó, ở nhiều quốc gia hình phạt tiền được áp dụng phổ biến không chỉ đối với các tội phạm kinh tế, tội phạm xâm phạm sở hữu, mà đối với cả tội xâm phạm sức khoẻ. Tuy nhiên, ở Việt Nam hình phạt tiền chưa phải là loại hình phạt được công nhận là hình phạt chính được áp dụng đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK do có nhiều quan điểm cho rằng việc sử dụng tiền làm hình phạt chính cho tội xâm phạm sức khoẻ con người được xem là không tương xứng, không phù hợp với đạo đức, văn hoá Á Đông. Tuy nhiên, việc người phạm tội bị tước một phần lợi ích vật chất không chỉ là việc họ thanh toán cho một hành vi phạm tội do mình gây ra mà có mục đích trừng trị về kinh tế, buộc người phạm tội phải giảm các chi phí dành cho sinh hoạt, giảm mức sống trong thời gian nhất định. Kết quả nghiên cứu pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ở các quốc gia như Liên Bang Nga, Thuỵ Điển, Liên Bang Đức và Hoa Kỳ đều sử dụng hình phạt tiền đối với các hành vi phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK ít nghiêm trọng,

[145] Xem: Andrew von Hirsch & Andrew Ashworth (2005), *Proportionate Sentencing: Exploring the Principles,* Oxford University Press, Oxford.

nghiêm trọng, một số quốc gia kết hợp thêm với lao động công ích để đảm bảo tính răn đe của hình phạt. Đặc biệt là mô hình phạt tiền theo thu nhập ngày (day – fine) của Đức thể hiện tính ưu việt khi dung hoà được mức độ nghiêm trọng của tội phạm và năng lực kinh tế của người phạm tội. Việc áp dụng hình phạt tiền với các trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK ít nghiêm trọng, nghiêm trọng có thể kết hợp với lao động công ích sẽ thể hiện tư duy đổi mới, hiện đại của nhà nước trong đấu tranh phòng chống tội phạm.[146]

Tư pháp phục hồi đề cao việc phục hồi các quan hệ xã hội bị xâm phạm, giúp bị hại được bồi thường, cộng đồng có biện pháp phòng ngừa tội phạm và người phạm tội có nhiều cơ hội tái hoà nhập cộng đồng hơn. Do đó đặc biệt phù hợp với các tội có yếu tố xâm hại cá nhân, như tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Với mục tiêu là khôi phục mối quan hệ giữa nạn nhân – người phạm tội – cộng đồng, thay vì chỉ trừng phạt người phạm tội sẽ giúp lấp đầy những tổn thương ở nạn nhân cũng như ổn định cộng đồng tốt hơn là cách ly người phạm tội trong khi nạn nhân không cảm thấy được bù đắp đủ và lỗi lo sợ về hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK vẫn hiện hữu trong cộng đồng. Ở New Zealand, mô hình Family Group Conference đã được áp dụng thành công cho cả người trưởng thành và trẻ vị thành niên phạm tội trong các vụ gây tổn thương không nghiêm trọng[147]. Ở châu Âu, theo nghiên cứu của European Forum for Restorative Justice, tư pháp phục hồi giúp giảm mức độ tái phạm và tăng khả năng thỏa mãn của nạn nhân hơn so với xét xử truyền thống.[148]

Ở Việt Nam, nhiều vụ việc CYGTT hoặc GTHCSKCNK ít nghiêm trọng, bị hại và người phạm tội tự hoà giải, bị hại được bồi thường hợp lý và không có đơn yêu cầu khởi tố thì theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự những vụ án này sẽ không bị khởi tố. Tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK thường xảy ra trong môi trường có mâu thuẫn, người phạm tội gặp khó khăn trong việc đưa ra hành vi ứng xử phù hợp với yêu cầu của xã hội. Đây là những cơ sở cho việc chuyển hướng sang mô hình hòa giải, thay đổi tư duy về biện pháp hình sự chỉ là hình phạt bằng

---

[146] Xem: Baasanjav Jadamba, Tuya Gal (2025), The Role of Fines in Punishment: Historical Origins, Legal Regulation and Comparative Judicial Practice, *Advances in Social Science Research Journal*, (12(12)).
[147] Xem: James Dignan (2007), *The Victim in Restorative Justice,* William Press, London, tr309 - 332.
[148] Xem: European Forum for Restorative Justice (2011), *Final report of JLS/2008/JPEN/043 (Conferencing:A Way Forward For Restorative Justice In Europe)*, tại: https://www.euforumrj.org/sites/default/files/2019-11/final_report_conferencing_revised_version_june_2012_0.pdf, truy cập ngày 10/8/2026.

xem xét đến một số giải pháp như: (i) Xây dựng chương trình hòa giải; (ii) Xây dựng các khóa học bắt buộc về tạo lập hành vi đúng chuẩn mực, kiểm soát cảm xúc cho người phạm tội thay cho phạt tù thời hạn ngắn; (iii) Giúp đỡ người phạm tội tái hòa nhập sau khi thi hành án, đặc biệt với người trẻ tuổi hoặc lần đầu phạm tội. [149]

Thứ tư, bỏ quy định về chuẩn bị phạm tội. Về mặt kỹ thuật lập pháp thì quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 thu hẹp phạm vi so với quy định tại khoản 2 Điều 14 BLHS năm 2015 và không biện chứng với khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Do đó, nếu nhà làm luật vẫn giữ quy định về hành vi chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì nên sửa quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 theo hướng "*Người nào chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.*" Phương án tối ưu là nên bỏ quy định về chuẩn bị phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Các quốc gia được nghiên cứu đều quy định hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK cấu thành tội phạm khi có hậu quả nhất định xảy ra. Liên Bang Nga, dù quy định thêm tại Điều 116 và Điều 116.1 Tội hành hung do người đang bị xử lý hành chính hoặc có tiền án về hành vi tương tự thực hiện là các trường hợp hành vi bạo lực hoặc gây đau đớn về thể xác khác nhưng không dẫn đến hậu quả, quy định tại Điều 115 thì hành vi phạm tội đã phải được thực hiện và gây đau đớn về thể xác cho nạn nhân. Trong khi đó hành vi chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây ra thương tích hoặc GTHCSKCNK khác thực tế chưa gây ra hậu quả TTCT, thực tế rất khó chứng minh được mục đích gây TTCT của người vi phạm.[150]

3.2.1.2. Ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật

Quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 dù đã quy định cụ thể, chi tiết hơn so với các BLHS trước đó về các tình tiết định tội, định khung hình phạt, khắc phục được những hạn chế để áp dụng thống nhất pháp luật trong cả nước. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khái quát của luật thì quy phạm pháp luật không thể quá chi tiết nên

---

[149] Xem: Gordon Bazemore & Mark Umbreit (2001), *A Comparison of Four Restorative Conferencing Models,* tại: https://www.ojp.gov/ncjrs/virtual-library/abstracts/comparison-four-restorative-conferencing-models, truy cập ngày 10/8/2026 và UNODC (2020), *Handbook on Restorative Justice Programmes Second Edition*, Vienna, tr21-48.

[150] Xem: Phạm Phương Thảo (2025), "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo pháp luật hình sự một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (09), tr79.

Điều 134 BLHS năm 2015 vẫn có những quy định mang tính khái quát, yêu cầu phải có văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, cụ thể:

Thứ nhất, hướng dẫn tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm". Hiện nay thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn sử dụng hướng dẫn tại Mục 3.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Theo đó "Dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 là trường hợp dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại các tiểu mục 2.1 và 2.2 Mục 2 Phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Trong khi đó tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm" quy định tại điểm a Điều 104 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi thành "Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm" tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Do đó cần có văn bản hướng dẫn kế thừa các nội dung của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP và Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP để hướng dẫn lại tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm" cho phù hợp với quy định của BLHS năm 2015.

Có thể kế thừa hướng dẫn về "phương tiện nguy hiểm" trong Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP để hướng dẫn như sau: *"Hung khí nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khoẻ của người bị tấn công.*

Ví dụ:

- Về công cụ, dụng cụ: búa đinh, dao phay, các loại dao sắc, nhọn...

- Về vật mà người phạm tội chế tạo ra: thanh sắt mài nhọn, côn gỗ...

- Về vật có sẵn trong tự nhiên: gạch, đá, đoạn gậy cứng, chắc, thanh sắt..."

Thứ hai, hướng dẫn tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên", đây là tình tiết được thay thế cho tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" ở khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999. Khoản 7 Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ngày 30/9/2025 hướng dẫn tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 là trường hợp người phạm tội đã thực hiện từ 02 lần phạm tội trở lên đối với một tội phạm mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng chưa có lần

nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Đối với các tội như trộm cắp, cướp tài sản, việc xác định đã thực hiện từ 02 lần phạm tội trở lên có thể rõ ràng. Song với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, thực tiễn có nhiều trường hợp, hành vi phạm tội diễn ra tại cùng một địa điểm, thời gian phạm tội liền nhau thì có nhiều quan điểm cho rằng do hậu quả không phân biệt rõ ràng giữa hai lần nên không áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" trong khi rõ ràng có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trường hợp này cần phải hướng dẫn, giải thích áp dụng pháp luật thêm để thống nhất trong việc giải quyết các vụ án.

Thứ ba, *hướng dẫn đối với trường hợp CYGTT hoặc GTHCSKCNK đối với nhiều người mà tỷ lệ TTCT của mỗi người ở một khung hình phạt khác nhau*. Điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP có quy định trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết định khung hình phạt, Toà án phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, số lượng tình tiết định khung, số lượng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS để quyết định hình phạt. Quy định mới này đã hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật đối với những trường hợp vướng mắc trong thực tiễn do phạm tội với nhiều người mà tỷ lệ TTCT của mỗi người ở khung khác nhau, sẽ tránh được nhiều vụ án do chỉ xác định được một khung hình phạt mà khi lượng hình HĐXX không xem xét đến tình tiết định khung còn lại mà hình phạt áp dụng không tương xứng với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Song vẫn cần có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về việc chỉ đánh giá về các tình tiết này trong phần nhận định hay áp dụng tất cả các điều, khoản định khung vào phần quyết định. Theo NCS cần phải áp dụng tất cả các khoản, điều mà bị cáo phạm phải ở phần quyết định để tăng tính bắt buộc về việc xem xét tất cả các tình tiết định khung này đối với HĐXX.

Thứ tư, *hướng dẫn tình tiết "Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân"*. Hiện nay quy định này ở Việt Nam vẫn còn nhiều quan điểm tranh cãi và chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất. Trong khi Luật Cán bộ, công chức năm 2025 định nghĩa khái niệm công vụ là "*hoạt động do cán bộ công chức thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền và của pháp luật nhằm thực hiện quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu chung của xã hội"*. Còn khoản 2 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017 giải thích "*người thi hành công vụ là người được bầu cử, phê chuẩn, tuyển dụng hoặc bổ nhiệm*

theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan vào một vị trí trong cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tố tụng hoặc thi hành án hoặc người khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động quản lý hành chính, tố tụng hoặc thi hành án". Như vậy phạm vi công vụ được giải thích ở hai văn bản trên là khác nhau.

Bên cạnh đó, thực tiễn đời sống xã hội có nhiều trường hợp người bị xâm hại sức khoẻ trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ có tính chất công vụ (đáp ứng nhu cầu chung của xã hội như dịch vụ y tế) nhưng không nhất thiết thuộc nhóm cán bộ, công chức hoặc người thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án theo cách tiếp cận truyền thống. Đặc biệt là trường hợp các nhân viên y tế bị hành hung trong quá trình khám, chữa bệnh. Việc Bộ Y tế đề xuất bổ sung vào Điều 7 của Luật Khám chữa bệnh năm 2025 đối với nội dung xem hành vi bạo hành nhân viên y tế trong khi làm việc là hành vi chống người thi hành công vụ cho thấy yêu cầu bảo vệ những chủ thể thực hiện nhiệm vụ có tính chất phục vụ lợi ích công cộng đang ngày càng trở nên cấp thiết. Tuy nhiên nhà làm luật cần xác định những tiêu chí để xác định việc nhân viên y tế là "người đang thi hành công vụ" để đảm bảo hiệu quả của quy định pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đặc biệt trong trường hợp cơ sở y tế là cơ sở ngoài công lập hoặc bị hại không phải cán bộ, công chức.

Hướng dẫn áp dụng thống nhất đối với tình tiết "đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân" cần làm rõ được ba nội dung: (i) tiêu chí xác định một người đang thi hành công vụ tại thời điểm bị CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ; (ii) phạm vi các hoạt động được coi là hoạt động công vụ và phạm vi chủ thể được bảo vệ; (iii) tiêu chí xác định mối quan hệ giữa hành vi phạm tội với "lý do công vụ của nạn nhân". Ngoài ra cũng cần phân biệt trường hợp bị hại đang thực hiện nhiệm vụ với trường hợp bị hại đã kết thúc nhiệm vụ nhưng bị CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ do động cơ trả thù.

Thứ năm, hướng dẫn về trường hợp phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Khoản 6 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định về "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

"*Trường hợp thứ nhất, người phạm tội bị kích động về tinh thần, bị chi phối*

do hành vi trái pháp luật của nạn nhân khiến họ không hoàn toàn tự chủ, tỉnh táo, tự kiềm chế mà thực hiện hành vi phạm tội. Sự kích động tinh thần phải là tức thời do hành vi trái pháp luật của nạn nhân dẫn tới thực hiện hành vi phạm tội;

Trường hợp thứ hai, hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỉ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người phạm tội bị kích động không tự kiềm chế được mà thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp này nếu tách riêng hành vi nêu trên thì không coi là kích động, nhưng nếu xét cả quá trình diễn biến của sự việc thì được coi là kích động mạnh hoặc rất mạnh nên người phạm tội có thể được giảm nhẹ TNHS."

Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP cũng yêu cầu khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ TNHS phải căn cứ vào lỗi, mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật của nạn nhân với tình trạng tinh thần bị kích động của người phạm tội. Chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này khi nạn nhân là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật và hành vi trái pháp luật đó xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thân thích người phạm tội.

Có thể thấy hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán về tình tiết "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" tại Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP đã kế thừa quy định tại điểm b Mục 1 Chương 2 Nghị quyết 04/HĐTP/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Tuy nhiên hướng dẫn mới còn có nhiều điểm chưa rõ ràng, mang tính định tính, mặc dù hướng dẫn tách ra hai trường hợp được xem là phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra nhưng ở phần ví dụ chỉ đưa ra một ví dụ về trường hợp nạn nhân có hành vi trái pháp luật lặp đi lặp lại không làm rõ được trường hợp bị kích động về tinh thần với tinh thần bị kích động mạnh. Do đó, cần có hướng dẫn về tình trạng tinh thần bị kích động mạnh, hành vi trái pháp luật của nạn nhân như thế nào thì được coi là nghiêm trọng đủ để nạn nhân bị kích động mạnh về tinh thần để làm rõ trường hợp nào thì người phạm tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 với trường hợp nào bị xét xử về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Có thể hướng dẫn như sau:

"Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 135 BLHS năm 2015 là trường hợp giảm nhẹ đặc biệt mà:

- Người phạm tội ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Nói chung, sự kích động mạnh đó phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác. Nhưng cá biệt có trường hợp do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh.

- Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó tuy làm cho người phạm tội bị kích động mạnh, nhưng nói chung chưa đến mức là phạm tội. Nếu hành vi trái pháp luật đó trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội hoặc của xã hội, đã cấu thành tội phạm, thì hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác có thể được xem là trường hợp phòng vệ chính đáng (theo Điều 22) hoặc do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (theo Điều 136).

Trong trường hợp cá biệt hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân cấu thành tội phạm nhưng là tội phạm ít nghiêm trọng (như tội làm nhục người khác, tội vu khống) thì cũng được coi là cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và được xử lý theo Điều 135. Ví dụ: hai anh em đồng hao ở chung nhà bố mẹ vợ, người anh thường xuyên làm nhục thô bạo và trắng trợn vu khống người em, đến thời điểm nào đó lại lăng nhục người em nên người anh bị em cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Đối với trường hợp người dùng chất say (uống rượu) hoặc chất kích thích mạnh khác mà bị say, nhân có hành vi trái pháp luật không nghiêm trọng của nạn nhân mà thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của

người khác, thì không coi là trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Phải tùy theo hoàn cảnh, tính chất và mức độ sai trái của hành vi do nạn nhân thực hiện cũng như các tình tiết khác của vụ án, mà xử lý về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác hay tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ."

3.2.1.3. Xây dựng án lệ về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác

Ở các quốc gia theo truyền thống pháp luật Common Law, án lệ từ lâu đã giữ vai trò trung tâm trong hệ thống pháp luật, không chỉ là công cụ để giải thích các quy định thành văn mà còn là phương tiện để giải quyết các vụ việc chưa có luật điều chỉnh. Trong những trường hợp như vậy, thẩm phán sẽ dựa vào nguyên tắc công lý, lẽ phải và thực tiễn xét xử để đưa ra phán quyết nhằm bảo đảm tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Trong hệ thống pháp luật hiện đại, đặc biệt tại các quốc gia theo truyền thống pháp luật thành văn (Civil Law), pháp luật được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành. Đặc trưng nổi bật của pháp luật thành văn là tính khái quát cao trong cách thức quy phạm hóa, cho phép pháp luật có thể điều chỉnh một cách linh hoạt nhiều tình huống tương tự. Tuy nhiên, chính đặc điểm này cũng đồng thời tạo ra một giới hạn là không thể dự liệu hết mọi tình huống phát sinh trong thực tiễn. Trong bối cảnh đó, việc tạo lập các quyết định hoặc bản án có tính chất định hướng để giải quyết các tình huống tương tự trở thành một yêu cầu tất yếu, nhằm bổ sung cho những khoảng trống hoặc bất cập trong hệ thống pháp luật thành văn.

Mặc dù Việt Nam không theo mô hình án lệ như các nước Common Law, nhưng việc ghi nhận vai trò hỗ trợ, định hướng áp dụng pháp luật của án lệ ngày càng trở nên quan trọng. Thực tiễn xây dựng, ban hành và áp dụng án lệ còn gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có thể kể đến chất lượng xét xử chưa đồng đều giữa các cấp tòa án, năng lực chuyên môn và trình độ tư duy pháp lý của một bộ phận thẩm phán còn hạn chế, cũng như chưa có cơ chế hiệu quả để phát hiện, lựa chọn và phát triển án lệ từ thực tiễn. Tình trạng thiếu án lệ ở nhiều loại tội phạm quan trọng, trong đó có tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, đã và đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tổ chức lại quy trình xây dựng án lệ theo hướng chủ động, có chiến

lược và gắn chặt với thực tiễn xét xử.

Án lệ có vai trò quan trọng trong việc định hướng thống nhất áp dụng pháp luật, đặc biệt trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện hành còn tồn tại những quy định thiếu cụ thể hoặc chưa bao quát hết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Trong lĩnh vực hình sự, tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là loại tội phạm phổ biến, phức tạp, có tính chất đa dạng về hành vi, mức độ hậu quả và điều kiện phạm tội. Tuy nhiên, việc thiếu án lệ liên quan đến loại tội phạm này, cho thấy khoảng trống trong định hình đường lối xét xử thống nhất cho tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Thực tiễn xét xử ghi nhận không ít trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất, mức độ và tình tiết tương đồng, nhưng kết quả xét xử lại khác nhau do quan điểm đánh giá khác biệt giữa các HĐXX. Tình trạng thiếu nhất quán này không chỉ ảnh hưởng đến nguyên tắc công bằng và bình đẳng trong áp dụng pháp luật, mà còn gây hoài nghi trong dư luận về tính nghiêm minh và khách quan của hoạt động tư pháp. Trong bối cảnh đó, việc ban hành án lệ đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là yêu cầu cấp thiết nhằm hướng đến sự thống nhất trong xét xử và bảo đảm công lý hình sự.

Hiện nay, quy trình xây dựng án lệ theo quy định tại Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao được thực hiện theo hướng lựa chọn những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và có giá trị định hướng áp dụng pháp luật, đáp ứng các tiêu chí như: có lập luận pháp lý rõ ràng; có tính chuẩn mực; được áp dụng ổn định; và giải quyết được vấn đề pháp lý mới hoặc còn có cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cho thấy một nghịch lý cần chú ý: nhiều vụ án có tính chất pháp lý điển hình thì bản án lại không đạt yêu cầu về chất lượng lập luận; trong khi đó, những bản án được viết công phu, có luận cứ rõ ràng thì vụ án lại không có giá trị định hướng hoặc không đáp ứng đủ các tiêu chí về tính tranh cãi pháp lý. Điều này gây khó khăn cho công tác lựa chọn và phát triển án lệ.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, cần thiết phải điều chỉnh quy trình xây dựng án lệ ngay từ giai đoạn thụ lý vụ án. Cụ thể, các Tòa án cần chủ động lựa chọn từ đầu những vụ án có tình tiết pháp lý còn nhiều tranh cãi hoặc có khả năng làm phát sinh cách hiểu, cách áp dụng khác nhau trong thực tiễn. Những vụ án như vậy cần được phân công cho các thẩm phán có kinh nghiệm xét xử. Sau khi bản án được tuyên và có hiệu lực, TAND cấp tỉnh có thể chủ động đề xuất lên Hội đồng thẩm phán TAND

tối cao để xem xét lựa chọn làm án lệ. Quy trình này không chỉ bảo đảm được tính định hướng của án lệ mà còn giúp nâng cao chất lượng xét xử ngay từ cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

Việc xây dựng án lệ theo quy trình chủ động, định hướng ngay từ khi thụ lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi để lựa chọn được những bản án thực sự tiêu biểu cả về nội dung vụ việc và chất lượng lập luận pháp lý. Đồng thời, cách tiếp cận này cũng giúp hình thành cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cấp tòa án trong việc chuẩn hóa, phổ biến và vận dụng án lệ vào thực tiễn xét xử, đặc biệt đối với các tội danh còn có nhiều quan điểm giải quyết như tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

3.2.2. Các giải pháp khác

Để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật là trung tâm nhưng cần có các giải pháp khác về con người, quy trình, phương pháp làm việc, kỹ thuật, cơ sở vật chất. Bởi nếu các quy định pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK hoàn thiện nhưng không có con người tốt, không có các quy trình làm việc hiệu quả, điều kiện vật chất tốt để đưa các quy định đó vào thực tiễn thì hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm sẽ không được nâng cao. Vậy nên, song song với hoàn thiện quy định pháp luật cần có thêm các giải pháp khác để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, cụ thể:

Thứ nhất, nâng cao trình độ pháp luật, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, ý thức chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng. Đây là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Do đó đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải luôn không ngừng trau dồi tri thức của bản thân. Việc xây dựng đội ngũ những người tiến hành tố tụng có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi là một yêu cầu cấp thiết, một giải pháp chiến lược lâu dài. Để thực hiện được giải pháp này cần: (i) Siết chặt trong công tác thi tuyển và bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Chất lượng đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán trước hết phụ thuộc vào công tác tuyển chọn và bổ nhiệm. Đây là công tác quan trọng để lựa chọn ra những người có phẩm chất đạo đức, có lập trường tư tưởng vững vàng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. (ii) Thực hiện tốt công tác đào tạo, bao gồm cả đào tạo ở cấp đại học lẫn đào tạo

nghề các chức danh tư pháp, đào tạo bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp sau khi bổ nhiệm. Đối với đào tạo kỹ năng cần vận dụng kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp một cách chuyên sâu, sát với công việc, gắn lý thuyết với thực hành. Đảm bảo cập nhật với diễn biến, tình hình tội phạm và sự thay đổi trong chính sách pháp luật. Đối với "*đào tạo thẩm phán là đào tạo nghề. Đối tượng được đào tạo là những người có trình độ tối thiểu là cử nhân luật. Mỗi Thẩm phán, bên cạnh kiến thức pháp luật, cần phải có kỹ năng xét xử*"[151]. Do đó, đội ngũ giảng viên cần có trình độ cao, có phương pháp sư phạm, có kinh nghiệm thực tiễn và chuyên nghiệp. (iii) Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tương ứng với trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng. Chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ phù hợp sẽ bảo đảm cho cán bộ không phải lo mưu sinh, vì họ và gia đình có thể sống đầy đủ bằng chính đồng lương, không bị chi phối bởi các giá trị vật chất từ các cá nhân, tổ chức khác. Do đó, việc xây dựng một hệ thống tiền lương khoa học, hợp lý chính là đòn bẩy kích thích năng suất, hiệu quả lao động của những người tiến hành tố tụng, cũng giảm tình trạng cán bộ xin nghỉ việc hoặc xin chuyển công tác.

Song hành với việc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thì việc nâng cao bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng cũng là nhân tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật. Những người tiến hành tố tụng cần có cái tâm trong sáng, bản lĩnh vững vàng khi điều tra, truy tố, xét xử, đánh giá các chứng cứ và các tình tiết của vụ án một cách khách quan nhằm đưa những quyết định công tâm, thuyết phục lòng người. Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tính đúng đắn của hoạt động áp dụng pháp luật. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ những người tiến hành tố tụng vừa "hồng" vừa "chuyên" cần được quan tâm, thực hiện thường xuyên. Bản thân những người tiến hành tố tụng cũng cần phải luôn nêu cao ý thức tự rèn luyện để nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ nghề nghiệp và tích luỹ vốn sống, kinh nghiệm thực tiễn để giúp cho hoạt động áp dụng pháp luật không chỉ đúng mà còn có tính nhân văn.

Thứ hai, kiểm tra, giám sát việc áp dụng pháp luật về tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Công tác kiểm tra, giám sát việc áp dụng pháp luật là hoạt động quan

[151] Nguyễn Hoà Bình (2017), "Tiếp tục đổi mới, thực hiện đồng thời nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán trong thời gian tới", *Tạp chí Tòa án nhân dân, (17), tr9.*

trọng nhằm đảm bảo sự áp dụng đúng pháp luật cũng như khắc phục hậu quả những trường hợp áp dụng sai làm xâm phạm đến quyền, lợi ích của các bên. Hoạt động kiểm tra, giám sát phải được thực hiện ở cả ba giai đoạn là điều tra, truy tố, xét xử qua đó không chỉ bảo đảm sự áp dụng đúng pháp luật mà còn kịp thời phát hiện ra sai phạm. Việc kiểm tra, giám sát ngoài đề nghị, kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực còn cần có các chế tài khác đối với những bản án, quyết định có sai phạm nhưng chưa đến mức phải kháng nghị giám đốc thẩm như trừ điểm thi đua đối với cá nhân, tổ chức có các bản án có sai phạm. Công tác tổng kết thực tiễn, tổng kết định kỳ hoạt động kiểm tra, giám sát chỉ ra những sai sót trong việc áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK để rút kinh nghiệm chung cũng góp phần nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật.

Thứ ba, cũng cần chuẩn hoá chất lượng giám định pháp y, đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ công tác giám định pháp y, tạo cơ chế phản biện kết luận giám định pháp y. Kết luận giám định pháp y xác định tỷ lệ TTCT là chứng cứ quan trọng trong các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, là văn bản trình bày quá trình giám định và kết quả nghiên cứu, câu trả lời của cơ quan giám định đối với các cơ quan trưng cầu, giúp cho việc giải quyết vụ án được chính xác, khách quan, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án. Ngày 05/12/2025 tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Giám định tư pháp. Tiếp đó, ngày 19/5/2026 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 177/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. So với Nghị định số 8/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 157/2020/NĐ-CP), Nghị định mới có nhiều nội dung được kế thừa, chỉnh lý, bổ sung để phù hợp với các quy định mới. Trong đó đáng chú ý là quy định chi tiết khoản 9 Điều 20 Luật Giám định tư pháp năm 2025 về các trường hợp hợp nhất, sát nhập văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh, hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị hợp nhất văn phòng; nguyên tắc thành lập và hoạt động của Hội đồng giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp. Có thể thấy ở lần ban hành văn bản mới này các quy định của pháp luật Việt Nam về giám định tư pháp đã có sự công phu về nội dung, khoa học hơn về hình thức và tăng về số lượng quy phạm pháp luật. Các nội dung mới về thành lập, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp đã bắt kịp xu thế của thế giới, đáp

ứng được đòi hỏi của thực tế. Tuy nhiên công tác giám định pháp y hiện nay còn chưa được đầu tư về chuẩn hoá chất lượng, cơ sở vật chất phục vụ công tác giám định. Do đó cần nghiên cứu ban hành các bộ tiêu chuẩn về chất lượng kết quả giám định pháp y, đầu tư vào phương tiện giám định và nâng cao điều kiện làm việc cho các giám định viên. Các cơ sở của các tổ chức giám định công lập hiện nay còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều giám định viên phải làm việc trong điều kiện chung với các bộ phận khác, thiếu tốn về máy móc, thiết bị đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chuyên môn. Trong khi công tác giám định tư pháp có đặc thù là cần không gian làm việc độc lập, yên tĩnh.

Ngoài ra cần thiết lập cơ chế phản biện kết luận giám định pháp y, cho phép các bên tham gia tố tụng, đặc biệt là bị cáo, người bào chữa, bị hại có quyền yêu cầu làm rõ, đối chất hoặc mời tổ chức, chuyên gia giám định pháp y độc lập tham gia đánh giá lại nội dung giám định. Các kết luận giám định pháp y do các bên tham gia tố tụng yêu cầu cần được quy định có giá trị chứng cứ ngang với các kết luận giám định pháp y do các cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu. Để đảm bảo giá trị chứng cứ của những kết luận giám định pháp y độc lập này thì nhiệm vụ quản lý công tác giám định tư pháp cần chuyển từ quản lý về mặt hành chính sang quản lý về chất lượng các kết luận giám định. Như vậy có thể góp phần bảo đảm tính chính xác, khách quan trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, qua đó nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK và hạn chế oan sai trong thực tiễn.

Thứ tư, bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho các hoạt động tố tụng. Việc bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho các hoạt động tố tụng cũng sẽ góp phần nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Các yếu tố kỹ thuật không chỉ là phương tiện hỗ trợ mà còn là điều kiện để bảo đảm việc áp dụng đúng pháp luật. Việc các cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu hụt hay lạc hậu có thể làm giảm chất lượng chứng cứ thu thập được, cản trở việc đánh giá khách quan vụ án. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu ứng dụng công nghệ cao vào các hoạt động tố tụng càng trở lên cần thiết. Việc đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật sẽ giúp nâng cao tính chuyên nghiệp của các cơ quan tố tụng, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và củng cố niềm tin của xã hội vào công lý.

Thứ năm, tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, giải thích pháp luật khi xét xử đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đây là một bước quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện pháp luật hình sự nói chung, quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nói riêng. Thông qua hoạt động này, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể hệ thống hóa, phân tích và đánh giá một cách toàn diện, khách quan việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự trong thực tiễn giải quyết án. Kết quả tổng kết là cơ sở để rút ra bài học kinh nghiệm thực tiễn, từ đó đề xuất những định hướng cụ thể nhằm nâng cao chất lượng xét xử các vụ án cùng loại trong tương lai. Không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận kết quả đạt được, tổng kết thực tiễn còn đặc biệt chú trọng việc phân tích mức độ thống nhất và hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật hình sự. Việc lựa chọn và đánh giá các bản án, quyết định có giá trị thực tiễn cao, nhất là trong các vụ án có tình tiết phức tạp hoặc chưa có hướng dẫn rõ ràng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Những bản án này không chỉ làm cơ sở tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn là tư liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tư pháp và xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng xét xử.

Mặt khác, quá trình tổng kết thực tiễn còn giúp kịp thời phát hiện những bất cập trong nội dung quy định pháp luật hình sự, sự thiếu thống nhất trong áp dụng giữa các tòa án hoặc áp dụng sai. Trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền có thể kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật cũng như có hướng dẫn áp dụng pháp luật, chế tài xử lý đối với những trường hợp áp dụng sai. Hoạt động này cũng là dịp để đánh giá tính hiệu quả trong công tác phối hợp liên ngành để phát huy những ưu điểm, thành tựu đã đạt được và khắc phục những hạn chế.

Thứ sáu, đề cao hơn nữa vai trò của công tác thống kê số liệu sau xét xử các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đây không chỉ là nhiệm vụ để thực hiện báo cáo kết quả công tác giải quyết án định kỳ mà còn là cơ sở dữ liệu khoa học quan trọng phục vụ việc nghiên cứu hoàn thiện chính sách hình sự. Hệ thống mẫu biểu thống kê hiện nay đã phản ánh được các chỉ tiêu như loại hình phạt, mức hình phạt; số kháng cáo, kháng nghị. Nhưng lại thiếu các số liệu quan trọng như: mức độ nghiêm trọng của TTCT, việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đặc biệt là tỷ lệ tái phạm. Việc thống kê số liệu không chỉ giúp phát hiện bất cập trong thực tiễn xét xử, mà còn giúp cơ quan, cá nhân có thẩm quyền có thể đưa ra những điều chỉnh, hướng

dẫn áp dụng pháp luật để phù hợp hơn với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi. Dành nguồn lực cho hoạt động thống kê, điều tra xã hội học đối với người đã chấp hành xong hình phạt về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cũng là một yêu cầu cần thiết. Bởi kết quả thống kê và điều tra xã hội học có thể đánh giá hiệu quả tác động của hình phạt, khả năng tái hòa nhập cộng đồng, làm rõ vai trò của hình phạt tù so với các hình thức xử lý TNHS khác trong việc điều chỉnh hành vi của người phạm tội. Đây chính là những cơ sở để có thể đưa ra những kiến nghị về chính sách hình sự phù hợp hơn trong tương lai, bảo đảm phòng ngừa và giáo dục người phạm tội, hướng tới mục tiêu nhân đạo hoá của pháp luật hình sự hiện đại. Để thực hiện tốt công tác thống kê và điều tra xã hội học đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cần chú trọng một số vấn đề đó là: (i) Xây dựng đội ngũ cán bộ không chỉ có chuyên môn luật mà còn cần có chuyên môn về thống kê số liệu. Hiện nay ở các toà án, việc thống kê dữ liệu sau xét xử mới chỉ dừng ở mức thu thập hành chính do các cán bộ thực hiện kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, thiếu chuyên môn phân tích, dẫn đến mất thời gian nhưng sai số lại lớn. Do đó, cần có chương trình đào tạo bổ trợ, kết hợp kiến thức pháp luật hình sự với phương pháp thống kê hình sự hiện đại, kỹ năng phân tích dữ liệu và năng lực áp dụng các công cụ thống kê hiện đại để rút ngắn thời gian, tiết kiệm nguồn lực. Đặc biệt, cần chú trọng đến việc đào tạo các nhóm chuyên gia liên ngành, kết hợp giữa luật học, tội phạm học, xã hội học, tâm lý học để thực hiện hiệu quả việc liên thông số liệu giữa các ngành, giảm sai số, dần dần hướng tới minh bạch hoá số liệu. Việc chuẩn hóa đội ngũ làm công tác thống kê và điều tra xã hội học sẽ không chỉ nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu cho nghiên cứu, phân tích pháp luật, mà còn góp phần tạo dựng một nền tư pháp hình sự minh bạch, công bằng và hiệu quả. (ii) Tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là các cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học được tiếp cận số liệu thống kê. Thực tế hiện nay, cơ sở dữ liệu về tội phạm do các tòa án, các viện kiểm sát và cơ quan công an thu thập độc lập và thực hiện với các biểu mẫu thống kê riêng nhằm những mục đích riêng của từng ngành. Trong khi đó các ngành như y tế, giáo dục cũng có những số liệu về thiệt hại sức khỏe, môi trường xã hội và khả năng tái hòa nhập của người phạm tội, song chưa có cơ chế chia sẻ và phối hợp hiệu quả. Việc thiếu một hệ thống liên thông cơ sở dữ liệu giữa các ngành dẫn đến tình trạng phân mảnh thông tin, gây khó khăn trong việc đánh giá toàn diện về nguyên

nhân, điều kiện phạm tội cũng như hiệu quả của các biện pháp hình phạt được áp dụng. Đồng thời, việc coi những số liệu này là tài liệu hạn chế tiếp cận, không mở rộng khai thác, sử dụng rộng rãi khiến cho các số liệu được thống kê không được phản biện học thuật hoặc kiểm chứng độc lập, trong khi đây là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính minh bạch, khách quan của số liệu. Vì vậy, cần thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, có thể thông qua một cơ quan điều phối độc lập hoặc một hệ thống cơ sở dữ liệu tư pháp hình sự thống nhất ở cấp quốc gia. Cùng với đó, cần ủng hộ văn hóa kiểm tra và phản biện số liệu trong giới nghiên cứu, tạo điều kiện để các chính sách hình sự được đánh giá đa chiều, có giám sát xã hội. Đây là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng một hệ thống pháp luật hình sự hiệu quả, công bằng và phù hợp với tình hình thực tiễn.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong xét xử tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp trong đó giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật, ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đứng trung tâm, xây dựng án lệ có vai trò bổ trợ cho các quy định pháp luật còn các giải pháp khác có vai trò hỗ trợ chung.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Mặc dù xã hội đang ngày càng phát triển nhưng những hệ luỵ của nền kinh tế thị trường, của toàn cầu hoá, của các tệ nạn xã hội và sự thiếu quan tâm của gia đình, xã hội đến nhận diện và phòng ngừa từ sớm các tội phạm xâm phạm sức khoẻ con người đã và đang khiến tỷ lệ tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK không những tăng về số lượng mà còn phức tạp về hành vi, ý thức người phạm tội. Để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, Chương 3 đã thực hiện hai nhiệm vụ là nghiên cứu các yêu cầu đối với việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự và các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Đối với các yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, trước hết phải kể đến các yêu cầu bảo vệ quyền con người, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Đây là những yêu cầu mang tính định hướng, để các kiến nghị phù hợp với chuẩn mực chung của thế giới cũng như định hướng của Đảng, Nhà nước trong xây dựng pháp luật giai đoạn này. Bên cạnh đó là yêu cầu phòng, chống tội phạm, mặc dù quy định của BLHS năm 2015 về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã được xây dựng với nhiều ưu điểm hơn so với BLHS năm 1999 nhưng vẫn có quy định mang tính định tính, chưa phù hợp khiến thực tiễn áp dụng pháp luật cũng gặp phải những khó khăn, vướng mắc làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh chống tội phạm. Do đó, việc nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là bước phát triển tất yếu nhằm đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn đấu tranh với loại tội phạm này và góp phần đưa pháp luật nước ta ngày càng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế.

Dựa trên kết quả nghiên cứu ở các Chương 1, Chương 2 và các yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, NCS đề xuất một số giải pháp thuộc vào hai nhóm giải pháp chính là: nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nhóm các giải pháp khác. Việc hoàn thiện pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK trước hết cần hoàn thiện quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 bao gồm việc sửa đổi tên điều luật, một số tình tiết định tội và định khung hình phạt, bỏ quy định về chuẩn bị phạm tội. Bên cạnh đó cũng cần ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật đối với một số quy định còn mang tính định

tính và có nhiều cách hiểu khác nhau. Ngoài ra cần thay đổi phương thức lựa chọn và xây dựng án lệ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK thì việc hoàn thiện, giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định pháp luật hình sự là chưa đủ mà cần các giải pháp khác như nâng cao năng lực cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng; kiểm tra, giám sát hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng; chuẩn hoá chất lượng giám định pháp y đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ công tác giám định pháp y, tạo cơ chế phản biện kết luận giám định pháp y; tổng kết thực tiễn, giải thích pháp luật khi xét xử; đề cao hơn nữa vai trò của công tác thống kê số liệu sau xét xử. Những giải pháp này cần được thực hiện đồng bộ thì chất lượng áp dụng pháp luật về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK mới đạt hiệu quả cao nhất.

PHẦN KẾT LUẬN

Tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK là hành vi xâm phạm đến quyền con người, đặc biệt là sức khoẻ con người. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, phản ánh tính cách bạo lực của con người, có chiều hướng gia tăng về số lượng cũng như sự phức tạp của hành vi phạm tội. Qua nghiên cứu lý luận về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, NCS đã đưa ra được định nghĩa cho khái niệm, các đặc điểm của loại tội phạm này, các cơ sở quy định tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Đặc biệt có sự phân định giữa giới hạn hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK vi phạm hành chính và phạm tội, cũng như nếu tội phạm hoá thì nên tội phạm hoá ở mức độ nào. Việc nghiên cứu pháp luật hình sự một số quốc gia về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK đã giúp NCS có được một số gợi mở cho nhà lập pháp Việt Nam.

Trong suốt quá trình từ khi thành lập nhà nước đến nay, Việt Nam luôn có những quy định, chế tài hình sự để xử lý những hành vi CYGTT hoặc GTHCSKCNK bị coi là tội phạm. Những quy định này được sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ để phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu hội nhập quốc tế. Mặc dù vậy, thực tiễn xét xử tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK cho thấy vẫn còn những khó khăn, vướng mắc nhất định như: (i) Một số trường hợp chưa kịp thời tiến hành trưng cầu giám định pháp y, dẫn đến không đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và hiệu quả bảo đảm quyền con người, quyền công dân. (ii) Việc định tội danh trong nhiều trường hợp còn chưa chính xác. (iii) Việc quyết định hình phạt đối với tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK nhiều trường hợp chưa tương xứng với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội. (iv) Việc áp dụng án lệ còn hạn chế, còn thiếu án lệ về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, vướng mắc này bao gồm nguyên nhân về quy định pháp luật và các nguyên nhân khác. Các nguyên nhân về quy định pháp luật có thể kể đến như: (i) Quy định của Điều 134 BLHS năm 2015 còn nhiều hạn chế. (ii) Hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa rõ ràng, đầy đủ. (iii) Còn thiếu các án lệ để làm rõ các quy định về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Các nguyên nhân khác có thể kể đến như: (i) Năng lực đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán. (ii) Mối quan hệ xã hội của các bên ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc. (iii) Yếu tố kỹ thuật còn hạn chế làm giảm hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến

hành tố tụng.

Để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, góp phần có hiệu quả vào công tác đấu tranh với tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK, cần phải thực hiện những giải pháp thiết thực, phù hợp với các yêu cầu về bảo vệ quyền con người, yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền, yêu cầu về đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu hợp tác quốc tế. Giải pháp chính là hoàn thiện quy định của pháp luật bao gồm một số nội dung như hoàn thiện quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015, ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và xây dựng án lệ. Ngoài ra, cũng cần thực hiện các giải pháp khác như nâng cao trình độ pháp luật, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, ý thức chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng; kiểm tra, giám sát việc áp dụng pháp luật về tội phạm CYGTT hoặc GTHCSKCNK; chuẩn hoá chất lượng giám định pháp y, đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ công tác giám định pháp y, tạo cơ chế phản biện kết luận giám định pháp y; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho các hoạt động tố tụng; tổng kết thực tiễn, giải thích pháp luật khi xét xử; đề cao hơn nữa vai trò của công tác thống kê số liệu sau xét xử các vụ án về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK.

Xuất phát từ nguyên lý biện chứng về tính khách quan và vận động không ngừng của thế giới, NCS nhận thức rằng khoa học luật hình sự là một lĩnh vực rộng lớn và luôn biến đổi cùng với sự phát triển, thay đổi của đời sống xã hội và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong khi đó năng lực và quỹ thời gian của mỗi cá nhân trong đó có NCS có giới hạn nhất định. Những kết quả nghiên cứu về đề tài "*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam*" là sự phản ánh nhận thức hiện tại của NCS đối với những vấn đề lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn. Tuy nhiên, thế giới khách quan không phải là bất biến mà luôn vận động và phát triển không ngừng thông qua sự kế thừa và phủ định. Do vậy sẽ có những công trình nghiên cứu mới với nhiều cách tiếp cận, góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn nhận thức về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK. NCS trân trọng và sẽ tiếp nhận sự thay đổi đó như một tất yếu khách quan của quá trình phát triển nhận thức, đồng thời luôn sẵn sàng tiếp tục học hỏi, nghiên cứu để hoàn thiện hơn quan điểm và kiến thức của bản thân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

Tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

3. Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới".

5. Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

6. Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

7. Bộ luật hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VII, kỳ họp thứ 9, nhất trí thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1985 tại Hà Nội.

8. Bộ luật hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999 tại Hà Nội, sửa đổi bổ sung các năm 2000, 2009, 2010.

9. Bộ luật hình sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015 tại Hà Nội, sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2025.

10. Bộ luật tố tụng hình sự đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015 tại Hà Nội, sửa đổi bổ sung năm 2025.

11. Nghị quyết 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Toà án nhân dân và công tác thi hành án

12. Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

13. Nghị quyết 04/HĐTP/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS.

14. Nghị quyết 01-HĐTP/NQ ngày 19/04/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thương tích dẫn đến chết người.

15. Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.

16. Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.

17. Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 51 và Điều 52 của BLHS.

18. Công văn 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc xử lý trường hợp người thực hiện một hoặc nhiều hành vi thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội.

19. Công văn số 01/TANDTC-PC ngày 05/01/2026 của TAND tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.

Tiếng nước ngoài

20. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc, tại: https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights, truy cập ngày 10/8/2026.

21. Bộ luật Hình sự Đức được công bố ngày 13 tháng 11 năm 1998, sửa đổi lần cuối bởi Điều 2 của Đạo luật ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại: https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_stgb/englisch_stgb.html#p2131, truy cập ngày 10/8/2026.

22. Bộ luật Hình sự Liên Bang Nga tại:http://www.kremlin.ru/acts/bank/9555, truy cập ngày 10/8/2026.

23. Bộ luật Hình sự Trung Quốc ra đời năm 1979 Thông qua tại Kỳ họp thứ

hai Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ năm ngày 01 tháng 7 năm 1979 và đã trải qua 12 lần sửa đổi, tại: http://en.npc.gov.cn.cdurl.cn/2020-12/26/c_921604.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

24. Bộ luật Hình sự Thụy Điển, tại: https://www.government.se/government-policy/judicial-system/the-swedish-criminal-code/, truy cập ngày 10/8/2026.

25. Bộ tổng luật Hoa kỳ, tại: https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/part-I/chapter-7, truy cập ngày 10/8/2026.

26. Luật tổ chức Tòa án nhân dân nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, tại: http://www.npc.gov.cn/zgrdw/npc/xinwen/2018-10/26/content_2064483.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

27. Quy tắc xác định mức độ gây hại cho sức khoẻ của con người ban hành kèm Nghị định số 522 ngày 17/8/2007 của Chính phủ Liên Bang Nga tại: https://base.garant.ru/12162210/10ed0f917186039eb157d3ba4f962ee5/, truy cập ngày 10/8/2026.

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tiếng Việt

28. Huỳnh Ngọc Ánh (2015), *Phòng, chống tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

29. Ph.Ăngghen (1972), *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, NXB Sự thật, Hà Nội.

30. Nguyễn Hoà Bình (2017), "Tiếp tục đổi mới, thực hiện đồng thời nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán trong thời gian tới", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (17).

31. Nguyễn Ngọc Bình, (2010), *Đấu tranh phòng chống tội phạm có sử dụng bạo lực ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.

32. Mai Bộ (2001), "Có cần hướng dẫn cụ thể về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", *Tạp chí Kiểm sát*, (11).

33. Lê Cảm (2020), "Các quy định về miễn hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và định hướng tiếp tục hoàn thiện", *Tạp chí Nghề luật*, (01), tr44-48.

34. Phạm Văn Cần (2010), "Phân biệt dấu hiệu cơ bản của tội giết người và

tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người", *Tạp chí Kiểm sát*, (2).

35. Lê Lan Chi (2024), Quan niệm về bạo lực trên cơ sở giới và một số vấn đề đặt ra đối với pháp luật xử lý bạo lực trên cơ sở giới tại Việt Nam, *Hội thảo quốc tế Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam*, Friedrich Ebert Stiftung và Trường Đại học Luật Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

36. Thái Bá Dũng (2025), "3 người đánh shipper ở Đà Nẵng tử vong bị khởi tố tội "cố ý gây thương tích", *Tuổi trẻ online*, tại: https://tuoitre.vn/3-nguoi-danh-shipper-o-da-nang-tu-vong-bi-khoi-to-toi-co-y-gay-thuong-tich-20250123143931636.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

37. Nguyễn Văn Dũng (2018), "Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017", *Tạp chí Toà án nhân dân*, (01).

38. Hoàng Minh Đức (2022), *Định tội danh đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, thành phố Hồ Chí Minh.

39. Tô Ngọc Đường (2024), *Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sức khoẻ của con người trên địa bàn các tỉnh Tây Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

40. Vũ Công Giao, Nguyễn Quang Đức (2021), "Những thuận lợi và thách thức với việc xoá bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, tại: https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210796, truy cập ngày 10/8/2026.

41. Đỗ Đức Hồng Hà (2017), "Các quan điểm chung quanh quy định về chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (07).

42. Mai Hà (2020), "Từ clip trên mạng, tìm ra kẻ xăm trổ đánh đập bạn gái dã man", *Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh*, tại: https://congan.com.vn/vu-an/tu-doan-clip-tim-ra-doi-tuong-danh-dap-ban-gai-tren-mang_95078.html, truy cập ngày 10/8/2026.

43. Đào Thị Minh Hải (2021), *Tội cố ý thương tích hoặc gây tổn hại cho sức*

khoẻ của người khác trong Bộ luật Hình sự năm 2015, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội

44. Trần Thu Hạnh, Lê Lan Chi, Cao Thị Hương Giang (2024), Ranh giới giữa xử lý hình sự và xử lý hành chính các hành vi bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay, *Hội thảo quốc tế Pháp luật về xử lý bạo lực trên cơ sở giới kinh nghiệm quốc tế và tham khảo cho Việt Nam*, Friedrich Ebert Stiftung và Trường Đại học Luật Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

45. Lê Thị Diễm Hằng (2017), "Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác", *Áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Cao Thị Oanh (chủ nhiệm), Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

46. Nguyễn Ngọc Hoà (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

47. Thân Hoàng (2024), "Vụ nam sinh lớp 8 bị đánh tử vong: Trả giá đắt vì hành vi bồng bột", *Tuổi trẻ online* tại: https://tuoitre.vn/vu-nam-sinh-lop-8-bi-danh-tu-vong-tra-gia-dat-vi-hanh-vi-bong-bot-20241218100325865.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

48. Nguyễn Huy Hoàng (2022), "Một số vấn đề vướng mắc khi xét xử tội cố ý gây thương tích", *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, tại: https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-vuong-mac-khi-xet-xu-toi-co-y-gay-thuong-tich7421.html, truy cập ngày 10/8/2026.

49. Nguyễn Thị Ánh Hồng (2023), "Một số vấn đề về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, (12), tr73-84.

50. Huỳnh Quốc Hùng (2010), "Hành vi của Lê Văn D không cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích", *Tạp chí Kiểm sát*, (15).

51. Trần Minh Hưởng (2011), "Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng điều 104 Bộ luật Hình sự "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác"", *Tạp chí Kiểm sát*, (10).

52. Nguyễn Quang Huy (2025), Bàn về giám định thương tích qua hồ sơ vụ

án hình sự, *Trang tin Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*, tại: https://vkshanoi.gov.vn/Chi-tiết/b224n-về-gi225m-định-thương-t237ch-qua-hồ-sơ-vụ-225n-h236nh-sự, truy cập ngày 10/8/2026.

53. Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người,* NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

54. Trần Hà Bảo Khuyên *(2019),* "Những điểm mới về bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của con người trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017", *Tạp chí Nghề Luật*, (01).

55. Trần Hà Bảo Khuyên (2020), *Phòng ngừa các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người từ thực tiễn tỉnh Bạc Liêu*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

56. Hoàng Thế Liên (2019), "Bộ luật Hình sự năm 2015 với việc bảo đảm thực hiện quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam", *Quyền con người qua 5 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

57. Hoàng Thế Liên (2022), "Pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

58. John Locke (2022), Khảo luận thứ hai về chính quyền, Lê Tuấn Huy (dịch), NXB Tri thức, thành phố Hồ Chí Minh.

59. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người*, NXB Chính trị quốc gia.

60. Trần Quang Minh & Nguyễn Thị Minh Nhật (2021), "Định tội danh về hành vi giết người và cố ý gây thương tích", *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, (6).

61. John Stuart Mill (2021), *Bàn về tự do*, Nguyễn Văn Trọng (dịch), NXB Tri Thức, Hà Nội.

62. Đức Ngọc (2025), "Công an thông tin gì về vụ nữ nhân viên y tế bị đánh tại bệnh viện", *Tuổi trẻ online*, tại: https://nld.com.vn/cong-an-thong-tin-gi-ve-vu-nu-nhan-vien-y-te-bi-danh-tai-benh-vien-196250603144601798.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

63. Dương Thị Cẩm Nhung, Phạm Phương Thảo (2026), "Quy định về hình phạt và biện pháp phi hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Thuỵ Điển và một số kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (02).

64. Cao Thị Oanh (2019), "Chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm một số nước về tư pháp phục hồi", *Tạp chí Luật học*, (7).

65. Lê Oanh (2019), "Thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Y tế: Gắn kết đảm bảo an ninh trật tự trong lĩnh vực y tế", *Báo Sức khoẻ và đời sống điện tử*, tại: https://suckhoedoisong.vn/thuc-hien-quy-che-phoi-hop-giua-bo-cong-an-va-bo-y-te-gan-ket-dam-bao-an-ninh-trat-tu-trong-linh-vuc-y-te-169158866.htm, truy cập ngày 10/8/2026.

66. Đinh Văn Quế (2010), "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (17).

67. Đinh Văn Quế (2021), "Phân biệt tội "giết người" với tội "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác"", *Tạp chí Kiểm sát*, (06).

68. Jean-Jacques Rousseau (2013), *Khế ước xã hội,* Dương Văn Hoá (dịch), NXB Thế giới, Hà Nội.

69. Nguyễn Tiến (2025), "Để không xảy ra những vụ hành hung nhân viên y tế", *Tuổi trẻ online*, tại: https://tuoitre.vn/de-khong-xay-ra-nhung-vu-hanh-hung-nhan-vien-y-te-20250509073729852.htm

70. Phạm Phương Thảo (2025), "So sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác với tội hành hung đồng đội", *Tạp chí Kiểm sát*, (09).

71. Phạm Phương Thảo (2025), "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo pháp luật hình sự một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (09).

72. Phạm Phương Thảo (2025), "Định hướng hoàn thiện quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong kỷ nguyên mới", *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*,(02).

73. Võ Văn Thế, Nguyễn Thị Xuân (2024), "Vướng mắc trong thực tiễn áp dụng kết luận giám định thương tích và kiến nghị", *Tạp chí Toà án điện tử*, tại:

https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-trong-thuc-tien-ap-dung-ket-luan-giam-dinh-thuong-tich-va-kien-nghi11141.html, truy cập ngày 10/8/2026.

74. Bùi Văn Thịnh (2007), *Đặc điểm, nguyên nhân của tội phạm cố ý gây thương tích - hoạt động phòng ngừa của lực lượng Cảnh sát nhân dân*", NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

75. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội.

76. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *So sánh Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

77. Lưu Thanh Thảo (2018), *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật hình sự Việt Nam,* Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

78. Nguyễn Huy Tài (2018),"Quy định về các tội xâm phạm sức khỏe người khác trong các giai đoạn của lịch sử pháp luật hình sự", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (02).

79. Vân Thanh (2024), "Vụ nam sinh lớp 8 bị đánh chết não ở Hà Nội: Tòa yêu cầu bị cáo diễn lại hành vi phạm tội", *Pháp luật online*, tại: https://baophapluat.vn/vu-nam-sinh-lop-8-bi-danh-chet-nao-o-ha-noi-toa-yeu-cau-bi-cao-dien-lai-hanh-vi-pham-toi-post535113.html, truy cập ngày 10/8/2026.

80. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm* (Quyển 1), NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

81. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình luật hình sự (Phần chung),* NXB Tư pháp, Hà Nội.

82. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm – quyển 1),* NXB Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

83. Nguyễn Văn Trượng (2009), "Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích (trường hợp dẫn đến chết người)", *Tạp chí Toà án nhân dân*, (13).

84. Viện Khoa học Pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách Khoa, NXB Tư pháp, Hà Nội.

85. Viện Ngôn ngữ học (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

86. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia.

87. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2022), *Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

88. Trương Quang Vinh (2023), "Bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (6).

Tiếng nước ngoài

89. Gordon Bazemore & Mark Umbreit (2001), *A Comparison of Four Restorative Conferencing Models,* tại: https://www.ojp.gov/ncjrs/virtual-library/abstracts/comparison-four-restorative-conferencing-models, truy cập ngày 10/8/2026.

90. Charnelle Van der Bijl (2012), "Psychological Assault: The Crime of Assault Revisited", *South African Journal of Criminal Justice,* (25(01)).

91. James Dignan (2007), *The Victim in Restorative Justice,* Willian Press, London.

92. Thomas Douglas (2014), "Criminal rehabilitation through medical intervention: Moral liability and the right to bodily integrity", *The Journal of Ethics*, (18).

93. Tiberiu Dragu & Yonatan Lupu (2021). "Digital Authoritarianism and the Future of Human Rights", *International Organization*, 75(4).

94. Rusil Durrant (2021), "Evolutionary theory and the classification of crime", *Aggression and Violent Behavior*, (59).

95. European Forum for Restorative Justice (2011), *Final report of JLS/2008/ JPEN/043 (Conferencing:A Way Forward For Restorative Justice In Europe)*, tại: https://www.euforumrj.org/sites/default/files/2019-11/final_report_conferencing_revised_version_june_2012_0.pdf, truy cập ngày 10/8/2026.

96. David Garland (2001), *The Culture of Control: Crime and Social Order in Contemporary Society,* Oxford University Press, Oxford.

97. Bryan A.Garner (2010), *Black's law dictionary*, Ninth edition, St. Paul Publishing.

98. Sebastián González & Jean-Pol Beauthier (2020), "Injury crimes and the

temporary incapacity for work: A critique", *Aggression and Violent Behavior*, (51).

99. Simon Greenleaf (2012), "Part V. Assault", *A Treatise on the Law of Evidence*, Charles C.Little and James Brown, Boston

100. Jonathan Haidt (2012), *The righteous mind: Why good people are divided by politics and religion*, Pantheon Books, New York.

101. Herring & Wall (2017), "The nature and significance of the right to bodily integrity", *The Cambridge Law Journal*, (76(3)).

102. Andrew von Hirsch & Andrew Ashworth (2005), *Proportionate Sentencing: Exploring the Principles,* Oxford University Press, Oxford.

103. Sanford J. Kadish (1999), "Fifty years of criminal law: An opinionated review", *California Law Review*, (87).

104. Pooja Suresh Jaiswal (2022), "Defence to an Action for Assault and Battery", *International Journal of Law Management & Humanities*, (05(6).

105. Yuan Jiahui & Sun Chengchen (2022), "On the revision of the cognizance standard of intentional injury crime", *Tạp chí Advances in Social Sciences*, (11(9)), tại: https://www.hanspub.org/journal/PaperInformation.aspx?paperID=55686, truy cập ngày 10/8/2026.

106. Miguel A. Mendez (2013), "California's Implausible Crime of Assault", *Tạp chí California Legal History*, (8).

107. National Research Council (1994), *Understanding and Preventing Violence, Volume 4: Consequences and Control*, The National Academies Press, Washington, DC.

108. Dmitry Vladimirovich Nemtinov (2013), "Premeditated damage to health. Problems of quanlification", *Tambov University review. Series: Humanities*, (1(117)), tr331-337, tại: https://cyberleninka.ru/article/n/umyshlennoe-prichinenie-tyazhkogo-vreda-zdorovyu-problemy-kvalifikatsii, truy cập ngày 10/8/2026.

109. Oxford (1995), *Dictionary of Law*, Oxford University Press.

110. Oxford (1994), *A Dictionary of law*, Oxford University Press.

111. Jaana Parviainen & Mark Coeckelbergh (2021), "The political choreography of the Sophia robot: beyond robot rights and citizenship to political performances for the social robotics market", *AI & Soc*, (36), tại:

https://link.springer.com/article/10.1007/s00146-020-01104-w#citeas, truy cập ngày 10/8/2026.

112. Gowri Ramachandran (2010), "Assault and battery on property", *Loyola of Los Angeles Law Review*, (44(1)), tại: https://digitalcommons.lmu.edu/llr/vol44/iss1/10/, truy cập ngày 10/8/2026.

113. Shagvaliev, R. M. (2010). "Some problems of criminal-legal regulation and qualification of beatings and torture", *Russian Journal of Economics and Law*, (3(15)), 183-188, tại: https://cyberleninka.ru/article/n/nekotorye-problemy-ugolovno-pravovoy-reglamentatsii-i-kvalifikatsii-poboev-i-istyazaniya, truy cập ngày 10/8/2026.

114. Sabina Stein (2024), *On Human Rights Day, UNDP Welcomes Viet Nam's Commitment to International Cooperation*, tại: https://www.undp.org/vietnam/blog/human-rights-day-undp-welcomes-viet-nams-commitment-international-cooperation, truy cập ngày 10/8/2026.

115. The American Law Institute (1962), *Model Penal Code*, §210.0(2), tại https://www.law.upenn.edu/faculty/paul-robinson/clrgcodes/MPC.html, truy cập ngày 10/8/2026.

116. Baasanjav Jadamba, Tuya Gal (2025), "The Role of Fines in Punishment: Historical Origins, Legal Regulation and Comparative Judicial Practice", *Advances in Social Science Research Journal*, (12(12)).

117. United Nations (1948), *Universal Declaration of Human Rights*, tại: https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights, truy cập ngày 10/8/2026.

118. Ivo Coca Vila (2021), "What's Really Wrong with Fining Crimes? On the Hard Treatment of Criminal Monetary Fines", *Criminal Law and Philosophy,* (16(2)).

119. Shulga Andrey Vladimirovich & Kashapova Yuliya Denisovna (2017), "About criminal liability for physical assault", *Tạp chí khoa học KubSAU*, (128(04)), tại: https://cyberleninka.ru/article/n/k-voprosu-ob-ugolovnoy-otvetstvennosti-za-poboi, truy cập ngày 10/8/2026.

120. Rastoropov Sergey Vladimirovich (2004), *Criminal legal protection of human health from criminal attacks*, Dissertations Doctor of Law, Academy of

Management of The Ministry of Interal Affairs of Russia Manusscript rights, Moscow, (Bản tóm tắt) tại: https://viewer.rsl.ru/ru/rsl01003244576?page=1&rotate=0&theme=black, truy cập ngày 10/8/2026.

121. World Economic Forum (2019), *The Global Competitiveness Report 2019*, tại: https://www3.weforum.org/docs/WEF_TheGlobalCompetitivenessReport2019.pdf, truy cập ngày 10/8/2026.

122. World Health Organization (1978), *Declaration of Alma-Ata* (Interational Conference on Primary Health Care), Alma-Ata.

123. Zilu Xu (2023), "Whether the People's Court should make substantive examination of the expert opinion – Taking an intentional injury case by Li and Wu as an example", *Open Journal of Legal Science*, (11(3)).

124. Ehsan Zarrokh (2007), "Crimes against the person's", tại: http://ssrn.com/abstract=961355, truy cập ngày 10/8/2026.

125. UNODC (2020), *Handbook on Restorative Justice Programmes Second Edition*, Vienna.

126. UNODC (2020), Handbook on Restorative Programes, *Criminal Justice handbook series*, United Nation, Vienna.

C. Bản án

Tiếng Việt

127. Bản án số 267/2024/HS-ST ngày 17/12/2024 của TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

128. Bản án số 187/2025/HS-PT ngày 12/3/2025 của TAND thành phố Hà Nội.

129. Bản án số 05/2018/HSST ngày 09/8/2018 của Toà án quân sự Khu vực 1 Quân khu 2.

130. Bản án số 04/2019/HS-ST ngày 23/10/2019 của Toà án quân sự Khu vực 1 Quân khu 2.

131. Bản án số 04/2020/HS-ST 06/10/2020 của Toà án quân sự Khu vực Quân chủng Hải quân.

132. Bản án số 14/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 do Toà án quân sự Khu vực Thủ đô Hà Nội.

133. Bản án số 07/2022/HS-ST ngày 24/6/2022 của Toà án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.

134. Bản án số 92/2022/HS-PT ngày 07/12/2022 của TAND tỉnh Phú Thọ.

135. Bản án số 103/2020/HS-PT ngày 23/9/2020 của TAND tỉnh Phú Thọ.

136. Bản án số 02/2024/HSST ngày 26/01/2024 của Toà án quân sự Khu vực Thủ đô Hà Nội.

137. Bản án số 14/2024/HSST ngày 31/7/2024 của TAND huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên.

138. Bản án số 26/2024/HS-ST ngày 17/6/2024 của TAND tỉnh Đồng Tháp

139. Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của TAND Khu vực 2 tỉnh Bắc Ninh.

140. Bản án số 117/2025/HSNCTN-PT ngày 25/11/2025 của TAND tỉnh Bắc Ninh.

141. Bản án số 01/2026/HS-ST ngày 16/01/2026 của Toà án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

142. Bản án số 04/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 Toà án quân sự Khu vực Quân khu 7.

Tiếng nước ngoài

143. Bản án sơ thẩm số 52 năm 2022 của TAND quận Hải Nam, thành phố Vũ Hải, Khu tự trị Nội Mông, tại: https://wenshu.court.gov.cn/website/wenshu/181107ANFZ0BXSK4/index.html?docId=OUD3Tm7EvEQdhkgWglcR2pT+bLtvyx0f3i916gg2dkDQyy6Ug7fliocvdYeNY3vovh/ulw34q5bbb9tKSNRzGUc7zKJwsejRc6W0oaWqJzYbiAb1o6b3PnFJEPg61nWr, truy cập ngày 10/8/2026.

144. Phán quyết số 6 StR 225/22 ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án liên bang Đức, tại: https://juris.bundesgerichtshof.de/cgi-bin/rechtsprechung/document.py? Gericht=bgh&Art=en&Datum=2022-9-7&nr=131338&anz=12&pos=6, truy cập ngày 10/8/2026.

145. Phán quyết số NJA 2021 tr. 139 (NJA 2021:12) ngày 19/3/2021 của Tòa án Tối cao Thụy Điển Tuyên án về tội hành hung nghiêm trọng và làm chết người khác, tội phạm nghiêm trọng, tại: https://rattspraxis.etjanst.domstol.se/sok/publicering/63233162-1e09-4e61-803f-86c989bc04db, truy cập ngày 10/8/2026.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC THƯƠNG TÍCH; BỆNH, TẬT; DI CHỨNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ HÀNH VI SAU CHẤN THƯƠNG, VẾT THƯƠNG SỌ NÃO; BỆNH RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ HÀNH VI CÓ TỶ LỆ % TỔN THƯƠNG CƠ THỂ TỪ TRÊN 0% ĐẾN DƯỚI 11%

(Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Bảng 1

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO THƯƠNG TÍCH

Chương 1

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG XƯƠNG SỌ VÀ HỆ THẦN KINH

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I	**Tổn thương xương sọ**	
1.	Mẻ hoặc mất bàn ngoài xương sọ	
1.1.	Đường kính hoặc chiều dài từ 3cm trở xuống	5-7
2.	Nứt, vỡ xương vòm sọ	
2.1.	Chiều dài đường nứt, vỡ dưới 3cm	8- 10
4.	Lún xương sọ	
4.1.	Lún bàn ngoài xương sọ kích thước hoặc đường kính dưới 3cm	8- 10
II.	**Chấn động não**	
1.	Chấn động não điều trị ổn định	1-5
2.	Chấn động não điều trị không ổn định	6- 10
VI.	**Tổn thương tủy**	
1.	Tổn thương hồi phục hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn	5-7
VII.	**Tổn thương rễ, đám rối, dây thần kinh**	
1.	Tổn thương rễ thần kinh	
1.1.	Tổn thương không hoàn toàn một rễ (không tính rễ cổ C_4, C_5, C_6, C_7, C_8, rễ ngực T_1, rễ thắt lưng L_5, rễ cùng S_1) một bên	3 - 5
1.2.	Tổn thương hoàn toàn một rễ (không tính rễ cổ C_4, C_5, C_6, C_7, C_8, rễ ngực T_1, rễ thắt lưng L_5, rễ cùng S_1) một bên	9
3.	Tổn thương dây thần kinh một bên	
3.3.	Tổn thương không hoàn toàn dây thần kinh trên vai	5-7
3.5.	Tổn thương không hoàn toàn dây thần kinh dưới vai	5-7
3.7.	Tổn thương không hoàn toàn dây thần kinh ngực dài	7- 10
3.9.	Tổn thương hoàn toàn một dây thần kinh liên sườn	7- 10
3.27.	Tổn thương không hoàn toàn thần kinh da đùi sau	3-5
3.28.	Tổn thương hoàn toàn thần kinh da đùi sau	7 - 10
3.32.	Tổn thương không hoàn toàn thần kinh đùi - bì	3 - 5
3.33.	Tổn thương hoàn toàn thần kinh đùi - bì	7-9
3.34.	Tổn thương không hoàn toàn thần kinh bịt	7- 10
3.36.	Tổn thương không hoàn toàn thần kinh sinh dục - đùi	6- 10
3.41.	Tổn thương nhánh thần kinh hông khoeo ngoài	7- 10
3.44.	Tổn thương nhánh thần kinh hông khoeo trong	6- 10
4.	Tổn thương thần kinh sọ một bên	
4.7.	Tổn thương không hoàn toàn thần kinh sọ số IV	3-5
4.9.	Tổn thương một nhánh thần kinh sọ số V	7- 10
4.12.	Tổn thương không hoàn toàn thần kinh sọ số VI	5-7
4.14.	Tổn thương nhánh thần kinh sọ số VII	7- 10
XIV.	**Động kinh**	
6.	Động kinh cơn cục bộ đơn thuần đáp ứng điều trị tốt (không còn cơn trên lâm sàng)	7 - 10
XVI.	**Rối loạn thần kinh thực vật** (ra mồ hôi chân, tay)	
1.	Ảnh hưởng nhẹ đến lao động, sinh hoạt	6- 10

Chương 2
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG HỆ TIM MẠCH

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
II.	**Tổn thương mạch**	
2.	Vết thương mạch máu lớn (động mạch cảnh, động mạch dưới đòn, động mạch cánh tay, động mạch chậu, động mạch đùi...)	
2.1.	Ở các chi, đã xử lý	
2.1.1.	Kết quả tốt không có biểu hiện tắc mạch	7 - 10
3.	Vết thương các mạch máu cỡ trung bình (động mạch ở cẳng tay, bàn tay, cẳng chân, bàn chân) đã khâu nối	
3.1.	Kết quả tốt không có biểu hiện thiếu máu nuôi dưỡng bên dưới	4-6

Chương 3
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CÓ THỂ DO TỔN THƯƠNG HỆ HÔ HẤP

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Tổn thương xương ức**	
1.	Tổn thương xương ức đơn thuần, không biến dạng lồng ngực	6 - 10
II	**Tổn thương xương sườn**	
1.	Gãy một xương sườn một điểm, can tốt	
2.	Gãy một xương sườn một điểm, can xấu	2,5
3.	Gãy một xương sườn từ hai điểm trở lên, can tốt	2,5
4.	Gãy một xương sườn từ hai điểm trở lên, can xấu	3,5
5.	Mất đoạn hoặc cắt bỏ một xương sườn	4,5
III.	**Tổn thương màng phổi**	
1.	Tổn thương màng phổi một bên không phẫu thuật hoặc có phẫu thuật nhưng không để lại di chứng	3-5
4.	Tổn thương màng phổi di chứng dày dính màng phổi tại điểm thương tích hoặc tại điểm dẫn lưu ** Ghi chú: Cộng với tỷ lệ % TTCT ở mục III.1. theo phương pháp cộng tại Thông tư:*	1 - 3
9.	Cặn màng phổi sau tràn khí, tràn máu màng phổi	
9.1.	Điều trị nội khoa ổn định	6 – 10
IV.	**Tổn thương phổi**	
1.	Vết thương nhu mô phổi không phẫu thuật hoặc có phẫu thuật nhưng không để lại di chứng	6- 10
V.	**Tổn thương khí quản, phế quản**	
5.	Mở khí quản	3-5
VI.	**Tổn thương cơ hoành**	
1.	Tổn thương cơ hoành, không phải can thiệp phẫu thuật, không có biến chứng	3-5

Chương 4
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG HỆ TIÊU HÓA

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
V.	**Tổn thương trực tràng**	
4.	Vết thương rách thanh cơ ống tiêu hóa phải khâu (không thủng một)	3-5
VII.	**Tổn thương gan, mật**	
1.	Đụng dập gan, điều trị bảo tồn bằng nội khoa kết quả tốt	5-9
IX.	**Tổn thương lách**	
1.	Đụng dập lách điều trị bảo tồn	5-7
X.	**Các tổn thương khác của hệ tiêu hóa**	
3.	Phẫu thuật xử trí tổn thương ở mạc nối, mạc treo	
3.1.	Thủng mạc treo, mạc nối nhưng không tổn thương mạch	3 - 5
Mục	**Tổn thương**	**Tỷ lệ %**
5.	Mổ thăm dò ổ bụng bằng nội soi	6- 10

Chương 5
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG
HỆ TIẾT NIỆU - SINH DỤC - SẢN KHOA

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Tổn thương thận**	
1.	Chấn thương đụng dập thận đã được điều trị nội khoa bảo tồn chưa ảnh hưởng chức năng thận	
1.1.	Một thận	
1.1.1.	Độ 1	2-4
1.1.2.	Độ 2	5-7
1.1.3.	Độ 3	8- 10
II.	**Tổn thương niệu quản**	
1.	Tổn thương một bên	
1.1.	Điều trị nội khoa bảo tồn	
1.1.1.	Không có di chứng	6- 10
III	**Tổn thương bàng quang**	
1.	Tổn thương bàng quang điều trị nội khoa bảo tồn chưa có di chứng	6- 10
5.2.	Dị vật xuyên qua thành và nằm trong bàng quang	
5.2.1.	Không phải phẫu thuật	6 - 10
VI.	**Tổn thương tinh hoàn/buồng trứng**	
1.	Tổn thương mất tinh hoàn/buồng trứng	
1.1.	Mất một phần một bên	6- 10
4.	Dập tinh hoàn/buồng trứng, còn chức năng sinh tinh/sinh trứng	
4.1.	Một bên	
4.1.1.	Điều trị nội khoa bảo tồn	1 -5
4.1.2.	Điều trị bằng phẫu thuật nhưng không cắt bỏ	6- 10
4.2.	Hai bên: Cộng tỷ lệ % TTCT của từng bên theo phương pháp cộng tại Thông tư	
VII.	**Tổn thương dương vật**	
9.	Đứt dây hãm bao qui đầu	
9.1.	Khâu phục hồi tốt	1-5
9.2.	Phục hồi một phần, để lại di chứng (đau, quan hệ tình dục khó khăn)	6- 10
X.	**Tổn thương ống dẫn tinh/ống dẫn trứng, vòi trứng**	
1.	Tổn thương một bên	
1.1.	Tổn thương không gây đứt, phục hồi tốt	5 -9
XI.	**Tổn thương âm hộ, âm đạo**	
3.	Mất âm vật	
3.1.	Mất một phần	6- 10
4.	Mất môi lớn	
4.1.	Một bên	
4.1.1.	Mất một phần	1 - 5
4.1.2.	Mất hoàn toàn	6- 10
5.	Mất môi bé	
5.1.	Một bên	
5.1.1.	Mất một phần	1-5
5.1.2.	Mất hoàn toàn	6-10
XII.	**Tổn thương sản khoa**	
1.	Tổn thương gây dọa sảy thai	
1.1.	Điều trị bảo tồn kết quả tốt	1 - 5
XIII.	**Tổn thương tuyến tiền liệt, túi tinh**	
1.	Tổn thương gây rối loạn chức năng và/hoặc biến đổi giải phẫu nhưng không cần điều trị	6-10
XIV.	**Tổn thương bìu**	
1.	Mất một phần da bìu không kèm theo giảm chức năng, không sai vị trí và không mất di động của tinh hoàn	3-5
2.	Mất một phần da bìu, không giảm chức năng tinh hoàn nhưng có kèm theo sai vị trí hoặc mất di động tinh hoàn	6- 10

Chương 7

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG CƠ - XƯƠNG KHỚP

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Xương đòn và xương bả vai**	
1.	Gãy xương đòn	
1.1.	Can liền tốt, không ảnh hưởng đến gánh, vác	6-10
5.1.	Trật khớp cùng đòn điều trị khỏi	1 -3
6.	Gãy, vỡ xương bả vai một bên do chấn thương	
6.1.	Mẻ xương bả vai.	1-3
6.2.	Gãy mỏm cùng vai hoặc mỏm quạ	6- 10
6.3.	Gãy, vỡ hoặc có lỗ khuyết ở thân xương	6- 10
II.	**Khớp vai**	
2	Tổn thương khớp vai một bên	
2.5.	Trật khớp vai	
2.5.1.	Trật khớp vai mới điều trị khỏi	3 - 5
III.	**Cánh tay**	
4.	Gãy đầu dưới xương cánh tay một bên	
4.3.	Mẻ hoặc rạn lồi cầu đơn thuần, không ảnh hưởng đến khớp	3-5
4.4.	Mẻ xương dài (các chi trên và chi dưới, chưa đến ống tủy hoặc đến ống tủy nhưng không có biến chứng)	1 -3
IV.	**Cẳng tay và khớp khuỷu tay**	
3.	Gãy mỏm khuỷu xương trụ	
3.1.	Gãy đơn thuần không gây ảnh hưởng khớp	6-10
4.	Trật khớp khuỷu cũ	
4.1.	Trật khớp khuỷu điều trị khỏi	3-5
4.3.	Trật khớp quay - trụ điều trị khỏi	1 -3
6.	Gãy đầu dưới cả hai xương cẳng tay sát cổ tay	
6.7.	Thoát vị bao hoạt dịch khớp cổ tay ảnh hưởng vận động khớp cổ tay ít, không ảnh hưởng thẩm mỹ	1 -3
6.8.	Thoát vị bao hoạt dịch khớp cổ tay ảnh hưởng vận động khớp cổ tay nhiều hoặc ảnh hưởng thẩm mỹ	4 - 6
7.	Gãy thân xương quay	
7.1.	Can liền tốt, trục thẳng, không ngắn chi, chức năng cẳng tay tương đối bình thường	6- 10
9.	Gãy đầu dưới xương quay (kiểu Pouteau - Colles)	
9.1.	Kết quả điều trị tốt	6- 10
10.	Gãy thân xương trụ	
10.1.	Can liền tốt, trục thẳng, chức năng cẳng tay không bị ảnh hưởng	6- 10
11.	Gãy 1/3 trên xương trụ và trật khớp đầu trên xương quay (gãy kiểu Monteggia) không để lại di chứng ** Ghi chú: Nếu để lại di chứng cứng khớp khuỷu: Tính tỷ lệ % TTCT theo mục IV.3.2.*	6-10
12.	Gãy mỏm trâm quay hoặc trâm trụ không ảnh hưởng vận động khớp cổ tay ** Ghi chú: Nếu ảnh hưởng vận động khớp cổ tay, tính tỷ lệ % TTCT theo mức độ hạn chế vận động khớp.*	6- 10
V.	**Bàn tay và khớp cổ tay**	
3.	Gãy, vỡ xương hoặc trật khớp cũ khớp xương cổ tay một bên	
3.1.	Di chứng ảnh hưởng ít đến động tác khớp cổ tay	5-9
4.	Gãy xương bàn tay	
4.1.	Gãy một đến hai xương bàn tay, không hạn chế chức năng bàn tay, ngón tay	6- 10
VI.	**Ngón tay**	
5.	Tổn thương, chấn thương một ngón tay	
5.1.	Ngón I (ngón cái)	
5.1.1.	Cứng khớp liên đốt	6-8
5.2.	Ngón lI (ngón trỏ)	
5.2.1.	Cứng khớp đốt bàn	7-9
5.2.2.	Cứng một khớp liên đốt	3-5

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
5.2.4.	Mất đốt ba	3 - 5
5.2.5.	Mất hai đốt ngoài (đốt 2 và 3)	6-8
5.3.	Ngón III (ngón giữa)	
5.3.1.	Cứng khớp đốt - bàn	5-6
5.3.2.	Cứng một khớp liên đốt	1 -3
5.3.3.	Cứng các khớp liên đốt	7-9
5.3.4.	Mất đốt ba	1 -3
5.3.5.	Mất hai đốt ngoài (đốt 2 và 3)	4-6
5.3.6.	Mất trọn ngón III (tháo khớp ngón - bàn)	8- 10
5.4.	Ngón IV (ngón đeo nhẫn)	
5.4.4.	Cứng khớp bàn - ngón	4-5
5.4.2.	Cứng một khớp liên đốt	1-3
5.4.3.	Cứng các khớp liên đốt	6-8
5.4.4.	Mất đốt ba ngón IV	1 -3
5.4.5.	Mất hai đốt ngoài của ngón IV (đốt 2 và 3)	4-6
5.4.6.	Mất trọn ngón IV	8-10
5.5.	Ngón V (ngón tay út)	
5.5.1.	Cứng khớp bàn - ngón	3-4
5.5.2.	Cứng một khớp liên đốt	1-2
5.5.3.	Cứng các khớp liên đốt	5-6
5.5.4.	Mất đốt ba, ngón V	
5.5.5.	Mất đốt hai và ba, ngón V	4-5
5.5.6.	Mất trọn ngón V (tháo khớp ngón - bàn)	6-8
7.	Gãy, vỡ xương một đốt ngón tay	
7.1.	Đốt 1 ngón I	3
7.2.	Đột 2 ngón I hoặc đốt I các ngón khác	2
7.3.	Đốt 2; 3 các ngón khác	1
8.	Trật khớp ngón tay cù dễ tái phát	
8.1.	Ngón I	
8.1. 1.	Khớp bàn - ngón	4-6
8.1.2.	Khớp liên đốt	2-4
8.2.	Ngón II hoặc III	
8.2.1.	Khớp bàn - ngón	4-8
8.2.2.	Khớp liên đốt gần	2-4
8.2.3.	Khớp liên đốt xa	1 -3
8.3.	Ngón IV hoặc V	
8.3.1.	Khớp bàn - ngón	2-4
8.3.2.	Khớp liên đốt gần	2-4
8.3.3.	Khớp liên đốt xa	1 -3
9.	Viêm khớp bàn - ngón tay sau chấn thương	
9.1.	Ngón I	
9.1.1.	Viêm khớp bàn - ngón	5-7
9.1.2.	Viêm khớp liên đốt	3 - 5
9.2.	Ngón II và III	
9.2.1.	Viêm khớp bàn - ngón	3-5
9.2.2.	Viêm khớp liên đốt gần	2-4
9.2.3.	Viêm khớp liên đốt xa	1 -3
9.3.	Ngón IV và V	
9.3.1.	Viêm khớp bàn - ngón	1 -3
9.3.2.	Viêm khớp liên đốt gần	1 - 3
9.3.3.	Viêm khớp liên đốt xa	1
VII.	**Đùi và khớp háng**	
2.	Trật khớp háng, kết quả điều trị	
2.1.	Tốt	6- 10

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
VIII.	**Cẳng chân và khớp gối**	
1.	Tháo một khớp gối	
3.	Đứt gân bánh chè đã mổ khâu kết quả tốt	6- 10
8.	Tổn thương đứt dây chằng khớp gối	
8.3.	Đứt dây chằng ngoài khớp đã điều trị phục hồi tốt	6- 10
10.	Vỡ xương bánh chè trong bao khớp	
10.1.	Can liền tốt, bề mặt khớp không hoặc di lệch dưới 5mm	2-4
10.2.	Can liền tốt, bề mặt khớp di lệch trên 5mm	5-7
10.3.	Không liền xương	8- 10
10.4.	Mất một phần xương bánh chè	5-7
11.	Trật khớp gối	
11.1.	Trật khớp gối mới, điều trị khỏi	3 - 5
11.2.	Trật khớp gối dai dẳng không điều trị được	8 - 10
17.	Gãy hoặc vỡ mâm chày	
17.3.	Bong sụn lồi củ xương chày	6- 10
18.	Gãy hoặc vỡ lồi cử trước mâm chày	6 - 10
19.	Gãy thân xương mác một chân	
19.1.	Can tốt	3-5
19.2.	Can xấu	5-7
19.3.	Gãy kiểu Dupuytren (đầu dưới xương mác), can xấu	
19.3.1.	Hạn chế vận động khớp cổ chân	6 - 10
19.4.	Vỡ mắt cá ngoài không ảnh hưởng vận động khớp cổ chân. ** Ghi chú: Nếu ảnh hưởng vận động khớp cổ chân thì tính theo tỷ lệ % TTCT của ảnh hưởng vận động khớp.*	1 - 3
20.	Mất xương mác	
20.2.	Mất đoạn xương mác	4-6
IX.	**Bàn chân và khớp cổ chân**	
3.	Tổn thương mắt cá trong một bên	
3.1.	Không ảnh hưởng khớp	6- 10
3.2.	Gây cứng khớp cổ chân; Tính tỷ lệ % TTCT theo mục IX.6	
3.3.	Trật khớp cổ chân điều trị khỏi	1 -3
9.	Gãy hoặc vỡ xương gót	
9.1.	Vỡ xương gót không ảnh hưởng vận động	6- 10
12.	Gãy/vỡ xương thuyền	6- 10
15.	Gãy hoặc mất đoạn một xương bàn của bàn chân	
15.1.	Can liền tốt, bàn chân không biến dạng, không ảnh hưởng đến đi đứng	3-5
16.	Gãy hoặc mất đoạn nhiều xương bàn của một bàn chân	
16.1.	Gãy hai xương bàn chân, can liền tốt, bàn chân không biến dạng, không ảnh hưởng đến vận động	6-10
X.	**Ngón chân**	
4.	Cụt hai ngón chân	
4.1.	Cụt 2 ngón III + IV hoặc 2 ngón III + V hoặc 2 ngón IV + V	6- 10
6.	Cụt một ngón chân khác	3-5
7.	Cụt đốt ngoài của một ngón chân I (đầu ngón chân)	6- 10
8.	Cụt đốt ngoài của ngón chân khác (đầu ngón chân)	1-3
9.	Cụt hai đốt ngoài của một ngón chân khác	2-4
10.	Cứng khớp liên đốt ngón chân I	
10.1.	Tư thế thuận	3-5
10.2.	Tư thế bất lợi	7-9
11.	Cứng khớp đốt - bàn của ngón chân I	7-9
12.	Cứng khớp đốt - bàn hoặc các khớp liên đốt với nhau của một ngón chân khác	
12.1.	Cứng ở tư thế thuận	1 -3
12.2.	Cứng ở tư thế bất lợi về chức năng	4-5
13.	Gãy xương một đốt ngón chân	1

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
XI.	**Chậu hông**	
1.	Khuyết xương chậu do lấy xương để điều trị	3 - 5
2.	Gãy (vỡ) gai chậu trước trên	6- 10
9.	Gãy xương cùng không tổn thương thần kinh	5-7
10.	Gãy xương cụt	
10.1.	Gãy xương cụt không tổn thương thần kinh	3-5
10.2.	Gãy xương cụt di lệch, gây đau khi ngồi	4-6
11.	Viêm khớp cùng chậu sau chấn thương	
11.1.	Mức độ nhẹ	1 -3
11.2.	Mức độ trung bình	4-6
XII.	**Tổn thương cột sống không gây tổn thương thần kinh**	
4.	Gãy, vỡ mỏm gai	
4.1.	Của một đốt sống	6 - 10
5.	Gãy, vỡ mỏm bên	
5.1.	Của một đốt sống	3 - 5
7.	Thoát vị đĩa đệm đã được điều trị thường gây tái phát.	6- 10

Chương 8
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG PHẦN MỀM

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Sẹo vết thương phần mềm**	
1.	Sẹo nhỏ	1
2.	Sẹo trung bình	2
3.	Sẹo lớn	3
	** Ghi chú: Nếu ảnh hưởng chức năng thì cộng với tỷ lệ % TTCT của ảnh hưởng chức năng theo phương pháp cộng tại Thông tư.*	
II.	**Vết thương làm dập nát mất nhiều cơ để lại sẹo rúm dính, co kéo ảnh hưởng nhiều đến chức năng của bộ phận**	
1.	Sẹo ở vùng hàm mặt, mắt, mũi, tai: Đã quy định ở các chương tương ứng	
6.	Sẹo kèm theo đứt đơn thuần cơ nhị đầu hoặc tam đầu đã khâu nối nhưng còn làm yếu cánh tay mức độ ít	5-7
9.	Sẹo kèm theo đứt đơn thuần cơ tứ đầu đùi đã khâu nối nhưng còn làm yếu chân mức độ ít	6-8
IV.	**Sẹo do lấy da ghép**	
1.	Diện tích từ 1 % diện tích cơ thể trở xuống	1
2.	Diện tích trên 1% diện tích cơ thể trở lên: Cứ thêm mỗi 1% diện tích cơ thể thì cộng thêm 1% tỷ lệ % TTCT	
V.	**Tổn thương da không để lại sẹo nhưng để lại vết biến đổi rối loạn sắc tố da**	0,5 - 1
VII.	**Dị vật phần mềm**	
1.	Còn dị vật không có di chứng	
1.1.	Từ 5 dị vật trở xuống	1 - 5
1.2.	Nhiều hơn 5 dị vật	6 - 10
VIII.	**Tổn thương móng tay, móng chân**	
1.	Tổn thương một móng tay hoặc một móng chân: Đổi màu, sần sùi có vằn ngang, dọc hoặc viêm quanh móng điều trị không kết quả hay tái phát	1
2.	Cụt, rụng một móng tay hoặc một móng chân	2

Chương 9
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG BỎNG

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Sẹo bỏng không ảnh Iiưởng đến điều tiết và thẩm mỹ**	
1.	Diện tích từ 1% diện tích cơ thể trở xuống	1
II.	**Sẹo ở các vùng da hở khác gây rối loạn sắc tố ảnh hưởng đến thẩm mỹ**	
1.	Diện tích từ 1% diện tích cơ thể trở xuống	2
III.	**Sẹo bỏng ảnh hưởng đến chức năng da và thẩm mỹ**	

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
1.	Sẹo vùng mặt, cổ gây rối loạn sắc tố ảnh hưởng thẩm mỹ	
1.1.	Diện tích dưới 1 % diện tích cơ thể	6- 10
IV.	**Rối loạn trên vùng sẹo**	
1.	Các vết loét, vết rò không liên do rối loạn dinh dưỡng vùng sẹo	
1.1.	Nhẹ (đường kính vết loét dưới 5cm)	7-9

Chương 10
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG CƠ QUAN THỊ GIÁC

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
III.	**Tổn thương ngoài nhãn cầu (một mắt)**	
1.	Tổn thương lệ đạo	
1.1.	Rách, đứt lệ đạo chưa phẫu thuật	7-9
1.2.	Rách, đứt lệ đạo đã phẫu thuật kết quả tốt	3-5
IV.	**Tổn thương chức năng thị giác do tổn thương thần kinh chi phối thị giác**	
2.	Thị trường thu hẹp (do tổn thương não vùng chẩm trong chấn thương)	
2.1.	Thị trường còn khoảng 30° xung quanh điểm cố định	
2.1.1.	Thị trường thu hẹp ở một mắt	5-9
10.	Rung giật nhãn cầu đơn thuần	
10.1.	Rung giật ở một mắt	5-9
VI.	**Sẹo giác mạc, củng mạc**	
1.	Sẹo giác mạc không ảnh hưởng thị lực	5
3.	Sẹo củng mạc không ảnh hưởng thị lực	2
VII.	**Tổn hại môi trường trong suốt (thủy dịch - thủy tinh dịch)**	
VIII.	**Giảm điều vận, sợ ánh sáng, chảy nước mắt và kích ứng mắt**	3 - 5
IX.	**Ghép giác mạc**	
1.	Không giảm thị lực	3-5
XIII.	**Vỡ xương ổ mắt**	
1.	Vỡ xương không ảnh hưởng thị lực	5 - 7
2.	Khuyết xương thành hốc mắt	8- 10
XIV.	**Bệnh mắt đặc hiệu do thương tích**	
1.	Glôcôm	3 - 5
2.	Đục thủy tinh thể/di lệch thủy tinh thể một phần	4-8
3.	Biến dạng ổ mắt (thụt mắt/nhãn cầu hạ thấp/nhãn cầu nâng cao)	3-5
4.	Giãn đồng tử do chấn thương và các bất thường khác về đồng tử hoặc mống mắt	4 – 8
XV. TỶ LỆ % TTCT DO GIẢM THỊ LỰC VÌ TỔN THƯƠNG THỰC THỂ CƠ QUAN THỊ GIÁC		
1.	Một mắt (10/10 -8/10), một mắt (7/10 – 6/10)	5
2.	Một mắt (10/10 – 8/10), một mắt (5/10)	8
3.	Một mắt (7/10 – 6/10), một mắt (10/10 – 8/10)	5
4.	Một mắt (7/10 – 6/10), một mắt (7/10 – 6/10)	8
5.	Một mắt 5/10, một mắt (10/10 – 8/10)	8

Chương 11
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG RĂNG - HÀM - MẶT

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Xương hàm, gò má, cung tiếp và khớp thái dương - hàm**	
1.	Mẻ xương hàm, vỡ ổ chân răng	1 -3
2.	Gãy xương hàm trên; gãy xương hàm dưới; gãy xương gò má, cung tiếp can tốt, không ảnh hưởng chức năng	8- 10
II.	**Răng**	
1.	Răng vĩnh viễn	
1.2.	Mất hoặc gãy thân một răng	
1.2.1.	Răng cửa, răng nanh (số 1,2, 3)	2
1.2.2.	Răng hàm nhỏ (số 4, 5)	1,5
1.2.3.	Răng hàm lớn số 6	2,5
1.2.4.	Răng hàm lớn số 7	2

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
1.2.5.	Răng hàm số 8	1
IV.	**Lưỡi**	
1.	Sẹo lưỡi không ảnh hưởng chức năng	1 -5
2.	Mất một phần nhỏ đầu lưỡi, ảnh hưởng đến ăn, nói	6- 10
V.	**Tổn thương hệ thống tuyến nước bọt**	
1.	Không gây khô miệng	3-5

Chương 12

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO TỔN THƯƠNG TAI - MŨI - HỌNG

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	**Tai**	
2.	Nghe kém một tai	
2.1.	Nghe kém nhẹ một tai	3
2.2.	Nghe kém trung bình một tai	9
5.	Vết thương vành tai	
5.1.	Sẹo vành tai không co rúm	1-3
5.2.	Mất ít hơn 1/3 vành tai hoặc sẹo co rúm	6-10
6.	Sẹo ống tai	
6.2.	Sẹo làm hẹp ống tai một bên (hạn chế âm thanh)	3-6
II.	**Mùi xoang**	
1.	Khuyết mũi	
1.1.	Khuyết nhỏ hơn 1/4 mũi	5 - 9
3.	Tổn thương tháp mũi (gãy; sập xương chính mũi; vẹo vách ngăn)	
3.1.	Không ảnh hưởng đến chức năng thở	7-9
4.1.	Vỡ rạn hay lún thành xoang hàm hoặc xoang trán không, di lệch	7-9
6.	Viêm xoang sau chấn thương	
6.1.	Viêm đơn xoang	
6.1.1	Một bên	6- 10

Bảng 2

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT

Chương 1

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT HỆ THẦN KINH

Bệnh, tật hệ Thần kinh	Tỷ lệ % TTCT
III. Bệnh liệt chu kỳ	
1. Bệnh liệt chu kỳ đã không tái phát từ một năm trở lên (tính đến thời điểm khám giám định)	1 - 3
VI. Loạn trương lực khu trú hoặc phân đoạn	
1. Loạn trương lực khu trú hoặc phân đoạn chưa gây suy giảm chức năng của cơ quan, bộ phận	1 - 5
X. Bệnh lý rễ, đám rối thần kinh một bên	
1. Tổn thương rễ thần kinh	
1.1. Tổn thương một rễ	
1.2. Tổn thương không hoàn toàn một rễ (trừ các rễ: C_4, C_5, C_6, C_7, C_8, T_1 (D1), L_5, S_1)	3 - 5
1.3. Tổn thương hoàn toàn một rễ (trừ các rễ: C_4, C_5, C_6, C_7, C_8, T_1 (D1), L_5, S_1)	9
XI. Tổn thương dây thần kinh tủy sống một bên	
2. Tổn thương dây thần kinh trên gai hoặc dưới gai	
2.1. Không hoàn toàn	3 - 5
3. Tổn thương dây thần kinh ngực dài	
3.1. Không hoàn toàn	5 - 9
4. Tổn thương một dây thần kinh liên sườn	6 - 10
5. Tổn thương thần kinh mũ	
13. Tổn thương thần kinh da đùi sau	
13.1. Không hoàn toàn	1 - 3

Bệnh, tật hệ Thần kinh	Tỷ lệ % TTCT
13.2. Hoàn toàn	6 - 10
15. Tổn thương thần kinh đùi bì	
15.1. Không hoàn toàn	1 - 3
15.2. Hoàn toàn	6 - 10
16. Tổn thương thần kinh bịt	
16.1. Không hoàn toàn	6 - 10
17. Tổn thương thần kinh sinh dục - đùi	
17.1. Không hoàn toàn	5 - 9
19. Tổn thương thần kinh hông khoeo ngoài	
19.1. Tổn thương nhánh	6 - 10
20. Tổn thương thần kinh hông khoeo trong	
20.1. Tổn thương nhánh	6 - 10
XII. Tổn thương dây thần kinh sọ một bên	
4. Tổn thương thần kinh sọ số IV	
4.1. Không hoàn toàn	3 - 5
5. Tổn thương thần kinh sọ số V	
5.1. Tổn thương một nhánh	6 - 10
6. Tổn thương thần kinh sọ số VI	
6.1. Không hoàn toàn	6 - 10
7. Tổn thương thần kinh sọ số VII	
7.1. Tổn thương nhánh	6 - 10
9. Tổn thương thần kinh sọ số IX	
XVI. Động kinh	
2. Động kinh cơn cục bộ đơn thuần	
2.1. Đáp ứng điều trị tốt (không còn cơn trên lâm sàng)	6 - 10
XVII. Hội chứng tiền đình *(trung ương, ngoại vi)*	
1. Hội chứng tiền đình (dạng cơn) điều trị ổn định	6 - 10
XVIII. Rối loạn thần kinh thực vật *(ra mồ hôi chân, tay)*	
1. Ra mồ hôi chân, tay ẩm ướt thường xuyên	6 - 10
4. Rối loạn thần kinh thực vật (ra mồ hôi chân, tay) đã điều trị can thiệp	
4.1. Kết quả tốt	1 - 3
XIX. Nhức nửa đầu (Migraine), bệnh Horton ...	
1. Bệnh lý nhức đầu điều trị ổn định	6 - 10
XXIV. Dị dạng, dị tật hệ thần kinh	
1. Dị dạng, dị tật hệ thần kinh nếu tương tự như các tổn thương hệ thần kinh đã được nêu trong Chương này thì được áp dụng tỷ lệ % TTCT tương đương đã nêu trong Chương	0 - 5
2. Dị dạng, dị tật hệ thần kinh khác	
2.1. Chưa ảnh hưởng chức năng hệ thần kinh	0 - 5

Chương 2
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT HỆ TIM MẠCH

Bệnh tật hệ Tim Mạch	Tỷ lệ % TTCT
VII. Các bệnh lý tổn thương van tim, thấp tim (thấp khớp cấp)	
VIII. Rối loạn nhịp tim	
2. Nhịp tim chậm	
2.2. Blốc nhĩ thất, blốc nhánh trái	
2.2.1. Blốc nhĩ thất độ I	6 - 10
4. Nhịp nhanh xoang không rõ căn nguyên, tái phát thường xuyên, ảnh hưởng đến lao động, sinh hoạt	6 - 10
7. Suy nhược thần kinh tuần hoàn (nhịp nhanh lúc thức, nhịp chậm hay bình thường lúc ngủ)	
7.1. Điều trị nội khoa ổn định (không hoặc tái phát dưới 4 lần/năm)	3 - 5
XII. Bệnh huyết áp thấp (Huyết áp tâm thu dưới 90 mmHg)	
1. Nếu chưa có ảnh hưởng đến sinh hoạt, lao động hoặc ảnh hưởng ít (mệt mỏi từng lúc), điều trị có kết quả	6 - 10

Bệnh tật hệ Tim Mạch	Tỷ lệ % TTCT
XIV. Bệnh về hệ thống tĩnh mạch	
1. Suy tĩnh mạch	
1.1. Suy tĩnh mạch đơn thuần	6 - 10
2. Viêm, tắc tĩnh mạch	
2.1. Viêm tĩnh mạch chưa có huyết khối	6 - 10
XV. Bệnh hệ thống bạch huyết và mao mạch	
1. Viêm bạch mạch cấp tính, điều trị ổn định	6 - 10
XIX. Dị dạng, dị tật hệ Tim, Mạch khác (không thuộc các tổn thương nêu trên)	
2. Dị dạng, dị tật hệ tim mạch khác	
2.1. Không gây rối loạn chức năng tim mạch	0 - 5

Chương 3

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT HỆ HÔ HẤP

Bệnh, tật hệ Hô hấp	Tỷ lệ % TTCT
I. Bệnh cơ, xương lồng ngực: Tỷ lệ % TTCT được tính theo Chương tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật Cơ - Xương - Khớp	
II. Bệnh lý màng phổi	
1. Không gây hoặc gây tràn dịch, tràn máu, tràn mủ, tràn khí điều trị kết quả tốt, không để lại di chứng	0
2. Tràn dịch, tràn máu, tràn mủ, tràn khí màng phổi tái phát phải chọc dịch nhiều lần, hoặc mổ dẫn lưu mở không để lại di chứng	6 - 10
VI. Bệnh lý nhu mô phổi: Viêm phổi	
1. Điều trị kết quả tốt, không để lại di chứng và/ hoặc không tái phát	0
2. Bệnh tái phát dưới bốn lần/năm	3 - 5
3. Bệnh tái phát trên ba lần/năm	6 - 10
XIV. Dị dạng, dị tật hệ hô hấp	
2. Dị dạng, dị tật hệ hô hấp khác	
2.1. Không gây rối loạn chức năng hô hấp	0 - 5

Chương 4

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT HỆ TIÊU HÓA

Bệnh, tật hệ Tiêu hóa	Tỷ lệ % TTCT
I. Bệnh lý thực quản	
5. U thực quản	
5.1. U lành	
5.1.1. Chưa ảnh hưởng chức năng thực quản	6 - 10
6. Giãn tĩnh mạch thực quản	
6.2. Giãn tĩnh mạch thực quản bẩm sinh	
6.2.1. Chưa phải phẫu thuật, chưa ảnh hưởng chức năng thực quản	6 - 10
VI. Bệnh lý trực tràng hậu môn	
4. Trĩ nội	
4.1. Độ I chưa can thiệp	6 - 10
X. Dị dạng, dị tật hệ tiêu hóa	
1. Dị dạng, dị tật hệ tiêu hóa nếu tương tự như các tổn thương hệ tiêu hóa đã được nêu trong Chương này thì được áp dụng tỷ lệ % TTCT tổn thương tương đương đã nêu trong Chương	
2. Dị dạng, dị tật hệ tiêu hóa khác	
2.1. Không gây rối loạn chức năng	0 - 5

Chương 5

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT HỆ TIẾT NIỆU - SINH DỤC

Bệnh, tật hệ Tiết niệu - Sinh dục	Tỷ lệ % TTCT
I. Thận	
2. Sỏi thận	
2.1. Chưa phẫu thuật lấy sỏi, chưa có biến chứng	6 - 10
II. Niệu quản	
1. Sỏi niệu quản	

Bệnh, tật hệ Tiết niệu - Sinh dục	Tỷ lệ % TTCT
1.1. Chưa phẫu thuật lấy sỏi, chưa có biến chứng	6 - 10
III. Bàng quang	
1. Sỏi	
1.1. Chưa phẫu thuật lấy sỏi chưa gây biến chứng	6 - 10
2. Viêm bàng quang	
2.1. Không có biến chứng	6 - 10
3. Rối loạn tiểu tiện	
3.1. Điều trị nội khoa ổn định	5 - 7
IV. Niệu đạo	
1. Viêm niệu đạo	
1.1. Không có biến chứng	6 - 10
3. U lành niệu đạo	
3.1. Chưa phẫu thuật không biến chứng	6 - 10
V. Lao thận, tiết niệu - sinh dục	
2. Lao bàng quang hoặc tinh hoàn	
2.1. Điều trị nội khoa kết quả tốt, không có biến chứng	6 - 10
VI. Dương vật	
VII. Tinh hoàn	
1. Giãn tĩnh mạch thừng tinh	
1.1. Chưa phẫu thuật	6 - 10
1.2. Phẫu thuật một bên kết quả tốt	3 - 5
VIII. Tuyến tiền liệt	
1. Viêm tuyến tiền liệt điều trị nội khoa, không có biến chứng	6 - 10
IX. Âm hộ, âm đạo	
1. Các tổn thương lành tính	
1.1. Điều trị nội khoa ổn định	0 - 5
X. Tử cung	
1. Cổ tử cung	
1.1. Các tổn thương lành tính điều trị ổn định	0 - 5
1.2. Các tổn thương lành tính điều trị không ổn định	6 - 10
2. Thân tử cung	
2.1. U xơ, polyp, dị vật, dính	
2.1.1. Điều trị nội khoa	6 - 10
2.2. Rong kinh, rong huyết cơ năng	
2.2.1. Rong kinh, rong huyết cơ năng chưa có biến chứng thiếu máu	0 - 5
5. Sa sinh dục	
5.1. Chưa phẫu thuật	
5.1.1. Độ I	6 - 10
XI. Vòi tử cung - buồng trứng	
1. Tổn thương vòi tử cung (viêm phần phụ, ứ dịch, tắc vòi...)	
1.1. Điều trị nội khoa ổn định	0 - 5
1.2. Phẫu thuật bảo tồn vòi tử cung	3 - 5
1.3. Phẫu thuật cắt một vòi tử cung	5 - 9
3. U buồng trứng lành tính	
3.1. Chưa phẫu thuật	3 - 5
XII. Vú	
1. U vú lành tính hoặc viêm, áp xe tuyến vú	
1.1. Chưa phẫu thuật	1 - 5
1.2. Đã phẫu thuật	6 - 10
XV. Dị tật, dị dạng hệ tiết niệu - sinh dục	
2. Dị dạng, dị tật hệ tiết niệu - sinh dục khác	
2.1. Chưa gây rối loạn chức năng	0 - 5

Chương 6
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH HỆ NỘI TIẾT VÀ RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA

Bệnh hệ Nội tiết và rối loạn chuyển hóa	Tỷ lệ % TTCT
I. Tuyến yên	
3. Khối u tuyến tùng	
3.1. U lành	
3.1.1. U lành chưa gây biến chứng	6 - 10
II. Tuyến giáp	
4. Khối u tuyến giáp	
4.1. U lành tuyến giáp (bao gồm cả bướu cổ đơn thuần)	
4.1.1. Chưa phẫu thuật chưa gây rối loạn chức năng tuyến giáp	6 - 10
III. Tuyến cận giáp	
2. Khối u tuyến cận giáp	
2.1. U lành tính	
2.1.1. Chưa gây biến chứng	3 - 7
VII. Bệnh lý rối loạn chuyển hóa	
1. Bệnh lý rối loạn chuyển hóa có biểu hiện trên xét nghiệm cận lâm sàng chưa gây tổn thương cơ quan, nội tạng	6 - 10

Chương 7
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT CƠ - XƯƠNG - KHỚP

Bệnh, tật Cơ - Xương - Khớp	Tỷ lệ % TTCT
II. Bệnh cơ vân chi dưới	
1. Teo cơ một bàn chân mức độ nhẹ	6 - 10
VI. Tổn thương xương sọ	
1. Mất xương bàn ngoài xương sọ, đường kính 1cm	5 - 9
VII. Tổn thương xương ức	
1. Không biến dạng lồng ngực, không ảnh hưởng chức năng thông khí phổi	3 - 5
VIII. Tổn thương xương sườn (đã bao gồm tổn thương thần kinh liên sườn)	
1. Tổn thương xương sườn không gây rối loạn chức năng thông khí phổi	1 - 5
IX. Tổn thương xương đòn (không gãy xương)	
1. Không gây rối loạn chức năng thông khí phổi	1 - 2
XIV. Khớp bàn tay và các ngón tay một bên	
2. Ngón IV hoặc ngón V	
2.1. Cứng khớp liên đốt	6 - 8
2.2. Cứng khớp bàn - ngón	4 - 6
2.3. Cứng khớp bàn ngón và các khớp liên đốt	8 - 10
3. Ngón II hoặc ngón III	
3.1. Cứng khớp liên đốt	3 - 5
3.2. Cứng khớp bàn ngón	7 - 9
4. Ngón I	
4.1. Cứng khớp liên đốt	5 - 10
5. Hội chứng "Ngón tay lò xo"	
5.1. Hội chứng "Ngón tay lò xo" điều trị kết quả tốt	1 - 3
6. Tổn thương gây đau (không cứng khớp) hạn chế vận động một bàn tay	
6.1. Mức độ nhẹ	5 - 8
XV. Khớp háng một bên	
1. Hạn chế tầm vận động khớp háng do đau từ 0° - 90°	5 - 9
XVI. Khớp gối một bên	
1. Đau khớp gối hạn chế vận động ít	3 - 5
2. Đau khớp gối hạn chế vận động vừa	6 - 10
XVII. Khớp cổ chân một bên	
1. Đau khớp cổ chân hạn chế vận động nhẹ	3 - 5
2. Đau khớp cổ chân hạn chế vận động vừa	8 - 10
XVIII. Khớp bàn chân và các ngón chân một bên	

Bệnh, tật Cơ - Xương - Khớp	Tỷ lệ % TTCT
2. Khớp ngón chân	
2.1. Ngón cái	
2.1.1. Cứng khớp liên đốt	3 - 5
2.1.2. Cứng khớp đốt - bàn	7 - 9
2.2. Các ngón khác	
2.2.1. Cứng khớp liên đốt	1 - 3
2.2.2. Cứng khớp đốt - bàn	4 - 5
2.2.3. Cứng khớp đốt - bàn và các khớp liên đốt	6 - 10
XIX. Viêm khớp đốt sống, khớp cùng chậu đơn thuần	
1. Viêm một đến hai khớp đốt sống	
1.1. Mức độ nhẹ	3 - 5
3. Viêm khớp cùng chậu	6 - 10
XXI. Gẫy, vỡ mỏm gai	
1. Của một đốt sống	6 - 10
XXII. Gẫy, vỡ mỏm bên	
1. Của một đốt sống	3 - 5
XXIV. Thoái hóa cột sống	
1. Thoái hóa một đến hai đốt sống	
1.1. Mức độ nhẹ (Có đầy đủ các triệu chứng lâm sàng nhưng chưa có biểu hiện rõ trên phim Xquang)	1 - 3
1.2. Mức độ vừa (Phim Xquang có hình ảnh: phì đại xương và/hoặc gai xương ở rìa khớp và/hoặc hẹp khe khớp không đồng đều và / hoặc đậm đặc xương dưới sụn)	6 - 10
2. Thoái hóa từ 3 đốt sống trở lên	
2.1. Mức độ nhẹ	6 - 10
XXV. Thoát vị đĩa đệm	
1. Thoát vị đĩa đệm không gây hẹp ống sống	
1.1. Một ổ	5 - 9
XXVI. Viêm màng hoạt dịch và viêm bao gân	
1. Viêm 1 hoặc 2 gân hoặc 1 hoặc 2 màng hoạt dịch chưa gây ảnh hưởng hoạt động khớp	1 - 5
XXVII. U nang bao hoạt dịch	
1. Chưa ảnh hưởng vận động của khớp	6 - 10
2. Ảnh hưởng vận động của khớp: Áp dụng theo tầm hoạt động của từng khớp	
3. U nang bao hoạt dịch đã mổ	
3.1. Kết quả tốt	6 - 10
XXX. Dị tật hệ Cơ, Xương, Khớp	
2. Dị dạng, dị tật hệ Cơ Xương Khớp khác	
2.1. Không gây rối loạn chức năng	0 - 5
XXXI. Tổn thương cơ thể do gẫy xương bệnh lý	
1. Gẫy xương cánh tay	
1.3. Gẫy đầu dưới xương cánh tay một bên	
1.3.3. Mẻ hoặc rạn lồi cầu đơn thuần, không ảnh hưởng đến khớp	3 - 5
2. Gẫy xương cẳng tay	
2.1. Gẫy hai xương cẳng tay	
2.1.3. Can liền tốt trục thẳng, chức năng cẳng tay gần như bình thường	6 - 10
2.3. Gẫy thân xương quay	
2.3.1. Can liền tốt, trục thẳng, không ngắn chi, chức năng cẳng tay tương đối bình thường	6 - 10
2.4. Gẫy đầu trên xương quay có di chứng làm trở ngại gấp - duỗi khớp khuỷu và hạn chế sấp, ngửa cẳng tay, kèm theo teo cơ	21 - 25
2.5. Gẫy đầu dưới xương quay (kiểu Pouteau - Colles)	
2.5.1. Kết quả điều trị tốt, di chứng không đáng kể	6 - 10
2.6. Gẫy thân xương trụ	
2.6.1. Can liền tốt, trục thẳng, chức năng cẳng tay không bị ảnh hưởng	6 - 10
2.8. Gẫy rời mỏm trâm quay hoặc trâm trụ làm yếu khớp cổ tay	6 - 10
3. Gẫy xương bàn tay	

Bệnh, tật Cơ - Xương - Khớp	Tỷ lệ % TTCT
3.1. Gẫy một, hai xương bàn tay, nếu bàn tay không bị biến dạng và không hạn chế chức năng bàn tay - ngón tay	6 - 10
4. Gẫy xương ngón tay	
4.1. Gẫy xương một ngón tay không ảnh hưởng vận động	1 - 2
4.2. Gẫy xương một ngón tay ảnh hưởng vận động tính theo mức độ hạn chế vận động của khớp tương ứng tại Chương tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật hệ Cơ - Xương - Khớp	1 - 3
6. Gẫy xương cẳng chân	
6.4. Gẫy gây mất đoạn xương chày tạo thành khớp giả	
6.6. Gẫy hoặc vỡ lồi củ trước mâm chày	9
6.7. Gẫy thân xương mác một chân	
6.7.1. Đường gẫy ở 1/3 giữa hoặc trên, can liền tốt	5
6.7.2. Gẫy đầu trên xương mác, can xấu	7
6.7.3. Gẫy kiểu Dupuytren (đầu dưới xương mác), can xấu, hạn chế nhẹ khớp cổ chân	6 - 10
7. Gẫy xương đòn và xương bả vai	
7.1. Gẫy xương đòn	
7.1.1. Can liền tốt, không di chứng	6 - 10
7.2. Gẫy xương bả vai một bên	
7.2.1. Gẫy, vỡ hoặc có lỗ khuyết ở thân xương	6 - 9
8. Gẫy xương sườn	
8.1. Tổn thương một hoặc hai xương sườn, (can tốt)	3 - 5
8.2. Gãy một hoặc hai xương sườn, can xấu hoặc tổn thương ba đến năm xương sườn can tốt	6 - 9

Chương 8
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH HỆ MIỄN DỊCH

Bệnh hệ Miễn dịch	Tỷ lệ % TTCT
I. Tổn thương do tăng đáp ứng miễn dịch (quá mẫn)	
2. Quá mẫn type II (quá mẫn gây độc tế bào)	
2.1. Bệnh chưa có biểu hiện lâm sàng	6 - 10
3. Quá mẫn type III (quá mẫn do lắng đọng phức hợp miễn dịch)	
3.1. Bệnh chưa có biểu hiện lâm sàng	6 - 10
4. Quá mẫn type IV (quá mẫn muộn)	
4.1. Bệnh chưa có biểu hiện lâm sàng	6 - 10

Chương 10
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT DA VÀ MÔ DƯỚI DA

Bệnh, tật Da và mô dưới da	Tỷ lệ % TTCT
I. Tổn thương da để lại di chứng ảnh hưởng đến chức năng da và thẩm mỹ	
1. Tổn thương dạng dát thay đổi mầu sắc da hoặc rối loạn sắc tố	
1.1. Vùng mặt, cổ	
1.1.1. Diện tích dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 2
1.1.2. Diện tích từ 0,5% đến dưới 1% diện tích cơ thể	3 - 4
1.1.3. Diện tích tổn thương từ 1% đến dưới 1,5% diện tích cơ thể	5 - 9
1.2. Vùng lưng - ngực - bụng	
1.2.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 2
1.2.2. Diện tích tổn thương từ 0,5% đến dưới 1 % diện tích cơ thể	3 - 4
1.2.3. Diện tích tổn thương từ 1 % đến 4% diện tích cơ thể	5 - 9
1.3. Chi trên hoặc chi dưới một bên	
1.3.1. Diện tích dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 2
1.3.2. Diện tích tổn thương từ 0,5% đến dưới 1% diện tích cơ thể	3 - 4
1.3.3. Diện tích tổn thương từ 1% đến 4% diện tích cơ thể	5 - 9
2. Tổn thương da dạng bong vảy (khô hoặc mỡ), mụn nước, da dày lichen hóa	
2.1. Vùng mặt, cổ	
2.1.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 3
2.1.2. Diện tích tổn thương từ 0,5% đến dưới 1 % diện tích cơ thể	5 - 9

Bệnh, tật Da và mô dưới da	Tỷ lệ % TTCT
2.2. Vùng lưng, ngực, bụng	
2.2.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 2
2.2.2. Diện tích tổn thương từ 0,5% đến dưới 1% diện tích cơ thể	3 - 4
2.3. Chi trên hoặc chi dưới một bên	
2.3.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 3
2.3.2. Diện tích tổn thương từ 0,5% đến dưới 1% diện tích cơ thể	5 - 9
3. Tổn thương da dạng dày sừng, teo da, sẩn, nút, củ, cục, sùi	
3.1. Vùng mặt, cổ	
3.1.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	5 - 9
3.2. Vùng lưng, ngực, bụng	
3.2.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	1 - 3
3.2.2. Diện tích tổn thương từ 0,5% đến dưới 1% diện tích cơ thể	5 - 9
3.3. Chi trên hoặc chi dưới một bên	
3.3.1. Diện tích tổn thương dưới 0,5% diện tích cơ thể	5 - 9
II. Tổn thương da dạng xơ cứng da hoặc nút da hoặc giãn da hoặc tổn thương da gây co kéo biến dạng ảnh hưởng chức năng da, chức năng cơ quan liên quan và thẩm mỹ	
1. Vùng đầu, mặt, cổ	
1.1. Vùng da đầu	
1.1.1. Nhiều tổn thương (từ năm tổn thương trở lên) và đường kính của mỗi tổn thương dưới 2cm	3 - 5
1.1.2. Tổn thương đường kính trên 5cm hoặc nhiều tổn thương (từ năm tổn thương trở lên) và đường kính của mỗi tổn thương từ 2cm đến 5 cm	7 - 9
1.3. Tổn thương vùng cổ	
1.3.1. Hạn chế vận động cổ mức độ nhẹ (không co kéo và biến dạng) hạn chế ngửa hoặc quay cổ	5 - 9
2. Vùng lưng, ngực, bụng	
2.1. Diện tích dưới 6% diện tích cơ thể	6 - 10
III. Tổn thương loét hoại tử da và mô dưới da	
1. Tổng đường kính các ổ loét dưới 1,5cm	1 - 2
2. Tổng đường kính các ổ loét từ 1,5cm đến dưới 3cm	3 - 5
3. Tổng đường kính các ổ loét từ 3cm đến dưới 5cm	6 - 10
IV. Các bệnh da để lại di chứng ảnh hưởng chức năng da, thẩm mỹ và các cơ quan liên quan	
2. Bệnh phong	
V. Bệnh của tuyến bã	
4. Trứng cá đỏ thông thường	
4.1. Đỏ mặt không thường xuyên (Rocasea)	6 - 10
VI. Các u da và mô dưới da	
1. Các u lành tính	
1.1. Chưa ảnh hưởng đến các cơ quan liên quan	
1.1.1. Số lượng dưới 10 hoặc tổng diện tích nhỏ hơn 10 cm^2	6 - 10
VII. Các bệnh về lông tóc	
1. Rụng tóc không sẹo	
1.2. Tóc rụng thành đám (nếu bị bị hói cũng được tính theo mục này)	
1.2.1. Số lượng nhỏ hơn 5 đám, đường kính dưới 5cm	6 - 10
VIII. Bệnh về móng và các di chứng (tính cho một chi)	
1. Tổn thương móng tay hoặc móng chân của một chi để lại di chứng: đổi màu, sần sùi có vằn ngang dọc hoặc viêm quanh móng điều trị không kết quả hay tái phát.	
1.1. Từ một đến ba móng	1 - 4
1.2. Từ bốn đến năm móng	6 - 10
2. Vết thương móng tay hoặc móng chân của một chi bị biến dạng móng hoặc cụt rụng	
2.1. Từ một đến ba móng	6 - 10
IX. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	
3. Sùi mào gà	

Bệnh, tật Da và mô dưới da	Tỷ lệ % TTCT
3.1. Điều trị kết quả tốt (không có di chứng và/hoặc không tái phát)	6 - 10
XI. Dị dạng, dị tật da và mô dưới da	
1. Dị dạng, dị tật Da và mô dưới da nếu tương tự như các tổn thương Da và mô dưới da đã được nêu trong Chương này thì được áp dụng tỷ lệ % TTCT của tổn thương tương đương đã nêu trong Chương	
2. Dị dạng, dị tật da và mô dưới da khác	
2.1. Chưa gây tổn thương chức năng	0 - 5

Chương 11
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT CƠ QUAN THỊ GIÁC

Bệnh, tật cơ quan thị giác	Tỷ lệ % TTCT
XII. Thị trường thu hẹp (do tổn thương não vùng chẩm)	
1. Thị trường còn khoảng 30° xung quanh điểm cố định	
1.1. Thị trường thu hẹp ở một bên mắt	6 - 10
XVI. Rung giật nhãn cầu	
1. Rung giật ở một mắt	6 - 10
XXIII. Bệnh kết mạc và bờ mi mãn tính	1 - 3
XXIV. Bệnh lệ đạo	
1. Tắc (đã hoặc chưa phẫu thuật)	6 - 10
2. Rò lệ đạo	
2.1. Đã phẫu thuật kết quả tốt	6 - 10
XXV. Dị dạng, dị tật cơ quan thị giác	
1. Dị dạng, dị tật cơ quan thị giác nếu tương tự như các tổn thương cơ quan thị giác đã được nêu trong Chương này thì được áp dụng tỷ lệ % TTCT tổn thương tương đương đã nêu trong Chương	0 - 5
2. Dị dạng, dị tật cơ quan thị giác khác	
2.1. Chưa gây tổn thương chức năng	0-5

Chương 12
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT RĂNG - HÀM - MẶT

Bệnh, tật Răng - Hàm - Mặt	Tỷ lệ % TTCT
I. Răng	
1. Răng số 8 mọc lệch, mọc ngầm hoặc mọc thẳng có lợi trùm	
1.1. Chưa có biến chứng	1 - 3
1.2. Đã có biến chứng tại chỗ (viêm nhiễm, sâu cổ răng 7...)	6- 10
2. Răng sâu ngà sâu; Mòn cổ răng; Mòn mặt nhai; Thiểu sản men răng (chưa hoặc đã điều trị)	
2.1. Từ 5 đến 10 răng	3 - 5
2.2. Từ 11 đến 20 răng	6 - 10
3. Mất răng	
3.1. Mất mỗi răng cửa, răng nanh (số 1, 2, 3)	1,50
3.2. Mất mỗi răng hàm nhỏ (số 4, 5)	1,25
3.3. Mất mỗi răng hàm lớn số 7	1,50
3.4. Mất mỗi răng hàm lớn số 6	2
3.5. Mất toàn bộ răng hai hàm	31
II. Bệnh quanh răng	
1. Viêm lợi	
1.1. Viêm lợi mạn tính toàn bộ một hàm hoặc có từ 12 răng trở xuống bị viêm lợi mạn tính ở cả hai hàm	3 - 5
1.2. Viêm lợi mạn tính toàn bộ hai hàm hoặc có trên 12 răng bị viêm lợi mạn tính ở cả hai hàm	6 - 10
2. Viêm quanh răng	
2.1. Viêm quanh răng thời kỳ đầu toàn bộ một hàm hoặc có từ 12 răng bị viêm quanh răng ở cả hai hàm, túi lợi sâu ≤ 3mm	6 - 10
IV. Sai khớp cắn	
1. Khớp cắn loại I (răng chen chúc lộn xộn)	1 - 3

Bệnh, tật Răng - Hàm - Mặt	Tỷ lệ % TTCT
2. Khớp cắn Angle II	6 - 10
4. Khớp cắn chéo	6 - 10
V. Dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	
9.1. Chưa ảnh hưởng chức năng lưỡi (phát âm, nuốt, hô hấp...)	6 - 10
VII. Nang và u lành tính vùng miệng - hàm mặt:	
4. Sau điều trị phẫu thuật u, nang xương hàm trên hoặc xương hàm dưới	
4.1. Kết quả tốt, ảnh hưởng ít tới chức năng hoặc thẩm mỹ	6 - 10
IX. Tổn thương hệ thống tuyến nước bọt	
1. Gây tăng tiết nước bọt	3 - 5
2. Chưa gây khô miệng hoặc tắc ống tuyến nước bọt	6 - 10
XI. Viêm loét ở niêm mạc miệng	
1. Nếu là triệu chứng biểu hiện tại miệng do các bệnh, tật không thuộc Răng Hàm Mặt gây ra áp dụng tỷ lệ % TTCT theo bệnh, tật là nguyên nhân gây viêm loét niêm mạc miệng	1 - 3
XII. Dị dạng, dị tật Răng Hàm Mặt	
2. Dị dạng dị tật Răng Hàm Mặt khác	
2.1. Chưa gây tổn thương chức năng	0 - 5

Chương 13
TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH, TẬT TAI - MŨI - HỌNG

Bệnh, tật Tai - Mũi - Họng	Tỷ lệ % TTCT
I. Nghe kém	
Nghe kém hai tai	
1.1. Nghe kém nhẹ hai tai	6 - 10
2. Nghe kém một tai	
2.1. Nghe kém nhẹ	3
2.2. Nghe kém trung bình	9
II. Bệnh tai ngoài	
1. Lồi xương không ảnh hưởng đến chức năng một hoặc hai tai	1 - 3
2. Lồi xương ống tai ngoài một hoặc hai tai gây thuận lợi hình thành nút dáy tái phát	6 - 10
3. Lồi xương ống tai ngoài có kích thước lớn ảnh hưởng đến chức năng nghe: Áp dụng tỷ lệ mất sức nghe dẫn truyền	
4. Dị dạng vành tai ảnh hưởng thẩm mỹ đơn thuần một tai	3 - 5
5. Dị dạng vành tai ảnh hưởng thẩm mỹ đơn thuần hai tai	6 - 10
8. Dò luân nhĩ gây áp-xe sẹo xấu hoặc dò tái phát sau mổ (một hoặc tai)	6 - 10
9. Viêm da ống tai khô hoặc viêm ống tai ngoài hoặc chàm một tai hay tái phát	3 - 5
11. Cholesteatom ống tai ngoài	
12. Polyp ống tai ngoài	
12.1. Một bên	3 - 5
12.2. Hai bên Nếu có nghe kém thì được cộng với tỷ lệ % TTCT nghe kém theo phương pháp cộng tại Thông tư	6 - 10
III. Bệnh tai giữa	
1. Viêm màng nhĩ đơn thuần (không tổn thương các thành phần khác của tai giữa), viêm tai giữa mạn tính đã điều trị nội khoa ổn định chưa ảnh hưởng chức năng thính lực	6 - 10
VI. Bệnh mũi, xoang	
1. Viêm mũi đơn thuần chưa quá phát hoặc thoái hóa	1 - 3
2. Viêm mũi có quá phát chưa có thoái hóa	
2.1. Còn đáp ứng với thuốc co mạch	6 - 10
4. Bệnh lý vách ngăn	
4.1. Dị hình vách ngăn	
4.1.1 Không ảnh hưởng tới chức năng thở, ngửi	1 - 3
9. Viêm đơn xoang	
9.1. Một bên	6 - 10
VII. Khối u vùng mũi - xoang	
1. U lành tính	

Bệnh, tật Tai - Mũi - Họng	Tỷ lệ % TTCT
1.5. U lành tính mũi xoang khác *(u nhày...)*	
1.5.1. U lành tính khu trú ở mũi chưa ảnh hưởng đến chức năng ngửi, thở	6 - 10
VIII. Rối loạn khứu giác	
1. Rối loạn khứu giác	
1.1. Một bên	6 - 10
IX. Bệnh tật mũi, xoang đã được phẫu thuật	
1. Phẫu thuật có kết quả tốt không ảnh hưởng đến chức năng và thẩm mỹ Trường hợp trước phẫu thuật, bệnh chỉ có tỷ lệ % TTCT ≤ 10% thì không cho tỷ lệ % TTCT nếu sau phẫu thuật bệnh khỏi hoàn toàn	6 - 10
XI. Bệnh, tật họng	
1. Viêm họng mạn tính	3 - 5
2. Bệnh của Amidan	
2.1. Viêm amidan mạn tính	
2.1.1. Chưa có chỉ định mổ	3 - 5
2.1.2. Có chỉ định mổ	6 - 10
2.2. Quá phát mỏm trâm amidan gây triệu chứng cơ năng như đau nhói, cảm giác vướng *(ăn uống bình thường)*	
2.2.1. Một bên	3 - 5
2.2.2. Hai bên	6 - 10
3. Viêm đặc hiệu ở họng, thanh quản do lao, nấm tỷ lệ % TTCT áp dụng theo mức ảnh hưởng chức năng của họng: nuốt, thở, phát âm	
4. Di chứng tổn thương họng, thanh quản do giang mai	
4.1. Chưa gây ảnh hưởng các chức năng nuốt, phát âm, thở (sẹo vùng họng và thanh quản)	6 - 10
4.2. Gây ảnh hưởng đến các chức năng nuốt, phát âm, thở (thủng màn hầu, sẹo rúm họng và thanh quản) tính theo tỷ lệ % TTCT tương ứng với mức ảnh hưởng các chức năng đó	
7. U lành tính vùng họng	
7.1. U lành tính chưa ảnh hưởng chức năng	6- 10
XII. Bệnh, tật thanh quản	
2. Các khối u lành tính sụn thanh quản chưa ảnh hưởng tới chức năng thì cho tỷ lệ % TTCT tương tự như u nang đáy lưỡi	6 - 10
5. Bệnh tật về họng - thanh quản không phải bệnh ác tính đã phẫu thuật	
5.1. Kết quả tốt không ảnh hưởng đến chức năng *Riêng trường hợp u lành tính dây thanh hoặc u lành tính vùng họng (u nang...) sau điều trị phẫu thuật bệnh khỏi hoàn toàn không tái phát thì không tính tỷ lệ % TTCT*	6 - 10

Bảng 4

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ DO BỆNH RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ HÀNH VI DO BỆNH, RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ HÀNH VI SỬ DỤNG TRONG GIÁM ĐỊNH PHÁP Y

Bệnh rối loạn tâm thần, hành vi	Tỷ lệ (%) TTCT
VII. Phản ứng với Stress (căng thẳng) trầm trọng và rối loạn sự thích ứng	
1. Điều trị khỏi	0
2. Điều trị ổn định	6 - 10
VIII. Các rối loạn dạng cơ thể	
1. Điều trị khỏi	0
2. Điều trị ổn định	6 - 10
IX. Các rối loạn tâm căn khác	
1. Điều trị khỏi	0
2. Điều trị ổn định	6 - 10
XVI. Các rối loạn thói quen, tác phong và xung động, Tic	
1. Điều trị khỏi	0
2. Điều trị ổn định	1 - 3
3. Điều trị không ổn định	6- 10
XIX. Các rối loạn ăn uống	
1. Điều trị khỏi	0
2. Điều trị ổn định	1 - 3

Bệnh rối loạn tâm thần, hành vi	Tỷ lệ (%) TTCT
XX. Các rối loạn giấc ngủ	
1. Điều trị khỏi	0
2. Điều trị ổn định	1 - 5
XXI. Rối loạn tăng động và hành vi ở thanh thiếu niên	
1. Mức độ nhẹ	6 - 10

Phụ lục 2

Hộp 1: Vụ án Lại Huy H1 phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án sơ thẩm của Toà án quân sự khu vực Quân khu X, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 29/8/2025 do mới thuê nhà nên vợ chồng Lại Huy H1 làm cơm mời Trần Đăng D, Đinh Văn H2, Nguyễn T, Đỗ Minh H3 và một số người bạn đến nhà ăn nhậu. Do H1 không biết Đ về nên không mời Đ. Còn Đ về nhà chơi nên mời D đến nhà Đ nhậu. Sau khi nhậu ở nhà Đ xong, khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, D rủ Đ tới nhà H1 để nhậu tiếp. Thời điểm này H1 đã đi ngủ nên Đ nhậu chung với nhóm bạn của H1. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày thì H1 dậy nhậu tiếp.

Khoảng hơn 16 giờ, Đ gọi điện thuê xe taxi đến nhà mình đón mình và hai người bạn để cùng về đơn vị. Trong khi nhậu tại nhà H1 không có ai xảy ra mâu thuẫn hay xô xát gì. Đến khoảng gần 18 giờ, T nói với mọi người là mang loa kéo đi trả còn hai người bạn của Đ cũng chào mọi người để về đơn vị. Khi T mang loa đưa lên xe công nông chuẩn bị chở đi thì Đ từ trong nhà đi ra liền lên xe nổ máy chạy ra ngoài đường. Sau khi chạy được khoảng 40 m thì mọi người nói quay lại nên Đ lùi xe vào trong sân. Lúc này H2 từ trong nhà đi ra ngoài sân nói "Có chuyện gì mà ồn ào thế". Đ nghĩ rằng H2 chửi mình nên giữa Đ và H2 xảy ra cự cãi lớn tiếng. Đ tiến tới định đánh H2 thì H3 và một số người ôm giữ Đ lại nên giữa hai người chưa xảy ra xô xát. Thấy vậy H3 gọi H1 đang nhậu trong nhà nói "H1 ơi, mày ra kêu thằng Đ về hộ tao cái". H1 đi ra sân nói với Đ "Về đồn đi" thì Đ trả lời "Không, tao không về"; H1 nói "Sao không chịu về, cứ muốn đánh nhau là sao" nhưng Đ vẫn vùng vẫy đòi đánh H2 nên H1 dùng tay phải đánh 02 cái vào phần vai trái, mạn sườn trái của Đ nhưng không gây thương tích.

Lúc này, D và hai người bạn của Đ ôm Đ đưa lên xe taxi. Do Đ vẫn vẫy vùng đòi xuống xe, sợ D không giữ được Đ nên H1 nói với D "Ở nhà đi, để anh đưa thằng Đ về" rồi H1 lên xe taxi cùng bạn Đ ôm giữ Đ. Bạn của Đ một người ngồi ở ghế phụ phía trước, một người ngồi ở băng ghế sau sát cửa bên trái, H1 ngồi ghế sau sát của bên phải còn Đ ngồi ở giữa. Khi a T (lái xe taxi) đi được khoảng 05 km thì Đ nói a T điều khiển xe quay lại để đánh nhau và nói với H1 là "Tao không về, để tao quay lại đánh chết mẹ bọn nó", "Mày là em tao sao mày đánh tao", H1 nói "Ông hư tôi mới đánh, ông thích đánh nhau lắm hả, cay không, bực không, mặt tôi đây đấm đi". Nghe H1 nói vậy, Đ dùng tay phải đánh 02 cái vào phần mặt của H1 (không gây thương tích). Sau đó Đ dùng chân đạp vào cánh cửa xe bên phải rồi chồm qua người H1 dùng tay kéo lẫy chốt làm cửa xe hé ra. H1 đóng cửa xe lại rồi ngay lập tức bàn tay phải H1 nắm lại, bốn ngón con ở trong, ngón cái ở ngoài, đấm vòng từ ngoài vào trong liên tiếp 03 cái trúng vào vùng trán phải, mặt phải và vùng mặt trái – quai hàm trái của Đ làm Đ ngất xỉu. Thấy Đ thở dốc rồi thở yếu, H1 dùng tay bấm huyệt nhân trung, hà hơi thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực để sơ cứu, đồng thời yêu cầu anh T chở Đ đến Trung tâm y tế cấp cứu. Hậu quả: Đ bị chấn thương sọ não, tử vong.

Hộp 2: Vụ án Dương Bá C, Nguyễn Thanh T, Bùi Anh T1, Nguyễn Trí Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 13/9/2023 của TAND quận O, thành phố C; Bản án phúc thẩm số 75/2023/HS-PT ngày 05/12/2023 của TAND thành phố C, Quyết định số 68/2024/HS-GĐT ngày 17/9/2024 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh thì các bị cáo có hành vi như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 25/11/2022, nhóm Dương Bá C, Nguyễn Thanh T, Bùi Anh T1, Nguyễn Trí Đ cùng nhau đi uống cà phê tại bờ kè thuộc khu V, phường C, quận Ô, TP C. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ, T1 và T ra về trước, còn C ngồi lại quán một mình, có 04 thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) ngồi bàn kế bên lấn sang bàn C. C và nhóm thanh niên này cự cãi với nhau, C bị nhóm thanh niên dùng nón bảo hiểm đánh nhưng C né được và lên xe chạy về nhà. C lấy điện thoại, gọi cho T1, Đ, T rủ "tụi bay đi với tao kiếm nhóm hồi nãy xử lại"; T1, Đ, T đồng ý. Các bị cáo hẹn nhau ở cầu S, trước khi đi C về nhà lấy 03 dao, đưa cho Đ 01 cây dao, đưa cho T 01 cây dao còn C giữ 01 cây. Đến khoảng hơn 01 giờ ngày 26/11/2022, C điều khiển xe mô tô chở T1 còn T điều khiển xe mô tô chở Đ. Trên đường đi, C và T ghé vào một quán bên đường, mỗi người lấy 02 vỏ chai bia hiệu Larua rồi chạy lên chợ Ô tìm nhóm thanh niên kia nhưng không gặp nên nhóm bị cáo đến cây xăng P để đổ xăng. Sau khi đổ xăng các bị cáo quay xe ra quốc lộ I thì gặp nhóm của Nguyễn Quang L, Lý Võ Gia T2, Đồng Ngọc S và Nguyễn Lý Trọng N2. Thấy nhóm của L, C nghĩ là nhóm thanh niên ở dưới bờ kè nên C nói "nó kìa", T chở Đ chạy đuổi theo trước còn C chở T chạy theo sau. Khi đến khu vực A, phường C, quận Ô, TP Cần Thơ, T điều khiển xe ép xe của T2 làm xe bị đổ về phía trước, L điều khiển xe đến định chở T2 bỏ chạy nhưng C chạy tới chặn xe L làm xe bị ngã đè lên chân L; N2 và S điều khiển xe chạy trước, T2 bỏ chạy bộ để trốn còn L ở lại. T xuống xe, dùng tay và chân đấm đá vào người L; C nói L quỳ gối trên vỉa hè và cầm vỏ chai bia đánh vào đầu L đang đội nón bảo hiểm làm vỡ vỏ chai bia, T1 tiếp tục cầm vỏ chai bia đánh vào đầu L 01 cái, Đ cầm dao chém vào đầu L 02 cái làm vỡ nón bảo hiểm đang đội, C cầm dao chém vào đầu của L thì L lấy tay đỡ, lúc này L ngã ra đường, C tiếp tục dùng dao chém vào chân phải của L 01 cái, T1 dùng dao chém vào cẳng chân phải của L 01 cái. Thấy đầu của L chảy máu nên C, T1, Đ và T lên xe chạy về nhà, trên đường đi, Đ ném bỏ cây dao xuống sông. Lúc này, T2 quay trở lại chở L đi bệnh viện. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 108 ngày 07/3/2023 Trung tâm pháp y - Sở Y tế TP C kết luận: Tỷ lệ TTCT do thương tích gây nên hiện tại đối với L là 50%.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát thành phố C đề nghị TAND thành phố C xét xử phúc thẩm theo hướng huỷ toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Giết người" theo Điều 123 BLHS năm 2015. Tuy nhiên TAND thành phố C đã không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Hộp 3: Vụ án Trần Đức M, Nguyễn Mạnh H1 và Đàm Văn N phạm tội "Hành hung đồng đội"

Theo Bản án số 02/2024/HSST ngày 26/01/2024 của Toà án quân sự Khu vực Quân khu Z, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H2 có tác phong không nhanh nhẹn và khi đi gác ngủ gật nên khi nghỉ giải lao M, H1, N đã dùng tay, chân đấm, đá và dùng gậy gỗ chọc vào bụng, ngực, tay, lưng, mông của H. Sau đó, H2 bỏ chạy về phía khán đài của tiểu đoàn báo cáo việc bị đánh. Quân nhân Triệu Thanh T và Đinh Công H3 vén áo H2 lên thì thấy có vết thâm, đề nghị tập trung đơn vị để quán triệt, yêu cầu M, H1, N viết bản kiểm điểm.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi xếp hàng đi ăn cơm H1 lườm H2, khi vào phòngăn H2 không ăn cơm mà đi ra đổi gác cho Q về ăn cơm. M, N đều ăn trưa ở bếp và sau đó trực sơ vụ vệ sinh nhà bếp. L có ra sa bàn gọi H về trực, khi đến nơi gọi không thấy H trả lời, L lên tầng 2 đã thấy dây điện buộc sẵn, do nghĩ không có vấn đề gì nên L quay lại nhà bếp tiếp tục công việc. Khoảng 12 giờ 30 cùng ngày, Phan Văn T2 phát hiện thấy H ở trong tư thế treo cổ bằng sợi dây điện chập đôi tại vọng gác. Kết luận giám định tử thi kết luận nguyên nhân tử vong là do ngạt cơ học do treo cổ. Kết luận giám định TTCT kết luận tỷ lệ phần trăm TTCT do thương tích của H là 07%. Tuy nhiên, đại diện của bị hại không có đơn yêu cầu khởi tố đối với M, H1, N. Về giải quyết vụ án có nhiều quan điểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: M, H1, N dù không có mâu thuẫn gì, vì nguyên cớ nhỏ nhặt đã dùng tay, chân đấm đá, dùng gậy chọc H2 gây thương tích 07% là có đủ dấu hiệu cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, trường hợp này đại diện của bị hại không có đơn yêu cầu khởi tố đối với M, H1, N về tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK, theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không có căn cứ khởi tố vụ án CYGTT hoặc GTHCSKCNK. Nên hành vi của M, H1, N cấu thành tội hành hung đồng đội với tình tiết tăng nặng "Gây hậu quả nghiêm trọng" tại điểm đ khoản 2 Điều 398 BLHS năm 2015.

Quan điểm thứ hai cho rằng: Hành vi của các bị cáo vừa cấu thành tội CYGTT hoặc GTHCSKCNK theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 vừa cấu thành tội hành hung đồng đội theo điểm đ khoản 2 Điều 398 BLHS năm 2015. Theo đường lối xét xử tại Mục 2 Công văn 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của TAND tối cao về việc xử lý trường hợp người thực hiện một hoặc nhiều hành vi thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì truy cứu TNHS về tội nặng hơn. Vì vậy, những người theo quan điểm thứ hai cho rằng trong trường hợp này các bị cáo bị truy tố về tội hành hung đồng đội là có căn cứ.

Hộp 4: Vụ án Lê Thế L và đồng phạm phạm tội "Gây rối trật tự công cộng"

Bản án sơ thẩm của TAND Khu vực X tỉnh B và Bản án phúc thẩm của TAND tỉnh B, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 22/9/2024, tại khu vực ngã tư đường mới thuộc tổ dân phố My Điền 3, thị xã V, tỉnh B; Lê Thế L (sinh năm 2003) và Ngô Quang T1 (sinh ngày 18/02/2007) do nhầm tưởng nhóm của Hoàng Đức D1 (sinh ngày 04/5/2008) là nhóm thanh niên đã đánh Nguyễn Minh Đ1 và Ngô Quang C (là người đưa đón nhân viên quán Karaoke do L quản lý) nên L đã điều khiển xe mô tô chở T1 ngồi sau cầm theo hung khí là thanh kim loại vuông có chiều dài 1,55 mét đuổi theo Hoàng Đức D1 điều khiển xe mô tô chở Thân Đức T2 (sinh ngày 21/11/2007) đi trên đường mới đến đoạn thuộc phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang (nay là phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh) với quãng đường là 650 mét thì không đuổi kịp nên L và T1 quay về khu vực ngã ba tổ dân phố Chằm, phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên đứng ở đó. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, D1 và T2 đã lấy khoảng 10 vỏ chai bia Hà Nội rồi D1 tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T2 đi đến khu vực ngã tư Đài truyền hình tỉnh Bắc Giang thì gặp Đào Văn Th (sinh ngày 04/5/2007) điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Trí Đ2 (sinh ngày 12/04/2009); Nguyễn Ngọc Tấn D2 (sinh ngày 15/12/2009) điều khiển xe mô tô chở Đào Hoàng B (sinh ngày 23/02/2009); Hoàng Minh H1 (sinh ngày 28/01/2009) điều khiển xe mô tô chở Đỗ Huy H2 (sinh ngày 05/4/2008). Tại đây, các đối tượng rủ nhau quay lại tìm, đuổi đánh nhóm L và T1, T2 đã lấy vỏ chai bia chia cho Đ2, B, H1 mỗi đối tượng cầm khoảng 02 đến 03 vỏ chai bia rồi cùng nhau điều khiển xe với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, rú ga đi xuống khu vực ngã ba tổ dân phố Chằm, phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thì gặp L và T1. L điều khiển xe mô tô chở T1 đuổi theo xe mô tô của D2 chở B để đánh nhau; quá trình truy đuổi trên đường mới theo hướng khu công nghiệp Đình Trám, T1 ngồi sau xe cầm thanh kim loại khua khoắng, giơ lên để vụt về phía D2 và B thì D2 điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy còn B ngồi phía sau cầm vỏ chai bia ném về phía xe của L. Thấy vậy, D1 chở T2, Th chở Đ2, H1 chở H2 đều điều khiển xe mô tô tăng ga đuổi theo xe của L, còn T2, Đ2 và H2 ngồi sau cầm vỏ chai bia ném về phía xe của L và T1. Quá trình đuổi đánh nhau các đối tượng đi xe với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, rú ga truy đuổi nhau trên đoạn đường từ ngã ba đường mới thuộc tổ dân phố Chằm, phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến ngã tư đường mới giao nhau với đường đi tổ dân phố My Điền 3 và đường đi chợ My Điền 2 đoạn thuộc tổ dân phố My Điền 3, phường Nếnh, thị xã Việt Yên dài 3,2km do điều khiển xe chạy tốc độ nhanh không làm chủ được tốc độ nên xe mô tô do Hiếu điều khiển chở Hoàng đã đâm vào giải phân cách đường làm xe bị đổ H1 và H2 bị ngã xuống đường, H1 bỏ chạy còn H2 bị L và T1 đuổi kịp, L xuống xe mô tô đi đến nơi H2 bị ngã dùng tay đấm 02 phát vào mặt H2, cùng lúc này người dân xung quanh ra can ngăn rồi báo cho Tổ an ninh trật tự của tổ dân phố My Điền 3, phường Nếnh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên L điều khiển xe mô tô chở T1 đi về phòng trọ.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, tỉnh B truy tố Lê Thế L, Ngô Quang T1, Hoàng Đức D1, Đỗ Huy H1, Thân Đức T2, Đào Văn Th về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS năm 2015.

Toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên các bị cáo về tội "Gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS năm 2015.

Hộp 5: Vụ án Trần Đình H1, Phạm Kiên Q và Giàng Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án số 04/2019/HS-ST ngày 23/10/2019 của Toà án quân sự Khu vực Y Quân khu Z, nội dung vụ án như sau:

Tối 30/10/2018, tại quán karaoke L, nhóm Trần Đình H1, Giàng Văn T có mâu thuẫn với nhóm của Hoàng Văn H2. Ngay trong đêm đó, H1 đã gọi điện nhờ tìm người lên đánh nhóm của H2 nhưng không được. H1 tiếp tục gọi điện cho Phạm Kiên Q, để tìm người giúp bị cáo. Bị cáo Q đã đồng ý và bảo một số bị cáo khác sang tỉnh C giúp H1 đi đánh nhau. T cùng một số bị cáo tích cực giúp sức cho H1 trong việc đi mua 13 con dao phát, chuyển dao, tuýp sắt, gậy bóng chày từ nhà bị cáo H1 lên xe, đi thám thính nhóm người của H2, mua và phát khẩu trang cho các bị cáo khác theo yêu cầu của H1. Sáng ngày 01/11/2018, H1, T, Q cùng một nhóm người đi ô tô từ thành phố L sang tỉnh C để tìm đánh nhóm của H2. H1 và các bị cáo dùng hung khí mang theo là gậy, dao … để đánh, chém các anh Trịnh Tuấn A, Phan Tất Th. Cụ thể: Q dùng điếu cày đập liên tiếp nhiều nhát vào người Tuấn A; T dùng 01 con dao Mèo chém 01 phát vào cẳng chân trái Tuấn A; anh Th đang nằm trên gường đắp chăn nên dùng chăn cuốn quanh người để đỡ nhưng vẫn bị Q xông vào dùng gậy, dao đánh, chém. Khi biết đã đánh nhầm người, các bị cáo bỏ đi. Hậu quả: Tỷ lệ TTCT của anh Trịnh Tuấn A là 21%; tỷ lệ TTCT của anh Phan Tất Th là 03%.

Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt các bị cáo: Trần Đình H1 24 tháng tù; Phạm Kiên Q 21 tháng tù; Giàng Văn T 21 tháng tù.

Hộp 6: Vụ án Trần V phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án số 07/2022/HS-ST ngày 24/6/2022 của Toà án quân sự Khu vực X Quân khu Z, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi uống rượu, bia cùng một số người, do bực tức bị anh Nguyễn Đức Q nhắc nhở, Võ Đình T cùng Trần V, Nguyễn Quang S đi tìm gặp anh Q để giải quyết mâu thuẫn. V nói "Anh Q, bọn em muốn nói chuyện với anh" nhưng anh Q nhắc nhở, chấn chỉnh về tác phong và yêu cầu cả ba về thay quần áo. V và anh Q lời qua tiếng lại, V có thái độ thiếu tôn trọng nên anh Q đã dùng tay phải tát vào má bên trái. Ngay sau đó, V xông lên bệ nhằm đánh anh Q nhưng vướng dây mắc màn và được mọi người can ngăn đẩy V ra. Khi đến cửa ra vào, V cầm một chén cơm bằng sứ ném về phía anh Q nhưng không trúng. T ở lại nói chuyện to tiếng với anh Q còn V về bếp. V thấy một con dao tông (dùng để chẻ củi) liền cầm dao chạy lên phòng, xông đến chém anh Q nhiều nhát nhưng anh Q tránh được. V dồn anh Q vào góc tường, dùng tay phải vung dao chém từ trên xuống dưới, anh Q giơ tay trái lên đỡ thì bị chém 01 nhát vào cẳng tay. Hậu quả: anh Q bị TTCT, tỷ lệ là 11%.

Viện kiểm sát truy tố Trần V về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 với tình tiết tăng nặng định khung điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Toà án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 với hai tình tiết tăng nặng định khung là "Dùng hung khí nguy hiểm" và "Có tính chất côn đồ" tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Hộp 7: Vụ án Đoàn Mạnh C phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án số 05/2018/HSST ngày 09/8/2018 của Toà án quân sự Khu vực X Quân khu Y, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 14 giờ ngày 13/3/2017, Nguyễn Văn N gọi điện hẹn Đoàn Mạnh C giải quyết mâu thuẫn. Đến điểm hẹn nhóm của N gặp C đứng sẵn ở đó. Trong lúc hai bên giải quyết mâu thuẫn bằng lời nói, C đã cầm gậy rút kim loại mang theo vụt một nhát vào vai phải của M rồi cầm gậy bỏ chạy. Thấy vậy, T1, M liền đuổi theo C; N mở cốp xe mô tô lấy một chiếc gậy rút kim loại đuổi theo một đoạn rồi nhờ P điều khiển xe mô tô chở N đuổi theo để đánh C. Khi thấy C chạy rẽ vào đường bê tông, N bảo P dừng xe lại, N nhảy xuống chạy bộ về phía C. Tới nơi, N cầm gậy rút kim loại lao về phía C để vụt C nhưng bị trượt. Cùng lúc đó, C cầm gậy rút kim loại vụt lại trúng gò má của N làm N ngã ra đường bê tông. Thấy N bị ngã, C vụt thêm một nhát nữa trúng trán của N, rồi nhặt chiếc gậy của N, mỗi tay cầm một gậy khua khoắng và bỏ chạy. Hậu quả, Nguyễn Văn N bị thương tích 22%.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đoàn Mạnh C về tội "Cố ý gây thương tích", đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Toà án áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt Đoàn Mạnh C 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Hộp 8: Vụ án Đặng hoàng S và Đặng Phước Q phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 17/6/2024 của TAND tỉnh ĐT, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 22/01/2023 Đặng Hoàng S đi chúc tết bằng xe ô tô 04 chỗ, có chở theo vợ là Đặng Thị Ngọc D và cháu ruột là Đặng Phước Q (S và Q đều có sử dụng rượu, bia) đi trên tuyến đường từ cầu K đến địa phận trại 4. Khi đến trước cửa nhà Huỳnh Thanh C có một xe ô tô bán tải (05 chỗ ngồi) đậu bên lề; do đường hẹp xe của S không qua được nên S dừng lại bấm còi liên tục. Lúc này nhà anh C có tổ chức tiệc nhậu Tết ở nhà trước. Nghe tiếng còi xe chị Đ (vợ C) đi ra gặp S nói: "S em có lùi xe lại được không, nếu không được thì tôi vào kêu mấy người Miên ra lùi xe cho chú qua", S nói "Không, xe Campuchia hả đụng thấy mẹ", chị Đ nói "Sao em nói kỳ vậy", S nói "ĐM bà chứ lùi đường này mà lùi". C nghe vậy nên ở chỗ bàn nhậu đứng lên chửi: "ĐM mày không lùi xe thì người ta lùi mày đòi đánh gì, tao đánh mày chết mẹ mày". Đặng Hoàng S cầm daotay phải đi đến chỗ bàn nhậu nói "Tao đâm chết mẹ mày", S đâm trúng vào vùng giữa trán, ngực trái, lưng trái anh C (qua giám định, tỷ lệ TTCT là 09%) nên người nhà kéo anh C vào nhà đóng cửa lại. Tiếp đến, S quay sang đâm ông S1 trúng 06 vết thương ở gò má phải, vùng gốc mũi, vùng lưng trái, đỉnh phải, chẩm thái dương phải, đỉnh thái dương trái (giám định tỷ lệ TTCT là 12%). Còn Q cũng xuống xe ở ngoài lộ nghe người Campuchia chửi nên lượm gạch ống ném và lấy ghế mũ, ly thuỷ tinh đánh ông S2 (giám định tỷ lệ TTCT 22%).

Viện kiểm sát tuy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích", đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 135; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đặng Hoàng S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; bị cáo Đặng Phước Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Toà án tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích", áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Đặng Hoàng S 01 năm 09 tháng tù; Đặng Phước Q 01 năm 06 tháng tù.

Hộp 9: Vụ án Ninh Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo bản án số 53/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của TAND tỉnh NĐ, vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn cá nhân, gia đình, Ninh Văn N cầm 02 chiếc cốc thủy tinh trên bàn uống nước phòng khách ném 02 lần về phía ông Ninh An T nhưng không trúng, vừa ném vừa chửi bới ông T và ông M; N bảo ông M: "Mày đuổi thằng đấy đi, mày cho nó ở đây làm gì, đất này là đất của tao, nhà này là nhà của tao". Ông M nói "Nhà của tôi, tôi cho ai ở là quyền của tôi, anh sang đây không được đập phá". N liền lấy một ca đựng nước bằng nhựa để trên mặt bàn cầm bằng tay phải ném về phía ông M nhưng ông M tránh được, ca nước trúng vào cửa sổ rơi vỡ. Ngay sau đó, N tiếp tục cầm một chiếc ấm chuyên bằng sứ (cao khoảng 15cm, đường kính khoảng 10cm) ném về phía ông T đang đứng ở cửa buồng ngủ cách chỗ N khoảng 3.5m đến 4m; ông T giơ tay lên đỡ thì chiếc ấm chuyên trúng vào khủy tay trái làm trật khớp khủy tay, rách da, chảy máu; ông T sợ hãi liền cầm balo chạy ra ngoài. N đuổi theo ông T, khi ra đến bờ tường ngoài sân, N dùng tay phải cầm 01 chiếc chậu cây cảnh bằng xi măng (chưa trồng cây) (đường kính khoảng 30cm, cao khoảng 20-25 cm) vung lên (cách ông M khoảng 0.5m) đập trúng vào phần gò má trái ông M làm rách da, chảy nhiều máu. Hậu quả, ông Ninh Văn M TTCT 13%, ông Ninh An T TTCT 01%.

Cáo trạng của viện kiểm sát truy tố bị cáo N về tội "Cố ý gây thương tích", đề nghị áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Ninh Văn N từ 24 đến 30 tháng tù.

Toà án tuyên bố bị cáo N phạm tội "Cố ý gây thương tích", áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo N 24 tháng tù.

Hộp 10: Vụ án Trương Văn K phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của TAND quận L, thành phố H và Bản án hình sự phúc thẩm của TAND thành phố H, bị cáo có hành vi như sau:

Chiều 17/3/2024, Trương Văn K xảy ra mâu thuẫn với Nguyễn Hoàng Đ, bị Đ dùng tay tát 01 cái vào mặt. K về nhà và nhờ anh ruột là Trương Văn M ra giải quyết mâu thuẫn. Anh em M đã cùng nhau đi tìm cháu Đ. Thấy M và K cùng đi giải quyết mâu thuẫn tại sân đình Lệ Mật, bà Dương Thị T1 đã gọi ông Trương Văn T (bố đẻ của M, K) đang sửa bình nước trên gác thượng và yêu cầu ông T đi theo M, K để can thiệp không cho các cháu đánh nhau. Nghe tin 02 con đi giải quyết mâu thuẫn, ông T điều khiển xe máy đi theo các con. Khi gặp các con, T bảo cả hai lên xe để mình chở đi. Trên đường đi, T hỏi cụ thể thì K nói là bị cháu Đ đánh. Do thấy K không bị thương tích gì nặng nên ông T nói "*Các anh trêu con thôi*". Khi đến nơi, ông T đỗ xe bên trong đình Lệ Mật cách cổng đình mới khoảng 30m và bảo với M, K là đi vào gặp ông nội để giải quyết. Sau khi thấy hai con đi về hướng ông nội đang ngồi, ông T quay xe đi về. Tuy nhiên, khi đi xe khỏi cổng đình khoảng 10m, ông không yên tâm nên đã quay lại kiểm tra xem M, K có vào gặp ông nội không. Khi quay đầu xe lại không thấy M, K vào gặp ông nội nên ông T đã điều khiển xe máy đi trên phố Đào Hinh, vừa đi vừa nhìn vào bên trong sân đình để tìm M, K. Về phía anh em M, sau khi xuống xe đã đi về phía ông nội nhưng không đi qua gặp ông mà đi thẳng lên khu vực sân bát giác nơi cháu Đ cùng các bạn đang chơi bóng rổ. Tại đây, M hỏi: "*Thằng nào đánh em tao*". K chỉ tay về hướng cháu Đ đang đứng và nói: "*Thằng kia đánh em*". Thấy vậy, M tiến gần đến vị trí Đ, dùng tay trái túm cổ áo Đ, đồng thời dùng tay phải đấm 01 phát vào vùng má trái khiến Đ ngã xoay một vòng và ngã đập đầu xuống nền đá. Sau đó, M tiếp tục túm cổ áo Đ và yêu cầu xin lỗi K. Lúc này, Đ ngồi dậy quỳ bằng một chân và chống nắm đấm tay phải xuống nền đá. Do bị choáng nên Đ không nói gì. Cùng lúc này, quan sát được sự việc nên ông T điều khiển xe máy đi vào khu vực sân bát giác, đỗ xe cách vị trí xảy ra vụ việc khoảng 10m hô to: "*M không được đánh em*" rồi tiến đến vị trí của Đ và M. T can ngăn M và nói với Đ: "*Lần sau còn đánh em thì chú sẽ về bảo bố mẹ xử lý*", sau đó ông T chở M và K về nhà. Thấy Đ có biểu hiện choáng nên các bạn đã dìu ra khu vực ghế đá gần khu vực cầu trượt nằm nghỉ. Sau khi đưa hai con về, ông T điều khiển xe máy quay trở lại khu vực trên để xem tình hình sức khỏe của Đ thế nào thì thấy Đ có biểu hiện choáng, tái mặt, ông T đi ra cửa hàng tạp hóa gần đó mua nước lọc cho Đ uống. Tuy nhiên, sau khi uống nước, Đ bị nôn nên ông T và bạn của Đ đã đưa nạn nhân vào Bệnh viện Đa khoa Đ cấp cứu. Sau đó Đ được chuyển sang nhiều bệnh viện khác nhau để điều trị. Đến ngày 21/5/2024, Đ đã tử vong tại bệnh viện. Theo Kết luận giám định tử thi của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP H, nguyên nhân tử vong của cháu Đ là suy đa phủ tạng do hậu quả của tổn thương chảy máu não.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 38 BLHS xử phạt Trương Văn M 04 năm 09 tháng. Ngày 20/12/2024, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với các nội dung: xem xét lại hành vi của bị cáo M, chuyển sang tội "Giết người", đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo vì

phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng "Có tính chất côn đồ"; xem xét tăng mức bồi thường; xem xét vai trò, trách nhiệm và cần xử lý anh T với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án. Ngày 24/12/2024, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giảm mức bồi thường thiệt hại. Ngày 30/12/2024, bị cáo M có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị được giảm nhẹ hình phạt. Tòa cấp phúc thẩm cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án, quyết định có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận các nội dung kháng cáo của bị cáo M, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm.

Phụ lục 3

DANH MỤC BẢN ÁN PHÚC THẨM ĐƯỢC KHẢO SÁT ĐỂ ĐÁNH GIÁ VỀ NGUYÊN NHÂN HỦY, SỬA BẢN ÁN SƠ THẨM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
1	Bản án số 562/2018/HS-PT ngày 28/11/2018 của TAND TP Hồ Chí Minh	Sửa Bản án sơ thẩm số 88/2018/HSST ngày 17/8/2018 của TAND Quận 7, TP Hồ Chí Minh, cho bị cáo hưởng án treo	Do có tình tiết mới
2	Bản án số 290/2018/HSPT ngày 19/11/2018 của TAND tỉnh đồng Nai	Huỷ bản án sơ thẩm số 54/2018/HSST ngày 12/9/2018 của TAND huyện Vĩnh Cửu để điều tra lại vụ án	Do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát bỏ lọt tội phạm. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Toà án cấp sơ thẩm chỉ xét xử theo cáo trạng của Viện kiểm sát và có kiến nghị trong bản án về việc bỏ lọt tội phạm
3	Bản án số 89/2018/HSPT ngày 07/11/2018 của TAND tỉnh Phú Yên	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2018/HSST ngày 29/8/2018 của TAND huyện Đông Hoà	
4	Bản án số 706/2018/HS-PT ngày 05/11/2018	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 110/2018/HSST ngày 20/8/2018 của TAND huyện S, Hà Nội	
5	Bản án số 79/2018/HS-PT ngày 23/11/2018 của TAND tỉnh Quảng Ngãi	Huỷ bản án số 25/2018/HSST ngày 04/7/2018 của TAND TP Q tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại về tội "Giết người"	Do cấp sơ thẩm sai
6	Bản án số 56/2018/HS-PT ngày 14/9/2018 của TAND tỉnh Bình Phước	Sửa Bản án sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 20/6/2018 của TAND thị xã B, tỉnh Bình Phước, cho bị cáo hưởng án treo	Do cấp sơ thẩm sai
7	Bản án số 230/2018/HSPT ngày 22/11/2018 của TAND tỉnh Thanh Hoá	Giữ nguyên Bản án số 219/2018/HSST ngày 14/9/2018 của TAND T4 TP Thanh Hoá	
8	Bản án số 98/2018/HS-PT ngày 26/4/2018 của TAND tỉnh Quảng Nam	Giữ nguyên Bản án số 02/2018/HS-ST ngày 05/02/2018 của TAND huyện Quyế Sơn	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
9	Bản án số 129/2018/HS-PT ngày 29/11/2018 của TAND tỉnh Tây Ninh	Sửa Bản án số 92/2018/HS-ST ngày 10/10/2018 của TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh, giảm hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
10	Bản án số 85/2018/HS-PT ngày 19/11/2018 của TAND TP Hải Phòng	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 07/9/2018 của TAND huyện An L, TP Hải Phòng	
11	Bản án số 843/2018/HS-PT ngày 20/12/2018 của TAND TP Hà Nội	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 24/7/2018 của TAND huyện P, TP Hà Nội	
12	Bản án số 114/2018/HS-PT ngày 30/10/2018 của TAND tỉnh An Giang	Sửa Bản án sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 30/8/2018 của TAND huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, không cho bị cáo hưởng án treo	Do cấp sơ thẩm sai
13	Bản án số 103/2018/HS-PT ngày 27/12/2018 của TAND tỉnh Lạng Sơn	Sửa Bản án sơ thẩm số 64/2018/HS-ST ngày 18/10/2018 của TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Do có tình tiết mới
14	Bản án số 257/2019/HS-PT ngày 04/02/2019 của TAND TP Hà Nội	Sửa Bản án sơ thẩm số 331/2018/HSST ngày 27/12/2018 của TAND quận N, giảm hình phạt tù, cho hưởng án treo	Do cấp sơ thẩm sai
15	Bản án số 602/2019/HSPT ngày 28/11/2019 của TAND TP Hồ Chí Minh	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 95/2019/HSST gày 16/8/2019 của TAND quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	
16	Bản án số 253/2019/HS-PT ngày 29/10/2019 của TAND tỉnh Quảng Nam	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 18/6/2019 của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	
17	Bản án số 43/2019/HSPT ngày 02/4/2019 của TAND tỉnh Khánh Hoà	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 304/2018/HSST ngày 30/11/2018 của TAND TP N	
18	Bản án số 23/2019/HS-PT ngày 19/11/2019 của TAND tỉnh Kon Tum	Huỷ Bản án sơ thẩm số 15/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của TAND huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum để điều tra lại	Do cấp sơ thẩm sai

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
19	Bản án số 27/2019/HS-PT ngày 11/3/2019 của TAND tỉnh Nam Định	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 62/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của TAND huyện Trực Ninh về hình phạt	
20	Bản án số 393/2019/HS-PT ngày 06/09/2019 của TAND TP Hồ Chí Minh	Sửa Bản án sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 12/6/2019 của TAND huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh, giảm hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
21	Bản án số 195/2019/HS-PT ngày 15/11/2019 của TAND tỉnh Nghệ An	Sửa Bản án sơ thẩm số 99/2019/HSST ngày 09/7/2019, giảm hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
22	Bản án số 70/2020/HS-PT ngày 03/11/2020 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 143/2020/HSST ngày 21/8/2020 của TAND TP Bắc Ninh	
23	Bản án số 343/2020/HS-PT ngày 07/9/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 220/2020/HS-ST ngày 11/5/2020 của TAND TP Biên Hoà	
24	Bản án số 121/2020/HS-PT ngày 17/12/2020 của TAND tỉnh Bến Tre	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 69/2020/HS-ST ngày 08/9/2020 của TAND TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre	
25	Bản án số 50/2020/HS-PT ngày 17/11/2020 của TAND tỉnh Cao Bằng	Sửa Bản án sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của TAND huyện H, tỉnh Cao Bằng, cho bị cáo hưởng án treo	Do có tình tiết mới
26	Bản án số 70/2020/HS-PT ngày 29/12/2020 của TAND tỉnh Ninh Thuận	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2020/HSST ngày 22/9/2020 của TAND huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	
27	Bản án số 603/2020/HS-PT ngày 23/12/2020 của TAND TP Hồ Chí Minh	Sửa Bản án sơ thẩm số 187/2020/HS-ST ngày 14/9/2020 của TAND quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, giảm hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
28	Bản án số 169/2020/HS-PT ngày 14/12/2020 của TAND tỉnh Kiên Giang	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 28/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của TAND huyện G, tỉnh Kiên Giang về hình phạt	
29	Bản án số 41/2020/HS-PT ngày 23/11/2020	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
	của TAND tỉnh Quảng Trị	28/9/2020 của TAND huyện P, tỉnh Quảng Trị	
30	Bản án số 42/2021/HS-PT ngày 04/3/2021 của TAND tỉnh Tây Ninh	Sửa Bản án sơ thẩm số 86/2020/HS-St ngày 30/11/2020 của TAND huyện Ch, tỉnh Tây Ninh, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
31	Bản án số 269/2021/HS-PT ngày 30/11/2021 của TAND tỉnh Đồng Tháp	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 22/6/2021 của TAND TP S	
32	Bản án số 163/2021/HS-PT ngày 22/12/2021 của TAND tỉnh Hà Tĩnh	Sửa Bản án sơ thẩm số 36/2021/HS-ST ngày 26/8/2021 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, cho bị cáo hưởng án treo	Do có tình tiết mới
33	Bản án số 98/2021/HS-PT ngày 29/12/2021 của TAND TP Cần Thơ	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 45/2021/HS-ST ngày 28/5/2021 của TAND quận T, TP Cần Thơ về hình phạt	
34	Bản án số 327/2021/HSPT ngày 30/12/2021 của TAND tỉnh Đắk Lắk	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 57/2021/HSST ngày 24/9/2021 của TAND huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	
35	Bản án số 393/2021/HS-PT ngày 12/11/2021 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 451/2020/HS-ST ngày 11/11/2021 của TAND TP Hồ Chí Minh	
36	Bản án số 128/2022/HS-PT ngày 16/3/2022 của TAND cấp cao tại Hà Nội	Sửa Bản án hình sự số 327/2021/HSST ngày 21/10/2021 của TAND TP Hà Nội, giảm hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
37	Bản án số 33/2022/HS-PT ngày 21/01/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 14/10/2021 của TAND tỉnh Bình Định	
38	Bản án số 32/2022/HS-PT ngày 04/3/2022 của TAND tỉnh Bình Dương	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2021/HS-ST ngày 08/10/2021 của TAND TP Thuận An, tỉnh Bình Dương	
39	Bản án số 1032/2022/HS-PT ngày 06/12/2022 của TAND TP Hà Nội	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 180/2022/HSST ngày 20/9/2022 về hình phạt	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
40	Bản án số 130/2022/HS-PT ngày 19/12/2022 của TAND tỉnh Thái Nguyên	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 51/2022/HSST ngày 29/9/2022 của TAND huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên về hình phạt	
41	Bản án số 139/2022/HS-PT ngày 12/12/2022 của TAND tỉnh Bình Thuận	Sửa Bản án sơ thẩm số 99/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của TAND TP Phan Thiết, cho bị cáo hưởng án treo	Do có tình tiết mới
42	Bản án số 133/2022/HS-PT ngày 23/11/2022 của TAND tỉnh Khánh Hoà	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 08/9/2022 của TAND huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà	
43	Bản án số 220/2022/HS-PT ngày 09/11/2022 của TAND tỉnh Tiền Giang	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của TAND huyện G, tỉnh Tiền Giang	
44	Bản án số 113/2023/HS-PT ngày 20/12/2023 của TAND tỉnh Thừa Thiên Huế	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 290/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của TAND TP Huế	
45	Bản án số 377/2023/HS-PT ngày 10/11/2023 của TAND TP Hồ Chí Minh	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của TAND quận T, TP Hồ Chí Minh về hình phạt	
46	Bản án số 175/2023/HS-PT ngày 19/12/2023 của TAND TP Hải Phòng	Sửa Bản án sơ thẩm số 146/2023/HS-ST ngày 23/10/2023 của TAND quận Lê Chân, TP Hải Phòng, giảm hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
47	Bản án số 40/2023/HS-PT ngày 26/12/2023 của TAND tỉnh Bắc Kạn	Huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 31/8/2023 của TAND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Do người đã yêu cầu khởi tố vụ án rút yêu cầu
48	Bản án số 269/2023/HS-PT ngày 21/8/2023 của TAND TP Hồ Chí Minh	Sửa Bản án sơ thẩm số 104/2023/HS-ST ngày 24/5/2023 của TAND huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh	Do có tình tiết mới
49	Bản án số 824/2023/HS-PT ngày 25/10/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	Sửa Bản án sơ thẩm số 24/2023/HS-ST ngày 10/3/2023 của TAND tỉnh Bình Dương về tội danh, hình phạt	Do cấp sơ thẩm sai (về tội danh), do có tình tiết mới (mức hình phạt)
50	Bản án số 866/2023/HS-PT ngày	Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 350/2023/HS-ST ngày	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
	20/11/2023 của TAND cấp cao tại hà Nội	17//2023 của TAND TP Hà Nội	
51	Bản án số 01/2024/HS-PT ngày 03/4/2024 của TAQS Thủ đô Hà Nội	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 của TAQS khu vực Thủ đô Hà Nội	
52	Bản án số 53/2025/HS-PT ngày 08/4/2025 của TAND TP Hải Phòng	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 14/02/2025 của TAND quận Hải An	
53	Bản án số 64/2025/HS-PT ngày 29/4/2024 của TAND tỉnh Bình Thuận	Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 81/2024/HS-ST ngày 23/11/2024 của TAND huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	
54	Bản án số 01/2024/HS-PT ngày 28/5/2024 của TAQS Quân khu 3	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 15/3/2024 của TAQS khu vực Quân khu 3	
55	Bản án số 75/2024/HS-PT ngày 25/9/2024 của TAND tỉnh Quảng Bình	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 45/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của TAND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
56	Bản án số 509/2024/HS-PT ngày 23/10/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của TAND tỉnh Quảng Ngãi	
57	Bản án số 522/2024/HS-PT ngày 28/10/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2024/HS-ST ngày 06/8/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk	
58	Bản án số 66/2024/HS-PT ngày 29/10/2024 của TAND tỉnh Vĩnh Long	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2024/HS-ST ngày 15/8/2024 của TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	
59	Bản án số 897/2024/HS-PT ngày 11/11/2024 của TAND cấp cao tại Hà Nội	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 05/6/2024 của TAND tỉnh Bắc Giang về hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
60	Bản án số 548/2024/HS-PT ngày 19/11/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của TAND tỉnh Quảng Trị về phần hình phạt	Do có tình tiết mới

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
		đối với bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	
61	Bản án số 71/2024/HS-PT ngày 27/11/2024 của TAND tỉnh Phú Thọ	Hủy một phần và sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Bích L theo hướng giảm nhẹ và cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 04/9/2024 của TAND huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Lý do hủy: Tại cấp phúc thẩm, bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố Lý do sửa: do có tình tiết mới
62	Bản án số 66/2024/HS-PT ngày 02/12/2024 của TAND tỉnh Trà Vinh	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 04/9/2024 của TAND TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	
63	Bản án số 08/2024/HS-PT ngày 19/12/2024 của TAQS Quân khu 7	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của TAQS khu vực Quân khu 7	
64	Bản án số 1147/2024/HS-PT ngày 26/12/2024 của TAND TP Hà Nội	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của TAND huyện T, TP Hà Nội	Do cấp sơ thẩm sai
65	Bản án số 05/2025/HS-PT ngày 06/01/2025 của TAND tỉnh Tiền Giang	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của TAND TP G, tỉnh Tiền Giang	
66	Bản án số 21/2025/HS-PT ngày 09/01/2025 của TAND cấp cao tại Hà Nội	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của TAND tỉnh Nam Định	
67	Bản án số 02/2025/HS-ST ngày 09/01/2025 của TAND tỉnh Vĩnh Long	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của TAND thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long về hình phạt theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
68	Bản án số 04/2025/HS-PT ngày 10/01/2025 của TAND tỉnh Thái Nguyên	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của TAND TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	
69	Bản án số 02/2025/HS-PT ngày15/01/2025 của TAND tỉnh Hà Giang	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của TAND huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
70	Bản án số 06/2025/HS-PT ngày 17/01/2025 của TAND tỉnh Vĩnh Long	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2024/HS-ST ngày 06/9/2024 của TAND huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	
71	Bản án số 84/2025/HS-PT ngày 23/01/2025 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HSST ngày 13/8/2024 của TAND tỉnh Phú Yên về phần hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
72	Bản án số 85/2025/HS-PT ngày 23/01/2025 của TAND cấp cao tại Hà Nội	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của TAND tỉnh Thái Nguyên	
73	Bản án số 23/2025/HS-PT ngày 23/01/2025 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của TAND tỉnh Phú Yên theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
74	Bản án số 21/2025/HS-PT ngày 10/2/2025 của TAND tỉnh Kiên Giang	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2024/HS-ST ngày 29/11/2024 của TAND huyện C, tỉnh Kiên Giang theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
75	Bản án số 19/2025/HS-PT ngày 12/02/2025 của TAND tỉnh Long An	Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 139/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của TAND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
76	Bản án số 21/2025/HS-PT ngày 13/02/2025 của TAND tỉnh Long An	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của TAND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	
77	Bản án số 10/2025/HS-PT ngày 20/2/2025 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Sửa bản án sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 07/11/2024 của TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa về hình phạt theo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
78	Bản án số 33/2025/HS-PT ngày 28/02/2025	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 224/2024/HS-ST	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
	của TAND tỉnh An Giang	ngày 31/12/2024 của TAND TP L, tỉnh An Giang	
79	Bản án số 06/2025/HS-PT ngày 05/3/2025 của TAND tỉnh Tuyên Quang	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của TAND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
80	Bản án số 31/2025/HS-PT ngày 07/3/2025 của TAND tỉnh Long An	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2024/HS-ST, ngày 30/9/2024 của TAND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	
81	Bản án số 170/2025/HS-PT ngày 07/3/2025 của TAND TP Hà Nội	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 276/2024/HS-ST ngày 06/11/2024 của TAND quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	
82	Bản án số 31/2025/HS-PT ngày 10/3/2025 của TAND TP Hải Phòng	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của TAND huyện An Lão, TP Hải Phòng về hình phạt	
83	Bản án số 28/2025/HS-PT ngày 13/3/2025 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HSST ngày 03/12/2024 của TAND huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa về hình phạt	
84	Bản án số 35/2025/HS-PT ngày 13/3/2025 của TAND tỉnh Long An	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2024/HS-ST ngày 23/12/2024 của TAND huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo hướng giảm hình phạt đối với bị cáo	Do có tình tiết mới
85	Bản án số 32/2025/HS-PT ngày 14/3/2025 của TAND tỉnh Nghệ An	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số113/2024/HS-ST ngày 31/10/2024 của TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	
86	Bản án số 19/2025/HS-PT ngày 17/3/2025 của TAND tỉnh Quảng Ninh	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2025/HS-ST ngày 29/11/2024 của TAND TP Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	
87	Bản án số 17A/2025/HS-PT ngày	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 08/01/2025 của TAND huyện	Do có tình tiết mới

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
	19/3/2025 của TAND tỉnh Hà Nam	L, tỉnh Hà Nam theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	
88	Bản án số 19/2025/HS-PT ngày 21/3/2025 của TAND tỉnh Hà Nam	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2024/HS-ST ngày 10/12/2024 của TAND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo	Do có tình tiết mới
89	Bản án số 43/2025/HSPT ngày 21/3/2025 của TAND tỉnh Bình Dương	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 294/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của TAND TP Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hướng cho bị cáo hưởng án treo	Do cấp sơ thẩm sai
90	Bản án số 49/2025/HS-PT ngày 26/3/2025 của TAND TP Hải Phòng	Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 231/2024/HS-ST ngày 02/12/2024 của TAND huyện An Dương, TP Hải Phòng	
91	Bản án số 33/2025/HS-PT ngày 26/3/2025 của TAND tỉnh LĐ	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2024/HS-ST ngày 02/12/2024 của TAND huyện D, tỉnh LĐ theo hướng tăng nặng hình phạt cho bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
92	Bản án số 41/2025/HS-PT ngày 26/3/2025 của TAND tỉnh Long An	Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 10/12/2024 của TAND huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An	Tại cấp phúc thẩm, các bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố
93	Bản án số 20/2025/HS-PT ngày 28/3/2025 của TAND tỉnh Đắk Nông	Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 16/12/2024 của TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông để điều tra lại	Do cấp sơ thẩm sai
94	Bản án số 29/2025/HS-PT ngày 28/3/2025 của TAND tỉnh Nam Định	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 26/12/2024 của TAND huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định về hình phạt	
95	Bản án số 48/2025/HS-PT ngày 28/3/2025 của TAND tỉnh Bình Dương	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 348/2024/HS-ST ngày 16/12/2024 của TAND TP T, tỉnh Bình Dương theo hướng tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
96	Bản án số 28/2025/HS-PT ngày 02/4/2025 của TAND tỉnh Cà Mau	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
		08/02/2025 của TAND huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	
97	Bản án số 21/2025/HS-PT ngày 04/4/2025 của TAND tỉnh Phú Thọ	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của TAND huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
98	Bản án số 20/2025/HS-PT ngày 04/04/2025 của TAND tỉnh Quảng Bình	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của TAND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
99	Bản án số 47/2025/HS-PT ngày 10/4/2025 của TAND tỉnh Thanh Hóa	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 26/12/2024 của TAND huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	
100	Bản án số 257/2025/HS-PT ngày 17/4/2025 của TAND TP HCM	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 23/12/2024 của TAND tỉnh An Giang	
101	Bản án số 204/2025/HS-PT ngày 22/4/2025 của TAND tỉnh Đồng Nai	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 575/2024/HS-ST ngày 28/10/2024 của TAND TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
102	Bản án số 07/2025/HS-PT1 ngày 25/4/2025 của Tòa Phúc thẩm 1, TAQS Trung ương	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 13/01/2025 của TAQS Quân khu 7	
103	Bản án số 44/2025/HS-PT ngày 28/4/2025 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 21/01/2025 của TAND TP B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
104	Bản án số 45/2025/HS-PT ngày 28/4/2025 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 10/01/2025 của TAND thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
105	Bản án số 14/2025/HS-PT ngày 29/4/2025 của TAND tỉnh Hà Giang	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của TAND huyện V, tỉnh Hà Giang	
106	Bản án số 65/2025/HS-PT ngày 09/5/2025 của TAND tỉnh Tây Ninh	Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày	

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
		24/02/2025 của TAND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	
107	Bản án số 45/2025/HS-PT ngày 22/5/2025 của TAND tỉnh Phú Yên	Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 08/01/2025 của TAND huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên về phần hình phạt	
108	Bản án số 76/2025/HS-PT ngày 22/5/2025 của TAND tỉnh Bình Thuận	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 của TAND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	
109	Bản án số 47/2025/HS-PT ngày 23/5/2025 của TAND tỉnh Phú Yên	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	
110	Bản án số 46/2025/HS-PT ngày 28/5/2025 của TAND tỉnh Nam Định	Sửa Bản án sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của TAND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo	Do có tình tiết mới
111	Bản án số 80/2025/HS-PT ngày 29/5/2025 của TAND tỉnh Bình Thuận	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của TAND huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Do có tình tiết mới
112	Bản án số 10/2025/HS-PT ngày 30/5/2025 của TAND tỉnh Gia Lai	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 12/3/2025 của TAND huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo hướng tăng nặng hình phạt của bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
113	Bản án số 284/2025/HS-PT ngày 02/6/2025 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 06/3/2025 của TAND tỉnh Phú Yên	
114	Bản án số 35/2025/HS-PT ngày 03/6/2025 của TAND tỉnh Vĩnh Long	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 13/3/2025 của TAND TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long về quyết định hình phạt	
115	Bản án số 37/2025/HS-PT ngày 12/6/2025 của TAND tỉnh Quảng Bình	Hủy bản án sơ thẩm số 17/2025/TLPT-HS ngày 27/3/2025 của TAND huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Tại cấp phúc thẩm, bị hại có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo.

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
116	Bản án số 64/2025/HS-PT ngày 12/6/2025 của TAND tỉnh Khánh Hòa	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của TAND thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	
117	Bản án số 526/2025/HS-PT ngày 13/6/2025 của TAND TP Hà Nội	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo	Do cấp sơ thẩm sai
118	Bản án số 535/2025/HS-PT ngày 16/6/2025 của TAND TP Hà Nội	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 213/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của TAND quận Thanh Xuân, TP Hà Nội về hình phạt theo hướng tăng mức hình phạt	Do cấp sơ thẩm sai
119	Bản án số 61/2025/HS-PT ngày 16/6/2025 của TAND tỉnh Hậu Giang	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 13/02/2025 của TAND TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang về hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt	Do có tình tiết mới
120	Bản án số 108/2025/HS-PT ngày 18/6/2025 của TAND tỉnh Bình Dương	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 27/3/2025 của TAND TP Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do cấp sơ thẩm sai
121	Bản án số 341/2025/HS-PT ngày 18/6/2025 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 24/4/2025 của TAND tỉnh Phú Yên về phần hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
122	Bản án số 84/2025/HS-PT ngày 20/6/2025 của TAND tỉnh Long An	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của TAND TP Tân An, tỉnh Long An theo hướng giảm hình phạt đối với bị cáo	Do có tình tiết mới
123	Bản án số 116/2025/HS-PT ngày 23/6/2025 của TAND tỉnh Tiền Giang	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2026/HS-ST ngày 18/3/2025 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	
124	Bản án số 69/2025/HS-PT ngày 24/6/2025 của TAQS tỉnh Hải Dương	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của TAND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Do có tình tiết mới

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
125	Bản án số 83/2025/HS-PT ngày 24/6/2025 của TAND tỉnh Bắc Giang	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-sT ngày 21/02/2025 của TAND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	
126	Bản án số 44/2025/HS-PT ngày 24/6/2025 của TAND tỉnh Ninh Thuận	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-St ngày 28/3/2025 của TAND huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận về hình phạt theo hướng tăng nặng	Do cấp sơ thẩm sai
127	Bản án số 72/2025/HS-PT ngày 25/6/2025 của TAND tỉnh Sóc Trăng	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của TAND TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	
128	Bản án số 13/2025/HS-PT ngày 26/6/2025 của TAND tỉnh Yên Bái	Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của TAND huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Tại cấp phúc thẩm, bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố
129	Bản án số 86/2025/HS-PT ngày 26/6/2025 của TAND tỉnh Long An	Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 14/02/2025 của TAND huyện Bến Lức, tỉnh Long An để điều tra lại	Do cấp sơ thẩm sai
130	Bản án số 88/2025/HS-PT ngày 26/6/2025 của TAND tỉnh Long An	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của TAND huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo hướng giảm hình phạt đối với bị cáo	Do có tình tiết mới
131	Bản án số 263/2025/HS-PT ngày 27/6/2025 của TAND TP Hồ Chí Minh	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 04/4/2025 của TAND huyện N, TP Hồ Chí Minh	
132	Bản án số 29/2025/HS-PT ngày 27/6/2025 của TAND tỉnh Hòa Bình	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 08/4/2025 của TAND huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
133	Bản án số 311/2025/HS-PT ngày 30/6/2025 của TAND tỉnh Đồng Nai	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của TAND huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo hướng không cho hưởng án treo	Do cấp sơ thẩm sai
134	Bản án số 312/2025/HS-PT ngày	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2025/HS-ST ngày	Do có tình tiết mới

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
	30/6/2025 của TAND tỉnh Đồng Nai	13/3/2025 của TAND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo hướng giảm hình phạt	
135	Bản án số 19/2025/HS-PT ngày 09/7/2025 của TAND tỉnh Gia Lai	Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của TAND huyện Phù Cát theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo	Do có tình tiết mới
136	Bản án số 123/2025/HS-PT ngày 16/7/2025 của TAND TP Đà Nẵng	Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của tAND huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	
137	Bản án số 651/2025/HS-PT ngày 18/7/2025 của TAND TP Hà Nội	Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HSST ngày 21/2/2025 của TAND huyện Thường Tín, TP Hà Nội	
138	Bản án số 84/2025/HS-PT ngày 19/7/2025 của TAND tỉnh Khánh Hòa	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số16/2025/HS-ST ngày 16/4/2025 của TAND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (nay là TAND khu vực 6, tỉnh Khánh Hòa)	
139	Bản án số 77/2025/HS-PT ngày 28/7/2025 của TAND TP Cần Thơ	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 09/4/2025 của TAND huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là TAND khu vực 12, TP Cần Thơ)	
140	Bản án số 177/2025/HS-PT ngày 07/8/2025 của TAND tỉnh Đắk Lắk	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo	Do có tình tiết mới
141	Bản án số 55/2025/HS-PT ngày 11/8/2025 của TAND tỉnh Phú Thọ	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 28/4/2025 của TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ về hình phạt theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo	Do có tình tiết mới
142	Bản án số 96/2025/HS-PT ngày 14/8/2025 của TAND tỉnh Khánh Hòa	Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 08/4/2025 của TAND huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (Nay là TAND khu vực 8, Khánh Hòa)	Do cấp sơ thẩm sai

STT	Bản án	Quyết định của HĐXX	Nguyên nhân
143	Bản án số 64/2025/HS-PT ngày 20/8/2025 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2025/HS-ST ngày 08/5/2025 của TAND TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	
144	Bản án số 120/2025/HS-PT ngày 25/8/2025 của TAND TP Cần Thơ	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của TAND huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là TAND khu vực 11, TP Cần Thơ)	
145	Bản án số 91/2025/HS-PT ngày 25/8/2025 của TAND tỉnh Thái Nguyên	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 06/6/2025 của TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên về hình phạt theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo	Do có tình tiết mới
146	Bản án số 104/2025/HS-PT ngày 08/9/2025 của TAND tỉnh Quảng Ngãi	Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 12/5/2025 của TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, cho bị cáo được hưởng án treo	Do có tình tiết mới
147	Bản án số 111/2025/HS-PT ngày 10/9/2025 của TAND tỉnh Cà mau	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 19/6/2025 của TAND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
148	Bản án số 66/2025/HS-PT ngày 11/9/2025 của TAND tỉnh Gia Lai	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 19/6/2025 của TAND thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là TAND khu vực 6, tỉnh Gia Lai)	
149	Bản án số 87/2025/HS-PT ngày 15/9/2025 của TAND tỉnh Bắc Ninh	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2025/HS-ST ngày 24/6/2025 của TAND khu vực 6, tỉnh Bắc Ninh	
150	Bản án số 149/2025/HS-PT ngày 17/9/2025 của TAND tỉnh Tây Ninh	Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của TAND huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An	

Phụ lục 4

DANH MỤC BẢN ÁN SƠ THẨM ĐƯỢC KHẢO SÁT ĐỂ ĐÁNH GIÁ VỀ QUAN ĐIỂM CỦA VIỆN KIỂM SÁT VÀ TÒA ÁN KHI GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
1	Bản án số 41/2018/HS-ST ngày 22/6/20218 của TAND huyện CM, tỉnh Bắc Kạn	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
2	Bản án số 12/2018/HSST ngày 10/10/2018 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
3	Bản án số 196/2018/HSST ngày 19/11/2018 của TAND huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
4	Bản án số 12/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
5	Bản án số 18/2018/HSST ngày 22/8/2018 của TAN thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
6	Bản án số 71/2018/HSST ngày 22/11/2018 của TAND huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
7	Bản án số 41/2018/HS-ST ngày 17/12/2018 của TAND huyện Đăk Hà tỉnh Kon Tum	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
8	Bản án số 04/2018/HS-ST ngày 06/3/2018 của TAND huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
9	Bản án số 13/2018/HSST ngày 28/12/2018 của TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
10	Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 16/7/2019 của tAND huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	điểm d khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
11	Bản án số 213/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của TAND TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
12	Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của TAND thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
13	Bản án số 171/2019/HSST ngày 10/10/2019 của TAND Quận 12, TP Hồ Chí Minh	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
14	Bản án số 30/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của TAND huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
15	Bản án số 76/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của TAND Quận 3, TP Hồ Chí Minh	điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
16	Bản án số 145/2019/HSST ngày 30/7/2019 của TAND quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
17	Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của TAND huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
18	Bản án số 58/2019/HSST ngày 24/10/2019 của TAND huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
19	Bản án số 42/2020/HS-ST ngày 29/12/2020 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
20	Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của TAND huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	điểm a, d khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
21	Bản án số 74/2020/HS-ST ngày 13/10/2020 của TAND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
22	Bản án số 129/2020/HS-ST ngày 02/12/2020 của TAND huyện Tuy Phong, tỉnh BÌnh Thuận	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
23	Bản án số 79/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của TAND huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
24	Bản án số 27/2020/HSST ngày 13/5/2020 của TAND huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
25	Bản án số 173/2020/HS-ST ngày 29/10/2020 của TAND huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
26	Bản án số 06/2021/HS-ST ngày 15/3/2021 của tAND huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
27	Bản án số 160/2021/HS-ST ngày 29/9/2021 của TAND TP Hải Phòng	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
28	Bản án số 86/2021/HSST ngày 22/3/2021 của TAND TP Hồ Chí Minh	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
29	Bản án số 29/2021/HS-PT ngày 30/8/2021 của TAND tỉnh Tuyên Quang	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
30	Bản án số 126/2021/HSST ngày 28/7/2021 của TAND tỉnh Thanh Hoá	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
31	Bản án số 23/2021/HS-ST ngày 13/5/2021 của TAND tỉnh Thái Bình	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
32	Bản án số 83/2022/HSST ngày 23/11/2022 của TAND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
33	Bản án số 161/2022/HSST ngày 12/12/2022 của TAND tỉnh Quảng Ninh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
34	Bản án số 115/2022/HSST ngày 22/11/2022 của TAND tỉnh Gia Lai	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
35	Bản án số 82/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của TAND TP Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
36	Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 04/8/2022 của TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
37	Bản án số 257/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của TAND TP Hà Nội	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
38	Bản án số 36/2022/HS-ST ngày 28/7/2022 của TAND tỉnh Hà Giang	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
39	Bản án số 05/2022/HS-ST ngày 21/4/2022 của TAND tỉnh Bạc Liêu	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
40	Bản án số 07/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của TAND tỉnh Quảng Ninh	điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
41	Bản án số 130/2022/HS-ST ngày 16/8/2022 của TAND thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
42	Bản án số 45/2023/HS-ST ngày 14/12/2023 của TAND huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
43	Bản án số 13/2023/HS-ST ngày 04/8/2023 của TAND huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
44	Bản án số 89/2023/HSST ngày 28/9/2023 của TAND huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
45	Bản án số 191/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của TAND TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
46	Bản án số 135/2023/HSST ngày 27/11/2023 của TAND TP Đà Nẵng	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
47	Bản án số 65/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của TAND huyện Nho Quan	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
48	Bản án số 174/2023/HS-ST ngày 21/11/2023 của TAND Quận 1, TP Hồ Chí Minh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
49	Bản án số 85/2023/HS-ST ngày 19/12/2023 của TAND huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
50	Bản án số 279/2023/HSST ngày 24/10/2023 của TAND quận Long Biên, TP Hà Nội	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan diểm của VKS	
51	Bản án số 04/2024/HSST ngày 26/01/2024 của TAND huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
52	Bản án số 100/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	điểm a khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
53	Bản án số 03/2024/HS-ST ngày 15/3/2024 của TAQS khu vực Quân khu 3	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
54	Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 11/4/2024 của TAQS khu vực Quân khu 7	điểm a khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
55	Bản án số 07/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của TAQS khu vực Quân khu 2	điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
56	Bản án số 118/2024/HS-ST ngày 15/8/2024 của TAND Quận 7, TP Hồ Chí Minh	điểm c khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
57	Bản án số 66/2024/HS-ST ngày 30/8/2024 của TAND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
58	Bản án số 212/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của TAND quận Long Biên, TP Hà Nội	điểm a, c khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
59	Bản án số 24/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của TAQS khu vực Quân khu 7	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
60	Bản án số 234/2024/HS-ST ngày 22/10/2024 của TAND quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
61	Bản án số 210/2024/HS-ST ngày 05/11/2024 của TAND quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	điểm d khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
62	Bản án số 29/2024/HS-ST ngày 12/11/2024 của TAND huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
63	Bản án số 70/2024/HS-ST ngày 15/11/2024 của TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	điểm c khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
64	Bản án số 21/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của TAND huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
65	Bản án số 60/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của TAND huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
66	Bản án số 76/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của TAND TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
67	Bản án số 33/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của TAND huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
68	Bản án số 131/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của TAND huyện Bến Lức, tỉnh Long An	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
69	Bản án số 260/2024/HS-ST ngày 30/12/2024 của TAND quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
70	Bản án số 74/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của TAND huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
71	Bản án số 02/2025/HS-ST ngày 06/01/2025 của TAQS khu vực Quân khu 3	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
72	Bản án số 09/2024/HS-ST ngày 09/01/2025 của TAND TP Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
73	Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 10/01/2025 của TAND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
74	Bản án số 05/2025/HS-ST ngày 13/01/2025 của TAND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
75	Bản án số 05/2025/HS-ST ngày 13/01/2025 của TAND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
76	Bản án số 02/2025/HS-ST ngày 16/01/2025 của TAQS khu vực Quân khu 4	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
77	Bản án số 17/2025/HS-ST ngày 20/01/2025 của TAND quận Long Biên, TP Hà Nội	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
78	Bản án số 05/2025/HS-ST ngày 21/01/2025 của TAND huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
79	Bản án số 07/2025/HS-ST ngày 22/01/2025 của TAND huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	điểm a, k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
80	Bản án số 32/2025/HS-ST ngày 23/01/2025 của TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
81	Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 12/02/2025 của TAND huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Bị cáo Huỳnh M, Lê Văn Tr: điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 Bị cáo Phạm Hồng Q: điểm d, đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
82	Bản án số 20/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của TAND TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
83	Bản án số 28/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của TAND huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
84	Bản án số 07/2025/HS-ST ngày 19/02/2025 của TAND huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	điểm a, k khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
85	Bản án số 09/2025/HS-ST ngày 19/02/2025 của TAND thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
86	Bản án số 09/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 của TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	điểm c khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
87	Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 24/02/2025 của TAND quận Ba Đình, TP Hà Nội	Bị cáo H: điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 Bị cáo T1: điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
88	Bản án số 11/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
	TAND huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh			
89	Bản án số 20/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của TAND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	điểm a khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
90	Bản án số 13/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
91	Bản án số 16/2025/HS-ST ngày 26/2/2025 của TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
92	Bản án số 19/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
93	Bản án số 05/2025/HS-ST ngày 27/02/2025 của TAND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
94	Bản án số 17/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
95	Bản án số 30/2025/HS-ST ngày 03/3/2025 của TAND TP Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
96	Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Long An	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
97	Bản án số 07/2025/HS-ST ngày 05/3/2025 của TAND thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận	điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
98	Bản án số 14/2025/HS-ST ngày 05/3/2025 của TAND huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	điểm d khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
99	Bản án số 11/2025/HS-ST ngày 07/3/2025 của TAND thị xã KT, tỉnh Long An	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
100	Bản án số 43/2025/HS-ST ngày 07/3/2025 của TAND TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
101	Bản án số 107/2025/HS-ST ngày 07/3/2025 của TAND TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
102	Bản án số 42/2025/HS-ST ngày 11/3/2025 của TAND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
103	Bản án số 45/2025/HS-ST ngày 12/3/2025 của TAND TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
104	Bản án số 27/2025/HS-ST ngày 13/3/2025 của TAND quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
105	Bản án số 12/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của TAND huyện K, tỉnh Đắk Lắk	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
106	Bản án số 29/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của TAND quân Ô Môn, TP Cần Thơ	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
107	Bản án số 129/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của TAND TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
108	Bản án số 31/2025/HS-ST ngày 19/3/2025 của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
109	Bản án số 19/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
110	Bản án số 20/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của TAND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
111	Bản án số 29/2025/HS-ST ngày 21/3/2025 của TAND huyện CM, tỉnh An Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
112	Bản án số 30/2025/HS-ST ngày 25/3/2025 của TAND huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
113	Bản án số 31/2025/HS-ST ngày 25/3/2025 của TAND huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
114	Bản án số 95/2025/HS-ST ngày 17/4/2025 của TAND TP N, tỉnh Khánh Hòa	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
115	Bản án số 36/2025/HS-ST ngày 21/4/2025 của TAND TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
116	Bản án số 116/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của TAND Quận 12, TP Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Đ, Trần Quốc T: điểm d khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
117	Bản án số 13/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của TAND huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	điểm a khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Khác quan điểm về áp dụng tình tiết "Có tính chất côn đồ"
118	Bản án số 53/2025/HS-ST ngày 05/5/2025 của TAND TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
119	Bản án số 10/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của TAQS khu vực Quân khu 9	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
120	Bản án số 17/2025/HS-ST ngày 12/5/2025 của TAND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
121	Bản án số 31/2025/HS-ST ngày 20/5/2025 của TAND huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh	khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
122	Bản án số 27/2025/HS-ST ngày 22/5/2025 của TAND thị xã Hương Trà, TP Huế	điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
123	Bản án số 80/2025/HS-ST ngày 24/5/2025 của TAND huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
124	Bản án số 60/2025/HS-ST ngày 26/5/2025 của tAND TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
125	Bản án số 12/2025/HS-ST ngày 27/5/2025 của TAND huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
126	Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của TAND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
127	Bản án số 134/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của TAND quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
128	Bản án số 49/2025/HS-ST ngày 17/6/2025 của TAND huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Hoàng Đạt C: điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 Nguyễn Văn H: điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Hoàng Đạt C: Thống nhất với quan điểm của VKS Nguyễn Văn H: đình chỉ xét xử do bị hại rút yêu cầu khởi tố	
129	Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 17/6/2025 của TAQS Khu vực 2 Quân khu 5	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
130	Bản án số 67/2025/HS-ST ngày 24/6/2025 của TAND huyện HTN, tỉnh Bình Thuận	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
131	Bản án số 22/2025/HS-ST ngày 25/6/2025 của TAND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
132	Bản án số 52/2025/HS-ST ngày 25/6/2025 của TAND	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
	quận Cái Răng, TP Cần Thơ			
133	Bản án số 07/2025/HS-ST ngày 17/7/2025 của TAND khu vực 13, tỉnh An Giang	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
134	Bản án số 04/2025/HS-ST ngày 18/7/2025 của TAND khu vực 18, TP Hồ Chí Minh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
135	Bản án số 01/2025/HS-ST ngày 21/7/2025 của TAND khu vực 2 tỉnh Quảng Trị	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
136	Bản án số 06/2025/HS-ST ngày 21/7/2025 của TAND khu vực 7, tỉnh Hưng Yên	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
137	Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của TAND khu vực 13, tỉnh Đắk Lắk	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
138	Bản án số 04/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của TAND khu vực 5, tỉnh Đồng Nai	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
139	Bản án số 17/2025/HS-ST ngày 08/8/2025 của TAND khu vực 1, tỉnh Cà Mau	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
140	Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 12/8/2025 của TAND khu vực 4, Quảng Ninh	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
141	Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 14/8/2025 của TAND khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
142	Bản án số 20/2025/HS-ST ngày 14/8/2025 của TAND khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp	điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
143	Bản án số 31/2025/HS-ST ngày 14/8/2025 của TAND khu vực 5, TP Đà Nẵng	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
144	Bản án số 14/2025/HS-ST ngày 18/8/2025 của TAND khu vực 9, TP Cần Thơ	điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
145	Bản án số 09/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của TAND khu vực 8, tỉnh Vĩnh Long	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

STT	Bản án	Quan điểm của Viện kiểm sát	Quyết định của Hội đồng xét xử	Ghi chú
146	Bản án số 70/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của TAND khu vực 10, TP Hồ Chí Minh	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
147	Bản án số 09/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của TAND khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
148	Bản án số 48/2025/HS-ST ngày 25/8/2025 của TAND khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
149	Bản án số 06/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của TAND khu vực 6, tỉnh Nghệ An	điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	
150	Bản án số 08/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của TAND khu vực 10, tỉnh Gia Lai	điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015	Thống nhất với quan điểm của VKS	

Phụ lục 5

DANH MỤC BẢN ÁN XÉT XỬ VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC CÓ ÁP DỤNG ÁN LỆ

STT	Bản án	Án lệ được áp dụng	Nhận định của HĐXX
1	Bản án số 60/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của TAND TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Án lệ số 17/2018/AL về tình tiết "Có tính chất côn đồ" trong tội "Giết người" có đồng phạm	…Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống giữa bị cáo và bị hại, bị cáo đã dùng dao nhọn là hung khí nguy hiểm đâm một nhát thẳng vào bụng, là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại…Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", … với 02 tình tiết định khung "Dùng hung khí nguy hiểm", "Có tính chất côn đồ"
2	Bản án số 12/2022/HS-ST ngày 16/02/2022 của TAND huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Án lệ số 17/2018/AL về tình tiết "Có tính chất côn đồ" trong tội "Giết người" có đồng phạm	…Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt nhất thời trong việc uống rượu bia, khi ông T có hành vi khiêu khích bị cáo đã dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém ông T liên tiếp 02 cái vào vùng cổ, tai, cẳng tay… thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật...
3	Bản án số 62/2022/HS-ST ngày 31/3/2022 của TAND TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Án lệ 01/2016/AL Quyết định giám đốc thẩm số 04/2014/HS-GĐT ngày 16-4-2014 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về vụ án "Giết người" đối với bị cáo: Đồng Xuân Phương	Xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong Án lệ số 01/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua… Do bị nhóm người trong quán karaoke MH truy đuổi, trong khi bị hại T đang cố giữ bị cáo lại nên bị cáo đâm 01 nhát trúng vào đùi của bị hại nhằm mục đích thoát thân, không có ý định tước đoạt mạng sống của bị hại, việc bị hại chết là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo.
4	Bản án số 308/2022/HS-PT ngày 22/7/2022 của TAND TP Hồ Chí Minh	Án lệ số 47/2021/AL về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại	Bị cáo dùng dao (loại dao chặt thịt) là hung khí nguy hiểm và chém vào đầu, cổ, vai của bị hại là những vị trí trọng yếu trên cơ thể, có khả năng làm người bị hại tử vong nhưng vẫn thực hiện. Việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Nên hành vi của bị cáo theo như mô tả trong án lệ là có dấu hiệu cấu thành tội "Giết

STT	Bản án	Án lệ được áp dụng	Nhận định của HĐXX
			người", thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là không đúng về tội danh.
5	Bản án số 53/2022/HS-PT ngày 22/11/2022 của TAND tỉnh Hòa Bình	Án lệ số 47/2021/AL về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại	Bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng bụng của bị hại là vùng trọng yếu trên cơ thể con người. Cấp sơ thẩm xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" là chưa đánh giá đúng hành vi khách quan.
6	Bản án số 136/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của TAND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai	Án lệ số 17/2018/AL về tình tiết "Có tính chất côn đồ" trong tội "Giết người" có đồng phạm	… Bị cáo T và bị hại hoàn toàn không có mâu thuẫn nhưng chỉ vì bực tức chuyện sửa xe, bị cáo T đã có hành vi ngang ngược càn quấy, tham gia đánh người bị hại… Việc xác định bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ theo điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS là phù hợp với Án lệ số 17/2018/AL…
7	Bản án số 42/20225/HS-PT ngày 14/6/2024 của TAND tỉnh Ninh Thuận	Án lệ số 59/2023/AL về lỗi cố ý gián tiếp trong vụ án "Giết người"	...Thương tích của anh Nguyễn Đức H1 là hậu quả gián tiếp của hành vi cố ý đuổi đánh, tông vào đuôi xe mô tô của anh H1 làm cho anh H1 ngã xuống, chân bên phải mắc vào bánh xe và bị kéo lê theo xe. Các bị cáo trong vụ án này phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả đối với thương tích của bị hại Nguyễn Đức H1 với lỗi cố ý gián tiếp như Án lệ số 59/2023/AL…
8	Bản án số 72/2024/HS-PT ngày 25/9/2024 của TAND tỉnh Đắk Nông	Án lệ số 47/2021/AL về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại	Hành vi của các bị cáo tấn công một cách quyết liệt, hung hãn và côn đồ, nhiều người tấn công một người, theo Án lệ số 47/2021/AL… và Công văn 100/TANDTC-PC về việc áp dụng Án lệ số 47/2021/AL… thì hành vi gây thương tích cho Nguyễn Đình H10 nếu không cấp cứu kịp thời có ảnh hưởng đến tính mạng hay không? Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm trưng cầu giám định và chưa điều tra làm rõ để xác định đúng tội danh đối với các bị cáo... Vì vậy, xét thấy cần huỷ một phần Bản án hình sự

STT	Bản án	Án lệ được áp dụng	Nhận định của HĐXX
			sơ thẩm về tội "cố ý gây thương tích" để xác định tội danh, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự... Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 13-6-2024 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil đối với hành vi của các bị cáo bị xét xử về tội "Cố ý gây thương tích". Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 6

ĐIỀU 134 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 SAU KHI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

"**Điều 134. Tội cố ý gây *tổn thương cơ thể***

1. Người nào cố ý gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của *01* người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

b) Dùng hóa chất nguy hiểm;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

đ) Có tổ chức;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

g) Trong thời gian đang bị giữ, tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù, đang chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

h) Thuê gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do được thuê;

i) Có tính chất côn đồ;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của *01* người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà *tổng* tỷ lệ tổn thương cơ thể của *những người này từ 22% đến 60%*;

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của *01* người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của *01* người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà *tổng* tỷ lệ tổn thương cơ thể của *những người này từ 61% đến 121%*;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của *01* người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà *tổng* tỷ lệ tổn thương cơ thể của *những người này từ 22% đến 60%* nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết *01* người;

b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà *tổng* tỷ lệ tổn thương cơ thể của *những người này từ 122%* trở lên;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà *tổng* tỷ lệ tổn thương cơ thể của *những người này từ 61% đến 121%* nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà *tổng* tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”